

**BỘ TƯ PHÁP  
VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ**

**Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN  
CỦA VIỆC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ ĐỐI VỚI  
CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI**

**SỐ ĐĂNG KÝ: 2000-58-143**

**HÀ NỘI – 2002**

4980

41/11/04

## **BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:**

- Chủ nhiệm đề tài:
  - + Tiến sỹ Hoàng Phước Hiệp – Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp
- Phó chủ nhiệm đề tài:
  - + Tiến sỹ Hồ Phong Tư – Vụ trưởng Vụ Pháp chế – Văn phòng Chủ tịch nước
  - + Cử nhân, Chuyên viên chính Hoa Hữu Long - Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp
- Thư ký đề tài:
  - + Thạc sỹ Cao Xuân Phong – Viện nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp
  - + Cử nhân Dương Thị Ngọc Chiến - Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp

## **CỘNG TÁC NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI**

1. Văn phòng Chủ tịch nước
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3. Bộ Tài chính
4. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
5. Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Hà Nội – Việt Nam
6. Văn phòng Ngân hàng Phát triển Châu Á tại Hà Nội – Việt Nam
7. Văn phòng Ngân hàng phát triển quốc tế Nhật bản tại Hà Nội – Việt Nam

## **HỆ CHUYÊN ĐỀ VÀ CÁC CỘNG TÁC VIÊN**

**Chuyên đề 1.** Câu lạc bộ Paris và một số vấn đề pháp lý về giãn nợ Chính phủ – Tiến sỹ Hoàng Phước Hiệp - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp

**Chuyên đề 2.** Các vấn đề pháp lý trong cơ cấu nợ qua Câu lạc bộ Luân-đôn - Tiến sỹ Hoàng Phước Hiệp - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp

**Chuyên đề 3.** Xử lý nợ thương mại của Việt Nam qua Câu lạc bộ Luân-đôn và các ý kiến pháp lý liên quan - Cử nhân, Chuyên viên chính Hoa Hữu Long - Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp

**Chuyên đề 4.** Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các thoả thuận vay vốn và các hồ sơ, tài liệu dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Tiến sỹ Hoàng Phước Hiệp - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp

**Chuyên đề 5.** Cơ sở lý luận và thực tiễn để cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại nước ngoài – Ngô Quốc Kỳ – Trưởng phòng Pháp chế, Nguyễn Hồng Vân – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

**Chuyên đề 6.** Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc ý kiến pháp lý cho các khoản vay do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ – Hoàng Thị Hạnh - Phòng ADB – Vụ quan hệ quốc tế – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**Chuyên đề 7.** Một số suy nghĩ về đàm phán, ký kết, phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước - Tiến sỹ Hồ Phong Tư – Vụ trưởng Vụ Pháp chế, thạc sỹ Bùi Thị Keng - Văn phòng Chủ tịch nước

**Chuyên đề 8.** Một số vấn đề lý luận để soạn thảo Thông tư cấp ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các khoản vay nước ngoài – Cử nhân Dương Thị Ngọc Chiến - Vụ Pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế – Bộ Tư pháp

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                            |              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>Phân I. Mở đầu .....</b>                                                                                                                                | <b>4</b>     |
| <b>I. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu Đề tài .....</b>                                                                                                  | <b>5</b>     |
| <b>II. Tình hình nghiên cứu Đề tài.....</b>                                                                                                                | <b>6</b>     |
| 1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước.....                                                                                                                    | 6            |
| 2. Tình hình nghiên cứu trong nước .....                                                                                                                   | 6            |
| <b>III. Mục tiêu, phương pháp nghiên cứu Đề tài .....</b>                                                                                                  | <b>7</b>     |
| 1. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài .....                                                                                                                    | 7            |
| 2. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng.....                                                                                                          | 7            |
| <b>IV. Nội dung nghiên cứu chính của Đề tài.....</b>                                                                                                       | <b>7</b>     |
| <br><b>Phân II. Báo cáo phức trình .....</b>                                                                                                               | <br><b>9</b> |
| 1. Một số vấn đề lý luận về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và xử lý nợ quốc gia .....                                                                  | 10           |
| 1.1 Một số vấn đề lý luận chung về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức .....                                                                                | 10           |
| 1.2. Một số vấn đề pháp lý về xử lý nợ quốc gia .....                                                                                                      | 42           |
| 2. Một số vấn đề pháp lý về xử lý qua Câu lạc bộ Paris và Câu lạc bộ Luân-đôn.....                                                                         | 49           |
| 3. Cơ sở lý luận và thực tiễn tổng quát về việc cấp ý kiến pháp lý đối với các khoản vay vốn nước ngoài.....                                               | 75           |
| 3.1. Quan niệm chung về ý kiến pháp lý .....                                                                                                               | 75           |
| 3.2. Một số vấn đề thực tiễn đặt ra đối với quá trình chuẩn bị ý kiến pháp lý.....                                                                         | 77           |
| 3.3. Một số vấn đề đặt ra cần khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý: .....                                                                               | 84           |
| 3.4. Phần kết thúc văn bản ý kiến pháp lý: .....                                                                                                           | 86           |
| 3.5. Vấn đề bảo lãnh và bảo đảm an toàn .....                                                                                                              | 87           |
| 4. Một số vấn đề cụ thể trong việc cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay vốn của tổ chức tài chính quốc tế, vay vốn thương mại và xử lý nợ thương mại ..... | 89           |

|                                                                                                |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.1 Ý kiến pháp lý cho các dự án có sử dụng vốn của các Tổ chức tài chính quốc tế.....         | 89  |
| 4.2. Ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại nước ngoài.....                               | 101 |
| 4.3. Ý kiến pháp lý cho các hồ sơ, tài liệu xử lý nợ của Việt Nam qua Câu lạc bộ Luân-đôn..... | 112 |
| Một số kiến nghị thay lời kết luận.....                                                        | 120 |

|                                                                                                                                                                           |            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Phần III. Hệ chuyên đề.....</b>                                                                                                                                        | <b>123</b> |
| Chuyên đề 1.....                                                                                                                                                          | 124        |
| Câu lạc bộ Paris và một số vấn đề pháp lý về giãn nợ Chính phủ.....                                                                                                       | 124        |
| Chuyên đề 2.....                                                                                                                                                          | 159        |
| Một số vấn đề pháp lý trong cơ cấu nợ qua CLB London.....                                                                                                                 | 159        |
| Chuyên đề 3.....                                                                                                                                                          | 173        |
| Xử lý nợ thương mại của Việt nam qua Câu Lạc Bộ London và các ý kiến pháp lý liên quan.....                                                                               | 173        |
| Chuyên đề 4.....                                                                                                                                                          | 187        |
| Một số vấn đề lý luận và thực tiễn việc cấp ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các thoả thuận vay vốn và các hồ sơ tài liệu dự án đầu tư nước ngoài tại việt nam ..... | 187        |
| Chuyên đề 5.....                                                                                                                                                          | 204        |
| Cơ sở lý luận và thực tiễn để cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại nước ngoài. ....                                                                            | 204        |
| Chuyên đề 6.....                                                                                                                                                          | 218        |
| Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay do ngân hàng phát triển châu á tài trợ .....                                                     | 218        |
| Chuyên đề 7.....                                                                                                                                                          | 235        |
| Một số suy nghĩ về đàm phán, ký kết, phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước .....                                                                                  | 235        |
| Chuyên đề 8.....                                                                                                                                                          | 245        |
| Một số vấn đề lý luận để soạn thảo Thông tư cấp ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các khoản vay nước ngoài.....                                                       | 245        |

|                                                                                        |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Phần IV. Các Phụ lục .....</b>                                                      | <b>257</b> |
| <i>Phụ lục 1 .....</i>                                                                 | <i>258</i> |
| <i>Khoản vay giảm nghèo và tăng trưởng của IMF (PRGF).....</i>                         | <i>258</i> |
| <i>Phụ lục 2 .....</i>                                                                 | <i>266</i> |
| <i>Sáng kiến nợ cho những nước mắc nợ chồng chất.....</i>                              | <i>266</i> |
| <i>Phụ lục 3 .....</i>                                                                 | <i>280</i> |
| <i>Nợ xấu tồn đọng và vấn đề xử lý tại các Ngân hàng thương mại<br/>Việt Nam .....</i> | <i>280</i> |
| <i>Phụ lục 4 .....</i>                                                                 | <i>285</i> |
| <i>Phụ lục 5 .....</i>                                                                 | <i>289</i> |
| <i>Phụ lục 6 .....</i>                                                                 | <i>292</i> |
| <i>Phụ lục 7 .....</i>                                                                 | <i>294</i> |
| <i>Phụ lục 8 .....</i>                                                                 | <i>296</i> |

## PHẦN I. MỞ ĐẦU

|                                                           |   |
|-----------------------------------------------------------|---|
| <u>I. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu Đề tài</u> ..... | 5 |
| <u>II. Tình hình nghiên cứu Đề tài</u> .....              | 6 |
| <u>1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước</u> .....           | 6 |
| <u>2. Tình hình nghiên cứu trong nước</u> .....           | 6 |
| <u>III. Mục tiêu, phương pháp nghiên cứu Đề tài</u> ..... | 7 |
| <u>1. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài</u> .....            | 7 |
| <u>2. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng</u> ..... | 7 |
| <u>IV. Nội dung nghiên cứu chính của Đề tài</u> .....     | 7 |

## PHẦN I. MỞ ĐẦU

### I. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu Đề tài

Vay vốn nước ngoài theo nhiều hình thức khác nhau đã xuất hiện từ nhiều năm trước đây và đặc biệt đẩy mạnh sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nhờ vốn nước ngoài mà một số nền kinh tế đã có những bước phát triển to lớn, đặc biệt là Nhật Bản, Nam Triều Tiên và Đài Loan. Tuy vậy, vay vốn nước ngoài cũng dẫn đến tình trạng nợ chồng chất của nhiều nước. Cộng đồng tài chính quốc tế cũng đã tìm ra được các giải pháp khác nhau về vấn đề này, nhất là thiết lập ra được các thiết chế xử lý nợ khác nhau, trong đó đáng chú ý là Câu lạc bộ Paris và Câu lạc bộ Luân-đôn. Các giải pháp đa phương của WB, IMF... cũng được nhiều nước quan tâm. Các vấn đề pháp lý, đặc biệt là vấn đề cấp phát hành Ý kiến pháp lý đối với các Thoả thuận, tài liệu vay vốn luôn được đặt ra nghiên cứu cẩn thận.

Việc vay vốn nước ngoài đối với Việt nam không phải là vấn đề mới. Ngay sau khi thành lập (9.1945), nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Nhà nước ta đã tiếp nhận nguồn vốn rất lớn từ các nước XHCN anh em và các nước bè bạn khác. Vấn đề vay vốn nước ngoài trong phạm vi Khối SEV đã được đặt ra theo những nguyên tắc, thông lệ tài chính tín dụng quốc tế.

Thực hiện công cuộc đổi mới (1986) chúng ta đã mở rộng quan hệ kinh tế với nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Đặc biệt là sau Hội nghị của các nhà tài trợ cho Việt Nam (Paris 1993) Việt Nam đã chính thức nối lại quan hệ, tài chính, tín dụng với cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã ký hàng chục thoả thuận vay với các nước, các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế và ngân hàng thương mại nước ngoài (sau đây gọi chung là Bên cho vay). Trong quá trình ký kết và thực hiện tất cả các Thoả thuận đó vấn đề pháp lý trong đó có vấn đề về việc cấp Ý kiến pháp lý của Bên vay luôn được đặt ra để các bên cùng xem xét. Bên cho vay luôn yêu cầu Bộ Tư pháp nước ta ký cấp phát hành văn bản Ý kiến pháp lý cho các Thoả thuận và tài liệu vay. Đây là một trong những điều kiện để Bên cho vay tuyên bố hiệu lực của Thoả thuận vay. Trên thực tế, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam, theo yêu cầu của Bên cho vay, đã cấp Ý kiến pháp lý cho các Thoả thuận và các tài liệu vay này. Tại Nghị định số 87/CP ngày 5 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ chính thức (Nghị định 87), Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 1998 của Chính

phủ ban hành Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài (Nghị định 90), Quyết định số 233/1999/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng (Quyết định 233), đã có những quy định về việc Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý cho các Thỏa thuận, tài liệu vay tín dụng nước ngoài. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, các nhà đầu tư nước ngoài cũng yêu cầu Bộ Tư pháp cấp phát hành văn bản Ý kiến pháp lý cho các tài liệu Dự án đầu tư, các hợp đồng có sử dụng vốn của nhà đầu tư nước ngoài.

Đây là một vấn đề hết sức mới cả về lý luận thực tiễn đối với Việt Nam. Tuy vậy, chưa có công trình nghiên cứu, chưa có nhiều bài viết, bài báo về các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực vay tín dụng có yếu tố nước ngoài nói chung, vấn đề ý kiến pháp lý trong lĩnh vực này nói riêng. Bởi vậy, việc nghiên cứu toàn diện vấn đề này là hết sức cần thiết.

## **II. Tình hình nghiên cứu Đề tài**

### **1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước**

Cơ sở lý luận và ý nghĩa của các Thỏa thuận, tài liệu vay vốn nước ngoài, các tài liệu dự án đầu tư và các văn kiện hợp đồng có sử dụng vốn đầu tư và các văn kiện hợp đồng có sử dụng vốn nước ngoài, trong đó có văn kiện Ý kiến pháp lý đối với các Thỏa thuận, tài liệu vay... đã được nghiên cứu một cách khá toàn diện. Tuy vậy, tùy thuộc vào mục đích sử dụng, tính chất của khoản vay mà nội dung pháp lý của từng Thỏa thuận tài liệu vay vốn nước ngoài, tài liệu dự án đầu tư... cụ thể là không giống nhau. Nghiên cứu riêng về các ý kiến pháp lý cho thấy điểm chung nhất trong các ý kiến pháp lý của Bên vay là khẳng định rõ địa vị pháp lý của các bên tham gia văn kiện pháp lý; thủ tục trình tự, thẩm quyền ký kết các Thỏa thuận, tài liệu dự án và các văn kiện khác; khẳng định giá trị pháp lý, tính ràng buộc của các cam kết trong các tài liệu pháp lý liên quan, tính khả thi của các tài liệu đó....Các tài liệu nghiên cứu của WB, IMF, OECD và các nước tư bản chủ nghĩa thuộc hệ thống common law là khá chi tiết. Các tài liệu của các nước XHCN trước đây cơ bản không có nhiều về vấn đề này.

### **2. Tình hình nghiên cứu trong nước**

Các vấn đề pháp lý liên quan đến vay vốn nước ngoài, đến tài liệu dự án đầu tư, hợp đồng có sử dụng vốn nước ngoài, trong đó có vấn đề cấp phát

hành Ý kiến pháp lý cho các tài liệu này mới xuất hiện trong vài năm gần đây. Trên thực tế, việc cấp Ý kiến pháp lý của chúng ta cho các tài liệu pháp lý nói trên xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đàm phán, ký kết và thực hiện các Thỏa thuận vay vốn nước ngoài, tài liệu dự án đầu tư nước ngoài, các hợp đồng có sử dụng vốn nước ngoài và chủ yếu là do đối tác nước ngoài yêu cầu. Việc nghiên cứu về mặt lý luận vấn đề này trên thực tế chưa được đặt ra, chưa được quan tâm về mặt học thuật. Tuy nhiên, từ khi Chính phủ ban hành Nghị định 87 thì vấn đề này mới được giới nghiên cứu lý luận quan tâm. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu soạn thảo Thông tư về việc cấp Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đối với các Thỏa thuận, tài liệu vay nước ngoài; các vấn đề khác cũng đang được tiếp tục nghiên cứu.

### **III. Mục tiêu, phương pháp nghiên cứu Đề tài**

#### **1. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài**

Làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các Thỏa thuận vay nước ngoài, các tài liệu dự án đầu tư nước ngoài, các hợp đồng có sử dụng vốn nước ngoài, nhưng trọng tâm vẫn là nghiên cứu việc cấp Ý kiến pháp lý cho các tài liệu vay vốn nước ngoài. Kết quả nghiên cứu của Đề tài được sử dụng trong việc soạn thảo Thông tư về việc cấp Ý kiến pháp lý cho các tài liệu vay vốn nước ngoài và các vấn đề liên quan.

#### **2. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng**

Việc nghiên cứu Đề tài được tiến hành trên cơ sở sử dụng phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Các tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đổi mới tư duy pháp lý-chính trị-kinh tế được trình bày trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước ta trong thời gian gần đây là kim chỉ nam cho tập thể tác giả trong quá trình nghiên cứu. Đồng thời tập thể tác giả cũng sử dụng một số phương pháp cụ thể sau: phương pháp phân tích, so sánh, thống kê, tổng hợp; phương pháp tọa đàm, trao đổi, điều tra, khảo sát và một số phương pháp nghiên cứu khác.

### **IV. Nội dung nghiên cứu chính của Đề tài**

Trên cơ sở các mục tiêu đã đề ra, Đề tài tập trung vào các nội dung cơ bản sau đây cần xử lý:

Cơ sở lý luận và thực tiễn việc vay nợ, xử lý nợ nước ngoài và các vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn các nước và Việt Nam .

Vấn đề xử lý nợ qua Câu lạc bộ Luânđôn và Câu lạc bộ Pari và các vấn đề pháp lý liên quan

Cơ sở lý luận của việc cấp Ý kiến pháp lý đối với khoản vay vốn nước ngoài, kể cả các tài liệu dự án đầu tư nước ngoài và các thoả thuận có sử dụng vốn của WB, ADB, của các Chính phủ nước ngoài, các tổ chức, cá nhân nước ngoài

Các luận cứ khoa học và thực tiễn để soạn thảo Thông tư cấp Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các khoản vay nước ngoài

## PHẦN II. BÁO CÁO PHÚC TRÌNH

|                                                                                                                                                                   |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <u>1. Một số vấn đề lý luận về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và xử lý nợ quốc gia</u> .....                                                                  | 10  |
| <u>1.1 Một số vấn đề lý luận chung về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức</u> .....                                                                                | 10  |
| <u>1.2. Một số vấn đề pháp lý về xử lý nợ quốc gia</u> .....                                                                                                      | 42  |
| <u>2. Một số vấn đề pháp lý về xử lý qua Câu lạc bộ Paris và Câu lạc bộ Luân-đôn</u> .....                                                                        | 49  |
| <u>3. Cơ sở lý luận và thực tiễn tổng quát về việc cấp ý kiến pháp lý đối với các khoản vay vốn nước ngoài</u> .....                                              | 75  |
| <u>3.1. Quan niệm chung về ý kiến pháp lý</u> .....                                                                                                               | 75  |
| <u>3.2. Một số vấn đề thực tiễn đặt ra đối với quá trình chuẩn bị ý kiến pháp lý</u> .....                                                                        | 77  |
| <u>3.3. Một số vấn đề đặt ra cần khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý:</u> .....                                                                               | 84  |
| <u>3.4. Phân kết thúc văn bản ý kiến pháp lý:</u> .....                                                                                                           | 86  |
| <u>3.5. Vấn đề bảo lãnh và bảo đảm an toàn</u> .....                                                                                                              | 87  |
| <u>4. Một số vấn đề cụ thể trong việc cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay vốn của tổ chức tài chính quốc tế, vay vốn thương mại và xử lý nợ thương mại</u> ..... | 89  |
| <u>4.1 Ý kiến pháp lý cho các dự án có sử dụng vốn của các Tổ chức tài chính quốc tế</u> .....                                                                    | 89  |
| <u>4.2. Ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại nước ngoài</u>                                                                                                | 101 |
| <u>4.3. Ý kiến pháp lý cho các hồ sơ, tài liệu xử lý nợ của Việt Nam qua Câu lạc bộ Luân-đôn</u> .....                                                            | 112 |
| <u>Một số kiến nghị thay lời kết luận</u> .....                                                                                                                   | 120 |

## PHẦN II. BÁO CÁO PHÚC TRÌNH

### 1. Một số vấn đề lý luận về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và xử lý nợ quốc gia

#### 1.1 Một số vấn đề lý luận chung về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức

##### 1.1.1 Khái niệm về Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)

###### *a. Sự hình thành khái niệm ODA (Official Development Assistance)*

Ngay khi chiến tranh thế giới thứ II còn chưa kết thúc, các nước có nền kinh tế phát triển đã bắt đầu nghĩ tới những vấn đề về tài chính, tiền tệ, thị trường và mậu dịch của thời kỳ hậu chiến; bắt đầu nghiên cứu các phương sách phục hồi nền kinh tế của những nước bị tàn phá trong chiến tranh với mục tiêu thúc đẩy kinh tế thế giới tiếp tục phát triển.

Tháng 7 năm 1944, đại diện của 44 nước đã tổ chức Hội nghị quốc tế tại Bretton Woods thuộc bang NewHampshire (Mỹ) và thống nhất thành lập 2 tổ chức tài chính quốc tế: Ngân hàng thế giới (WB- The World Bank) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF- International Monetary Fund). Tôn chỉ hoạt động của 2 tổ chức này là giúp đỡ các nước phục hồi và phát triển kinh tế bằng nguồn vốn đóng góp của các nước thành viên. Đây là hình thức hỗ trợ phát triển chính thức dưới dạng đa phương đầu tiên được hình thành và liên tục được mở rộng về quy mô cũng như phạm vi hoạt động cho đến ngày nay.

Sau chiến tranh thế giới thứ II, để củng cố thêm đồng minh và tăng cường vai trò thống trị kinh tế trên thế giới, với tư cách là nước thắng trận, Mỹ muốn trợ giúp nhằm tái thiết Châu Âu. Ngày 5 tháng 6 năm 1947, George C. Marshall, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ đã đưa ra một kế hoạch trợ giúp. Năm 1948, Quốc hội Mỹ phê chuẩn kế hoạch này (kế hoạch mang tên Marshall), nhất trí sẽ sử dụng từ 2-3% GNP của Mỹ từ năm 1948 đến năm 1953 (khoảng 12 tỷ USD) để tài trợ cho các nước Châu Âu nhằm giúp những nước này phục hồi các ngành công nghiệp bị chiến tranh tàn phá. Như vậy, hình thức “hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) dưới dạng song phương” đầu tiên được hình thành.

Để có thể tiếp nhận và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ này của Mỹ, các nước Châu Âu đã đề ra một chương trình phục hồi kinh tế trên cơ sở thành lập tổ chức hợp tác kinh tế Châu Âu (OECD) vào tháng 12 năm 1960

gồm 20 nước (sau này có thêm 4 nước là Nhật Bản, Phần Lan, Ôxtrâyliia và Niu Dilân).

Trong khuôn khổ hợp tác phát triển, các nước OECD lập ra những uỷ ban chuyên môn, trong đó có Uỷ ban viện trợ phát triển (DAC) nhằm giúp các nước đang phát triển nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển kinh tế. Uỷ ban này gồm 18 nước thành viên: Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Bỉ, Canada, Ôxtrâyliia, Phần Lan, Na Uy, Áo, Hà Lan, Italia, CHLB Đức, Ai-rơ-len, Niu Dilân và Đan Mạch.

Đến đây, nhằm phục vụ công tác quản lý cũng như nghiên cứu khoa học, yêu cầu xác định một khối lượng cụ thể về ODA đã được đặt ra.

### ***b. Định nghĩa về ODA***

Việc xác định khái niệm ODA ngày càng trở nên cần thiết đối với cả công tác quản lý và công tác nghiên cứu khoa học. Nếu như trong công tác quản lý kinh tế, nhận thức đầy đủ, chính xác về ODA sẽ giúp cho việc thống kê, quản lý và sử dụng nguồn vốn này đạt hiệu quả cao hơn vì mỗi loại hình tài trợ cần có một phương pháp quản lý và dụng riêng phù hợp, thì trong công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng, khái niệm ODA được xác định chính xác sẽ giúp đánh giá được bản chất kinh tế, chính trị và xã hội của từng khoản ODA của từng đối tác. Ngoài ra, đối với công tác nghiên cứu khoa học pháp lý, khái niệm chính xác về ODA có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xác định bản chất pháp lý của nguồn vốn này. Chỉ khi có được một khái niệm ODA chính xác, hoàn chỉnh mới có thể xác định được bản chất pháp lý phù hợp để điều chỉnh quá trình tiếp nhận quản lý, sử dụng ODA mới có thể hình thành. Và chính hành lang pháp lý này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kinh tế được hiệu quả, dễ dàng hơn.

Hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về ODA. Uỷ ban viện trợ phát triển (DAC) của OECD đã đưa ra định nghĩa như sau:

“Hỗ trợ phát triển chính thức là các khoản viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi của các cơ quan của Chính phủ hoặc của các tổ chức đa phương nhằm mục đích phát triển kinh tế hoặc phúc lợi xã hội”.

Theo định nghĩa này, ODA bao gồm hai hình thức chủ yếu là viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi với mục tiêu giúp các nước phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế khi xem xét một cách chi tiết, nguồn vốn ODA còn được hiểu thêm là:

+Nguồn vốn ODA chỉ bao gồm 2 nội dung chủ yếu: Viện trợ bằng tiền và trợ giúp kỹ thuật

+Các nguồn tài trợ được gọi là ODA phải có thành phần không hoàn lại, và tỷ trọng của thành phần này phải đảm bảo tối thiểu là 25%

+Tỷ trọng thành phần không hoàn lại được tính căn cứ vào các điều kiện chính (thời gian cho vay/hoàn trả, lãi suất cho vay) của khoản tài trợ mà không bao gồm các điều kiện thương mại (giá cả mua bán và thời hạn thanh toán hàng hoá)

+Các khoản tài trợ ODA không bao gồm các khoản trợ giúp quân sự do các khoản trợ giúp này không có mục tiêu phát triển kinh tế.

Theo Ngân hàng Thế giới, thì ODA là tập con của tài chính phát triển chính thức (ODF) và phải bao gồm khoản vay ưu đãi trong đó có ít nhất 25% yếu tố cho không.

Như vậy, rõ ràng các định nghĩa về ODA nói trên vẫn cần được bổ sung một số nội dung cần thiết.

ở Việt Nam gần đây, tại công trình khoa học nghiên cứu “cơ chế quản lý viện trợ bằng tiền qua hệ thống Kho bạc Nhà nước” ( Bộ Tài chính , 1998) khái niệm ODA được định nghĩa như sau:

“Viện trợ phát triển là sự trợ giúp của bên ngoài cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của một nước hoặc cho các mục đích nhân đạo khác của nước đó bằng các hình thức chuyển giao tài sản, kỹ thuật, kinh nghiệm, tiền... với các điều kiện ưu đãi”.

Tương tự cách định nghĩa của “DAC” và WB, khái niệm này cần phải giải thích thêm để có thể hiểu được bản chất của nguồn vốn ODA. Đồng thời cách định nghĩa này chưa làm rõ đối tác viện trợ ODA (chỉ bao gồm Chính phủ và các tổ chức quốc tế đa phương, mà không bao gồm các đối tác phi Chính phủ ), song định nghĩa này cũng đã nêu cụ thể và chi tiết hơn đối với nội dung trợ giúp kỹ thuật (chuyển giao kỹ thuật, kinh nghiệm).

Theo quy định hiện hành của Việt Nam , cụ thể Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ thì ODA được hiểu như sau:

“Hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) được hiểu là hoạt động hợp tác phát triển giữa nước CHXHCN Việt Nam với một hay nhiều Chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế (gọi tắt là Nhà tài trợ), bao gồm các hình thức cung cấp chủ yếu sau đây:

1. ODA không hoàn lại

2. ODA vay ưu đãi có yếu tố không hoà lại đạt ít nhất 25% trị giá khoản vay

### 1.1.2 Phân loại ODA

#### **a) Phân loại ODA theo mục đích**

Nếu được phân loại theo mục đích của Nhà tài trợ, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) bao gồm 2 hình thức cung cấp chủ yếu, tương tự như quy định tại Điều 1 của Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức được ban hành kèm theo Nghị định số 17/CP ngày 4 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ Việt Nam và 3 phương thức cung cấp ODA là: hỗ trợ cán cân thanh toán, hỗ trợ chương trình, Hỗ trợ dự án.

- Hỗ trợ cán cân thanh toán (Balance of payment support)

Hỗ trợ cán cân thanh toán thường được hiểu là hỗ trợ tài chính trực tiếp thông qua việc chuyển giao tiền tệ, hiện vật (hỗ trợ hàng hoá-commodity assistance) hoặc hỗ trợ nhập khẩu (cho vay nhập khẩu hàng với lãi suất thấp hoặc trả chậm...-import support).

Phương thức này được đưa ra nhằm tăng cường khả năng thanh toán của các nước đang phát triển. Hỗ trợ cán cân thanh toán có thể được coi là hỗ trợ ngân sách nếu như các nước tài trợ cho phép các khoản hiện vật hoặc số hàng nhập khẩu này được nước nhận hỗ trợ bán ra trên thị trường nội địa để thu bản tệ về cho ngân sách.

- Hỗ trợ chương trình (còn gọi là viện trợ phi dự án-non-project aid)

Hỗ trợ chương trình là phương thức hỗ trợ theo khuôn khổ các hiệp định được ký kết giữa bên cung cấp hỗ trợ và nước nhận hỗ trợ nhằm cung cấp một khối lượng ODA cho một mục tiêu tổng quát trong ột thời gian dài. Những chi tiết của việc sử dụng phương thức hỗ trợ này thông thường chưa được xác định ngay từ đầu.

- Hỗ trợ dự án

Hỗ trợ dự án là phương thức hỗ trợ được tập trung vào một mục đích cụ thể, rõ ràng dưới hình thức dự án. Các dự án phải được chi tiết về mục tiêu, nội dung, chương trình và nguồn vốn kể cả vốn đối ứng trước khi thực hiện. Thông thường, phương thức cung cấp ODA này bao gồm cả hỗ trợ kỹ thuật lẫn hỗ trợ cơ bản (tiền, hiện vật). Đây là loại hỗ trợ truyền thống và phổ biến của ODA.

Trong phương thức hỗ trợ trên, hỗ trợ dự án là phương thức chủ yếu các nước và các tổ chức quốc tế áp dụng khi viện trợ ODA cho Việt Nam trong suốt thời gian qua.

Phân loại: ODA dưới góc độ “vay-trả”

Từ góc độ “vay-trả”, hỗ trợ chính thức được chia thành các hình thức: ODA không hoàn lại, ODA hỗn hợp và ODA vay ưu đãi.

ODA không hoàn lại:

ODA không hoàn lại là hình thức ODA mà trong đó các Nhà tài trợ nước ngoài (gồm các Chính phủ nước ngoài, các tổ chức thuộc hệ thống Liên hiệp quốc, các tổ chức phi Chính phủ –NGO, các tổ chức tài chính quốc tế khác) “cấp không-không phải trả lại” nguồn hỗ trợ của Chính phủ, tổ chức quốc tế và nhân dân nước cấp hỗ trợ.

- ODA hỗn hợp:

Hình thức hỗ trợ này bao gồm một phần ODA cấp không, phần còn lại thực hiện theo cách thức cho vay tín dụng (có thể cho vay theo điều kiện ưu đãi hoặc cho vay theo điều kiện thương mại bình thường)

- ODA vay ưu đãi:

Hỗ trợ này thực chất là vay tín dụng ưu đãi với điều kiện “mềm” (nghĩa là vay với điều kiện dễ dàng hơn điều kiện vay tín dụng thương mại như lãi suất thấp, có thời hạn ân hạn, thời hạn trả nợ dài...)

Nếu căn cứ vào cách phân loại ODA dưới góc độ “vay-trả”, trên thực tế có thể khẳng định: nguồn hỗ trợ phát triển chính thức do các tổ chức quốc tế và các nước cấp cho Việt Nam bao gồm cả ba hình thức: ODA không hoàn lại, ODA hỗn hợp và ODA vay ưu đãi.

Phân loại ODA theo nguồn vốn:

Theo cách phân loại này, ODA gồm 2 hình thức: Hỗ trợ phát triển chính thức đa phương và hỗ trợ phát triển chính thức song phương.

- Hỗ trợ phát triển chính thức đa phương:

Hỗ trợ phát triển chính thức đa phương là hình thức nhiều nước hoặc tổ chức thành viên góp vốn thông qua các tổ chức quốc tế, tổ chức chuyên môn

Hỗ trợ phát triển chính thức đa phương là hình thức nhiều nước hoặc tổ chức thành viên góp vốn thông qua các tổ chức quốc tế, tổ chức chuyên

môn hoặc tổ chức tài chính có những tôn chỉ, mục đích hoạt động nhất định để thực hiện việc hỗ trợ với những quốc gia trên thế giới

Các tổ chức này thường là:

Những tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc như: UNDP, UNICEP, UNIDO, FAO, UNFPA, WB, IDA, IMF

Các tổ chức liên Chính phủ như Liên minh châu Âu (EU), Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD), Hiệp hội các nước ASEAN...

Các tổ chức tài chính khu vực như: Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng đầu tư Châu Âu...

Các khoản hỗ trợ chính thức đa phương thường kèm theo những điều kiện tương đối khắt khe về mặt vĩ mô. Lẽ đương nhiên, các khoản ODA do IDA, IMF, ADB.. cung cấp cho Việt Nam cũng tuân theo nguyên tắc này.

*Thứ nhất*, các nước thừa nhận những khoản vay này phải đảm bảo thực hiện đúng các cam kết khi vay, đặc biệt là phải thực hiện việc điều chỉnh kinh tế vĩ mô theo đúng các mục tiêu đã thông qua.

*Thứ hai*, đối tượng được vay với lãi suất thấp thường phải là các Chính phủ sau khi đã xem xét về khả năng hoàn trả, sự ổn định về kinh tế-chính trị, triển vọng tăng trưởng GDP,...

*Thứ ba*, các nước muốn có những khoản hỗ trợ này phải là hội viên hoặc thành viên chính thức của các tổ chức này, phải tuân thủ những thủ tục, thể lệ, quy định của tổ chức như đóng góp cổ phần, tham gia các hoạt động chung như họp, báo cáo thường niên...

#### *Hỗ trợ phát triển chính thức song phương*

Hỗ trợ phát triển chính thức song phương là hình thức tài trợ của Chính phủ một nước cho Chính phủ nước khác mà không thông qua tổ chức thứ ba. Khác với hình thức hỗ trợ phát triển chính thức đa phương, hình thức hỗ trợ này thường kèm theo điều kiện mang tính chất cục bộ hoặc vĩ mô. Ví dụ, nước nhận hỗ trợ phải mua hàng hóa, thiết bị công nghệ của nước hỗ trợ, cấp vốn.

Hỗ trợ phát triển chính thức song phương bao gồm nhiều dạng từ viện trợ không hoàn lại, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ nhập khẩu, hỗ trợ theo chương trình đến viện trợ theo dự án...

*Cơ chế phối hợp giữa hình thức hỗ trợ phát triển chính thức song phương và đa phương.*

Để thống nhất việc cung cấp hỗ trợ phát triển chính thức cho các nước đang phát triển, trong những năm gần đây, các nước phát triển đã thiết lập những cơ chế phối hợp tài trợ giữa hình thức song phương và đa phương.

Hiện nay, các nước tài trợ thường đưa ra mục tiêu và thứ tự ưu tiên tài trợ. Bên cạnh đó, các nước tài trợ với tư cách là những người đóng góp chủ yếu cho các tổ chức quốc tế đã đặt ra chính sách cho vay của các tổ chức này thông qua việc thiết lập những cơ chế chính thức. Phổ biến nhất hiện nay là các nhà tài trợ đã thiết lập một cơ chế hợp tác với nhau thông qua ủy ban viện trợ phát triển (ODA) của OECD để kiểm tra hiệu quả việc sử dụng các nguồn vốn được tài trợ cho các nước đang phát triển. Các nước này thỏa thuận mức tài trợ theo GNP của từng nước (theo quy định hiện hành là 0,7% GNP) và mục tiêu cần phải giải quyết hàng năm hoặc trong từng thời kỳ.

Để có sự thống nhất và phối hợp giữa các nguồn vốn tài trợ cho từng nước nhận tài trợ, Ngân hàng thế giới (WB) được cử làm Chủ tịch các Nhóm tư vấn và Hiệp hội viện trợ. Hàng năm hoặc hai năm một lần, các nhóm này sẽ họp với từng nước nhận tài trợ. Cuộc họp này sẽ đánh giá tình hình phát triển kinh tế của nước này để đưa ra các thứ tự ưu tiên cần đạt được của quá trình tài trợ, đồng thời tránh sự chồng chéo về mục tiêu giữa các nguồn tài trợ.

Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức do các Nhà tài trợ dành cho Việt Nam nói chung cũng như nguồn hỗ trợ phát triển chính thức do WB dành cho Việt Nam nói riêng đều được cung cấp thông qua cơ chế này. Tại các Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ ODA cho Việt Nam hàng năm do WB chủ trì tổ chức, các Nhà tài trợ sẽ căn cứ vào mục tiêu và tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam để đưa ra cam kết về lĩnh vực ưu tiên, về định mức ODA sẽ hỗ trợ trong năm tài chính tiếp theo.

### **1.1.3. Tập đoàn Ngân hàng thế giới (WBG) và việc vay vốn ODA của WBG**

Ngày nay, khi nói tới “Ngân hàng thế giới” (The World Bank) nghĩa là nói tới Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế (IBRD) và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA), còn khi nói tới “Tập đoàn Ngân hàng thế giới” (The World Bank Group) nghĩa là nói đến tập thể 5 tổ chức:

Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế, Hiệp hội phát triển quốc tế, Công ty tài chính quốc tế (IFC), Trung tâm quốc tế xử lý tranh chấp đầu tư (ICSID) và Tổ chức bảo đảm đầu tư đa biên (MIGA). Trong phần này của Báo cáo, chúng tôi chỉ đề cập, giới thiệu chung về Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế và Hiệp hội phát triển quốc tế - hai trong năm tổ chức của

“Nhóm Ngân hàng thế giới”, hai tổ chức quan trọng được gọi chung là Ngân hàng thế giới - WB.

a) IBRD (International Bank for Reconstruction and Development)

IBRD chính là thiết chế khởi thủy của WB. Ngân hàng này được thành lập vào tháng 12/1945 và bắt đầu hoạt động từ tháng 6/1946. Việt Nam là thành viên của IBRD.

**Tôn chỉ, mục đích của IBRD**

Trong quá trình hoạt động từ khi khai trương đến nay, tôn chỉ của IBRD là:

- Thông qua đầu tư giúp đỡ các nước thành viên khôi phục sản xuất và xây dựng kinh tế trong nước (giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ hai)

- Bằng phương thức bảo trợ hoặc tham gia cho vay tư nhân và đầu tư tư nhân, thúc đẩy đầu tư tư nhân của nước ngoài, hoặc cung cấp vốn của Ngân hàng huy động để bổ sung phần thiếu hụt của đầu tư tư nhân.

- Bằng phương thức khuyến khích đầu tư quốc tế và phát triển tài nguyên của các nước thành viên để thúc đẩy mậu dịch quốc tế tăng trưởng đồng đều, lâu dài; cân đối thu chi quốc tế, giúp các nước thành viên nâng cao hiệu quả sản xuất, mức sống của nhân dân và cải thiện lao động.

- Dùng các khoản cho vay của chính Ngân hàng, hoặc bảo trợ cho vay và dàn xếp với các chủ cho vay quốc tế khác để các dự án xây dựng bức thiết được ưu tiên thực thi.

- Khi thực hiện nghiệp vụ đầu tư quốc tế, có chiều cố chính đáng tình hình công thương nghiệp trong nước của các nước thành viên.

**Nguyên tắc cho vay của IBRD**

Trong hoạt động nghiệp vụ chủ yếu của mình, Ngân hàng chỉ cho vay theo nguyên tắc sau:

- Ngân hàng chỉ cho vay đối với các nước thành viên, chỉ cung cấp các khoản vay đối với các nước thành viên có thu nhập thấp, hoặc đối với các tổ chức công cộng và tư nhân được chính phủ, Ngân hàng trung ương và các nước thành viên đảm bảo thanh toán nợ.

- Nói chung, các khoản vay phải được dùng cho các dự án cụ thể được Ngân hàng phê duyệt, phải là những dự án thật sự được ưu tiên nhất trong chương trình phát triển kinh tế.

- Chỉ cho vay đối với những nước thành viên có khả năng trả nợ, đồng thời Ngân hàng chỉ xuất phát từ góc độ kinh tế để xem xét có cho vay hay không, bất kể điều kiện chính trị và chế độ chính trị của các nước xin vay như thế nào.

### **Đặc điểm cho vay của IBRD**

Với tôn chỉ này, các khoản vay của Ngân hàng có một số đặc điểm sau:

- Thời hạn cho vay tương đối dài; ngắn là vài năm, dài nhất là 30 năm, trung bình khoảng 17 năm, thời kỳ hoãn nợ khoảng 4 năm. Phương thức trả vốn sau khi hết thời hạn hoãn nợ nói chung là chia bình quân cho các năm, cứ nửa năm trả một lần.

- Lãi suất tương đối ưu đãi, thấp hơn lãi suất trên thị trường tư bản, Ngân hàng thu rất ít lệ phí cho vay, chỉ thu 0,75% chi phí cam kết đối với khoản vay chưa dùng tới sau khi ký thỏa ước.

- Nước vay nợ phải gánh chịu rủi ro do hối suất biến động.

- Các khoản cho vay phải gắn với những dự án công trình cụ thể, Ngân hàng chỉ cung cấp toàn bộ hoặc một phần ngoại tệ cần thiết trong chi phí xây dựng của dự án.

- Nợ phải được trả đúng hạn không được phép dây dưa hoặc thay đổi hạn trả nợ.

Ngân hàng chỉ cho vay phần vốn bằng ngoại tệ của dự án, chiếm khoảng 30-40% tổng ngạch đầu tư của dự án, cá biệt có thể lên tới 50%. Do đó, đơn vị có dự án của nước vay nợ phải huy động đủ phần vốn trong nước, chiếm khoảng 50-70% tổng ngạch đầu tư.

Thủ tục chặt chẽ tốn nhiều thời gian, phải trải qua các giai đoạn lựa chọn, bình xét, cho tới khi rút ra được tiền nói chung phải mất từ một năm rưỡi đến hai năm.

### **Chính sách cho vay của IBRD**

Khi cam kết cho vay, Ngân hàng lấy mức thu nhập của thành viên làm một nhân tố quan trọng để xem xét, kết hợp căn cứ vào sự phân bố ngành cần trợ vốn để đáp ứng mức tiền cho vay. Đối tượng cho vay của IBRD hiện nay là các nước có thu nhập bình quân đầu người từ 1.505 USD đến 5.435 USD.

Hiện nay chính sách cho vay của Ngân hàng tập trung vào 6 lĩnh vực:

- + Phát triển nông nghiệp và nông thôn.
- + Giáo dục
- + Công ty tài chính phát triển.
- + Kế hoạch dân số.
- + Du lịch
- + Năng lượng.

Trong 6 lĩnh vực trên, cho vay phát triển nông nghiệp và nông thôn là khoản mục cho vay lớn nhất của IBRD và du lịch là lĩnh vực chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong tỷ trọng đầu tư.

### **Các loại hình cho vay của IBRD**

- Cho vay dự án còn gọi là cho vay đầu tư cụ thể. Loại hình cho vay này là bộ phận cấu thành chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay của IBRD cũng như trong nghiệp vụ tín dụng của IDA. Mục đích chủ yếu của loại hình cho vay này là tạo ra năng lực sản xuất mới, đào tạo nhân tài, tăng đầu ra của đầu tư, hoặc bảo đảm nhu cầu bảo trì, bảo dưỡng thích hợp.

- Cho vay theo ngành, được chia thành ba loại:

Đầu tư theo ngành và cho vay bảo trợ có trọng điểm là cải thiện chính sách ngành và trọng điểm đầu tư, tăng cường năng lực và thực hiện kế hoạch đầu tư của nước vay vốn.

Cho vay để điều chỉnh ngành có mục đích chủ yếu là giúp một ngành cụ thể nào đó cải cách toàn bộ chính sách và thể chế, phạm vi mà nó liên quan tới hẹp hơn so với cho vay để điều chỉnh kết cấu.

Cho vay thông qua tổ chức tài chính trung gian gồm có cho vay đối với ngành tài chính phát triển và tổ chức tín dụng nông nghiệp. Ngân hàng cấp vốn cho tổ chức tài chính trung gian như là cấp cho một dự án độc lập rồi tổ chức tài chính trung gian chia ra cấp cho nhiều dự án.

- Cho vay hỗ trợ kỹ thuật: mục đích của loại hình này là tăng cường năng lực và hoạch định chính sách phát triển và chuẩn bị dự án đầu tư cụ thể của các tổ chức hữu quan cho nước vay vốn; giúp nước vay vốn cải cách chính sách và thể chế kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài nguyên, giảm thâm hụt cán cân quốc tế do kết cấu kinh tế gây ra; giúp nước vay vốn điều chỉnh kết cấu kinh tế và dạng thức phát triển để thích ứng với tình hình kinh tế thế giới đã biến đổi; giúp các nước thành viên đối phó với những ảnh

hưởng của thiên tai hoặc những tai họa khác. Mỗi khoản cho vay phải thích ứng với tình hình cụ thể và tính chất khẩn cấp.

- Cho vay hỗn hợp: về cơ bản có hai phương thức cho vay hỗn hợp:

Cho vay hỗn hợp song hành: Ngân hàng và các tổ chức cho vay khác cùng xuất vốn cho dự án mà nó cho vay vốn, các tổ chức làm việc theo quy định riêng của mình.

Cho vay hỗn hợp theo hình thức tổng hợp. Khác với phương thức trên, cho vay tổng hợp không tách ra sử dụng riêng các nguồn vốn khác nhau mà sử dụng chúng cho nhu cầu của dự án. Thực chất, đây là loại hình cho vay qua cửa “thứ ba” mà Ngân hàng thế giới tăng thêm ngoài các hình thức có sẵn. WB vốn cho hai loại hình cho vay cơ bản, một là cho vay thông thường do IBRD xuất vốn với điều kiện chặt chẽ, lãi xuất cao; một loại hình khác do IDA cho vay ưu đãi, điều kiện dễ dàng hơn, không lấy lãi. Điều kiện cho vay qua “cửa thứ ba” dễ dàng hơn so với điều kiện cho vay thông thường của IBRD nhưng lại không ưu đãi bằng điều kiện cho vay của IDA.

### **Nguồn vốn của IBRD**

Vốn của IBRD chủ yếu từ năm nguồn:

- Vốn góp cổ phần của các thành viên: các nước thành viên tham gia IBRD phải góp cổ phần vào Ngân hàng. Khi mới thành lập Ngân hàng, vốn pháp định là 10 tỷ USD, chia làm 100 ngàn cổ phần, mỗi cổ phần 100 ngàn USD. Theo quy định của hiệp định Ngân hàng khi các nước thành viên góp cổ phần thì tính theo hàm lượng và tuổi vàng của đồng đo la Mỹ năm 1944. Từ ngày 1/4/1978 việc lấy vàng làm tiêu chuẩn định giá đồng tiền của các nước chính thức bị hủy bỏ, vốn pháp định mỗi cổ phần của Ngân hàng được tính là 100 ngàn quyền rút vốn đặc biệt.

- Vốn thực có của IBRD rất hạn chế. Hơn nữa, không giống như Ngân hàng thương mại, do tính chất và chức năng của mình, Ngân hàng không thể lấy tiền gửi ngắn hạn làm nguồn vốn chủ yếu của mình. Trong điều kiện ấy, IBRD gom vốn chủ yếu bằng cách phát hành trái khoán thông qua thị trường tài chính các nước và quốc tế. Trong tổng số vốn mà Ngân hàng đã cho vay, có khoảng 70% là nhờ vào phát hành trái khoán.

- Thu nhập ròng: Ngân hàng không phân phối thu nhập ròng cho cổ đông, trừ tặng biếu IDA và cho quỹ đặc biệt khu vực Châu Phi, còn lại đều giữ lại làm tiền dự trữ, làm vốn tự có của Ngân hàng.

- Chuyển nhượng vốn: IBRD còn chuyển nợ cho các nhà đầu tư tư nhân chủ yếu là Ngân hàng thương mại để thu một phần vốn nhằm tăng khả năng quay vòng vốn của đồng vốn cho vay.

Tổng số cổ phần hiện có của Việt Nam tại IBRD là 968, chiếm tỷ lệ 0,06%. Tổng số vốn góp của Việt Nam là 116 triệu USD, trong đó thực góp là 8,1 triệu USD, vốn gọi 108,7 triệu USD. Việt Nam có số phiếu bầu là 1.218, chiếm tỷ lệ 0,08%.

#### b) IDA (International Development Association)

IDA được thành lập chính thức vào ngày 24/9/1960 và bắt đầu hoạt động năm 1961, cùng chung trụ sở với IBRD. IDA có tư cách như một thể chế cho vay vốn với điều kiện ưu đãi của Ngân hàng thế giới, có nhiệm vụ tập trung giúp đỡ các nước có thu nhập thấp để phát triển, trong đó có Việt Nam.

#### **Tôn chỉ, mục đích của IDA**

Theo “Hiệp định về Hiệp hội phát triển quốc tế”, tôn chỉ của IDA là giúp các nước thành viên kém phát triển nâng cao lực lượng sản xuất, giảm đói nghèo, nâng cao mức sống thông qua cho vay vốn để phát triển kinh tế với các điều kiện linh hoạt, nhẹ nhàng hơn về phương diện thu chi quốc tế.

#### **Đặc điểm của tín dụng phát triển của IDA**

“Để phân biệt giữa các khoản vay của IBRD với các khoản cho vay của IDA, các khoản từ IBRD được gọi là cho vay, còn các khoản từ IDA được gọi là tín dụng phát triển”<sup>1</sup>

Đặc điểm chủ yếu nhất của tín dụng phát triển của IDA là có ưu đãi lớn, thời hạn trả nợ của các khoản tín dụng cho các nước kém phát triển nhất nhìn chung đang được xác định là 40 năm. Theo đánh giá năm 1998, IDA chỉ cho vay đối với những nước có thu nhập bình quân đầu người từ 952 USD/năm trở xuống. Toàn bộ thời hạn cho vay, IDA miễn thu lợi tức, chỉ thu 0,75% lệ phí thủ tục quản lý hàng năm đối với bộ phận vốn đã cho vay.

Tín dụng phát triển của IDA thường gắn với dự án cụ thể, phải trả nợ đúng hạn. Những nước yêu cầu IDA trợ vốn phải là những nước có uy tín quốc tế và thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia.

---

<sup>1</sup> Theo cuốn: “Tập đoàn ngân hàng thế giới = Vận hành và thao tác. = Lưu Chấn á, Triệu Văn Kinh - NXB Chính trị quốc gia, 1994

## **Chính sách tín dụng**

IDA tập trung viện trợ cho những nước nghèo nhất, những quốc gia và nhân dân lâm vào hoàn cảnh rất khó khăn. Hiện nay, có dự án được IDA trợ vốn thường có những đặc điểm sau:

+ Tỷ lệ lãi đầu tư cao, đồng thời lại nâng cao mức sản xuất của đồng đảo người nghèo khổ.

+ Kỹ thuật được sử dụng tương đối đơn giản, tầng lớp có thu nhập cũng có thể nắm được.

+ Chi phí bình quân cho mỗi người được lợi tương đối thấp để xây dựng được nhiều dự án.

### **Chế độ tiền tệ tín dụng**

- Quyền rút vốn đặc biệt (SDR: Special Drawing Right): Quyền rút vốn đặc biệt được xác lập vào năm 1969 là quyền sử dụng vốn của tổ chức Quỹ tiền tệ quốc tế ngoài quyền rút vốn thông thường mà Quỹ này đã dành sẵn cho các nước thành viên, không được đổi ra vàng, cũng không phải là một loại tiền thực, không được đổi trực tiếp ra phương tiện thanh toán quốc tế được dùng trong mậu dịch hoặc phi mậu dịch. Chẳng quá nó là tài sản trên giấy của các nước thành viên trên tài khoản tiền rút vốn đặc biệt của tổ chức Quỹ tiền tệ quốc tế mà thôi. Các nước thành viên dựa vào đó để rút vốn từ Quỹ. Khi rút vốn sẽ tính theo các loại tiền được rút ra theo hối suất tại thời điểm rút vốn. Từ tháng 1/1986, một đơn vị Quyền rút vốn đặc biệt bằng tổng giá trị của năm loại tiền của năm nước thành viên có lượng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ lớn nhất được phân phối như sau:

0,452 đô la Mỹ, chiếm 42%

0,527 mác Đức, chiếm 19%

33,4 yên Nhật, chiếm 15%

0,00893 bảng Anh, chiếm 12%

1,02 phrăng Pháp, chiếm 12%

- Rút vốn:

Hiệp hội phát triển quốc tế thu lệ phí cam kết lượng vốn vay trong hiệp định tín dụng theo quyền rút vốn đặc biệt. Khi đánh giá dự án vay vốn, Ngân hàng thế giới thường xác định tổng đầu tư cho dự án bằng đồng đô la Mỹ và xác định vốn tín dụng bằng đồng đô la Mỹ. Khi đàm phán về hiệp định tín dụng, Ngân hàng thế giới sẽ căn cứ vào hối suất giữa đồng đô la Mỹ

và quyền rút vốn đặc biệt do quỹ tiền tệ công bố vào cuối tháng trước tháng đàm phán để tính lượng vốn tín dụng bằng đô la theo kế hoạch thành quyền rút vốn đặc biệt và ghi vào hiệp định tín dụng. Sau đó, vốn rút ra, lệ phí cam kết, thủ tục phí và trả nợ gốc đều lấy quyền rút vốn đặc biệt làm đơn vị tính toán.

- Khi rút vốn người vay không thể chỉ bằng quyền rút vốn đặc biệt, chỉ đề đơn yêu cầu chỉ bằng loại tiền nào đó cho hàng cung ứng của nước nào đó hoặc đơn xin rút vốn bằng đồng tiền nào đó, sau khi Hiệp hội rút bằng loại tiền nào đó, họ phải căn cứ vào hối suất do quỹ tiền tệ quốc tế công bố trong ngày để tính ra quyền rút vốn đặc biệt rồi ghi vào bên vay trong tài khoản tín dụng của người vay.

### **Nguồn vốn của IDA**

Khác với Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế, vốn của Hiệp hội phát triển quốc tế chỉ có từ ba nguồn: tiền góp cổ phần của các nước thành viên, vốn bổ sung và tiền quyền góp đặc biệt của các nước hội viên với các nước trợ vốn khác và tiền biếu tặng của IBRD.

- Tiền góp cổ phần của các nước thành viên: theo quy định, các nước thành viên loại một góp cổ phần hoàn toàn bằng vàng hoặc ngoại tệ có thể chuyển đổi được, các thành viên loại hai nộp 10% cổ phần bằng ngoại tệ có thể chuyển đổi được, còn 90% có thể góp bằng bản tệ. Khi hiệp hội dùng những đồng tiền này để cho vay thì phải được chính phủ các nước đó đồng ý.

- Vốn bổ sung và tiền biếu tặng của các thành viên của các nước trợ vốn khác. Số tiền góp phần của các nước thành viên IDA hết sức có hạn, không đáp ứng được nhu cầu nghiệp vụ. Do vậy, phải đưa vào vốn bổ sung định kỳ của các nước thành viên (chủ yếu là các nước thành viên loại một)

- Vốn do IBRD tặng: năm 1964, Hội đồng quản trị Ngân hàng thế giới thông qua một chính sách cho vay tới nay vẫn còn hiệu lực. Bất kỳ khoản tiền nào tặng cho IDA cũng chỉ được trích từ lợi nhuận ròng, hơn nữa, phải trích từ năm từ lợi nhuận ròng trong tài khóa ấy. Căn cứ vào chính sách này, bắt đầu từ năm 1964, hàng năm IBRD trích một phần lợi nhuận ròng chuyển cho Hiệp hội dưới hình thức biếu tặng.

Tính đến nay, IDA đã tiến hành 11 đợt bổ sung vốn. Từ khi kế thừa tư cách hội viên IDA, Việt Nam đã tham gia bổ sung nguồn vốn đợt thứ 5 (22.925 USD) đóng bằng Đồng Việt Nam. Hiện nay, tổng số tiền đóng góp

của Việt Nam tại IDA là 1,9 triệu USD, với số phiếu bầu là 8.889, chiếm 0,13%.

*c) Các quy định cụ thể của WB về vấn đề vay và quản lý vốn.*

**Yêu cầu của WB đối với Việt Nam cũng như đối với nước thành viên khác khi vay vốn**

WB là một tổ chức tài chính liên quốc gia trên thị trường tài chính thế giới hỗ trợ tài chính cho các nước thành viên. Do đó, để đảm bảo chắc chắn khả năng thu hồi đồng vốn vay, trước khi cấp vốn vay, theo “Hiệp định về Ngân hàng”, WB quy định nước thành viên phải đáp ứng một số yêu cầu cơ bản:

- **Thứ nhất**, nước xin vay phải đảm bảo có khả năng trả nợ. Riêng đối với những nước tịch thu tư bản nước ngoài, Ngân hàng yêu cầu nước đó cần nỗ lực cùng với chủ đầu tư đạt được thỏa thuận bồi thường hợp lý. Nếu nước đó không dàn xếp được thỏa đáng quyền được bồi thường do tịch thu và những tranh chấp tương tự thì WB sẽ không cho vay.

- **Thứ hai**, nước đó phải chứng minh được tính khả thi của dự án đầu tư, trên cơ sở thu thập những cứ liệu cần thiết về xã hội, kinh tế, nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực và tiến hành phân tích tổng hợp dưới góc độ kinh tế, kỹ thuật, ở yêu cầu này tính chính xác của cứ liệu là tiền đề quan trọng cho việc tuyển chọn, xác định dự án, là chỗ để xác định dự án có khả thi hay không.

- **Thứ ba**, nước xin vay phải có chiến lược vay bao gồm: giải trình về kế hoạch sử dụng vốn, về tính cấp thiết, tính hợp lý cũng như các lợi ích và mục tiêu đạt được từ việc thực hiện chương trình, dự án. Hiện nay, trong “khuôn khổ Chiến lược quốc gia hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và các tổ chức Liên hợp quốc”, trong đó bao gồm cả WB (có tư cách như là một tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc), những nội dung đáp ứng nhu cầu thứ hai và thứ ba này đều được phản ánh rõ nét. Cụ thể, chiến lược phát triển của Chính phủ (thực chất được xây dựng như đối với chiến lược vay) gồm 8 mục tiêu cơ bản: 1. Đầu tư vào con người; 2. Quyết tâm phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; 3. Tăng cường đầu tư, tích lũy và phân bổ hiệu quả nguồn lực; 4. Chính sách thương mại hướng ngoại; 5. Phát huy lợi thế so sánh và thế mạnh của ngành; 6. Phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong đầu tư vào lĩnh vực công cộng; 7. Tăng cường phát triển khoa học, công nghệ; 8. Khả năng thích ứng khi thực hiện Chiến lược phát triển.

- Thứ tư, WB yêu cầu nước đi vay phải có chiến lược trả nợ. Đây là yêu cầu vô cùng quan trọng đối với quốc gia thành viên xin vay vốn, vì trước khi quyết định cho vay, theo nguyên tắc WB phải thẩm tra kỹ lưỡng khả năng thu hồi của chương trình, dự án đầu tư. Đồng thời, WB còn yêu cầu nước đi vay phải cam kết rõ ràng về thời điểm trả nợ, và nếu trả nợ theo từng đợt, nước đó phải cam kết rõ ràng về số nợ phải trả mỗi đợt là bao nhiêu.

- Cuối cùng, người đứng ra vay vốn phải là Nhà nước nước xin vay vốn. Thông thường, người ký các Hiệp định vay (IBRD), hoặc Hiệp định tín dụng (IDA) là trưởng đoàn đàm phán của nước đi vay, phải là người được ủy quyền thay mặt Nhà nước có quyền quyết định các vấn đề có liên quan.

### **Quy trình rút vốn.**

- Theo quy định của WB, trước tiên muốn được thanh toán, Bên vay<sup>2</sup> phải nộp Đơn xin rút vốn cho Ngân hàng (tức Ngân hàng thế giới). Đơn xin rút vốn phải nộp thành hai bản: một bản gốc, một bản sao và phải đáp ứng những yêu cầu sau:

- + Tuân thủ các điều kiện của khoản vay
- + Nộp mẫu chữ ký của những người được bên vay ủy quyền ký đơn<sup>3</sup>
- + Nộp một đơn gốc (không chấp nhận bản chụp và fax) cộng với một bản sao có chữ ký của đại diện được ủy quyền
- + Các chứng từ thể hiện tính hợp lệ của hàng hóa, công trình xây lắp hay dịch vụ
- + Số tiền trong một hạng mục giải ngân cụ thể của tài khoản vay đủ để trả cho tài khoản thanh toán hay cam kết

Những sửa đổi trong Đơn nên giảm tới mức tối thiểu và bất kỳ sửa đổi nào cũng cần được người ủy quyền ký tất.

- Sau khi nhận Đơn, WB sẽ xem xét và phê duyệt nếu đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu. Tiếp đó, căn cứ đề nghị của Bên vay, Ngân hàng sẽ:

- + Giải ngân cho bên vay hay bên thứ ba được nêu trước, hoặc
- + Phát hành một thư Cam kết đặc biệt cho ngân hàng thương mại trong trường hợp Bên vay phải nộp cho WB. Đơn xin

---

<sup>2</sup> ý gọi Nhà nước hoặc Tổ chức mà WB cung cấp khoản vay. Nếu Nhà nước không trực tiếp vay thì phải bảo đảm khoản vay.

<sup>3</sup> Theo quy định tại: "General Conditions applicable to Development Credit agreement", Section 5.05

cấp thư Cam kết đặc biệt và việc rút vốn sẽ được tiến hành theo “Thủ tục đặc biệt”

Nếu vì lý do nào đó mà Đơn xin rút vốn hay một phần của Đơn xin rút vốn không được duyệt, WB sẽ thông báo ngay cho bên vay và cho biết lý do từ chối đơn<sup>4</sup>

### **Thủ tục rút vốn**

Hai thủ tục thường được áp dụng cho việc rút vốn là “Thủ tục rút vốn và Thủ tục cam kết đặc biệt”. Các bên vay thường xuyên kết hợp cả hai thủ tục này để giải ngân từ khoản vay.

#### **- Thủ tục rút vốn bằng Đơn xin rút vốn**

+ Theo thủ tục này, tiền có thể được trả cho bên vay hoặc trực tiếp cho bên thứ ba để thanh toán cho hàng hóa, công trình xây lắp và dịch vụ, bằng cách sử dụng Đơn xin rút vốn.

+ Ngoài ra, kèm theo Đơn xin rút vốn cần có các chứng từ chứng minh khoản đã chi và bản sao kê tóm tắt. Nhất thiết, Đơn xin rút vốn cần đính kèm theo các chứng từ và bản sao kê tóm tắt trong trường hợp Bên vay xin truy hoàn số tiền đã thanh toán bằng tiền của mình vì đơn xin truy hoàn vốn thường gồm một số khoản mục của một hay nhiều hạng mục. Song, nếu Đơn xin rút vốn chỉ có một hay hai khoản mục thanh toán - điển hình là trường hợp thanh toán trực tiếp cho các nhà cung ứng - thì Đơn xin rút vốn và các chứng từ đi kèm được nộp cho WB không cần có bản kê tóm tắt.

- Sao kê tóm tắt: Các sao kê tóm tắt cần được đính kèm với Đơn xin rút vốn nêu trong Đơn không đủ chỗ để điền các thông tin về các nhà thầu hoặc các nhà cung ứng.

- Chứng từ

+ Thông thường, một bản sao của các chứng từ liên quan dưới đây sẽ được gửi cho WB cùng với Đơn xin rút vốn:

- Hoá đơn của nhà cung ứng hay chuyên gia tư vấn hoặc bản sao kê tóm tắt về công việc đã thực hiện.
- Chứng từ giao hàng có thể là bản sao vận đơn hoặc chứng từ nhận của đại lý vận chuyển.

---

<sup>4</sup> “Theo General Conditions applicable to Development Credit agreement (DCA)”, Section 5.03

- Chứng từ thanh toán, chứng từ có thể là hóa đơn đã thanh toán hoặc báo cáo thanh toán của ngân hàng thương mại.
- Bảo lãnh thực hiện như bảo lãnh ngân hàng trong trường hợp trả tiền tạm ứng trước nếu được yêu cầu theo các điều kiện của Hợp đồng hay khi phải trả khoản tiền ứng trước lớn hơn bình thường.

#### **- Thủ tục Cam kết đặc biệt**

+ Thủ tục Cam kết đặc biệt thường được áp dụng trong trường hợp Bên vay cần mở thư tín dụng để thanh toán hợp đồng nhập khẩu hàng hóa cho dự án, nhưng ngân hàng thương mại không muốn mở, thông báo hay xác nhận thư tín dụng vì không có bảo lãnh hay chứng từ nào đó, khi ấy, theo đề nghị của Bên vay, WB sẽ cấp cho ngân hàng thương mại bảo lãnh mà ngân hàng đó yêu cầu dưới dạng một thư Cam kết đặc biệt để đảm bảo Bên vay sẽ thanh toán theo thư tín dụng. Các thư cam kết như vậy của WB là không hủy ngang, ngay cả sau đó WB đình chỉ hay hủy ngang khoản vay đó.

+ Khi Bên vay muốn áp dụng thủ tục này, họ sẽ gửi cho WB một đơn xin cấp cam kết đặc biệt thành hai bản, tức là bản gốc và một bản sao, kèm theo một số chứng từ. Ngoài ra, thủ tục Cam kết đặc biệt chỉ thực sự phát huy tác dụng khi có Yêu cầu thanh toán đầu tiên của ngân hàng thương mại theo thư cam kết đặc biệt, bởi yêu cầu này thể hiện sự chấp thuận của ngân hàng đó về các điều kiện và điều khoản của thư cam kết đặc biệt.

Về chứng từ,

WB quy định, kèm theo đơn xin cấp Cam kết đặc biệt, Bên vay phải nộp các chứng từ gồm:

- Hai bản sao hợp đồng hay đơn đặt hàng (trừ khi các chứng từ này đã được nộp cho ngân hàng trước đó)
- Hai bản sao thư tín dụng (với ngày hết hạn có giá trị) mà ngân hàng thương mại dự định phát hành.

Khi đã chấp thuận, WB gửi thư Cam kết đặc biệt cho ngân hàng thương mại, ngân hàng này sẽ chiết khấu các khoản thanh toán, kèm theo một bản sao thư tín dụng định cấp. Bản sao Cam kết đặc biệt cũng được gửi cho Bên vay.

Về yêu cầu thanh toán,

Ngay sau mỗi lần thực hiện thanh toán hay chiết khấu chứng từ theo Thư tín dụng, Ngân hàng thương mại sẽ yêu cầu Ngân hàng thế giới thanh toán thường thông qua SWIFT, Telex hay điện tín hoặc đơn xin thanh toán theo Cam kết đặc biệt.

Tóm lại, theo quy định của WB cho dù bên vay áp dụng thủ tục cam kết đặc biệt, thủ tục rút vốn bằng Đơn xin rút vốn hay kết hợp hai thủ tục rút vốn họ phải đảm bảo được rằng số tiền rút từ tài khoản vay được chi cho dự án theo đúng điều khoản của Hiệp định vay và Văn bản các Điều kiện chung, đồng thời chỉ được dùng để chi tiêu trong lãnh thổ của hai nước hội viên WB; để thanh toán hàng hóa hoặc các dịch vụ được sản xuất và dung ứng từ lãnh thổ này<sup>5</sup>

### **Quy trình tuyển chọn chuyên gia tư vấn cho các dự án vay vốn**

Quá trình tuyển chọn tư vấn thường bao gồm ba giai đoạn: tuyển chọn chuyên gia tư vấn, ký kết hợp đồng tư vấn và quản lý, giám sát việc thực hiện hợp đồng. Trong đó quy trình tuyển chọn tư vấn của WB đề cập tới hai giai đoạn: tuyển chọn chuyên gia tư vấn và ký kết hợp đồng. Trong quy trình tuyển chọn này, vì Bên vay là người chịu trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện dự án, do đó người chịu trách nhiệm lựa chọn tư vấn, ký hợp đồng tư vấn và quản lý việc thực hiện hợp đồng tư vấn của chuyên gia tư vấn cũng chính là bên vay. Ở đây, chuyên gia tư vấn được hiểu là toàn bộ các tổ chức công và tư, kể cả công ty tư vấn pháp luật, công ty tư vấn kỹ thuật, các nhà quản lý xây dựng, các đại lý mua sắm, các đại lý thanh tra, nghiệm thu, công ty kiểm toán, các cơ quan của Liên hợp quốc (UN) và các tổ chức, các Ngân hàng thương mại và đầu tư, các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan Chính phủ, các tổ chức phi Chính phủ (NGOs) và các cá nhân.<sup>6</sup>

Để việc tuyển chọn chuyên gia tư vấn có thể mang lại hiệu quả kinh tế, đảm bảo chất lượng cũng như phù hợp với tính chất, mức độ công việc của dự án khác nhau, WB đã đưa ra một số biện pháp tuyển chọn tư vấn chủ yếu. Đó là: Tuyển chọn tư vấn Dựa Trên chất lượng và chi phí (QCBS), Tuyển chọn Dựa trên cơ sở chất lượng (QBS), Tuyển chọn theo Ngân sách cố định, Tuyển chọn tư vấn có mức chi phí thấp nhất. Tuyển chọn Trên cơ sở năng lực chuyên môn của chuyên gia tư vấn.

<sup>5</sup> Theo "General Applicable to DCA" section 5.01

<sup>6</sup> Theo Guidelines Selection and Employment of Consultants by World Bank Borrower -I,1.3- The World Bank, 11811 Street, NW- Washington D.C, 20433-Copyright 1977

Chính vì có những phương pháp tuyển chọn tư vấn khác nhau, nên với mỗi phương pháp sẽ có một quy trình riêng phù hợp với nó. Tuy nhiên, những quy trình này đều tuân thủ cơ bản theo các bước trong quy trình tuyển chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS).

**- Tuyển chọn tư vấn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS - Quality - and Cost - Based Selection)**

Có thể chia Quy trình tuyển chọn QCBS theo quy định của WB thành 2 giai đoạn: Giai đoạn tuyển chọn chuyên gia tư vấn và giai đoạn Đàm phán ký kết hợp đồng. Giai đoạn 1 bao gồm các bước từ “Chuẩn bị các Điều khoản tham chiếu” đến bước “Kết hợp đánh giá chất lượng và chi phí”.

**+ Chuẩn bị các Điều khoản tham chiếu (TOR - Term of Reference)**

Theo quy định, Bên vay sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị TOR cho công việc. Phạm vi các dịch vụ được mô tả trong TOR phải phù hợp với ngân sách dự thảo. TOR phải xác định rõ các mục tiêu, định hướng và phạm vi công việc đồng thời cung cấp những thông tin cơ bản tạo điều kiện cho chuyên gia tư vấn chuẩn bị đề án đấu thầu. Ngoài ra, TOR phải liệt kê các dịch vụ và khảo sát cần thiết triển khai công việc và kết quả mong muốn.

**+ Dự toán chi phí (ngân sách)**

Dự toán chi phí được tính toán dựa trên đánh giá của Bên vay về những nguồn kinh phí cần thiết để thực thi công việc. Các chi phí sẽ được thành khoản mục lớn:

Phí hoặc tiền công thù lao (tùy thuộc vào loại hợp đồng tư vấn được sử dụng)

Các chi phí có thể truy hoàn

Hai khoản mục này sẽ tiếp tục được phân theo chi phí nội tệ và ngoại tệ.

**+ Quảng cáo**

Để thu hút được sự quan tâm, Bên vay phải liệt kê danh sách các công việc dự kiến cần tư vấn trong Thông báo chung gọi thầu (GPN - General Procurement Notice) và danh sách này phải được cập nhật hàng năm mọi loại công việc cần tư vấn. Thông báo chung gọi thầu do Bên vay chuẩn bị và trình lên WB. WB sẽ thu xếp đăng trên ấn phẩm United Nations Development Business - UNDB). Bên vay cũng phải quảng cáo về các hợp

đồng có giá trị lớn (Hợp đồng dự kiến có chi phí hơn 200000 USD trên một tờ báo lưu hành trên phạm vi quốc gia, trên tạp chí kinh doanh phát triển (UNDB) hoặc một tờ báo quốc tế. Khi có thư phúc đáp đăng trên Thông báo chung gọi thầu của “đối tượng quan tâm”, Bên vay phải gửi một bản của quảng cáo để đăng trên các báo và tạp chí của họ. Thông tin được chứa đựng trong quảng cáo này là phải những thông tin tối thiểu cần thiết để “đối tượng quan tâm” có thể đánh giá được về sự phù hợp đối tượng công việc. Tiếp đó, Bên vay cần dành thời gian để các “đối tượng tư vấn có quan tâm” đủ thời gian phúc đáp (không được dưới 30 ngày) trước khi lập danh sách ngắn các “đối tượng” đã qua vòng sơ tuyển.

+ *Lập Danh sách ngắn các Chuyên gia tư vấn đã qua vòng sơ tuyển*

Bên vay là người chịu trách nhiệm chuẩn bị danh sách các “Chuyên gia tư vấn” đã qua vòng sơ tuyển. Theo quy định của WB, Danh sách phải gồm từ 3 tới 6 công ty tư vấn nhiều khu vực địa lý khác nhau, trong đó không có quá 2 công ty từ cùng một nước và phải có ít nhất một công ty từ các nước đang phát triển, trừ khi không thể chọn được một công ty có đầy đủ tiêu chuẩn từ các nước đang phát triển. Khi WB đã có ý kiến “không phản đối” - “no objection” Danh sách ngắn các Công ty đã sơ tuyển, bên đi vay sẽ không được phép bổ sung hoặc xóa tên bất cứ Công ty nào nếu không được sự đồng ý của Ngân hàng<sup>7</sup>

“Danh sách ngắn” có thể chỉ bao gồm các “chuyên gia tư vấn” trong nước (nước bên vay) nếu công việc cần tư vấn là “công việc nhỏ”, trong “Danh sách ngắn” vẫn phải có số lượng vừa đủ của Công ty đạt tiêu chuẩn (ít nhất là 3 Công ty) tham gia cạnh tranh.

+ Soạn thảo và gửi yêu cầu nộp đề án dự thầu (REF - Request for proposal)

“Yêu cầu nộp đề án dự thầu” sẽ bao gồm: Thư mời thầu, thông tin cho “chuyên gia tư vấn”, điều khoản tham chiếu (TOR) và hợp đồng dự thảo. “Yêu cầu nộp đề án dự thầu” cũng có thể được hiểu là một bộ “Hồ sơ mời thầu”. Tương ứng với một bộ hồ sơ này tại Việt Nam là “Hồ sơ mời thầu” theo quy định lựa chọn tư vấn tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề liên quan.

---

<sup>7</sup> Theo Guidelines Selection and Employment of Consultants by World Bank Borrower, H, 2.7 - The World Bank Washington. D.C

Về tư mời thầu (LOI - Letter of Invitation),

Trong Thư mời thầu phải nêu rõ:

- ý định về việc ký hợp đồng tư vấn
- Nguồn tài trợ
- Các chi tiết về khách hàng
- Ngày, giờ và địa chỉ nộp đề xuất dự thầu
- Thông tin cho chuyên gia tư vấn (ITC - Information for Consultants)

**“Thông tin cho chuyên gia tư vấn”** phải chứa đựng mọi thông tin cần thiết có thể giúp cho các chuyên gia tư vấn chuẩn bị đề án dự thầu. Các thông tin này phải làm rõ thủ tục chọn thầu ở mức độ cao nhất có thể bằng cách cung cấp thông tin về quy trình xét thầu, cho biết các tiêu chí và các yếu tố đánh giá cũng như mức điểm chất lượng tối thiểu để được xét duyệt tiếp. Đồng thời, ITC không được đề cập đến ngân sách (vì đối với phương pháp QCBS chi phí chính là một trong những tiêu chí để tuyển chọn tư vấn), nhưng phải chỉ rõ các tiêu chuẩn đầu vào dự án về các nhân sự chủ chốt. Cuối cùng, điều quan trọng là ITC phải nêu rõ thời hạn hiệu lực của đề án dự thầu (thường từ 60-90 ngày)

Về hợp đồng, bên vay sử dụng mẫu hợp đồng chuẩn (Standard Form of Contract) phù hợp do WB cung cấp có điều chỉnh ở mức tối thiểu cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của từng dự án và quốc gia cụ thể. Điều đáng lưu ý là các thay đổi này cần phải có sự chấp thuận của WB, và chỉ được đưa vào phần **“Các dữ liệu của hợp đồng hoặc trong phần”** các điều khoản chung của hợp đồng ghi trong **“Mẫu hợp đồng chuẩn của WB”**

Khi những mẫu chuẩn của hợp đồng không phù hợp, bên vay có thể sử dụng một mẫu hợp đồng khác được WB chấp nhận và tùy từng công việc cần tư vấn cụ thể, các bên có thể lựa chọn một trong những loại hợp đồng tư vấn sau: hợp đồng trọn gói, hợp đồng trả phí theo thời gian trả phí...

Trong quá trình đàm phán, ký kết cũng như dự thảo hợp đồng, các điều khoản quan trọng đáng lưu ý nhất gồm:

- Đồng tiền sử dụng;
- Điều khoản về điều chỉnh giá cả;

- Thanh toán;
- Điều khoản về Bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng;
- Điều khoản về các đóng góp của bên cho vay;
- Điều khoản về các đóng góp của bên vay;
- Điều khoản về xung đột quyền lợi;
- Điều khoản về trách nhiệm chuyên môn;
- Điều khoản về thay thế cán bộ tư vấn;
- Điều khoản về luật áp dụng và giải quyết tranh chấp.

+ Tiếp nhận các đề án dự thầu:

Bên vay phải dành đủ thời gian cho các **“chuyên gia tư vấn”** chuẩn bị đề án dự thầu (không dưới 4 tuần và không quá 3 tháng)<sup>8</sup>. Trong khoảng thời gian này, các **“chuyên gia tư vấn”** có thể yêu cầu được bên vay giải thích về các thông tin trong **“Yêu cầu nộp đề án dự thầu”** và bên vay phải có trả lời bằng văn bản, sau đó gửi cho tất cả các Công ty có tên trong **“danh sách ngắn”** (những Công ty có ý định dự thầu)

WB quy định đề án kỹ thuật đã qua sơ tuyển và đề án tài chính phải được nộp cùng một lúc trong các phong bì riêng. Sau khi hết hạn nộp đề án dự thầu, các bên không được có sửa đổi nào về đề án kỹ thuật hoặc tài chính. Lúc này, gói thầu kỹ thuật sẽ được mở ngay lập tức bởi một ban mở thầu, còn gói thầu tài chính sẽ tiếp tục được phong kín và gửi cho một Công ty kiểm toán cũng có uy tín hoặc một cơ quan có thẩm quyền độc lập cho tới khi nó được mở công khai.

+ Xét thầu

Quá trình xét thầu hay còn gọi là quá trình đánh giá thầu được tiến hành theo hai giai đoạn: Trước tiên là đánh giá về chất lượng và sau đó là đánh giá về chi phí.

Trong quá trình xét thầu, các chuyên gia tham gia đánh giá gói thầu kỹ thuật không được tiếp cận với gói thầu tài chính cho đến khi đánh giá xong gói thầu kỹ thuật. Quá trình đánh giá này phải được tiến hành tuân theo các quy định của yêu cầu nộp đề án dự thầu.

---

<sup>8</sup> Theo Guideline Selection II, 2, 12 - The World Bank...

- **Đánh giá chất lượng:** Bên vay phải đánh giá từng gói thầu kỹ thuật thông qua một Hội đồng xét thầu gồm 3 hoặc nhiều hơn 3 chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, căn cứ vào một số tiêu chí nhất định
- **Đánh giá về chi phí:** Đánh giá về chi phí được thực hiện sau khi việc đánh giá chất lượng kết thúc. Bên vay sẽ thông báo đồng thời cho các **“chuyên gia tư vấn”** đạt đủ mức điểm chuẩn tối thiểu và nêu rõ thời gian sẽ mở gói thầu chính. Ngày mở gói thầu tài chính không hơn 2 tuần sau ngày thông báo, gói thầu tài chính được mở công khai với sự có mặt của các đại diện của **“chuyên gia tư vấn”** (Công ty tư vấn) được lựa chọn tham gia.

**+ Kết hợp đánh giá chất lượng và chi phí**

Tổng số điểm của mỗi đề án dự thầu được tính bằng cách tính tổng mức điểm chất lượng và điểm chi phí theo tỷ trọng của hai yếu tố này. Trong mọi trường hợp, tỷ trọng của phần điểm chi phí không được vượt quá 30%. Tỷ trọng đề xuất cho phần điểm chất lượng và phần điểm chi phí phải được nêu rõ trong RFP.

Cuối cùng, **“chuyên gia tư vấn”** đạt điểm cao nhất sẽ được mời đàm phán để ký kết hợp đồng tư vấn với bên này.

**+ Đàm phán ký kết hợp đồng**

Đàm phán và ký kết hợp đồng là giai đoạn nội dung cuối cùng và quan trọng nhất trong quy trình tuyển chọn, bao gồm việc thực hiện Điều khoản tham chiếu (TOR), phương pháp thực hiện, nhân sự, đầu vào của bên vay và các điều kiện đặc biệt của hợp đồng. Các nội dung thảo luận trong quá trình đàm phán không được thay đổi đáng kể (TOR) đưa ra ban đầu hoặc các điều kiện của hợp đồng.

Quá trình đàm phán, **“Điều khoản tham chiếu”** cuối cùng và phương pháp được lựa chọn để thực hiện công việc cần tư vấn phải xác định và đưa vào mục **“Mô tả dịch vụ”** - một phần không thể thiếu của hợp đồng.

Như trên đã nêu, vấn đề nhân sự là một trong những nội dung quan trọng của quá trình đàm phán. Có thể khẳng định, chất lượng của công việc tư vấn phụ thuộc hoàn toàn vào đội ngũ cán bộ thực hiện, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt. Do đó, theo quy định Công ty tư vấn được tuyển chọn không được phép tự ý thay đổi cán bộ chủ chốt nếu không có sự đồng ý của bên vay (bên tuyển chọn tư vấn). Khi có sự thay đổi này, các cán bộ chủ chốt

được thay thế sẽ phải có trình độ chuyên môn tương đương hoặc trội hơn so với các cán bộ đã đề xuất ban đầu.

Nội dung tiếp theo của quá trình đàm phán là vấn đề tài chính. Đàm phán về tài chính bao gồm việc giải thích về trách nhiệm nộp thuế của “chuyên gia tư vấn” tại nước bên vay (nếu có) và vấn đề này sẽ được phản ánh trong hợp đồng như thế nào.

Nếu việc đàm phán không đạt được kết quả để đi đến việc ký kết hợp đồng hợp lý, bên vay có thể chấm dứt đàm phán sau khi xin ý kiến của WB. Công ty tư vấn không thành công phải được thông báo lý do chấm dứt đàm phán.

Nếu việc đàm phán kết thúc thành công, bên vay phải nhanh chóng thông báo cho các Công ty khác trong “Danh sách ngắn” là họ bị hại

**- Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất lượng (QBS - Quality Based Selection)**

Trong nhiều trường hợp, phương pháp tuyển chọn QCBS không phải là phương pháp phù hợp nhất để tuyển chọn tư vấn, mà các phương pháp khác lại tỏ ra thích hợp hơn. Cụ thể, theo WB đối với các loại hình công việc sau đây, phương pháp tuyển chọn tư vấn QBS nên được áp dụng:

- + Các công việc phức tạp, hoặc đòi hỏi chuyên môn quá cao, do đó khó có thể xác định chính xác các điều khoản tham chiếu (TOR); các sản phẩm dịch vụ và công việc mà bên vay muốn “chuyên gia tư vấn” thể hiện sự sáng tạo trong đề án dự thầu.

- + Các công việc có ảnh hưởng lớn về lâu dài, vì vậy cần có những chuyên gia giỏi nhất.

- + Các công việc có thể được tiến hành bằng những phương pháp rất khác nhau, do đó không thể so sánh các đề án dự thầu với nhau.

Với phương pháp lựa chọn “QBS”, “Yêu cầu nộp đề án dự thầu” (DFP) có thể chỉ yêu cầu nộp đề án kỹ thuật (mà không có đề án tài chính) hoặc yêu cầu nộp đề án kỹ thuật và đề án tài chính cùng một lúc trong hai phong bì riêng biệt theo “cơ chế 2 phong bì”

Nếu trong RFP chỉ yêu cầu nộp đề án kỹ thuật, sau khi tiến hành đánh giá kỹ thuật như ở quy trình tuyển chọn “QCBS”, bên vay yêu cầu “Chuyên gia tư vấn” có số điểm kỹ thuật cao nhất nộp đề án tài chính chi tiết. Kế đó, hai bên sẽ đàm phán về đề án tài chính và hợp đồng tư vấn.

Mọi vấn đề khác của quy trình tuyển chọn “QBS” phải được thực hiện giống như quy trình tuyển chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS)

Nếu các “chuyên gia tư vấn” được yêu cầu nộp đề án tài chính cùng với đề án kỹ thuật ngay từ đầu thì việc đánh giá đề án kỹ thuật và đề án tài chính phải được tiến hành như đã mô tả trong quy trình tuyển chọn “QCBS”

**- Tuyển chọn tư vấn theo ngân sách cố định**

Phương pháp tuyển chọn theo ngân sách cố định chủ phù hợp khi công việc cần được tư vấn đơn giản và khi dự trù ngân sách đã cố định. Với phương pháp tuyển chọn này, “Yêu cầu nộp đề án dự thầu” (RFP) phải ghi rõ mức dự trù ngân sách và yêu cầu các “chuyên gia tư vấn” cung cấp đề án kỹ thuật và đề án tài chính tốt nhất của mình trong phạm vi ngân sách đã ấn định. Việc đánh giá đề án tài chính và đề án kỹ thuật cũng như những vấn đề khác phải được tiến hành như đã mô tả ở quy trình tuyển chọn “QCBS”

**- Tuyển chọn tư vấn có chi phí thấp nhất**

“Tuyển chọn tư vấn có chi phí thấp nhất” tỏ ra thích hợp hơn cả so với các phương pháp tuyển chọn khác khi bên vay muốn chọn tư vấn cho những công việc mang tính chất tiêu chuẩn. Trong đó, mọi thông lệ và tiêu chuẩn đề đã được thiết lập từ lâu và hợp đồng tư vấn có giá trị nhỏ (không quá 200.000USD)

Với phương pháp tuyển chọn này, mức tiêu chuẩn tối thiểu về “chất lượng” phải được xác định rõ trong “Yêu cầu đề án dự thầu” (RFP). Mức điểm chuẩn tối thiểu được xác định dựa trên quan điểm toàn bộ các đề án đạt điểm cao hơn mức tối thiểu sẽ chỉ cạnh tranh nhau bằng “chi phí”. Theo dõi “chuyên gia tư vấn” có giá trị thấp nhất sẽ được chọn.

**- Tuyển chọn trên cơ sở năng lực chuyên môn của chuyên gia tư vấn**

Phương pháp tuyển chọn trên cơ sở năng lực chuyên môn của chuyên gia tư vấn được WB đưa ra nhằm áp dụng cho các trường hợp bên vay cần tuyển chọn tư vấn để thực hiện công việc có quy mô rất nhỏ (giá trị không quá 100.000 USD). Với những công việc này, bước chuẩn bị, đánh giá các đề án dự thầu cạnh tranh trở nên không cần thiết, ở đây, bên vay chỉ chuẩn bị điều khoản tham chiếu (TOR), mời các “chuyên gia tư vấn tham dự thầu”, lập “Danh sách ngắn” các “chuyên gia tư vấn đã qua sơ tuyển”,

“Chuyên gia tư vấn” được lựa chọn phải có năng lực và trình độ chuyên môn thích hợp. Cuối cùng, phía “chuyên gia tư vấn” sẽ được mời tới đàm phán, ký kết hợp đồng sau khi đã nộp đề án kỹ thuật và đề án tài chính.

Trong số 5 phương pháp tuyển chọn “chuyên gia tư vấn”, phương pháp bên vay lựa chọn áp dụng (trên cơ sở có sự thống nhất của WB) phải được quy định trong hiệp định khoản vay (bao gồm Hiệp định vay IBRD và Hiệp định tín dụng phát triển IDA) - văn bản quy định quan hệ pháp lý giữa WB và bên vay. Song, bên vay có thể không áp dụng các quy trình, thủ tục tuyển chọn tư vấn với điều kiện hợp đồng dịch vụ tư vấn không được tài trợ từ WB. Trong trường hợp đó, WB yêu cầu bên vay phải có những bảo đảm cần thiết về chất lượng, tiến độ công việc đã thống nhất.

Ngoài ra, WB quy định, trong mọi quy trình tuyển chọn tư vấn cho dự án phải áp dụng các thủ tục WB đưa ra; chỉ những Công ty đã đăng ký hoặc thành lập tại các quốc gia thành viên của WB cũng như, các cá nhân là công dân của các quốc gia này mới đủ tư cách hợp lệ để tham gia cạnh tranh cung cấp dịch vụ tư vấn cho các dự án do WB tài trợ<sup>9</sup>

### **Quy trình đấu thầu mua sắm hàng hoá, công trình 10 cho các dự án vay vốn**

Theo quy định của WB, quy trình đấu thầu mua sắm hàng hóa, công trình cho các dự án do WB tài trợ toàn bộ hoặc một phần phải được tiến hành theo trình tự thủ tục hế sức chặt chẽ mà WB đưa ra. Cũng như đối với quy trình tuyển chọn chuyên gia tư vấn, trách nhiệm ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng mua sắm thuộc về bên vay, mà không thuộc về WB.

Bên cạnh đó, tư cách hợp lệ của các nhà thầu tham gia đấu thầu mua sắm cũng được quy định tương tự như đối với các “chuyên gia tư vấn” ở quy trình tuyển chọn tư vấn. Điều đó có nghĩa là, mọi cá nhân không phải là công dân của các quốc gia thành viên của WB hay là những nhà thầu chào “hàng hóa” và công trình từ các quốc gia không phải là thành viên của WB đều không đủ tiêu chuẩn dự thầu đối với các hợp đồng mua sắm hàng hóa, công trình được tài trợ toàn bộ hoặc một phần từ vốn này. Sở dĩ có quy định này vì chính sách của WB là chỉ cho phép bên vay được rút vốn để thanh toán các chi phí cho hàng hóa và công trình do công dân của các nước

<sup>9</sup> Theo “General Conditions applicable to Development Credit Agreements Selection” 5.01, Dated January 1, 1985 (as amended through December 2, 1997)

<sup>10</sup> Theo “General Conditions applicable to Development Credit Agreements Selection” 5.01, Dated January 1, 1985 (as amended through December 2, 1997).

thành viên của WB cung cấp và được sản xuất hoặc cung ứng từ cá nước đó<sup>11</sup>

Nhìn chung, quy định đấu thầu mua sắm hàng hóa, công trình cho dự án vay vốn theo quy định của WB gồm các bước cơ bản sau:

- Thông báo và quảng cáo;
- Sơ tuyển các nhà thầu;
- Mở thầu;
- Xét thầu;
- Trao hợp đồng (ký kết hợp đồng)

Tuy nhiên, đối với các phương thức mua sắm hàng hóa, công trình chủ yếu mà WB đưa ra, trừ phương thức “ICB” - phương thức mua sắm thông qua thủ tục đấu thầu cạnh tranh quốc tế, không phải phương thức nào cũng có quy trình đấu thầu bao gồm đầy đủ các bước từ “thông báo và quảng cáo” tới “trao hợp đồng”

Ngoài phương thức “ICB”, các phương thức mua bán hàng hóa, công trình, chỗ các dự án, do WB tài trợ bao gồm: Phương thức đấu thầu quốc tế hạn chế (LIB), đấu thầu cạnh tranh trong nước (CNBC), chào cạnh tranh (quốc tế và trong nước), hợp đồng trực tiếp (Direct contracting), tự làm (Force Account), mua sắm qua các cơ quan Liên Hợp quốc, mua sắm qua các tổ chức mua sắm chuyên môn (Procurement Agents), Đại lý giám định (Inspection Agents), mua sắm trong các khoản vay của tổ chức tài chính trung gian, mua sắm bằng vốn vay được WB bảo lãnh, mua sắm có sự tham gia của cộng đồng. Trong số các phương thức mua sắm này, một số có quy trình đấu thầu tương tự “ICB”, một số có quy trình đấu thầu hoàn toàn riêng biệt.

Như vậy, có thể nói với mỗi phương thức mua sắm hàng hóa, công trình theo quy định của WB, thủ tục, quy trình đấu thầu được áp dụng lại có những điểm khác biệt nhất định. Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày nội dung của các phương thức một cách cụ thể.

**Thứ nhất, mua sắm hàng hóa, công trình thông qua đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB):**

---

<sup>11</sup> “Hàng hóa” là “công trình” bao gồm cả các dịch vụ liên quan như vận chuyển, bảo hiểm, lắp đặt, đào tạo và bảo dưỡng ban đầu, “hàng hóa” bao gồm cả các hàng hóa như phân bón, nguyên liệu, máy móc, thiết bị và nhà máy công nghiệp. “Công trình” bao gồm : công trình xây lắp và công trình xây dựng.

Trong hầu hết các trường hợp, “ICB” luôn được xem là phương thức mua sắm kinh tế và hiệu quả nhất. Có thể phương thức “ICB” là phương thức mua sắm bên vay nên chọn và nên ghi tới đầu tiên cần mua hàng hóa, công trình cho dự án. Theo chính sách của WB, chỉ phương thức “ICB” mới được áp dụng các mức ưu đãi cho hàng hóa sản xuất trong nước và nhà thầu trong nước. Vấn đề này không được đặt ra đối với các phương thức mua sắm khác ngoài “ICB”

Như đã đề cập, quy trình đấu thầu mua sắm hàng hóa, công trình theo phương thức “ICB” gồm các bước cơ bản sau:

#### Bước 1: Thông báo và quảng cáo:

Đối với các dự án có kế hoạch mua sắm theo phương thức “ICB”, WB yêu cầu bên vay phải chuẩn bị và nộp “Thông báo chung về mua sắm”. Thông báo này phải chứa đựng đầy đủ các thông tin về bên vay, số tiền và mục đích khoản vay, mô tả hàng hóa và công trình xây lắp sẽ được đấu thầu theo thể thức “ICB” đồng thời phải chỉ rõ thời gian dự kiến cho việc đấu thầu hoặc nộp hồ sơ tuyển và xác định cơ quan nào của bên vay chịu trách nhiệm đối với việc đấu thầu mua sắm. Thông báo chung về mua sắm sẽ được WB thu xếp đăng trên tạp chí kinh doanh và phát triển của Liên Hợp Quốc”. Bên vay có trách nhiệm cung cấp thông tin cần thiết cho việc cập nhật thông báo chung hàng năm và đăng lại các loại hàng hóa, công trình xây lắp còn lại chưa được đấu thầu mua sắm.

Ngoài ra, với phương thức “ICB”, những cơ hội đấu thầu còn phải được thông báo cho cộng đồng quốc tế. Các giấy mời sơ tuyển hay mời thầu phải được quảng cáo trên ít nhất một tờ báo hàng ngày chính thức. Đại diện các nước đủ tiêu chuẩn tham gia đấu thầu ở nước vay được đánh giá là có khả năng trở thành nhà cung ứng hàng hóa hoặc công trình xây lắp cho dự án cùng phải nhận được những bản sao giấy mời hoặc quảng cáo này.

Tóm lại, việc thông báo phải sớm được tiến hành để các nhà thầu đủ thời gian nhận được hồ sơ chuẩn bị và nộp đơn dự thầu hoặc đơn dự sơ tuyển.

#### Bước 2: Sơ tuyển các nhà thầu

Sơ tuyển các nhà thầu là bước quan trọng và cần thiết trong quy trình đấu thầu mua sắm cho các dự án cần cung ứng những dịch vụ chuyên ngành, hàng hóa xác định phải đặt mua hoặc công trình xây lắp lớn và phức tạp. Việc sơ tuyển phải hoàn toàn dựa trên khả năng của các nhà thầu có tính đến kết quả thực hiện hợp đồng tương tự của họ trước đây và ngay sau

khi việc sơ tuyển kết thúc, hồ sơ mới thầu sẽ được cấp cho các nhà thầu đủ tiêu chuẩn.

Hồ sơ mời thầu trao cho từng nhà thầu đã qua sơ tuyển phải đảm bảo cung cấp mọi thông tin cần thiết để nhà thầu chuẩn bị đơn dự thầu. Cụ thể một bộ hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, công trình theo quy định của Ngân hàng thế giới gồm: Thông báo mời thầu, các chỉ dẫn dành cho nhà thầu, mẫu đơn dự thầu, mẫu hợp đồng điều kiện hợp đồng (điều kiện chung và điều kiện cụ thể), yêu cầu kỹ thuật, danh sách hàng hóa hoặc bảng kê khối lượng, thời hạn giao hàng hoặc hoàn thành công trình, các phụ lục cần thiết như các mẫu, biểu về bảo lãnh. Song, quan trọng hơn cả, trong một bộ hồ sơ mời thầu, bên vay phải nêu rõ cơ sở đánh giá và chọn đơn dự thầu có chi phí thấp nhất.

“Hồ sơ mời thầu chuẩn” (SBD) phù hợp do WB phát hành là loại hồ sơ bên vay phải sử dụng. Khi các “Hồ sơ mời thầu chuẩn” đã được phát hành không thích hợp, bên vay phải dùng các điều kiện chung của hợp đồng và các mẫu hợp đồng chuẩn khác được quốc tế công nhận và được WB chấp nhận để thay thế. Trong trường hợp cần thiết, nếu WB chấp nhận bên vay có thể sửa đổi “Hồ sơ mời thầu chuẩn” do WB phát hành ở mức tối thiểu và những sửa đổi này chỉ được nêu ở phần dữ liệu hợp đồng hoặc điều kiện cụ thể hợp đồng mà không được thay đổi câu chữ chuẩn trong “SBD” của WB

### Bước 3: Mở thầu

WB quy định thời điểm mở thầu là thời điểm hết hạn nhận đơn dự thầu hoặc ngay sau đó và nơi mở thầu là địa điểm đã được ấn định trong thông báo mời thầu.

Thời gian cho phép chuẩn bị và nộp đơn dự thầu đối với “ICB” không dưới 6 tuần tính từ ngày mở thầu hoặc ngày bắt đầu phát hồ sơ mời thầu, tính từ ngày muộn hơn. Trường hợp dự án vay vốn cần mua sắm các thiết bị phức tạp hoặc các công trình xây dựng lớn, khoảng thời gian này không dưới 12 tuần.

Khi tiến hành mở thầu, các đơn dự thầu phải được mở công khai. Sau khi mở thầu kết thúc, bên vay phải nhanh chóng gửi cho WB một bản sao biên bản mở thầu.

### Bước 4: Xét thầu

Thủ tục xét thầu thực chất là thủ tục đánh giá và so sánh các đơn dự thầu. Bản chất của “Đơn dự thầu” là một bộ phận hồ sơ phúc đáp lại “Hồ sơ mời thầu” của bên vay. Trong đơn dự thầu, nhà thầu sẽ chào giá các hàng

hóa, công trình, cũng như phúc đáp yêu cầu của bên vay về tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng tiền thanh toán... và mọi vấn đề khác trong phạm vi khả năng tốt nhất của mình.

Trong đấu thầu mua sắm hàng hóa, công trình, yếu tố cạnh tranh chủ yếu là giá cả và chi phí tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng đã được bên vay quy định hết sức cụ thể. Do đó, cơ sở đánh giá, so sánh các đơn dự thầu cũng chính là chi phí. Theo quy định, đơn dự thầu được đánh giá có chi phí thấp nhất, nhưng không cần thiết phải là đơn dự thầu có giá chào thấp nhất, phải được chọn để trao hợp đồng. Sở dĩ các đơn dự thầu có giá chào thấp nhất không phải khi nào cũng được lựa chọn để trao hợp đồng là do bên vay còn phải xác định liệu nhà thầu đã đưa ra giá chào thấp nhất có thể đảm bảo thực hiện hợp đồng thực sự hiệu quả như đã chào trong đơn dự thầu hay không. Nếu nhà thầu không đủ khả năng thực sự để đáp ứng những tiêu chuẩn được nêu trong đơn dự thầu (cũng như hồ sơ dự thầu), họ vẫn có thể bị loại cho dù giá thầu họ đã đưa ra là giá chào thấp nhất.

#### Bước 5: Trao hợp đồng

Bên vay phải trao hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của đơn dự thầu<sup>12</sup> cho nhà thầu có đơn dự thầu được xác định có chi phí thấp nhất và đáp ứng được các tiêu chuẩn cần thiết về năng lực và nguồn tài chính. Trong mọi trường hợp, nhà thầu không thể bị đòi hỏi phải chịu trách nhiệm về các công việc không được nêu trong hồ sơ mời thầu hoặc bị buộc phải sửa đổi đơn dự thầu như một điều kiện để được trúng thầu. Sau khi hợp đồng mua sắm đã được ký kết giữa bên vay và nhà thầu được chọn, bản sao nguyên bản của hợp đồng này phải được chuyển ngay cho WB.

Trong phương thức mua sắm ICB, ngoài quy định phải là công dân hoặc Công ty có quốc tịch tại quốc gia thành viên của WB, WB có yêu cầu để đủ tư cách dự thầu và để bảo vệ bên vay, bảo lãnh dự thầu này, tùy lựa chọn của nhà thầu phải thuộc một trong ba loại: thư tín dụng, sẽ bảo chi hoặc bảo lãnh của một Ngân hàng có uy tín. Bảo lãnh dự thầu phải còn nguyên giá trị trong thời gian 4 tuần sau khi hết hạn hiệu lực của đơn dự thầu và được trả lại cho khi đã xác định được là họ sẽ không được trao hợp đồng. Tương tự như vậy, sau khi hợp đồng mua sắm đã được ký kết với bên vay, nhà thầu được chọn cũng phải nộp “Bảo lãnh thực hiện” với số tiền hợp lý đủ để bảo vệ bên vay khi nhà thầu vi phạm hợp đồng. Loại bảo lãnh này

---

<sup>12</sup> Thời hạn hiệu lực của đơn dự thầu là khoảng thời gian cho phép được quy định trong hồ sơ mời thầu đủ để bên vay hoàn thiện việc so sánh và đánh giá các đơn dự thầu và thực hiện các thủ tục cần thiết để hợp đồng có thể được trao cho nhà trúng thầu.

phải được cung cấp dưới dạng trái phiếu hoặc bảo lãnh nguồn hàng đối với “Hợp đồng mua sắm”, công trình xây lắp. Đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa, loại bảo lãnh này có thể cung cấp dưới dạng bảo lãnh Ngân hàng.

### **Thứ hai, đấu thầu quốc tế hạn chế (LIB)**

Về bản chất, đấu thầu quốc tế hạn chế là đấu thầu cạnh tranh quốc tế, nhưng với phương thức này bên vay không được quảng cáo công khai mà tiến hành thông báo thông qua việc gửi giấy mời trực tiếp. Theo LIB, các nhà thầu trong nước không được hưởng ưu đãi khi đánh giá đơn dự thầu. Do vậy, trừ quảng cáo và ưu tiên trong nước, trên mọi phương diện phương thức mua sắm LIB đều phải áp dụng thủ tục của ICB (phương thức đấu thầu cạnh tranh quốc tế)

### **Thứ ba, đấu thầu cạnh tranh trong nước (NCB)**

Đấu thầu cạnh tranh trong nước là phương thức có hiệu quả và tiết kiệm nhất để mua sắm các loại hàng hóa và công trình xây lắp mà tính chất và quy mô của chúng khó có thể thu hút được sự cạnh tranh quốc tế.

Đối với phương thức mua sắm này, việc đăng tải thông báo chung về mua sắm không bắt buộc và quảng cáo chỉ cần giới hạn trong phạm vi báo chí trong nước. Trong trường hợp mua sắm theo NCB, các Công ty nước ngoài cũng cần có quyền tham gia đấu thầu với điều kiện họ phải tuân theo các thủ tục đấu thầu của nước bên vay.

### **Thứ tư, Chào hàng cạnh tranh (quốc tế và trong nước)**

Chào hàng cạnh tranh là phương thức mua sắm dựa trên cơ sở so sánh giá chào của các nhà cung ứng trong và ngoài nước, ít nhất phải của 3 nhà cung ứng từ 2 nước khác nhau đối với chào hàng cạnh tranh quốc tế và từ hai nguồn trở lên tại nước bên vay.

Ở phương thức mua sắm này, quan hệ pháp lý giữa bên vay và nhà cung ứng không thông qua hợp đồng mà thông qua đơn đặt hàng.

Trong toàn bộ các phương thức mua sắm WB đưa ra, chỉ gồm 4 phương thức: Phương thức ICB, LIB, NCB và chào hàng cạnh tranh được WB quy định cách thức tiến hành và phương thức chi tiết, đối với phương thức còn lại WB không đưa ra quy định cụ thể, tùy từng trường hợp, quy trình và thủ tục mua sắm có thể do bên vay và nhà cung ứng tự thỏa thuận như ở phương thức hợp đồng trực tiếp hoặc phải tuân thủ theo quy trình, thủ tục đã có thông lệ riêng như trường hợp mua sắm trong các khoản vay của các tổ chức tài chính trung gian... Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, dù lựa

chọn mua sắm theo phương thức nào, quy trình, thủ tục ra sao thì bên vay đều thông báo qua WB. Qua đó, các phương thức mua sắm cụ thể áp dụng cho từng hạng mục hàng hóa, công trình xây lắp của dự án vay vốn được xác định và sẽ được quy định chi tiết trong Hiệp định vay<sup>13</sup>

## **1.2. Một số vấn đề pháp lý về xử lý nợ quốc gia**

### **1.2.1. Giới thiệu tổng quát**

Một đất nước mà uy tín bị giảm sút sẽ trải qua một giai đoạn thiếu các nguồn vốn tín dụng, tăng các khoản nợ ngắn hạn và cuối cùng là không tìm kiếm được các nguồn tín dụng nữa. Cách xử lý thường là quốc gia đó sẽ tham khảo ý kiến của các ngân hàng và các Chính phủ chủ nợ chính và sau đó thông báo dừng trả nợ. Biện pháp này là cần thiết vì nó giúp ổn định tình hình và các chủ nợ được biết là mình được đối xử như nhau và tất cả đều bị ngừng trả nợ.

Nợ thường được cơ cấu lại theo phương pháp “short-leash”. Theo phương pháp này, số nợ được cơ cấu chỉ là một phần của tổng số nợ hiện tại. Số nợ sau khi cơ cấu được xác định là nợ quá hạn tại thời điểm cơ cấu lại cộng với các khoản thanh toán tới hạn trong vòng, ví dụ, từ 6 tới 18 tháng.

Mục tiêu của phương pháp “short-leash” trong con mắt của chủ nợ là (a) Khuyến khích nước vay nợ thông qua các chương trình cần thiết để cải thiện khả năng trả nợ của mình; (b) Cho phép chủ nợ giám sát hoạt động và đánh giá được liệu trong những năm tới có phải tiếp tục giãn nợ không; (c) Để duy trì thế mặc cả của chủ nợ; và (d) Để góp phần tránh tình trạng phải giãn nợ quá dễ dàng.

### **1.2.2. Thứ hạng của các khoản nợ**

1.2.2.1 Nhìn chung, dưới góc độ pháp lý, có một thứ bậc chung cho các khoản nợ:

a. Nợ đa phương: Đó thường là nợ vốn của IMF, WB và các tổ chức phát triển khu vực. Về mặt lý thuyết, các chủ nợ đa phương không cơ cấu lại nợ mặc dầu IMF có thể chuyển từ khoản cho vay dự phòng này sang khoản vay dự phòng khác). Lập luận ở đây là họ là những người cho vay cứu cánh cuối cùng hoặc họ cung cấp tín dụng phát triển đóng vai trò như là nền tảng cho uy tín của một quốc gia. Lý do thực chất có thể là họ có đủ sức mạnh về mặt ngoại giao để từ chối việc cơ cấu nợ.

---

<sup>13</sup> Hiệp định vay ở đây gồm: Hiệp định vay đối với khoản vay từ IBRD và Hiệp định tín dụng phát triển đối với khoản tín dụng từ IDA

b. Nợ Chính phủ: Đó có thể là nợ trực tiếp giữa các Chính phủ hay nợ dưới dạng bảo lãnh tín dụng xuất khẩu. Nợ Chính phủ thường được xử lý theo nguyên tắc của Câu lạc bộ Paris. Câu lạc bộ này được thành lập khi Argentina không thể được nợ vào năm 1956, bao gồm Bộ trưởng tài chính của các nước công nghiệp hàng đầu dưới sự chủ tọa của Bộ trưởng tài chính Pháp. Việc cơ cấu lại nợ này không phải là một khoản viện trợ phát triển và cũng không phải là một khoản vay ưu đãi. Một nước chỉ được đưa ra Câu lạc bộ trong trường hợp khẩn cấp. Nước vay nợ phải chấp nhận chương trình của IMF. Như vậy các thành viên của Câu lạc bộ Paris không trực tiếp giám sát nền kinh tế của nước vay nợ. Mỗi nước thành viên của Câu lạc bộ sẽ cơ cấu lại vốn trên cơ sở song song dựa trên các hiệp định song phương được ký kết phù hợp với tinh thần của Biên bản Câu lạc bộ. Người ta mong đợi các nước khác cũng làm tương tự. Câu lạc bộ này không đặt ra luật lệ hay định chế chính thức của mình.

c. Trái phiếu công: Trái phiếu công rất khó được cơ cấu lại. Trên thực tế số lượng trái phiếu công thường là khá nhỏ trong tương quan với phần vốn nợ còn lại. Điều đó đơn giản vì các nước yếu kém về mặt tài chính khó có khả năng vay nợ trên thị trường eurobond thông qua một cơ quan uỷ thác trong khi các thông lệ về phát hành trái phiếu công ty không được áp dụng ở đây. Vì vậy không thể hạn chế được việc một chủ sở hữu trái phiếu tìm cách lấy lại tiền của mình và qua đó làm rối loạn nguyên tắc công bằng. Trước năm 1950, phần lớn nợ nước ngoài của một quốc gia là nợ dưới dạng trái phiếu công. Những khoản nợ này đã được cơ cấu lại thông qua đàm phán với cộng đồng những người nắm giữ trái phiếu nước ngoài mà họ hiện nay hầu như đã chết hết.

d. Việc nợ ngân hàng thương mại: Các ngân hàng thương mại được tổ chức rất tốt và chịu những áp lực về mặt hành chính và thương mại, và vì vậy việc xoá các khoản nợ có thể ảnh hưởng hết sức tai hại tới bằng cân đối của các ngân hàng. Do vậy, cộng đồng các ngân hàng thương mại rất nhanh chóng có thể tổ chức lại và gặp gỡ nhau trong một Thỏa thuận xử lý nợ. Dù là nợ dưới dạng ngắn hạn hay dưới dạng tín dụng thư, việc xử lý nợ sẽ phụ thuộc vào tình trạng nghiêm trọng của vấn đề. Thương thảo về nợ sẽ được thực hiện thông qua một ban chỉ đạo gồm các ngân hàng chủ nợ chính.

e. Nợ thương mại: Thông thường nợ thương mại không được cơ cấu lại, một phần vì lý do thực dụng của chúng, một phần vì nợ thương mại có thể được các nước vay nợ dễ dàng tạo ra bằng biện pháp kiểm soát ngoại hối của mình. Vì các khoản nợ thương mại được chi phối bởi luật trong nước của nước vay nợ nên việc điều chỉnh, kiểm soát ngoại hối có thể dẫn tới thay

đổi trong nghĩa vụ trả nợ và tranh chấp sẽ được đưa cho một toà án nước ngoài giải quyết. Một số trường hợp, các khoản nợ thương mại được xếp hạng theo thứ tự trong một chương trình của những nước chủ nợ, như Thổ Nhĩ Kỳ (1970). Một số trường hợp, nợ thương mại nằm trong một kế hoạch chính thức như trường của Nigeria (1980), theo đó nợ thương mại được Ngân hàng trung ương nhận bằng cách xuất hành các trái phiếu trung hạn cho chủ nợ nước ngoài và nhận lại nợ thương mại.

### 1.2.3. Các Hiệp định cơ cấu lại nợ:

**1.2.3.1 Hiệp định cơ cấu lại nợ:** Một hiệp định xử lý nợ rất giống với một Hiệp định tín dụng đa phương lớn, có chứa đựng các điều khoản giống như trong Hiệp định tín dụng nhưng ở mức độ chi tiết hơn nhiều. Tất cả các chủ nợ ngân hàng đều ký vào Hiệp định và thông thường có một điều kiện tiên quyết để Hiệp định có hiệu lực là phải đạt được tỷ lệ thu hồi nợ cao, ví dụ tới 90%. Thông thường để xử lý nợ, cần phải có những khoản tiền mới. Nhiều khi khoản tiền mới này được dùng để trả lãi quá hạn nhằm mục đích giải toả căng thẳng cho các ngân hàng. Các khoản tiền mới này được xếp hạng nguồn để huy động dựa trên các áp lực. Về mặt lý thuyết, để có khoản tiền mới, có thể dùng tới mặt an ninh, chuyển nhượng lãnh thổ và chuyển giao tài sản, nhưng về mặt chính trị thì không cho phép đặt vấn đề này.

Nếu cơ chế của giảm nợ thường bao gồm vấn đề tài trợ cho các khoản nợ quá hạn, thì khoản vay mới để trả nợ cũ sẽ được chia theo tỷ lệ khi không phải tất cả các chủ nợ thành viên của khoản vay hợp vốn chấp nhận việc cơ cấu như vậy (thông thường, họ không có nhiều khả năng chọn lựa theo các điều kiện thương mại). Những phản đối của các chủ nợ thành viên trong những khoản vay hợp vốn theo phương pháp tham gia không chặt chẽ thường gây ra một số tranh chấp nhỏ. Thông thường, các tranh chấp này được giải quyết thông qua thương lượng. Vấn đề khó khăn ở đây là khoản cho vay mới để trả nợ cũ có thể được coi là một khoản trả nợ. Do vậy rất khó có thể cam kết thêm tiền cho các chủ nợ thành viên.

Bên cạnh sự miễn giảm thông qua các điều khoản miễn giảm toàn diện, áp dụng luật pháp và các diễn đàn quốc tế và với nhiều nguyên nhân khác, các chủ nợ quốc tế ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận với tài sản của nước mắc nợ hơn.

Sự tăng cơ hội tiếp cận với các tài sản của nước mắc nợ nói trên tạo ra sự kiểm soát cao độ của ngân hàng trung ương đối với việc tăng tốc độ trả nợ và các điều khoản trả nợ theo tỷ lệ. Cả hai quy định này tạo ra cơ chế chống lại các hành động đơn phương trong xử lý nợ.

**1.2.3.2 Đối chiếu nợ:** Quốc gia nợ thường phải chỉ định một hãng kế toán quốc tế chứng nhận các khoản nợ đủ điều kiện để được cơ cấu lại. Để có việc chứng nhận này, chuyên gia của các hãng kế toán chuyên nghiệp sẽ kiểm toán những khoản nợ và hoạt động vay nhằm xử lý sự khác nhau về các con số nợ do chủ nợ và nước vay nợ đưa ra. (Sự khác nhau này là không thể tránh khỏi và nếu không được xử lý sẽ gây chậm trễ trầm trọng việc cơ cấu lại nợ) và để bảo vệ tính bí mật của hiệp định vay nợ gốc.

**1.2.3.3 Đồng tiền:** Các khoản nợ dự định cơ cấu lại có thể tồn tại dưới dạng nhiều loại ngoại tệ khác nhau. Do vậy, chủ nợ cần chọn và chuyển nợ sang một hay một số loại ngoại tệ thông thường được lưu thông trên các thị trường tài chính quốc tế. Mục đích của việc chuyển đổi này là để giảm bớt khó khăn trong việc quản lý hành chính Hiệp định, để dễ dàng hơn trong việc quyết định lãi suất và để khẳng định lại nguyên tắc chia theo tỷ lệ giữa các ngân hàng chủ nợ có liên quan.

**1.2.3.4 Điều khoản “nợ ưu đãi nhất”:** Một nguyên tắc cơ bản của việc không trả được nợ là : những chủ nợ của những khoản nợ không được đảm bảo trong cùng một nhóm phải được trả nợ giống như nhau. Do không có một luật về phá sản nào áp dụng cho các quốc gia để đảm bảo nguyên tắc này, chúng phải được đảm bảo thông qua các cam kết. Điều khoản quan trọng nhất của vấn đề này là điều khoản “Nợ ưu đãi nhất”, theo đó nếu nước vay nợ trả cho một chủ nợ một khoản nợ ban đầu ngoại tệ nào đó thì cũng phải trả nợ cho các chủ nợ khác sau khi đã cơ cấu lại nợ nếu chúng có cùng thời hạn trả nợ như khoản nợ chủ nợ nói trên. Điều khoản này còn quy định các khoản nợ được ưu tiên trả trước là nợ IMF, nợ thương mại các nghĩa vụ về ngoại tệ theo hợp đồng, trái phiếu công, và các loại khác có thể được thỏa thuận. Một trong các tác dụng của điều khoản này (thường cũng xuất hiện trong các Hiệp định của Câu lạc bộ Paris) là thuyết phục tất cả các chủ nợ tham gia vào việc cơ cấu lại nợ. Về mặt lý thuyết khó có thể kiểm soát được việc thực hiện điều khoản này nhưng trên thực tế các nước đều muốn tuân thủ quy tắc đó.

Ngoài ra, điều khoản này còn quy định : nếu một bên thứ ba cam kết bảo lãnh cho một số khoản nợ nào đó trong Hiệp định xử lý nợ nhưng lại không tham gia vào Hiệp định thì nước vay nợ phải đảm bảo rằng việc bảo lãnh đó được chia xẻ giống nhau cho tất cả các khoản nợ nằm trong Hiệp định. Mục đích của quy định này là tránh bên thứ ba, ví dụ như các tổ chức quốc tế, bảo vệ những khoản nợ này nhưng lại không bảo vệ các khoản nợ khác.

**1.2.3.5 Quản lý kinh tế:** Các Hiệp định cơ cấu lại nợ gần như không áp đặt việc kiểm soát kinh tế trực tiếp đối với nước vay nợ hay áp đặt một chương trình kinh tế khắc khổ nào. Hai biện pháp cơ bản để đạt được việc cải thiện quản lý kinh tế là yêu cầu tuân thủ chương trình của IMF và phương pháp “short-leash”. Theo đó các ngân hàng chỉ cơ cấu lại một số khoản nợ giới hạn nào đó tới hạn trả nợ hoặc tới hạn trả nợ trong một vài năm tiếp theo. Việc cơ cấu lại nợ sau đó sẽ bị dừng lại nếu như nước vay nợ đạt được sự tiến bộ trong việc thực hiện hai biện pháp trên.

**1.2.3.6 Cam kết:** Nói chung chỉ có 3 loại cam kết chính trong một hiệp định cơ cấu lại nợ, đó là cam kết không tạo bảo đảm, cam kết tiêu cực và điều khoản paris passu (bình đẳng).

**a. Cam kết không tạo bảo đảm** quy định các quốc gia không được tạo ra hoặc cho phép có sự phân biệt đối xử đối với các tài sản của mình mang ra đảm bảo cho các khoản vay nợ. Trong bối cảnh của doanh nghiệp, điều khoản này nhằm tránh sự hạ thấp tầm quan trọng của những chủ nợ không được bảo đảm và tránh sự phân biệt đối xử giữa các chủ nợ. Đối với trường hợp quốc gia, điều khoản này nhằm tránh việc sử dụng số tài sản, tiền tệ quốc tế khan hiếm hoặc tài sản có thể xuất khẩu cho một chủ nợ duy nhất.

**b. Cam kết tiêu cực** trong các hiệp định cơ cấu lại nợ được áp dụng cho tất cả các hình thức đối xử ưu đãi nhằm chống các giao dịch ngầm. Mục tiêu của cam kết này là kiểm soát các giao dịch hoàn toàn ngẫu nhiên và vô tư nhưng lại có khả năng dẫn tới rối loạn các giao dịch thương mại thông thường.

Điều khoản cam kết tiêu cực có thể cho phép hoán đổi vàng, ví dụ, lấy vàng thỏi của quốc gia được giữ bởi ngân hàng Tái thiết Quốc tế.

**c. Điều khoản bình đẳng** giữa các chủ nợ: Điều khoản này quy định trong một thoả thuận cơ cấu lại nợ, phải xếp các khoản nợ không có bảo đảm bình đẳng với các khoản nợ có bảo đảm. Đối với trường hợp doanh nghiệp, điều khoản này có nghĩa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản thì các khoản nợ phải được trả theo tỷ lệ. điều đó hoàn toàn không có nghĩa một khoản nợ này không được phép trả trước một khoản nợ khác tính theo thời gian.

Trong trường hợp quốc gia, ý nghĩa của điều khoản này chưa thật rõ ràng vì không có luật phá sản nào quy định việc xếp hạng thanh toán các khoản nợ đối với một quốc gia. Có thể ý nghĩa của điều khoản này là, trên

thực tế, trong trường hợp không có khả năng thanh toán nợ thì không một chủ nợ nào được ưu tiên trả nợ bằng các tài sản, tiền tệ quốc tế có được nhờ một phương pháp không được quy định trước trong hợp đồng. Cũng có thể ý nghĩa của điều khoản này là không có sự phân biệt đối xử đối với những chủ nợ cùng loại trong trường hợp không có khả năng trả nợ.

**1.2.3.7 Sự kiện không trả được nợ:** Việc không trả được nợ sẽ không bao gồm việc không trả nợ thông thường như, không thanh toán, vi phạm việc bảo lãnh, vi phạm các nghĩa vụ khác quy định trong hiệp định cơ cấu lại nợ, v.v... Ngoài ra còn có những trường hợp không trả được nợ do những hoàn cảnh đặc biệt của các hiệp định cơ cấu lại, cụ thể:

Đối xử với các chủ nợ nhất định nào đó một cách ưu ái hơn. Điều này được áp dụng cho những khoản nợ đủ điều kiện để đưa ra xử lý cơ cấu lại nợ nhưng đã không được đưa ra, các khoản nợ Câu lạc bộ Paris và các khoản nợ chính thức khác.

Việc dừng các khoản mua sắm trong khuôn khổ khoản vay dự phòng của IMF do khó khăn trong thanh toán hoặc do bên vay không đáp ứng được các điều kiện để rút vốn, hoặc không tuân thủ theo quy định của khoản vay.

Tư cách thành viên trong IMF hoặc IBRD bị tạm dừng hoặc không đủ tiêu chuẩn hay hạn chế trong khả năng sử dụng tín dụng của IMF, IBRD.

**1.2.3.8 Điều khoản chia theo tỷ lệ:** Điều khoản này quy định nếu một ngân hàng nhận được khoản trả nợ lớn hơn phần tỷ lệ mà ngân hàng được nhận theo quy định thì ngân hàng này phải chuyển giao phần vượt hơn phần tỷ lệ đó cho một đại lý để đại lý này phân phối lại cho các ngân hàng khác theo tỷ lệ và khoản trả nợ vượt hơn tỷ lệ đó sẽ được trừ đi số nợ đã được trả cho ngân hàng này.

Điều khoản này là một điều khoản về công bằng được nêu ra nhằm cùng chia nhau số tiền nhận được như số tiền thu được do thắng kiện, số tiền thu từ bảo lãnh, hoặc chính là số tiền do bên vay trả nợ. Điều khoản này chính là điều khoản nhằm lấp chỗ trống của việc thiếu một bộ luật về phá sản trong lĩnh vực này. Mặt khác, điều khoản này không khuyến khích việc thu giữ tài sản của quốc gia không trả được nợ mà khuyến khích việc giảm nợ có tổ chức và việc điều phối công tác giữa các nước chủ nợ. Việc ưu tiên thanh toán nợ cho một chủ nợ được ưu tiên nào đó là bị phản đối. Điều khoản chỉ cho phép áp dụng ưu tiên trong khuôn khổ chung mà luật phá sản cho phép.

Một số hiệp định cơ cấu lại nợ còn đề cập tới các khoản thanh toán bằng đồng tiền nội địa và các giao dịch có liên quan tới hoán đổi nợ lấy trái phiếu.

#### 1.2.4. Quy chế bỏ phiếu của chủ nợ:

Thông lệ về việc kiểm soát hành chính các hiệp định được ký kết rất khác nhau. Số lượng các chủ nợ tham gia vào kế hoạch cơ cấu lại nợ lớn hơn nhiều so với số lượng các thành viên tham gia vào một hiệp định vay vốn. Các ngân hàng chủ nợ thường tập hợp lại uỷ thác cho một số ngân hàng chủ nợ làm đại diện xử lý công việc, thường theo một tỷ lệ áp đảo nào đó (một nửa hoặc hai phần ba số thành viên). Việc quyết định của tập thể những ngân hàng được uỷ thác này đạt được thông qua đa số nhất trí. Tuy nhiên, đối với một hiệp định vay vốn thì việc có một điều khoản rõ ràng “No-action” là một điều không bình thường.

#### 1.2.5. Tác động pháp lý của việc Nhà nước không có khả năng trả nợ tới khu vực tư nhân:

Khi một quốc gia không trả được nợ, thì khu vực tư nhân cũng sẽ không có khả năng trả nợ vì họ không có khả năng có được ngoại tệ. Đây là “rủi ro lây chuyền” và được phân biệt với các rủi ro khác do chính những doanh nghiệp tư nhân gây ra. Vấn đề này có thể được giải quyết bằng biện pháp quốc hữu hoá (đặc biệt là đối với khu vực ngân hàng) nhưng phổ biến hơn là bằng cách chuyển giao nợ theo đó nợ của khu vực tư nhân được chuyển cho Nhà nước hoặc ngân hàng trung ương. Các con nợ tư nhân thanh toán khoản nợ nước ngoài bằng tiền trong nước cho ngân hàng trung ương còn chủ nợ nước ngoài thì chấp nhận giấy nhận nợ của Chính phủ sau khi đã cơ cấu lại nợ, hoặc chấp nhận giấy nhận nợ của ngân hàng Nhà nước có sự bảo lãnh của Chính phủ.

Biện pháp phá sản là biện pháp nguy hiểm đối với chủ nợ nước ngoài khi chủ nợ nước ngoài đi vay để cho vay lại hoặc khi khoản nợ đó được quy đổi sang nội tệ vào thời điểm phá sản. Điều đó dẫn tới khả năng khoản nợ của chủ nợ nước ngoài bị mất giá nhiều nếu như đồng tiền trong nước bị mất giá.

#### 1.2.6. Hình thức pháp lý của việc chuyển đổi nợ lấy nợ

Theo hình thức này, thông thường một số quốc gia cố gắng thay thế các khoản nợ hoặc một số khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu dài hạn có khả năng làm thế chấp, ví dụ như trái phiếu của Chính phủ Mỹ. Chủ nợ có thể nhận các trái phiếu đó và bán lại cho những người có nhu cầu mau

trái phiếu. Việc chuyển đổi như vậy cần có sự nhất trí giữa các bên về các cam kết như “khoản nợ ưu đãi nhất”, Paris passu và chia theo tỷ lệ.

#### 1.2.7. Hình thức pháp lý của việc chuyển đổi nợ lấy cổ phiếu:

Theo hình thức này, thông thường một chủ nợ đồng ý huỷ bỏ khoản nợ bằng ngoại tệ đó đối với một quốc gia hay ngân hàng trung ương và nhận lại khoản nợ bằng cổ phiếu của một công ty hoặc một công ty Nhà nước đã được cổ phần hoá. Chủ nợ ngân hàng có thể bán khoản nợ cho một nhà đầu tư muốn tham gia vào việc chuyển đổi nợ như trên.

Có thể áp dụng một loạt cơ chế thực hiện khác nhau. Chẳng hạn, công ty trong nước thống nhất với chủ nợ rằng công ty sẽ nhận khoản nợ quốc gia và chuyển đổi khoản nợ đó từ ngoại tệ sang đồng tiền trong nước. Chủ nợ sẽ thanh toán chi phí mua cổ phiếu công ty bằng cách trừ vào khoản nợ gốc sau khi đã chuyển đổi nợ này sang tiền nội tệ. Một cơ chế khác có thể là chủ nợ nước ngoài và quốc gia thống nhất thanh toán các khoản nợ ngoại tệ bằng đồng tiền trong nước với điều kiện chủ nợ sẽ sử dụng khoản thu hồi được để mua cổ phiếu của một công ty trong nước.

#### 1.2.8. Các vấn đề pháp lý cần chú ý trong quá trình xử lý nợ:

Tỷ giá hối đoái sẽ áp dụng như thế nào cho hợp lý khi đồng tiền trong nước có giá trị thấp hoặc trượt giá.

Điều khoản chỉ theo tỷ lệ có cho phép việc thu hồi nợ bằng đồng trong nước không để các khoản thu hồi này không phải được phân chia giữa các chủ nợ. Nếu điều khoản trên không cho phép, việc chuyển đổi là không thể thực hiện được khi chưa có sự nhất trí của các chủ nợ ngân hàng khác bởi vì các ngân hàng sẽ phải chia nhau khoản tiền dự kiến sẽ đầu tư vào cổ phiếu.

Có thoả thuận phụ nào ngăn cản việc các đối tác phụ tham gia vào việc chuyển đổi không.

Về mặt luật pháp, một ngân hàng có được cho phép đầu tư vào cổ phiếu không. Nếu không, ngân hàng phải bán lại cho một nhà đầu tư không thuộc đối tượng chịu sự hạn chế này và chỉ nhà đầu tư này mới có thể chuyển đổi. Ngân hàng có thể đánh giá giá trị của khoản nợ theo giá cổ phiếu được bán.

### **2. Một số vấn đề pháp lý về xử lý qua Câu lạc bộ Paris và Câu lạc bộ Luân-đôn**

#### 2.1. Một số vấn đề pháp lý về xử lý nợ qua Câu lạc bộ Paris

### 2.1.1 Tổng quát về Câu lạc bộ Paris

Câu lạc bộ Paris là diễn đàn không chính thức, nơi các quốc gia gặp khó khăn trong trả nợ cho các Chính phủ và các tổ chức tư nhân gặp gỡ chủ nợ của mình để cơ cấu lại nợ. Tên gọi dễ gây nhầm lẫn bởi trên thực tế Câu lạc bộ Paris không phải là một câu lạc bộ, cũng không phải là một tổ chức quốc tế chính thức. Nó không có văn phòng, không có ban thư ký, và nhất là không có điều lệ hoạt động. Câu lạc bộ Paris là một tổ chức chuyên trách không có tư cách pháp lý.

Chính sách tuyệt mật của Câu lạc bộ Paris phần nào đã ngăn cản người ta biết đến tổ chức này. Các chủ nợ tránh đưa ra bất kỳ thông tin nào về đánh giá của họ đối với tình hình kinh tế tài chính của một nước con nợ hoặc phạm vi giãn nợ. Nước con nợ quyết định có công bố hay không và công bố đến mức độ nào những thông tin loại này. Tuy nhiên, sự bùng nổ khủng hoảng nợ thế giới vào đầu những năm 80 đã làm công luận chú ý đến Câu lạc bộ Paris và đóng góp của tổ chức này vào việc giải quyết tình trạng mất cân đối trong cán cân thanh toán ở một số nước đang phát triển và một số nước Trung Âu và Đông Âu.

Câu lạc bộ Paris là một tổ chức đặc biệt gồm tập hợp các chính phủ chủ nợ dưới sự chủ tọa của một quan chức cấp cao của Kho bạc Pháp. Chính phủ Pháp cung cấp Ban Thư ký và các phương tiện hội họp. Câu lạc bộ Paris thường họp tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế trên đại lộ Kléber, Paris.

Không giống các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế hay Ngân hàng Thế giới, Câu lạc bộ Paris hoạt động không có nguyên tắc hay quy định thành văn nào cả. Do tính chất ban đầu là tổ chức đặc biệt với tính chất diễn đàn không chính thức để giải quyết các vấn đề trả nợ của nước con nợ, Câu lạc bộ Paris đã hình thành những nguyên tắc và hướng dẫn thực hiện đúc rút từ kinh nghiệm làm việc nhiều năm. Các nguyên tắc này được kiểm điểm và điều chỉnh thường xuyên.

Do không có thành viên cố định, bất cứ chủ nợ nào có các khoản nợ có thể giãn nợ đều được tham gia đàm phán tại Câu lạc bộ Paris. Do có quan hệ rộng rãi với các nước đang phát triển, các nước Đông và Trung Âu, khi các nước con nợ đề nghị chủ nợ xoá nợ, các nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) hầu như lúc nào cũng có vai trò nhất định. Những thành viên thường xuyên khác của Câu lạc bộ Paris bao gồm: Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC, nay là Liên minh châu Âu- EU), IMF, Ngân hàng Tái thiết và Phát triển hay WB, Tổ chức Thương mại và Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNCTAD) và nước con nợ đang đề nghị giãn nợ. Những nước

con nợ quan trọng (như Braxin với số nợ lớn) và đang có mong muốn giãn nợ từ các chủ nợ là những nước chuẩn bị gia nhập Câu lạc bộ Paris cũng rất quan tâm tới việc cơ cấu lại nợ của mình trong một khuôn khổ đa phương.

Sự tồn tại của Câu lạc bộ Paris dựa trên lợi ích mà cả chủ nợ và con nợ có được khi xử lý một khoản nợ trên cơ sở đa phương chứ không phải song phương. Về khía cạnh hành chính, cách tiếp cận đa phương có hiệu quả hơn và bớt rườm rà bởi con nợ thay vì phải thực hiện nhiều cuộc đàm phán nối tiếp nhau có thể đàm phán với tất cả các chủ nợ của mình cùng một lúc. Hơn nữa, các chủ nợ cũng hết sức coi trọng nguyên tắc đối xử bình đẳng và chia xẻ gánh nặng giữa họ. Họ muốn chắc chắn rằng con nợ sẽ không sử dụng những ưu đãi đối với các khoản nợ của mình để thực hiện nghĩa vụ nợ với các chủ nợ khác.

### 2.1.2 Các nguyên tắc chung của Câu lạc bộ Paris

**a. Nguyên tắc xử lý theo từng trường hợp:** Là một trong những luật bất thành văn quan trọng nhất của Câu lạc bộ Paris, nguyên tắc xử lý theo từng trường hợp có nghĩa là câu lạc bộ xem xét từng đề nghị giãn nợ trên cơ sở những thông tin kinh tế tài chính cụ thể đi kèm. Do các điều kiện của hiệp định thể hiện tính đặc thù của một khoản nợ, các điều kiện thoả thuận với con nợ có vẻ rất linh hoạt trong việc điều chỉnh giảm nợ để thoả mãn yêu cầu của nước con nợ, thực ra họ làm việc tuân theo một phương pháp luận nhất định.

**b. Các nguyên tắc chính xử lý nợ của Câu lạc bộ Paris:** Có ba nguyên tắc chính làm nền tảng cho Câu lạc bộ Paris chắc chắn sẽ vỡ nợ, tính có điều kiện và chia sẻ gánh nặng. Hai nguyên tắc đầu là điều kiện con nợ phải thoả mãn để được đàm phán giãn nợ tại Câu lạc bộ Paris. Nguyên tắc thứ ba mang tính hướng dẫn, kêu gọi các chủ nợ cùng làm việc theo tinh thần đồng đội và chia xẻ gánh nặng của việc giãn nợ.

#### **Thứ nhất, chắc chắn sẽ vỡ nợ**

Để tham gia đàm phán giãn nợ, nước con nợ phải chứng tỏ rằng nếu không được giảm nợ thì chắc chắn sẽ vỡ nợ. Thông thường, Câu lạc bộ Paris coi nợ nước ngoài quá hạn với số lượng lớn là bằng chứng đầy đủ về chắc chắn sẽ vỡ nợ. Đồng thời, Câu lạc bộ Paris có thể xem xét tính nghiêm trọng của tình hình nước con nợ thông qua các dự báo cán cân thanh toán cho năm tới của IMF.

Những nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thường dưới dạng khoản tín dụng hoặc thoả thuận tài chính cung cấp cho Chính phủ hoặc các cơ quan

đại diện hợp lý (nợ khu vực công) hoặc cho các tổ chức tư nhân với điều kiện họ đã đặt cọc một số tiền tương đương bằng nội tệ tại ột ngân hàng thương mại hoặc ngân hàng trung ương nhưng khoản trả nợ bằng ngoại tệ chuyển đổi chưa được chuyển cho chủ nợ vì thiếu ngoại tệ (nợ khu vực tư nhân).

Trường hợp con nợ thuộc khu vực tư nhân không có đủ lượng nội tệ để mua số ngoại tệ cần thiết chuyển trả cho chủ nợ nước ngoài thì không được coi là mất khả năng trả nợ rõ ràng. tình trạng này cho thấy rủi ro thương mại đã trở thành hiện thực và không liên quan gì đến trách nhiệm của Chính phủ.

Về mặt tài chính, giãn nợ cho phép con nợ không phải trả nợ đúng hạn ban đầu mà theo một lịch trả muộn hơn do các bên cùng thống nhất. Về bản chất, chủ nợ hoặc các đại diện của mình đã tài trợ trước các nghĩa vụ trả nợ của nước con nợ. Do đó, nước chủ nợ rõ ràng có động cơ trong việc hạn chế chỉ giãn nợ cho một số trường hợp có nhu cầu hỗ trợ tài chính thực sự.

Các hiệp định giãn nợ được chuyển cho các cơ quan tín dụng xuất khẩu hoặc các Chính phủ của họ và họ lập tức bồi hoàn những người mua bảo hiểm tín dụng. ở khía cạnh này, các chủ nợ lý luận rằng coi “chắc chắn sẽ vỡ nợ” là điều kiện tiên quyết để xử lý nợ theo Câu lạc bộ Paris là hết sức quan trọng bởi nó cho thấy yêu cầu giãn nợ thực tế là từ động cơ chính trị chứ không phải tài chính. Tuy nhiên, nước con nợ lấy ví dụ từ Pakixtan cho rằng khi các suy tính chính trị và hệ tư tưởng vượt lên trên các suy xét kinh tế, thì Câu lạc bộ Paris đã cho phép đàm phán giãn nợ mà không yêu cầu điều kiện “mất khả năng trả nợ rõ ràng”.

#### Thứ hai, tính có điều kiện

Giảm nợ qua đàm phán giãn nợ là cách hỗ trợ nước con nợ dần dần khôi phục lại khả năng trả nợ bằng cách thực hiện các chương trình cải cách và điều chỉnh toàn diện. Do đó, các chủ nợ lấy đó làm điều kiện buộc các nước con nợ phải tiến hành các chương trình điều chỉnh kinh tế vĩ mô được hỗ trợ bằng tài chính của IMF. Các chủ nợ rất chú trọng đến tình có điều kiện, điều khoản sau đây trong Biên bản Ghi nhớ là một minh họa: “Các điều khoản của Biên bản Ghi nhớ này sẽ tiếp tục được áp dụng với điều kiện nước Cộng hoà X sẽ tiếp tục thảo thuận với IMF về các khoản tín dụng...”

Tính có điều kiện bản thân nó không phải là một thuật ngữ pháp lý. Nó thậm chí không được định nghĩa trong cuốn Các Điều khoản chung của

IMF và WB. Từ này dùng để chỉ các chính sách kinh tế mà IMF muốn các nước thành viên áp dụng.

Ngoại lệ đối với nguyên tắc này là khi nước con nợ không phải là thành viên của IMF. Trong trường hợp này, nước con nợ trực tiếp đàm phán các chính sách cải cách với các chủ nợ. Thông thường, các chủ nợ gửi một đoàn đặc nhiệm gồm các chuyên gia sang nước con nợ để đánh giá tình hình kinh tế. Các đoàn đặc nhiệm như vậy đã được cử đến Ba Lan và Môđambích năm 1984, trước thời điểm các nước này gia nhập IMF. Quá trình này cũng được áp dụng cho Cuba, quốc gia chưa phải là thành viên IMF. Chủ nợ có thể cho biết thêm rằng các nước con nợ khá miễn cưỡng thực hiện điều kiện này vì Câu lạc bộ Paris, khác với IMF, không thể có nguồn tiền làm động cơ thúc đẩy cải cách kinh tế.

### Thứ ba, chia sẻ gánh nặng

Đôi khi được nhắc đến dưới khái niệm nguyên tắc đối xử tương đương, chia sẻ gánh nặng của việc giãn nợ. Mỗi chủ nợ cần đề xuất giảm nợ tương xứng với mức độ vay của nước con nợ thuộc các nhóm khác nhau tham gia ua rình đàm phán đề xuất các điều kiện giãn nợ rất đa dạng. để đơn giản hoá quá trình này, chủ nợ Câu lạc bộ Paris thường đồng ý rằng tất cả các khoản tín dụng cấp cho con nợ trước một ngày quy định sẽ được giãn nợ theo cùng một thời gian ân hạn và lịch trả, bất kể điều kiện và mục đích của chúng là gì. Nguyên tắc chia sẻ gánh nặng cũng áp dụng cho các chủ nợ không tham gia đàm phán tại Câu lạc bộ Paris. Do các chủ nợ chính thức không muốn con nợ dùng ngay phần giảm nợ tại Câu lạc bộ Paris để trả nợ cho các nhóm chủ nợ khác, Biên bản Ghi nhớ yêu cầu nước con nợ phải đề nghị các chủ nợ nước ngoài khác giảm nợ theo các điều kiện tương tự. Điều khoản này viết như sau: “Để đảm bảo sự đối xử tương đương giữa các chủ nợ nước ngoài là chính phủ và tư nhân, Chính phủ X cam kết sẽ đề nghị các chủ nợ nước ngoài, bao gồm ngân hàng và nhà cung cấp, thoả thuận giãn nợ và tái cấp vốn theo các điều kiện nêu trong Biên bản Ghi nhớ này đối với các khoản tín dụng có thời hạn tương đương đảm bảo tránh sự bất bình đẳng giữa các nhóm chủ nợ khác nhau”.

#### 2.1.3 Các thủ tục pháp lý xử lý nợ của Câu lạc bộ Paris

Nước con nợ, thường do Bộ trưởng tài chính hay Thống đốc ngân hàng Trung ương đại diện, và các nước chủ nợ do các quan chức các Bộ Tài chính, Kinh tế hay Bộ Ngoại giao đại diện, tham dự trực tiếp các cuộc đàm phán lại trong khuôn khổ Câu lạc bộ Paris. IMF, WB, các ngân hàng phát

triển khu vực như là ADB và Ngân hàng phát triển liên Mỹ và UNCTAD tham dự với tư cách quan sát viên.

Đại diện của nước con nợ khai mạc các cuộc đàm phán bằng lời phát biểu về các chính sách tài chính kinh tế của quốc gia và đưa ra yêu cầu giãn nợ. Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới, UNCTAD sau đó sẽ trình bày phát biểu của mình. Các nước chủ nợ sau đó sẽ đặt câu hỏi cho nước con nợ và các tổ chức tài chính quốc tế về các mục tiêu tài chính và kinh tế của chương trình này, quá trình triển khai chương trình và các đề nghị giãn nợ. Sau đó nước con nợ và chủ nợ chia thành hai phía. Các nước chủ nợ, với sự trợ giúp của đại diện IMF, đi vào trọng tâm của quá trình đàm phán, đề ra các giải pháp chung đối với yêu cầu giãn nợ của nước con nợ. Do quá trình đưa ra quyết định được dựa trên nguyên tắc nhất rí nên mọi nước chủ nợ đều phải ủng hộ đề xuất này. Đề xuất đầu tiên của các nước chủ nợ được chủ tọa chuyển tới và giải thích cho nước con nợ, sau đó con nợ sẽ có các đề xuất phản hồi lại đề nghị các điều kiện gần hơn so với đề nghị ban đầu. Phạm vi đề nghị giảm nợ và việc các nước con nợ cố gắng giành được những điều khoản rộng lượng nhất có thể được sẽ quyết định thời lượng của quá trình lập đi lập lại này. Thông thường phải qua vài vòng đàm phán như vậy các bên mới đạt được một thoả thuận thoả mãn cả đôi bên, chấm dứt trách nhiệm của các diễn đàn quốc tế và gạt bỏ ý kiến cho rằng các thoả thuận nợ đạt được tại Câu lạc bộ Paris là kết quả mang tính chất mệnh lệnh hơn là thành quả của một quá trình đàm phán mà các nước con nợ có thể bảo vệ lợi ích của mình. Ngay cả trong những trường hợp tình hình lúc khai mạc có vẻ không thể đi đến thoả thuận, các bên vẫn cố gắng xoá bỏ các bất đồng và tìm ra giải pháp có thể chấp nhận được cho cả hai bên. Các cuộc đàm phán của Câu lạc bộ Paris thường gói gọn trong một ngày (và đôi khi trong một đêm) chứng tỏ tính hiệu quả của quá trình đàm phán.

Từ phía nước chủ nợ, dù thủ tục đàm phán của Câu lạc bộ Paris đơn giản và diễn ra nhanh chóng nhưng chúng cũng hạ thấp sự khó chịu cho các nước này. Bào chữa cho hành động này, một người đã nói: “Việc giãn nợ ở Câu lạc bộ Paris là một công việc đầy khó chịu và các chủ nợ chính thức phải giữ thái độ khó chịu đó như là một động cơ thúc đẩy các con nợ tôn trọng các nghĩa vụ trả nợ của mình”

#### 2.1.4 Thoả thuận về xử lý nợ

##### **a. Hình thức và đặc điểm pháp lý**

Chủ tịch, các chủ nợ và con nợ ký một Thoả thuận được trình bày trong “Biên bản thoả thuận”. Thông thường, Câu lạc bộ Paris trình bày Biên

bản thoả thuận bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Về mặt pháp luật, Biên bản Thoả thuận là một lời khuyến nghị Chính phủ của các nước chủ nợ và con nợ tiến hành đàm phán song phương về các thoả thuận giãn nợ dựa trên các điều khoản đưa ra trong đó. Các điều khoản liên quan là: Đại diện của Chính phủ mỗi nước chủ nợ tham dự và của Chính phủ nước Cộng hoà X đồng ý yêu cầu Chính phủ của mình hay các tổ chức thích hợp bắt đầu các cuộc đàm phán song phương ngay khi có điều kiện và tiến hành các cuộc đàm phán dựa trên các nguyên tắc được đưa ra dưới đây”.

Nội dung của Biên bản Thoả thuận không có giá trị pháp lý cũng như không ràng buộc các bên tham gia ký kết. Các chủ nợ và con nợ sau đó phải chuyển Biên bản Thoả thuận thành Thoả thuận song phương ràng buộc để nó có hiệu lực. Nếu không, mỗi bên tham gia ký kết cần phải phê chuẩn Biên bản Thoả thuận để nó mang tính ràng buộc theo luật pháp quốc tế.

#### b. Nội dung

##### \*) Giới thiệu

Phần giới thiệu của Biên bản thoả thuận liệt kê danh sách các quốc gia và tổ chức quốc tế tham dự các cuộc đàm phán và hướng dẫn các quốc gia và tổ chức này nghe các bài trình bày của quốc gia con nợ về những khó khăn kinh tế trầm trọng mà quốc gia đó trải qua và nỗ lực của quốc gia đó trong việc cải thiện tình hình.

##### \*) Các khoản nợ được xử lý

Các khoản nợ được xử lý trong thoả thuận giãn nợ của Câu lạc bộ Paris bao gồm các khoản tín dụng thương mại được các Chính phủ của các nước chủ nợ hay các tổ chức thích hợp của nó bảo lãnh hay phát hành. Các khoản tín dụng này phải có thời gian đáo hạn ít nhất là một năm. Các khoản vay Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) nằm ở loại sau và là mục tiêu để giãn nợ. Phần này cũng đặt ra tỷ lệ nợ được giãn nợ.

##### \*) Ngày khóa sổ

Để được đưa ra đàm phán giãn nợ, các hiệp định tín dụng cần được ký kết trước ngày khóa sổ. Ngày này đặc biệt quan trọng đối với các con nợ khi đàm phán với các cơ quan tín dụng xuất khẩu. Thông thường, các cơ quan này dừng cấp vốn khi một quốc gia bắt đầu gia tăng các khoản nợ quá hạn lớn và/hay đệ trình một yêu cầu chính thức về việc giãn nợ. Vốn chỉ được cấp trở lại nếu có được các bảo đảm hợp lý là các khoản vay mới sẽ không là đối tượng của các thoả thuận giãn nợ. Cách duy nhất để có được những bảo đảm như vậy là duy trì ngày khóa sổ ban đầu trong các đợt giãn

nợ lần sau. Do đây là vấn đề chính sách nên các chủ nợ sẽ không đồng ý đẩy ngày khóa sổ về sau để các con nợ thu được lợi từ các thỏa thuận giãn các nghĩa vụ trả nợ. Thông thường, ngày khóa sổ là từ 6 đến 12 tháng trước ngày trong thỏa thuận giãn nợ được ký kết.

**\*) Giai đoạn củng cố**

Trong giai đoạn củng cố, mọi khoản nợ trong phạm vi được xử lý và đáo hạn sẽ là đối tượng được giãn nợ hay theo các điều khoản đã đưa ra trong Biên bản Thỏa thuận. Về nguyên tắc, giai đoạn củng cố thường trùng với kỳ hạn của thỏa thuận tín dụng được ký kết với IMF, thông thường từ 12 đến 18 tháng. Tuy nhiên, gần đây CLB Paris đã áp dụng các thỏa thuận giãn nợ trong nhiều năm (MYRAs) với giai đoạn củng cố từ 2 đến 5 năm.

**\*) Phạm vi giãn nợ**

Trong phần lớn các trường hợp, khác với cá ngân hàng thương mại, CLB Paris không chỉ giãn nợ phần gốc mà còn cả phần lãi. Do tình trạng tài chính cực kỳ khó khăn của các nước con nợ, CLB Paris thông thường sẽ giãn nợ 100% cả gốc lẫn lãi. Hơn nữa, nếu nghĩa vụ chi trả từ các khoản nợ đã được gia hạn từ lần trước vượt quá khả năng trả nợ của các nước con nợ, các nghĩa vụ này có thể sẽ được cơ cấu lại.

Con nợ phải hoàn trả số nợ đã được hoãn trong 10 năm, với thời gian ân hạn từ 4 đến 6 năm. Thời hạn hoàn trả đối với số nợ đã được giãn nợ có thể ngắn hơn để ngăn cản các con nợ tích lũy số nợ đó cho đến khi thỏa thuận với chủ nợ đưa số nợ này vào phạm vi giãn nợ. Nếu khả năng trả nợ của một quốc gia không đảm bảo giãn nợ 100% số nợ đã đến hạn hay sẽ đến hạn trong giai đoạn củng cố, CLB Paris thường cho phép gia hạn thanh toán các khoản đáo hạn không trong diện được xử lý (thanh toán dần) trong thời gian ân hạn trên.

**\*) Lãi suất hoãn nợ**

Do lãi suất hiện hành tại các quốc gia chủ nợ rất khác nhau, Biên bản thỏa thuận quy định rằng lãi suất hoãn nợ trên số nợ được xử lý sẽ được tính dựa trên lãi suất thị trường thích hợp. Điều khoản liên quan như sau: *“Mức và điều kiện lãi suất đối với các thỏa thuận tài chính trong khuôn khổ Biên bản thỏa thuận này sẽ được xác định trên cơ sở lãi suất thị trường thích hợp bởi Chính phủ nước cộng hòa X và chính phủ hay các tổ chức thích hợp của mỗi quốc gia chủ nợ tham gia.”*

### **\*) Quá trình triển khai**

Biên bản thỏa thuận khuyến nghị các chính phủ của các bên tham gia đàm phán và ký kết hiệp định giãn nợ song phương trước một thời gian hạn định trước, thông thường từ 6 đến 8 tháng sau khi ký kết Biên bản thỏa thuận.

#### **2.1.5. Một số vấn đề pháp lý cần chú ý**

##### **a) Điều khoản Toronto**

Nhiều quốc gia mắc nợ nặng là do vấn đề về khả năng thanh toán hơn là do thiếu thanh khoản, từ đó phát sinh ra một nhu cầu ngày càng lớn đối với vấn đề giảm nghĩa vụ thanh toán theo các hiệp định trước đó. Giãn nợ đối với các khoản nợ đã được xử lý và giãn nợ trước đó chỉ làm trầm trọng thêm gánh nặng nợ do phải trả khoản lãi suất hoãn nợ. Tại Hội nghị thượng đỉnh Toronto, tháng 6 năm 1988, Lãnh đạo các nước công nghiệp phát triển G7 khuyến nghị thay đổi các điều khoản và điều kiện để chính phủ giãn nợ đối với các nước mắc nợ lớn nhất và nghèo nhất nhằm ngăn chặn số nợ nước ngoài của họ gia tăng hơn nữa. Các nước G7 đã đề xuất chuyển hướng khỏi cách làm hiện tại và khuyến nghị các nước chủ nợ có cách xử lý ưu đãi hơn nữa đối với các khoản nợ của các nước này.

Các thành viên tham gia Hội nghị thượng đỉnh đồng ý 3 phương thức mà các chủ nợ có thể lựa chọn để giãn nợ cho các con nợ của họ. CLB Paris thông báo sự đồng ý của mình đối với các phương thức này, và được biết đến như là điều khoản Toronto, tháng 9 năm 1988

#### **CÁC ĐIỀU KHOẢN TORONTO**

- Các nước có đủ tư cách được giới hạn ở những quốc gia có thu nhập đầu người mỗi năm không vượt quá mức do Ngân hàng thế giới đặt ra để đánh giá khả năng vay tín dụng IDA (hiện nay là 540\$ mỗi năm)

Các chủ nợ có thể có các lựa chọn sau:

- Lựa chọn A (Giãn nợ gốc)
  - + Giảm 1/3 số nợ
  - + Giãn 2/3 số nợ còn lại và áp dụng lãi suất thị trường

- + Hoàn trả trong 14 năm với 8 năm ân hạn
- Lựa chọn B (Dài hạn)
- + Áp dụng lãi suất thị trường
- + Hoàn trả trong 25 năm với 14 năm ân hạn
- Lựa chọn C (Giãn nợ thông qua giảm lãi suất)
- + Với lãi suất ưu đãi (3,5%/ năm hay 50% lãi suất thị trường, tùy xem mức nào cao hơn)
- + Hoàn trả trong 14 năm với 8 năm ân hạn

Các chủ nợ sẽ phải chịu mức rủi ro cao hơn khi giãn các khoản nợ cho vay với mức thời gian dài trong Lựa chọn B, đó là lý do lựa chọn này không có yếu tố ưu đãi. Tuy nhiên, Lựa chọn B không tương đương với lựa chọn A và C về độ ưu đãi và được đưa ra chỉ để mở đường cho Mỹ khi nước này vì bị hạn chế bởi các quy định pháp luật và ngân sách đã không thể chấp nhận giảm giá trị thuận hiện tại các khoản vay của các quốc gia xin giãn nợ. Một chủ nợ có thể một lựa chọn hay kết hợp các lựa chọn tại bàn đàm phán giãn nợ và có thể có các lựa chọn khác nhau đối với mỗi con nợ khác nhau và loại nợ khác nhau. Nói cách khác, mọi khía cạnh khác của thỏa thuận giãn nợ - như là giai đoạn củng cố, các nghĩa vụ hoàn trả nợ cụ thể được xử lý và các thỏa thuận thực thi - vẫn chung cho mọi chủ nợ.

Vào tháng 10, 1988, Mali trở thành quốc gia đầu tiên được hưởng lợi từ các điều khoản Toronto, sau đó là nước Cộng Hoà Trung Phi, Madagascar, Niger, và Tanzania trong cùng năm đó. Mặc dù, phần lớn các nước được hưởng lợi từ điều khoản Toronto là vùng Châu Phi Tiểu Sahara, một vài con nợ Trung và Nam Mỹ cũng được hưởng lợi từ điều khoản Toronto. Giữa các năm 1998 và 1990, CLB Paris ký kết 26 Hiệp định giãn nợ, với số lượng nợ được giãn dựa theo điều khoản Toronto lên tới 5,8 tỉ đô la. Liên quan tới các điều khoản chuẩn, các đơn xin giãn nợ theo điều khoản Toronto giảm khoảng 20% tiền lãi suất hoãn nợ.

Về nguyên tắc, vì CLB Paris chỉ giãn nợ cho các nghĩa vụ trả nợ đến hạn trong thời gian củng cố, để có được một khoản giãn nợ đáng kể cần đạt được các thỏa thuận giãn nợ liên tục trong nhiều năm. Vì điều khoản Toronto đã rất ưu đãi, các chủ nợ bác bỏ các yêu cầu của các con nợ áp dụng. Điều khoản Toronto đối với các nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ chính các

thỏa thuận Toronto. Họ quyết định rằng bất kỳ lần giãn nợ nào sau đó nên là đối tượng của các điều khoản thông thường (không ưu đãi).

Các điều khoản Toronto không chú ý mang lại lợi ích cho mọi con nợ. Chúng thực sự được coi như là một ngoại lệ đối với các thỏa thuận giãn nợ thông thường. Biên bản thỏa thuận đối với các khoản giãn nợ có ưu đãi nói riêng chỉ đề cập tới các nghĩa vụ trả nợ rất lớn trong khi mức thu nhập lại rất thấp, cán cân thanh toán gặp phải các vấn đề kinh niên, và nước con nợ hiện tại đang triển khai một chương trình điều chỉnh mạnh mẽ. Do đó, điều kiện để đủ tư cách áp dụng điều khoản Toronto sẽ được xác định tùy từng trường hợp và chủ yếu cho các quốc gia nghèo nhất và mắc nợ nhiều nhất.

### **b) Các điều khoản Houston**

Mãi tận năm 1990, các nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình (LMICs) vẫn được áp dụng các điều khoản giãn nợ chuẩn, không ưu đãi đối với các khoản nợ của họ và thời gian hoàn trả không được quá 10 năm. Các quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trung bình có mức thu nhập đầu người vượt quá mức lớn nhất - hiện tại là 765\$ - được giãn nợ theo điều khoản Toronto. Các nước này nói chung là đủ tư cách đối với các khoản IDA cũng như là đối với các khoản cho vay thông thường.

Trong khi mọi đề nghị giãn nợ khác tập trung vào các nước nghèo và mắc nợ nhiều thuộc thế giới thứ ba. Các điều khoản Houston hướng vào các quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trung bình có các khoản nợ chính thức ở mức cao. Do có những vấn đề về cán cân thanh toán ngày càng lớn và nghiêm trọng. Hội nghị kinh tế thượng đỉnh G7 tổ chức tại Houston tháng 7 năm 1990, khuyến nghị thay đổi các điều kiện hoàn trả đối với các nước này. Các điều khoản này là sáng kiến của Pháp và Mỹ.

## **CÁC ĐIỀU KHOẢN HOUSTON**

CLB Paris tiến hành các khuyến nghị Houston bằng:

- Kéo dài thời gian hoàn trả đối với các khoản tín dụng thương mại tới 15 năm với thời gian ân hạn là 8 năm
- Kéo dài thời gian các khoản vay ODA tới 20 năm tới 10 năm ân hạn

- Cho phép các chủ nợ bán hay chuyển 100% các khoản vay ODA chưa trả hay 10% (hay 10 triệu đô la Mỹ nếu cao hơn) các khoản tín dụng thương mại chưa hoàn trả (điều khoản đảo nợ).

CLB Paris quyết định tư cách theo từng trường hợp. Để được coi là một nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình, một con nợ phải đáp ứng 2 trong 3 điều kiện. Một quốc gia đáp ứng các yêu cầu về tình trạng mắc nợ nếu nó đáp ứng 2 trong ba điều kiện được liệt kê dưới đây.

### ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG HOUSTON

- Mức thu nhập đầu người không vượt quá mức trần của WB đặt ra cho các nước này (hiện là 1235 đô la)
- Tỷ lệ nợ của CLB Paris với khoản nợ thương mại 1,5
- Các chỉ số về tình trạng mắc nợ:
  - + Nợ chiếm ít nhất 50%GNP
  - + Tỷ lệ nợ/giá trị xuất khẩu ít nhất là 275%
  - + Tỷ lệ nợ phải trả được giãn chiếm ít nhất 30%

Một vài quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trung bình bắt đầu giãn các khoản nợ của mình theo điều khoản Houston. Các quốc gia khác đã chọn phương thức chuyển đổi các khoản nợ chính thức của mình như được gợi ý trong các điều khoản Houston. Những nước này gồm Congo, El Salvador, Honduras, Morocco, và Nigeria. Giữa những năm 1990 và 1992, 15 hiệp định giãn nợ đã được ký kết, với số nợ được giãn lên tới khoản 18,4 tỉ đô la.

#### **c) Điều khoản Trinidad (Điều khoản Toronto “nâng cao”)**

Ngay cả trước khi điều khoản Toronto vừa được ký kết, thực tiễn chỉ ra rằng các điều khoản này giành cho các nước con nợ một khoản cắt giảm rất hạn chế. Sự nhận thức về sự bất hợp lý của các điều khoản Toronto đã làm phát sinh các đề nghị cắt giảm nợ mới. Tại Hội nghị lần thứ hai của LHQ về các nước kém phát triển tháng 9 năm 1990, Hà Lan đề nghị cắt giảm mọi khoản nợ song phương chính thức của các nước kém phát triển và các nước có mức thu nhập thấp đang đương đầu với vấn đề nợ. Các chủ nợ của Paris không chấp nhận hoàn toàn đề nghị này.

Trong năm đó, tại cuộc họp Bộ trưởng tài chính các nước khối thành vượng chung được tổ chức tại Trinidad, ngày John Major, người sau này trở thành Bộ trưởng Bộ tài chính Anh, đề nghị cắt giảm 2/3 số nợ của các quốc gia kém phát triển và mắc nợ nhiều nhất. Các đề nghị này sau đó được biết tới như là các điều khoản Trinidad, thực tế không giảm số nợ, nhưng chúng có thể tăng thời hạn trả và ân hạn. Các khoản cắt giảm nợ được đưa ra theo điều khoản này bao gồm:

#### CÁC ĐIỀU KHOẢN TRINIDAD

- Các điều khoản Trinidad khuyến nghị các chủ nợ
  - Cắt giảm 2/3 số nợ của các nước đủ tư cách
  - Giành cho 5 năm ân hạn
- Cho sử dụng lãi suất trong 5 năm đầu tiên
- Kết hợp các phương thức thanh toán linh động, phù hợp với khả năng xuất khẩu của con nợ
- Áp dụng các tiêu chuẩn tư cách tương tự như các điều khoản Toronto

Hội nghị thượng đỉnh các nước G7 tại Luânđôn miễn cưỡng thông qua các điều khoản Toronto một cách đầy đủ. Tuy nhiên, các nước này đã thông qua, thừa nhận sự cần thiết giảm nợ thêm nữa so với khoản cắt giảm theo điều khoản Toronto.

Việc thực hiện khuyến nghị này bị trì hoãn do Chính phủ Mỹ không vượt qua được các trở ngại về mặt pháp lý và ngân sách để có thể giành thêm các biện pháp ưu đãi giãn nợ cho các nước nghèo và mắc nợ nặng nhất. CLB Paris cuối cùng đạt được một thỏa thuận vào tháng 12 năm 1991. Các điều khoản này được biết tới như là điều khoản Toronto “nâng cao”, làm giảm nhẹ đáng kể tính chất của các đề nghị Trinidad ban đầu. Thay vì cắt giảm 2/3 số nợ, các điều khoản này đưa ra 4 lựa chọn để cắt giảm giá trị hiện tại thuần (NPV) của số nợ được củng cố và có liên quan tới các khoản tín dụng thương mại (nghĩa là không phải trên tổng số dư nợ) khoảng 50%

### **ĐIỀU KHOẢN TORONTO “NÂNG CAO”**

- Giảm 50% số nợ được giãn (lựa chọn giảm nợ gốc)
  - Giãn nợ 50% số còn lại trong vòng 23 năm
  - Thời gian ân hạn là 6 năm
  - Lãi suất theo lãi suất thị trường thích hợp
- Giãn nợ với các lãi suất ưu đãi (lựa chọn giãn nghĩa vụ trả nợ)
  - Trên 23 năm
  - Không có thời gian ân hạn
- Giãn nợ theo lãi suất thị trường
  - Trên 25 năm
  - Thời gian ân hạn 16 năm
- Giãn nợ các nghĩa vụ trả nợ ODA
  - Trên 30 năm
  - Với thời gian ân hạn là 20 năm (lựa chọn này xem xét các yếu tố được cho trong các khoản vay ODA)

Khi các lựa chọn giãn nợ và các nghĩa vụ trả nợ chiếm 50% NPV được giảm thì theo điều khoản Toronto, lựa chọn dài hạn là không ưu đãi.

Các chủ nợ cùng thống nhất giới hạn lựa chọn của mình trong việc giãn nợ gốc và giãn nợ thông qua giảm lãi suất, chỉ trừ Mỹ sử dụng lựa chọn dài hạn. Theo điều khoản Toronto, hạn thanh toán theo điều khoản Toronto “nâng cao” (điều khoản Trinidad) không phải là biện pháp ưu đãi và chỉ như là những điều khoản chuẩn mà thôi.

Để tránh làm các con nợ ngừng trả nợ để tìm cách giãn các khoản nợ nước ngoài nhằm có lợi trong việc sử dụng điều khoản Toronto nâng cao (hệ quả rủi ro đạo đức), ngày khóa sổ cho các khoản vay đủ điều kiện là 1/7/1988. Ngày này được chọn bởi nó có trước khi áp dụng điều kiện ưu đãi trong các thỏa thuận CLB Paris.

Như trong các điều khoản Toronto, các chủ nợ đồng ý xác định lại các vấn đề về các khoản nợ của các quốc gia sau một thời gian chờ đợi là 3 năm sau khi ký biên bản. Thiện chí này khiến cho các quốc gia con nợ tiếp tục có cá quan hệ tốt với IMF và tiến hành các hiệp định giãn nợ trước đó.

Kể từ năm 1991, có 10 nước được hưởng lợi ích từ điều khoản Trinidad, giảm giá trị hiện tại của các nghĩa vụ trả nợ từ tròn 3 tỉ đô la xuống còn 1,5 tỉ đô la.

Chỉ có kinh nghiệm mới chỉ ra liệu mức ưu đãi nào trong điều khoản Toronto cải tiến mới có ích cho việc thanh toán số nợ còn tồn đọng và do đó kết thúc quá trình giãn nợ. Sau những bước sơ bộ ước đoán gánh nặng nợ của vài quốc gia có mức thu nhập thấp mắc nợ nặng vẫn còn ở mức rất cao cho dù đã áp dụng các điều khoản mới nhất.

## 2.2. Một số vấn đề pháp lý trong cơ cấu nợ qua CLB London

### 2.2.1 Các vấn đề pháp lý trong quá trình cơ cấu nợ

Có bảy bước trong quá trình cơ cấu nợ qua CLB London. Trước hết, con nợ tuyên bố ngừng trả nợ, thành lập tổ quản lý nợ và dự thảo Biên bản ghi nhớ. Đồng thời, các chủ nợ thành lập Ủy ban chỉ đạo hoặc Ủy ban tư vấn ngân hàng (BAC). Các bên nhóm họp tại cuộc thăm dò. Sau đó đàm phán về các điều khoản Hiệp định (HOT) và cuối cùng là đàm phán về văn kiện Hiệp định cơ cấu lại nợ.

#### a) Tuyên bố ngừng trả nợ

Quá trình cơ cấu lại nợ bắt đầu khi nước con nợ tuyên bố ngày khóa sổ nước này đề nghị ngừng thanh toán các nghĩa vụ nợ của mình. Tuyên bố này gọi là Tuyên bố ngừng trả nợ, công bố việc người vay không có khả

năng trả nợ toàn bộ hoặc một phần nợ đến hạn và thông báo bắt đầu tiến hành cơ cấu lại nợ.

Tuyên bố này nhằm chặn trước mọi nỗ lực của các chủ nợ có những biện pháp pháp lý đơn phương đối với nước con nợ (như tịch thu tài sản để thế nợ, kiện tụng, bù trừ...) thường được quy định trong các hiệp định tín dụng ban đầu. Điều này rất quan trọng vì bất kỳ biện pháp đơn phương nào của bất kỳ chủ nợ nào sẽ làm cho tất cả các chủ nợ còn lại cũng hành động để thu hồi lại số nợ của mình. Vì vậy, tuyên bố ngừng trả nợ thông báo cho tất cả các chủ nợ không tiến hành các biện pháp đơn phương theo ý mình đối với con nợ để thực hiện quyền lợi của họ theo hiệp định tín dụng ban đầu trong khi chờ một tiến triển tốt hơn. Tuy nhiên, tuyên bố ngừng trả nợ không thể có một chút hiệu lực pháp lý nào.

#### **b) Hoạch định chiến lược và thành lập Tổ quản lý nợ**

Mọi thu xếp tài chính và pháp lý đòi hỏi phải có sự chuẩn bị và lập kế hoạch. Điều này đặc biệt đúng đối với quá trình cơ cấu lại nợ. Con nợ không bao giờ nên từ bỏ việc hoạch định hoặc chuẩn bị làm hài lòng những chủ nợ hay kém kiên nhẫn. Để làm mọi người nghiêm túc trong quá trình cơ cấu lại nợ, con nợ cần phải thể hiện một sự chuẩn bị đầy đủ trong việc vạch ra các chiến lược cơ cấu lại nợ, xác định mức nợ mới sẽ đề xuất, và đặt ra một cơ cấu nợ và thời gian hoàn trả hợp lý.

Khi một quốc gia nhận thấy cần phải cơ cấu lại các khoản tín dụng không chính thức thì quốc gia này cần phải thành lập một tổ quản lý nợ ngay lập tức. Tổ quản lý này tuyển chọn các cố vấn tài chính và pháp lý bên ngoài và xác định những cán bộ của các cơ quan như Bộ Tài chính và Ngân hàng Trung ương - là những người có thể hỗ trợ trong việc tiếp cận với IMF, WB, những nhà lãnh đạo trong khu vực, các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp không được bảo lãnh.

#### **MỤC TIÊU CỦA TỔ QUẢN LÝ NỢ BAO GỒM:**

- Xác định các loại nợ sẽ cơ cấu lại
- Cân nhắc xem liệu có cần vay mới hay không; xác định nguồn vay.

- Quyết định thời gian ân hạn và lãi suất hoãn nợ để đề nghị với ngân hàng thương mại
- Xem xét hình thức cơ cấu nợ nào theo đuổi
- Giành thời gian công sức hợp lý để:
  - xác định nợ có thể cơ cấu lại
  - nghiên cứu lại các hiệp định tín dụng
  - xác định chủ nợ hiện tại
  - xác định nợ bảo đảm và không bảo đảm
- Chuẩn bị Biên bản ghi nhớ.

### c) Thành lập Ban chỉ đạo hoặc Ủy ban tư vấn ngân hàng (BAC)

Khi công việc chuẩn bị bắt đầu, nước con nợ tham khảo ý kiến của các chủ nợ chính nhằm thành lập Ban chỉ đạo hoặc Ủy ban tư vấn Ngân hàng (BAC). Thông thường, một nước có con nợ chọn các ngân hàng thông cảm với điều kiện của mình để phục vụ cho BAC. Nhìn chung, BAC có chức năng như là một kênh truyền thông tin giữa con nợ và các chủ nợ. BAC thay mặt tất cả các ngân hàng đàm phán và soạn thảo hiệp định xử lý nợ.

BAC thường bao gồm khoảng từ 5 - 15 thành viên. Chủ tịch Ủy ban tư vấn là đại diện của ngân hàng nắm giữ nhiều nợ nhất. Các thành viên còn lại là đại diện của các chủ nợ chính khác.

Địa lý cũng có ảnh hưởng tới cơ cấu của BAC. Các nước con nợ phải đảm bảo rằng thành viên của Ban phải từ các khu vực địa lý chính mà nước con nợ nợ. Một lợi thế hiển nhiên của việc thể hiện tính địa lý này là nó tăng cường sự trao đổi và do vậy, tạo điều kiện cho quá trình cơ cấu lại nợ. Ngoài ra, nó cho phép các thành viên tham gia đưa ra những cách tiếp cận kế toán và quy chế khác nhau để cơ cấu lại nợ trong khi tìm kiếm những giải pháp đối với những cản trở thông thường như việc lựa chọn đồng tiền cơ cấu lại nợ và những giới hạn về việc sử dụng đồng tiền mới như thế nào.

### MỤC TIÊU CỦA ỦY BAN TƯ VẤN NGÂN HÀNG BAO GỒM:

- Cho phép các nước con nợ thảo luận về những khó khăn của mình đối với một vài ngân hàng
- Chấp thuận cho các con nợ đàm phán các thỏa thuận tài trợ đa phương với các chủ nợ ngân hàng thương mại
- Thuyết phục các ngân hàng, đặc biệt là những ngân hàng chịu mức độ rủi ro ít hơn về nợ tham gia vào việc tái tài trợ cả gói.
- Cung cấp một địa chỉ liên lạc cho các tổ chức đa phương, đặc biệt là IMF.
- Đưa ra một chương trình cho các ngân hàng để phân tích và điều hành những khó khăn trong việc trả nợ nước ngoài và liên kết những kết quả này cho việc vay mới.
- Tạo điều kiện cho việc duy trì các hoạt động thương mại và những rủi ro ngắn hạn khác, bao gồm cả các hoạt động liên ngân hàng.

Khi xem xét mức độ ảnh hưởng quan trọng của Ban Chỉ đạo đối với các triển vọng và quá trình cơ cấu lại của nước con nợ, nước con nợ nên có những mục tiêu rõ ràng trong việc lựa chọn các thành viên của Ban.

Nhiều năm kinh nghiệm đã cho phép BAC có đầy đủ kỹ năng cần thiết để đánh giá triển vọng kinh tế của một nước một cách chi tiết và với sự giúp đỡ của IMF (và các tổ chức của mình là Viện Tài chính quốc tế ở Washington D.C) để cơ cấu việc tài trợ trên một cơ sở mang tính thực tiễn hơn. Đặc biệt, các ngân hàng giờ đây có thể đàm phán những khoản vay dài hạn để tái tài trợ cho việc trả nợ đến hạn trong một số năm đảm bảo. Việc tái tài trợ khoản vay mỗi năm là mang tính điều kiện, thể hiện bằng số yếu tố, bao gồm cả việc duy trì thứ hạng tốt đối với IMF. Trong việc cho phép tái tài trợ dài hạn, các ngân hàng thường mạnh dạn hơn các chủ nợ chính thức. Ngoài ra, họ cũng giảm mức lãi margin xuống một mức độ thực tế và loại bỏ hầu hết các loại phí chuẩn bị đàm phán và thực hiện hiệp định vay.

Thành viên của BAC thường xuyên yêu cầu các con nợ phải bồi thường các chi phí phát sinh. Một nước con nợ có thể tránh không trả chi phí đi lại cho các nước chủ nợ nhưng phải chịu chi phí pháp lý. Ngân hàng đóng

vai trò Chủ tịch Ủy ban sẽ tìm cách đòi phí mà con nợ phải làm sao giữ mức phí này ở mức tối thiểu.

d) Chuẩn bị biên bản ghi nhớ

Biên bản Ghi nhớ cung cấp cho các ngân hàng chủ nợ những thông tin thích hợp về tình hình nước con nợ. Những thông tin này sẽ tạo điều kiện để các ngân hàng có những quyết định hợp lý về cơ cấu trộn gói. Một nước con nợ nên đặc biệt quan tâm đến việc chuẩn bị Biên bản ghi nhớ. Các con nợ nên tránh đưa ra những quá nhiều khoản nợ khó hoàn trả vì điều đó có thể tạo ra những căn cứ của những ràng buộc và thỏa hiệp nhất định trong Hiệp định chính. Việc đưa ra nhiều khoản nợ khó hoàn trả thậm chí còn là những trở ngại để giành được các khoản vay mới. Và do vậy, thông tin thường trung thực và các dự kiến nên thực tế tối đa.

**NỘI DUNG CỦA BIÊN BẢN GHI NHỚ GỒM:**

- Tình hình kinh tế và tài chính hiện nay ở nước con nợ
- Những biện pháp điều chỉnh đã và sẽ được thực hiện
- Xu thế hiện tại và dự báo về các hoạt động ngân sách, ngoại thương, và tình hình cán cân thanh toán
- Dư nợ đến ngày chuẩn bị Biên bản ghi nhớ và dự báo về nghĩa vụ nợ
- Các yêu cầu tài trợ và nguồn vốn để đáp ứng yêu cầu này.

e) Hop thăm dò

Hop thăm dò là sự liên lạc chính thức đầu tiên của nước chủ nợ và Ủy ban tư vấn ngân hàng. Trong cuộc họp này, con nợ trình bày trường hợp của mình cho Ủy ban tư vấn ngân hàng và có thể trình Biên bản ghi nhớ để Ủy ban nghiên cứu và chuyển cho các ngân hàng chủ nợ khác. Con nợ và BAC ký các thỏa thuận chung về các khoản nợ sẽ được cơ cấu lại và để một số vấn đề hành chính khác liên quan đến việc cơ cấu lại. Các vấn đề này cũng bao gồm phí đàm phán, kể cả phí đại lý, và phí bồi hoàn cho Ủy ban. Các nước con nợ không nên công bố kết quả của cuộc họp này.

f) Đàm phán về các điều khoản của Biên bản ghi nhớ

Trong khi các thông tin đầu vào của các luật sư chuyên môn nên đưa vào việc chuẩn bị trước khi đàm phán và việc dự thảo Biên bản ghi nhớ thì lời tư vấn pháp lý của các chuyên gia lại rất quan trọng đối với giai đoạn này.

| CÁC ĐIỀU KHOẢN                                 |
|------------------------------------------------|
| Các điều khoản phải xác định                   |
| 1. Các bên                                     |
| 2. Nợ hợp thức và không hợp thức để cơ cấu lại |
| 3. Đồng tiền áp dụng                           |
| 4. Lãi và kỳ hạn lãi                           |
| 5. Các khoản phí                               |
| 6. Điều kiện rút vốn và thủ tục giám sát       |

\*) Lựa chọn các bên từ chủ nợ và con nợ

Về phía chủ nợ, những người thực sự tham gia vào việc cơ cấu lại nợ CLB London, bao gồm:

- Các chủ nợ ngân hàng giữ lại các khoản đặt cọc liên ngân hàng, các khoản nợ dài hạn, ngắn hạn, nợ của ngân hàng và nợ từ các khoản vay hợp vốn, các khoản tín dụng liên ngân hàng, tín dụng thương mại (L/C) không được Chính phủ bảo hiểm hoặc bảo lãnh, nợ được bảo đảm, các khoản cho thuê tài chính, tài trợ dự án, hợp đồng ngoại hối, trái phiếu, cho vay tư nhân, các kỳ phiếu có lãi suất thả nổi (FRNs)
- Các tổ chức tài chính nắm các trái phiếu lãi suất thả nổi (FRNs), trái phiếu, cho vay tư nhân và các trái phiếu phát hành trực tiếp cho người mua (placement)
- Chính phủ các nước phương Tây thuộc CLB Paris là chủ nợ đối với các khoản vay trực tiếp cho các Chính phủ theo các chương trình bảo hiểm xuất khẩu hoặc bảo lãnh.

- Các cơ quan giám sát như Ban Thống đốc của Hệ thống dự trữ Liên bang, các cơ quan ngân hàng quốc doanh và ngân hàng trung ương của các nước khác.
- Các tổ chức tài chính quốc tế
  - + IMF
  - + IBRD/WB
  - + OECD
  - + Các ngân hàng phát triển khu vực
- Các công ty có chi nhánh tại nước con nợ
- Các cá nhân nắm giữ trái phiếu và FRNs
- Các chủ nợ thương mại

Việc quyết định điều kiện để trở thành một bên là vấn đề quan trọng đối với con nợ. Đối với chủ nợ, mọi ngân hàng cũng như các cơ quan quốc tế và tất cả các tổ chức thanh toán hoặc tiền tệ đều có thể là một bên tham gia của Hiệp định. Tuy nhiên, con nợ thường gặp khó khăn khi quyết định những tổ chức, cá nhân nào được lập thành một bên. Điều này phụ thuộc vào bản chất của con nợ đang đàm phán để cơ cấu lại và yêu cầu về mặt thể chế và hành chính của nước con nợ.

*\*) Nợ được phép và không được phép cơ cấu lại*

- *Nợ được phép cơ cấu lại*: những khoản nợ được phép cơ cấu lại bao gồm các khoản nợ của Chính phủ, các cơ quan, tổ chức chính trị của chính phủ và các khoản nợ do Chính phủ hoặc những cơ quan này bảo lãnh. Quốc gia còn nợ có thể đàm phán để xác định nợ nước ngoài không bao gồm những khoản nợ đối với cá nhân nước ngoài và đối với các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài đặt ở nước mình.

- *Nợ không được phép cơ cấu lại*: là các khoản nợ thường rơi vào loại nợ có thể cơ cấu lại được nhưng do đặc điểm của con nợ hoặc chủ nợ mà không được phép cơ cấu lại. Loại nợ này bao gồm:

- Trái phiếu phát hành công khai, chứng chỉ ký thác theo lãi suất thả nổi, và các thương phiếu
- Chứng khoán phát hành trực tiếp cho nhà đầu tư tư nhân

- Các khoản vay do các cơ quan chính phủ nước ngoài cho vay, bảo lãnh hoặc bảo hiểm, kể cả các cơ quan tín dụng xuất khẩu (các khoản nợ này thường được cơ cấu lại trong khuôn khổ CLB Paris)
- Các khoản nợ đối với IMF, WB, BIS, các ngân hàng phát triển khu vực hoặc các tổ chức đa phương khác.
- Nghĩa vụ thuê mua tài chính liên quan đến tài sản của cá nhân
- Các khoản vay từ các nguồn chính thức khác
- Các khoản tín dụng thương mại ngắn hạn
- Các hợp đồng kim loại quý hoặc ngoại tệ giao ngay và mua trong tương lai
- Các khoản nợ phải trả cho các cơ quan không phải là ngân hàng hay tổ chức tài chính.

#### \*) Các khiếu kiện nợ nước ngoài

Vì mục đích tái cơ cấu nợ, các khiếu kiện nợ nước ngoài thường chỉ đối với những loại sau:

- các khoản vay hoặc mua tài sản dịch vụ trả chậm
- các khoản tiền phải trả bằng ngoại tệ
- các khoản tiền phải trả cho cơ quan đóng ở nước ngoài

#### \*) Đồng tiền áp dụng

Phải đàm phán danh mục các đồng tiền sẽ được áp dụng để tạo điều kiện cho việc thực hiện tái cơ cấu nợ. Đây cũng là vấn đề quan trọng cần được đưa vào Biên bản ghi nhớ.

#### \*) Lãi và Kỳ hạn lãi

Khía cạnh then chốt này của quá trình đàm phán các điều khoản thường bị kéo dài có lẽ bởi vì nó là giới hạn cuối cùng của toàn bộ giao dịch. Các ngân hàng chủ nợ cố đàm phán để đạt được lãi suất và điều kiện cao nhất có thể trong khi con nợ lại cố để chi phí phải trả càng ít càng tốt. Người vay có thể tìm được ưu thế trong việc làm quen với tình hình thị trường tiền tệ và những lần cơ cấu lại nợ trước đây.

#### \*) Các khoản phí

Các khoản phí liên quan đến quá trình cơ cấu lại nợ bao gồm: phí cơ cấu lại nợ, phí quản lý, phí khoản vay (facilities fees) và phí cam kết liên quan đến vay mới. Ngoài ra, cũng cần phải xem xét đến lãi và kỳ hạn lãi

*\*) Điều kiện rút vốn và quá trình giám sát*

Những vấn đề quan trọng cần phải xem xét liên quan đến việc giám sát và rút vốn bao gồm cả việc ràng buộc rút vốn đối với chương trình của IMF đang thực hiện và tham gia và các thỏa thuận đối với bên thứ 3 như CLB Paris hoặc IBRD.

2.2.2 Đàm phán dự thảo và hoàn thiện Hiệp định cơ cấu lại nợ:

a) Tổng quát

Các luật sư có vai trò quan trọng trong việc đàm phán và dự thảo hàng loạt các thỏa thuận cơ cấu lại nợ của quá trình tái cơ cấu nợ. Luật sư đại diện cho chính phủ nước con nợ thường phải đối mặt với nhiệm vụ khó khăn hơn. Vì luật sư của nước chủ nợ là người viết hiệp định, luật sư của nước con nợ chỉ có thể can thiệp vào cách viết và ngôn ngữ một cách tối thiểu. Trong những giao dịch cơ cấu lại nợ có luật sư người Anh đại diện cho chủ nợ thì hiệp định hiếm khi xa rời khỏi những điều kiện tiên quyết, thậm chí kể cả khi những điều kiện này có thể không đúng, không công bằng, hoặc không nhất quán với hiệp định của các bên. Tuy nhiên, chủ nợ có thể tiếp cận với các thành viên của Ban chỉ đạo là những người có thể làm cho sự việc dễ dàng hơn bằng cách họ có thể chấp nhận những sửa đổi, điều chỉnh nhất định.

Mặc dù phần lớn các vấn đề xử lý trong việc cơ cấu lại nợ thường được xem xét như là công việc mang tính kinh doanh hay tài chính, các luật sư vẫn đóng một vai trò chủ chốt trong toàn bộ quá trình. Đóng góp của họ bao gồm:

Đảm bảo những điều kiện đã được chấp nhận sẽ được hiểu một cách thống nhất và sẽ không gây khó khăn cho việc soạn thảo văn bản sau này

Duy trì mọi vấn đề pháp lý nằm trong mục tiêu và khả năng của con nợ để thực hiện nghĩa vụ mà không bị phạm lỗi kỹ thuật.

Loại bỏ các trở ngại pháp lý do những yêu cầu của chủ nợ tạo ra và nếu cần, đề xuất giải pháp xử lý

Đảm bảo khách hàng không phải trả giá nhiều hơn mức cần thiết qua việc dự thảo hiệp định.

Giảm thiểu các chi phí hành chính của hiệp định

Tránh pháp lỗi kỹ thuật mà không ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của con nợ

Đảm bảo chỉ chịu phạt trong trường hợp không trả nợ.

Các luật sư tham gia giao dịch cơ cấu lại nợ phải am hiểu về xu thế kinh tế trong nước và quốc tế. Hơn nữa, họ phải là những người soạn thảo văn bản tốt với kiến thức rộng về các lĩnh vực luật liên quan đến cơ cấu lại nợ như luật hiến pháp, luật xung đột, thủ tục tố tụng dân sự, các giao dịch thương mại, luật về mất khả năng thanh toán, và luật công ty và chứng khoán...

#### b) Quá trình đàm phán Hiệp định cơ cấu lại nợ CLB London

Có hai giai đoạn trong quá trình đàm phán Hiệp định cơ cấu lại nợ CLB London cần chú ý:

Giai đoạn trước khi đàm phán chính thức;

Giai đoạn đàm phán chính thức.

#### Giai đoạn trước khi đàm phán

Trước khi đàm phán chính thức, các bên phải bắt đầu bằng tuyên bố ngừng trả nợ và tiến hành các hoạt động sau:

Các hoạt động cầm cố của con nợ:

Thành lập tổ quản lý nợ

Chuẩn bị chiến lược đàm phán và Biên bản ghi nhớ

Với sự tham gia của các bên thứ ba:

IMF

IBRD

OECD

Các chuyên gia tư vấn tài chính

Nhân viên kế toán độc lập

Các cơ quan phát triển khu vực

Các hoạt động cần có của chủ nợ:

Thành lập BAC

Thành lập các tiểu ban

Lựa chọn đại lý phục vụ

Tổ chức Ban chỉ đạo quốc gia (chính thức hoặc không chính thức)

Chọn luật và luật sư

Phân tích vấn đề

Giai đoạn đàm phán chính thức

Sau đó họp thăm dò ý kiến các bên.

Khi bắt đầu hoạt động đàm phán chính thức, các bên phải thiết lập các điều khoản của Hiệp định. Các điều khoản đó thường gồm:

Nhóm làm việc, ngân hàng trung ương, Bộ Tài chính và các chuyên gia tư vấn tài chính đàm phán điều khoản của hiệp định

Luật sư của Ban chỉ đạo chuẩn bị soạn thảo các văn bản pháp lý để thực hiện các điều kiện cơ cấu lại nợ.

Đàm phán các văn bản pháp lý

Trình bày các văn bản pháp lý cho tất cả các chủ nợ ngân hàng

Tất cả các bên ký văn bản pháp lý.

C) Khái quát về những vấn đề pháp lý trong các hiệp định hoãn nợ

Các vấn đề pháp lý khác nhau trong dự thảo và đàm phán các hiệp định hoãn nợ có thể được tập trung theo 3 nhóm chính sau:

Thứ nhất, Những quy định về Con nợ và Ngân hàng

- + Các điều kiện tiên quyết
- + Các điều kiện tiên quyết với mọi nghĩa vụ
- + Các điều kiện tiên quyết đối với mỗi khoản vay/rút vốn
- + Những mô tả và đảm bảo
- + Các điều kiện tiên quyết
- + Các sự kiện phạm lỗi
- + Các ràng buộc pháp lý
- + Điều khoản nợ tối ưu đãi/điều khoản đối xử ngang bằng
- + Điều khoản cấm lạm dụng thế chấp

- + Phạm lỗi chéo
- + Các sự kiện phạm lỗi
- + Phạt vi phạm
- + Quyết xét xử, miễn trừ quốc gia và nước ngoài
- + Các điều khoản khác

Thứ hai, những quy định về ngân hàng thương mại liên kết

Điều khoản chia sẻ

Những điều chỉnh và từ bỏ - Nguyên tắc đa số và thống nhất

Thứ ba, Những quy định về các đại lý và Ủy ban điều hành

Khi quan tâm chủ yếu đến nhóm thứ nhất, con nợ cũng nên kiểm tra các điều khoản và điều kiện của hai nhóm còn lại, do chúng có thể tạo ra những rắc rối trong việc quản lý các hiệp định sau đó.

Tóm lại, quá trình xử lý việc hoãn nợ qua Câu lạc bộ Luân đôn là quá trình không được chuẩn hóa cao. Do đó, sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho phép con nợ có được sáng kiến về giải pháp đối với những vấn đề nợ đang tồn tại. Do vậy, các nước con nợ phải thương lượng mạnh mẽ với các chủ nợ ngân hàng thương mại. Để có thể thương lượng các điều khoản một cách hợp lý với các chủ nợ ngân hàng, con nợ phải thích nghi với thị trường.

Quá trình hoãn nợ qua Câu lạc bộ Luân đôn vẫn đang tiến triển, các văn kiện của nó cũng tiến triển song song, ngày càng dài hơn và được tiêu chuẩn hóa hơn. Quan hệ giữa Ủy ban điều hành và IMF trở nên tiêu chuẩn hóa hơn. Tuy vậy, bất chấp những thúc ép mà các ngân hàng tiến hành, các chủ nợ ngân hàng thương mại thường tự chứng minh là họ linh hoạt hơn các chủ nợ chính thức, đặc biệt là mong muốn chấp nhận các hiệp định hoãn nợ nhiều năm (MYRAS).

Việc hoãn nợ không luôn đạt được các mục tiêu “cao thượng” nhằm ngăn chặn khủng hoảng khả năng thanh toán sau đó, làm dịu bớt hoặc giảm nhẹ không khí của cuộc khủng hoảng, và duy trì các hoạt động bình thường trên các thị trường tín dụng quốc tế. Ngược lại, các nước đang phát triển đã và đang chịu các chi phí tài chính, kinh tế và xã hội cùng với việc hoãn nợ. Do vị thế yếu hơn, các nước đang phát triển phải tăng cường sức mạnh thương lượng của mình nếu họ đàm phán về các điều khoản thậm chí được coi là một biểu hiện tốt về các lợi ích của họ.

### **3. Cơ sở lý luận và thực tiễn tổng quát về việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các khoản vay vốn nước ngoài**

#### **3.1. Quan niệm chung về ý kiến pháp lý**

3.1.1. Có thể có một lúc nào đó khách hàng yêu cầu luật sư Việt Nam đưa ra lời khuyên về một vấn đề pháp luật nào đó dưới tên gọi là "Ý kiến pháp lý". Những Ý kiến pháp lý như vậy đã được khẳng định trong Pháp lệnh Tổ chức Luật sư năm 1987 dưới hình thức "làm tư vấn pháp luật cho các tổ chức kinh tế Nhà nước, tập thể và tư nhân, kể cả các tổ chức kinh tế nước ngoài"<sup>14</sup>.

Tuy vậy, Đề tài này chỉ giới hạn ở một loại ý kiến pháp lý khác với ý kiến pháp lý được nêu trong Pháp lệnh tổ chức Luật sư. Đó là Ý kiến pháp lý do Bộ Tư pháp cấp phát hành cho các giao dịch thương mại đầu tư, tài chính-ngân hàng lớn ở Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế, các hợp đồng và các tài liệu pháp lý quan trọng khác.

3.1.2. Trong lĩnh vực tín dụng quốc tế đã tồn tại một thực tiễn chuẩn về vấn đề này. Thực tiễn này đã cho phép người cung cấp tín dụng yên tâm giải ngân các khoản vay theo thoả thuận. Trong nhiều nước trên thế giới, nếu văn bản Ý kiến pháp lý được ký phát hành không đúng quy chuẩn, thì người cho vay có thể khởi kiện luật sư tư vấn của bên đi vay về lỗi của luật sư đó trong cấp phát hành ý kiến pháp lý. Luật sư bên đi vay có thể phải chịu bồi thường một khoản tổn thất đáng kể nếu người cho vay không thể thực hiện được thoả thuận cho vay của mình. Chính vì vậy, một yêu cầu quan trọng đầu tiên ở đây là luật sư đưa ra Ý kiến pháp lý phải bảo đảm chắc chắn là không có sai phạm nào trong các công đoạn chuẩn bị và ký cấp phát Ý kiến pháp lý cũng như phải có bảo hiểm rủi ro đối với tổn thất do sai lầm trong ý kiến pháp lý mang đến cho người cho vay.

Tuỳ thuộc vào các điều kiện của thoả thuận vay vốn và các vấn đề khác mà pháp luật Việt Nam (là nước đi vay) có thể can thiệp vào việc thực thi thoả thuận vay. Nếu Bộ Tư pháp (hoặc một luật sư tư nhân) được yêu cầu cung cấp ý kiến pháp lý cho một giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính-ngân hàng cụ thể, thì Bộ Tư pháp (hoặc luật sư tư nhân) phải xác định cụ thể và phải phát biểu mọi ý kiến của mình về giá trị pháp lý và khả năng có hiệu lực thi hành của các điều khoản của thoả thuận vay vốn. Các ý kiến đó có thể đưa vào văn bản Ý kiến pháp lý được ký cấp phát hành dưới dạng các

---

<sup>14</sup> Xem Pháp lệnh tổ chức Luật sư, Điều 13 điểm 2.

nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn. Có thể nêu ra đây nhiều ví dụ thực tiễn về các Ý kiến pháp lý mà Bộ Tư pháp đã ký cấp phát hành cho các khoản vay vốn nước ngoài. Chẳng hạn, Ngân hàng thế giới (WB) đã yêu cầu Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý cho khoản vay giảm nghèo ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa phía Bắc. Bộ Tư pháp đã phải liên hệ với luật sư của WB để thảo luận ý kiến về nội dung các Ý kiến pháp lý cần ký cấp phát cho khoản vay giảm nghèo này. Qua thảo luận với luật sư của WB, Bộ Tư pháp được biết rõ mục đích, yêu cầu, cấu trúc và các điều kiện của Thoả thuận vay giảm nghèo; các yêu cầu cần được Bộ Tư pháp chấp thuận và các vấn đề cần đưa ra đánh giá chuyên môn và khẳng định trong văn bản Ý kiến pháp lý do Bộ tư pháp ký cấp phát hành theo đề nghị của WB. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp và WB thống nhất nội dung văn bản Ý kiến pháp lý cụ thể sẽ được Bộ Tư pháp ký cấp cho WB về khoản vay giảm nghèo cụ thể này. Ý kiến pháp lý này của Bộ Tư pháp là một trong những điều kiện tiên quyết làm cho Hiệp định vay giữa Việt Nam và WB có hiệu lực thi hành và là cơ sở pháp lý quan trọng để giải ngân khoản vay này của Việt Nam<sup>15</sup>.

Một ví dụ khác phức tạp đã diễn ra trong lĩnh vực này, đó là việc cấp Ý kiến pháp lý cho hồ sơ, tài liệu Dự án nhà máy điện BOT Phú Mỹ 2 giai đoạn 2 (Dự án PM 2.2). Đây là một Dự án lớn về điện lực được xây dựng tại Bà Rịa-Vũng Tàu với vốn 100% của nhà đầu tư nước ngoài theo hợp đồng BOT có bảo đảm một phần của Chính phủ Việt Nam. Dự án PM 2.2 có các luật sư của mình và các luật sư này cùng với các chuyên gia của Dự án và phía đối tác Việt Nam (các Bộ, Ngành liên quan) đàm phán thống nhất các tài liệu Dự án và các vấn đề pháp lý liên quan. Bộ Tư pháp được yêu cầu xem xét hồ sơ tài liệu của Dự án PM 2.2, chấp thuận các điều kiện pháp lý trong các tài liệu, hoặc liên quan đến các tài liệu của Dự án, đưa ra Ý kiến pháp lý về hồ sơ tài liệu Dự án cho các nhà đầu tư nước ngoài đã ký hợp đồng BOT PM 2.2, đưa ra các nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn liên quan đến hiệu lực pháp luật của các hồ sơ tài liệu Dự án PM 2.2 (khoảng hơn 120 văn bản khác nhau). Bên cạnh đó Bộ Tư pháp cũng được yêu cầu ký cấp phát hành Ý kiến pháp lý cho WB về khoản vay WB nhằm bảo đảm bù đắp rủi ro một phần cho Dự án PM 2.2.

---

<sup>15</sup> Xem hồ sơ cấp ý kiến pháp lý Bộ Tư pháp.

### **3.2. Một số vấn đề thực tiễn đặt ra đối với quá trình chuẩn bị Ý kiến pháp lý**

3.2.1 Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp thường bắt đầu từ việc mô tả vai trò của Bộ Tư pháp một cách thận trọng trong vấn đề này, hay nói một cách rõ ràng hơn là Bộ Tư pháp sẽ ký cấp phát hành Ý kiến pháp lý cụ thể này với tư cách gì (ví dụ, với tư cách là Luật sư của Bên đi vay). Bộ Tư pháp cũng có thể nêu lên danh mục những tài liệu mà Bộ đã xem xét để đưa ra ý kiến nhận định hoặc khẳng định về mặt chuyên môn.

3.2.2 Trên thực tế cũng rất khó tiên lượng các vấn đề mà Luật sư của Nhà tài trợ (ví dụ, WB) hoặc Luật sư của các nhà đầu tư nước ngoài (ví dụ, Dự án PM 2.2) đưa ra và đề nghị Bộ Tư pháp xem xét nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn. Tuy vậy, nhìn chung các vấn đề mà đối tác nước ngoài thường muốn Bộ Tư pháp xem xét nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn thường là:

a) Liệu các đối tác Việt Nam (ví dụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính Việt Nam, các công ty, doanh nghiệp...) là những thực thể có trụ sở tại Việt Nam và tồn tại hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam hay không?. Liệu những thực thể này hoặc những người đại diện hợp pháp của chúng có thẩm quyền đầy đủ để tiến hành các giao dịch thương mại -đầu tư, tài chính-ngân hàng tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài, đối tác nước ngoài theo văn kiện pháp lý cụ thể (Điều lệ, Luật, Nghị định...) về các thực thể và người đại diện đó và theo quy định của pháp luật Việt Nam không ?.

b) Liệu các đối tác Việt Nam có đủ năng lực pháp lý để khởi kiện hoặc bị khởi kiện trước một cơ quan tài phán tư pháp (ví dụ, Tòa án tư pháp) hoặc Trọng tài quốc tế theo tên gọi chính thức và địa chỉ được xác định trong thoả thuận vay vốn, trong hồ sơ tài liệu dự án hoặc theo các thông tin chính thức khác liên quan hay không?

c) Liệu các đối tác Việt Nam có đủ thẩm quyền để tiếp nhận và thực thi các nghĩa vụ đã được ghi nhận cho nó trong thoả thuận vay vốn hoặc trong hồ sơ tài liệu dự án hay không? Liệu ở đây có sự cấm đoán hay hạn chế gì không theo quy định của Hiến pháp hoặc pháp luật Việt Nam?

d) Liệu các đối tác Việt Nam đã tiến hành đầy đủ ít nhất là các bước cơ bản cần thiết sau đây hay chưa:

- Đã nhận được giấy phép (hoặc giấy uỷ quyền) hợp pháp để ký thoả thuận vay vốn (hoặc hồ sơ tài liệu dự án)?

- Đã tiến hành các thủ tục cần thiết để tiếp nhận và thực thi các nghĩa vụ của mình theo thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án và các thủ tục khác liên quan?

đ) Thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án đã được các đối tác Việt Nam ký hợp pháp chưa?;

e) Các thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án có tạo ra các nghĩa vụ pháp lý có giá trị thi hành và ràng buộc các đối tác Việt Nam theo các điều kiện của thoả thuận và dự án đó hay không? Đây là vấn đề phức tạp cần có sự nghiên cứu kỹ càng trước khi đưa ra ý kiến pháp lý.

g) Liệu trong quá trình thực thi thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án các bên cho vay và bên vay, các nhà đầu tư cần thiết phải tiếp tục xin phép, nhận được sự phê duyệt, chấp thuận hoặc phải đăng ký làm các thủ tục báo cáo, lưu giữ tài liệu... và các thủ tục khác với các nhà chức trách địa phương, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hay không? Đây cũng là vấn đề phức tạp đối với các đối tác nước ngoài khi thủ tục hành chính của Việt Nam quá phức tạp, phiền hà và không bảo đảm các yêu cầu về minh bạch, công khai trong thương mại, đầu tư quốc tế. Một ví dụ khá điển hình là Dự án PM 2.2, sau khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Việt Nam đã hoàn tất mọi thủ tục, Chủ tịch nước đã phê chuẩn Hiệp định vay bảo đảm bồi hoàn một phần rủi ro cho Dự án, Bộ Tư pháp đã cấp ý kiến pháp lý cho hồ sơ tài liệu Dự án quan trọng này của đất nước nhưng Sở Địa chính thuộc UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vẫn gây khó khăn cho các nhà đầu tư nước ngoài với lý do chưa có hướng dẫn về đăng ký hợp đồng thế chấp các bất động sản gắn liền với đất<sup>16</sup>. Đó là chưa nói đến các trường hợp "trên nói dưới không nghe", dự án không thể triển khai tiếp vì "dân chưa thông", chưa tuân theo "lệ làng" cho dù "phép nước" đã làm đủ.

h) Liệu việc ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của bên Việt Nam theo các thoả thuận vay hoặc tài liệu dự án có bị xung đột với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam hoặc với bất kỳ một thoả thuận nào khác mà Việt Nam hoặc các bên Việt Nam ở đây đang tham gia hay không?. Bộ Tư pháp cũng có thể được yêu cầu xem xét để đưa ra khẳng định về mặt chuyên môn về vấn đề liệu hậu quả của việc vi phạm một điều kiện hoặc một quy định nào đó của

---

<sup>16</sup> Xem Thư ngày tháng 1/2003 của MÊCO gửi Bộ Tư pháp và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án hoặc việc xuất hiện một tình huống lỗi vi phạm hợp đồng nào đó có mâu thuẫn với Hiến pháp và pháp luật Việt Nam hay không?

i) Liệu bên đối tác Việt Nam đã từng bị một phán quyết hoặc một quyết định hành chính về chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc bị toà án Việt Nam tuyên bố phá sản hay không?. Tuy vậy, cũng có thể có trường hợp bên đối tác nước ngoài yêu cầu Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét để khẳng định rằng đối tác Việt Nam (ví dụ, một doanh nghiệp cụ thể của Việt Nam) trong giai đoạn hiện tại không bị khởi kiện tại bất kỳ toà án nào của Việt Nam về một vấn đề kinh tế nào đó. Quả thực, ở Việt Nam đây là vấn đề phức tạp, khó có thể kiểm tra một cách nhanh chóng trong điều kiện các bản án của toà án không được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, các thông báo về các phiên toà không phải lúc nào cũng dễ dàng kiểm tra đối chiếu được<sup>17</sup>.

k) Liệu phải có một khoản thuế hoặc lệ phí nào phải trả ở Việt Nam để ký kết và thực thi các thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án hay không?. Đây cũng là vấn đề đôi khi gây tranh luận mất nhiều thời gian. Chẳng hạn, bên đối tác nước ngoài muốn công chứng tài liệu dự án hoặc thoả thuận vay vốn nhưng họ không muốn phải trả lệ phí công chứng đối với việc công chứng các tài liệu đó theo quy định của pháp luật. Việc đăng ký các hợp đồng thế chấp cũng rơi vào trường hợp tương tự...

l) Liệu Bên cho vay hoặc các nhà đầu tư, thương gia nước ngoài phải có quyền khởi kiện tại toà án Việt Nam hoặc tại một cơ quan tài phán do các bên nước ngoài và bên Việt Nam thoả thuận trong Thoả thuận vay vốn hoặc trong hồ sơ tài liệu dự án về việc thực thi các quyền và nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án hay không?.

m) Liệu việc lựa chọn pháp luật để điều chỉnh thoả thuận vay vốn hoặc hợp đồng cụ thể hoặc các tài liệu dự án phải có giá trị pháp lý và ràng buộc đối với các đối tác Việt Nam hay không?. Đây cũng là vấn đề phức tạp, gây tranh luận mất nhiều thời gian. Thông thường, những thoả thuận vay vốn thường theo công thức và pháp luật của bên cho vay. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản cho Việt Nam vay vốn thì pháp luật điều chỉnh thoả thuận vay vốn cụ thể đó thường sẽ là pháp luật Nhật Bản. WB cho Việt Nam vay vốn thì pháp luật điều chỉnh sẽ là pháp luật WB. Tuy vậy, đối với các tài liệu dự án đầu tư nước ngoài thì việc chọn luật điều chỉnh có thể phức tạp

---

<sup>17</sup> Xem "Báo cáo đánh giá nhu cầu..."

hơn. Luật điều chỉnh ở đây có thể là pháp luật của một nước do các bên tự do lựa chọn. Đối với các hợp đồng BOT, BTO, BT thì pháp luật điều chỉnh ở đây phải được Bộ Tư pháp xem xét chấp thuận. Trong trường hợp xử lý nợ qua Câu lạc bộ Luân Đôn, thì pháp luật điều chỉnh lại có thể là pháp luật của Bang New York, Hoa Kỳ. Trong tài liệu dự án PM 2.2, có loại thì theo pháp luật Singapore, có loại thì theo pháp luật nước Anh.

n) Liệu các đối tác Việt Nam có tuân thủ quyền tài phán không riêng biệt của toà án nước ngoài theo thoả thuận hay không? Liệu các thoả thuận đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đối với các bên Việt Nam liên quan hay không?.

o) Nếu toà án nước ngoài tuyên một bản án, quyết định trên cơ sở thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án liên quan đến các nghĩa vụ của các đối tác Việt Nam thì liệu các bản án, quyết định đó có được công nhận và thi hành tại Việt Nam hay không?.

Đây là vấn đề quan trọng và pháp luật các nước tuân theo những nguyên tắc rất khác nhau<sup>18</sup>. Pháp luật Việt Nam cũng có quy định khá cứng rắn về vấn đề này, chỉ công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài khi Việt Nam và nước có toà án đã ký kết với nhau về một điều ước quốc tế về vấn đề này<sup>19</sup>.

p) Liệu các bên đối tác Việt Nam được hưởng quyền miễn trừ tư pháp hoặc tài sản của các bên đó thuộc diện được loại trừ khỏi khối tài sản bị cưỡng chế thi hành án hay không?.

Đây cũng là vấn đề phức tạp, gây nhiều tranh luận giữa các luật gia các nước khác nhau. Pháp luật nhiều nước thừa nhận quyền miễn trừ tư pháp đối với quốc gia, Chính phủ và tài sản của quốc gia, Chính phủ. Điều đó có nghĩa không một ai, một cơ quan tư pháp nào được thừa kiện hoặc thụ lý vụ kiện chống lại quốc gia, Chính phủ nước ngoài hoặc chống lại tài sản của quốc gia, Chính phủ nước ngoài đó, trừ trường hợp quốc gia, Chính phủ từ bỏ quyền miễn trừ của mình. Không một cơ quan tư pháp nào được áp dụng các biện pháp khẩn cấp để bắt giữ tài sản của quốc gia, Chính phủ nước ngoài nhằm bảo đảm cho việc xét xử sơ thẩm vụ tranh chấp cụ thể nào đó, trừ trường hợp quốc gia, Chính phủ đó chấp thuận rõ ràng hành vi đó. Cũng theo quy tắc miễn trừ này, không một cơ quan tư pháp nào được áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thi hành án, quyết định dân sự-kinh tế của toà án

---

<sup>18</sup> Xem chuyên đề "Vấn đề thi hành án có yếu tố nước ngoài -Thực trạng và giải pháp". Thông tin KHPL, số 1/2002, trang 9-38.

<sup>19</sup> Xem chuyên đề "Vấn đề thi hành án có yếu tố nước ngoài ..." sdd, trang 81-95.

nước ngoài nhằm chống lại quốc gia, Chính phủ nước ngoài, trừ trường hợp quốc gia, Chính phủ đó khước từ quyền miễn trừ tư pháp của mình. Pháp luật Việt Nam về nguyên tắc cũng thừa nhận sự tồn tại của quyền miễn trừ tư pháp đó của quốc gia, Chính phủ và của tài sản quốc gia, Chính phủ. Do vậy, trong nhiều trường hợp, đối tác nước ngoài đưa ra điều kiện Việt Nam phải từ bỏ quyền miễn trừ tư pháp. Nếu bên Việt Nam chấp nhận, thì sự chấp nhận đó phải được khẳng định lại trong văn bản ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp.

3.2.3 . Các luật sư Việt Nam và Bộ Tư pháp khi nghiên cứu và chuẩn bị các ý kiến pháp lý sẽ phải lý giải các cơ sở mà họ đã dựa vào đó để đưa ra các kết luận cần thiết trong ý kiến pháp lý. Để làm được vấn đề này, các luật sư Việt Nam và Bộ Tư pháp phải tiến hành nghiên cứu, xem xét và điều tra các vấn đề liên quan trước khi kết luận về nó. Nếu không thể điều tra đầy đủ để đi đến kết luận dứt khoát vấn đề, thì người ta có thể nhận định vấn đề đó đã đáp ứng các yêu cầu cần thiết theo pháp luật Việt Nam.

Trong thực tiễn, người ta có thể lập luận, nhận định trong các văn bản ý kiến pháp lý các vấn đề đó theo các hướng như sau:

a, Tất cả tài liệu hoặc bản sao tài liệu được gửi tới để xem xét cấp phát ý kiến pháp lý được giả định là đã phù hợp với bản gốc của nó. Cũng có thể giả định rằng tài liệu thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án đã không bị một bên nào sửa đổi, bổ sung, đánh đổi... trái phép.

b, Thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án đã được đối tác nước ngoài hoàn thành thủ tục pháp lý và đã được ký kết hợp pháp; việc ký kết này là có giá trị pháp lý

c, Các nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn và các tài liệu dự án là có giá trị pháp lý và ràng buộc đối với các bên đối tác nước ngoài

d, Việc đối tác nước ngoài ký kết, chuyển giao hồ sơ, tài liệu và thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận vay và tài liệu dự án là phù hợp với tất cả các quy định của pháp luật được áp dụng, và các đối tác nước ngoài sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của thoả thuận vay vốn, tài liệu dự án và sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ phát sinh từ các văn kiện tài liệu pháp lý đó.

e, Tất cả các tài liệu, báo cáo, văn bản được gửi đến luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp để xem xét cấp ý kiến pháp lý là các tài liệu, báo cáo, văn bản đầy đủ, trọn vẹn, được cập nhật và được đệ trình hợp thức. Tuy vậy, trong trường hợp xét thấy cần thiết, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có

thể yêu cầu để các bên đối tác nước ngoài cung cấp thêm các tài liệu liên quan cần thiết cho nhận định này.

f,Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì loại giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính-tín dụng kiểu này cần phải có thêm các tài liệu pháp lý liên quan và phải được phép của cơ quan chuyên môn nhất định (ví dụ, phải được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ , sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính , phải lập các đơn vị cơ sở để thực thi dự án, có vốn đối ứng thích hợp...) và yêu cầu các đối tác Việt Nam cung cấp thêm các tài liệu liên quan.

g,Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể nhận định rằng việc ký kết và chuyển giao tài liệu dự án, thoả thuận vay vốn cũng như việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo các tài liệu, văn kiện đó ngoài lãnh thổ Việt Nam sẽ không có giá trị pháp lý và không thể thực thi theo pháp luật Việt Nam mà các việc đó phải thoả mãn mọi yêu cầu của pháp luật của nước nơi thực hiện các hành vi đó.

h,Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng các cơ quan thuế Việt Nam sẽ không tiến hành bất cứ hoạt động nào nhằm thu các loại thuế có thể có theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với việc chuyển tiền vay từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc đối với các khoản tiền trả nợ của Việt Nam khi chuyển ra nước ngoài ...

i,Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể nhận định rằng ngoài pháp luật của Việt Nam và pháp luật của nước đã được các bên Việt Nam và nước ngoài thoả thuận lựa chọn hợppháp và đã được khẳng định trong ý kiến pháp lý, thì không có pháp luật của nước nào khác gây ảnh hưởng đến hiệu lực pháp lý của bản ý kiến pháp lý đã được ký cấp phát hành cho đối tác nước ngoài .

j,Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể nhận định tiếp rằng tất cả các tài liệu gốc, dấu đóng trên tài liệu, chữ ký trên các tài liệu và hình thức các văn bản được lập để trình gửi cho đối tác nước ngoài sau khi được Bộ Tư pháp kiểm tra nhận thấy là đúng bản gốc.

k,Nếu có các tài liệu được lập, ký... theo uỷ quyền hợp pháp thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng các tài liệu đó không bị sửa đổi, bổ sung hoặc bị đánh tráo bởi một văn bản khác. Tương tự vậy, nếu việc ký kết một thoả thuận, hồ sơ tài liệu dự án đòi hỏi phải có giấy uỷ quyền hoặc giấy phép cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì

luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng các giấy uỷ quyền, các giấy phép đó đã không bị sửa đổi, bổ sung hoặc bị đánh tráo bởi một văn bản khác (sau khi đã kiểm tra cẩn thận).

l, Nếu có bất cứ một tài liệu nào đó cần phải được đăng ký và luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp không thể có giấy tờ chứng minh về việc đăng ký tài liệu đó, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng tài liệu đó sẽ được đăng ký.

m, Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp, trong trường hợp cần thiết, cũng có thể nhận định rằng không có một đối tác trong, ngoài nước nào đã tiến hành hoặc sẽ tiến hành những giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh trái với thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án hoặc tiến hành hoạt động dưới một chiều thức nào đó mà kết quả của nó sẽ không phù hợp với mục đích cần đạt của thoả thuận vay vốn hoặc hồ sơ tài liệu dự án.

n, Về vấn đề pháp luật được lựa chọn để điều chỉnh các văn bản thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án, trong nhiều nước, kể cả Việt Nam chúng ta, vấn đề này thường được coi là vấn đề nhạy cảm trong đàm phán, ký kết các thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án. Do vậy, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng pháp luật đã được các bên lựa chọn chỉ liên quan trực tiếp đến việc thực thi giao dịch thương mại cụ thể được nêu rõ trong văn bản thoả thuận vay vốn, tài liệu dự án. Tư pháp quốc tế nhiều nước đều công nhận khả năng chọn pháp luật nước ngoài để điều chỉnh một số quan hệ cụ thể, trong đó có cả quan hệ thương mại-đầu tư, tài chính-ngân hàng. Tuy vậy, ở đây cũng có một số ngoại lệ<sup>20</sup>. Việc chọn pháp luật thường được công nhận nếu pháp luật được chọn đó có mối liên hệ trực tiếp đến giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính-ngân hàng được các bên thoả thuận tiến hành. Chẳng hạn, người ta thoả thuận chọn pháp luật Nhật Bản để điều chỉnh thoả thuận vay vốn từ Ngân hàng Nhật Bản. Người ta cũng có thể chọn pháp luật của Bang NewYork, Hoa Kỳ để điều chỉnh thoả thuận về tăng cường đầu tư của US. EXIMBANK vào Việt Nam, v.v...

o, Một số nước có quy định về thuế lợi tức cổ phần đầu tư hoặc thuế lợi tức từ khoản tiền vay từ nước ngoài. Nếu Việt Nam có quy định loại thuế này, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp, sau khi thống nhất được với cơ quan thuế Việt Nam, có thể nhận định rằng đối tác Việt Nam sẽ được miễn, giảm thuế lợi tức cụ thể đó và đối tác nước ngoài có thể phải nộp thuế đó phù hợp với yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các cam kết của

---

<sup>20</sup> Xem: "Giáo trình Tư pháp quốc tế", Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, 2001, trang 76-89; "Giáo trình Tư pháp quốc tế" Trường Đại học Luật Hà Nội, 1997, Trang 42-49

Việt Nam theo thoả thuận vay vốn nước ngoài hoặc theo các tài liệu dự án đã được phê duyệt, hoặc theo các điều ước quốc tế liên quan.

p. Để kết thúc phần lập luận, nhận định, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể lập luận, nhận định tiếp là các đối tác trong và ngoài nước không phản đối và không cho rằng các nhận định của luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp là sai trái.

### **3.3. Một số vấn đề đặt ra cần khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý:**

Trong quá trình chuẩn bị văn bản ý kiến pháp lý, có thể luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp được yêu cầu khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý một số vấn đề chuyên môn. Một số đề nghị khẳng định như vậy có thể không hẳn là đúng, do đó cần có giải pháp chuyên môn cho các đề nghị đó trong văn bản ý kiến pháp lý sẽ được ký cấp phát cho các đối tác trong, ngoài nước. Các giải pháp đó trong thực tiễn có thể là:

a- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể giới hạn ý kiến pháp lý của mình trong phạm vi pháp luật Việt Nam mà thôi. Họ cũng có thể ghi rõ ràng rằng họ không khảo sát pháp luật của nước khác cho dù pháp luật đó có liên quan đến các vấn đề được nêu trong văn bản ý kiến pháp lý.

b- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể chỉ rõ ra rằng họ không có nghĩa vụ phải thông báo cho đối tác nước ngoài đã yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về những thay đổi của pháp luật Việt Nam sau khi ký cấp phát ý kiến pháp lý cho dù những thay đổi của pháp luật đó có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch thương mại - đầu tư, tài chính – ngân hàng. Nếu không chọn giải pháp như vậy thì người cấp ý kiến pháp lý có thể bị thưa kiện bồi thường thiệt hại khi pháp luật thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thực thi các cam kết ban đầu giữa các bên đối tác.

c- Có một số biện pháp mà các cơ quan tư pháp các nước thường sử dụng cũng phải được cân nhắc khi soạn thảo văn bản ý kiến pháp lý. Chẳng hạn, toà án có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với một đối tác nhất định tại nước có toà án đó khi đối tác đó không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, và như vậy các nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án có thể không được thực hiện. Nếu pháp luật Việt Nam có quy định rõ ràng về các biện pháp khẩn cấp này thì trong văn bản ý kiến pháp lý cũng

phải nói rõ vấn đề đó. Hoặc trong thoả thuận vay vốn có quy định đồng tiền được vay phải dùng vào mục đích nhất định (ví dụ, xoá đói giảm nghèo ở vùng sâu, vùng núi cao), nhưng các đối tác Việt Nam lại dùng tiền đó để phục vụ một mục đích khác (ví dụ, xây dựng cầu đường ở các thành phố), thì bên đối tác nước ngoài (người cho vay vốn) có thể yêu cầu toà án Việt Nam hoặc các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền ra quyết định buộc đối tác Việt Nam phải chấm dứt việc sử dụng tiền vay trái mục đích đã được thoả thuận với bên cho vay.

d- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể sử dụng giải pháp theo đó trong văn bản ý kiến pháp lý có thể ghi rõ các thoả thuận giữa các bên đối tác hoặc tài liệu dự án sẽ không còn giá trị thi hành nếu trong vòng một thời gian nhất định được xác định cụ thể mà các bên đối tác trong và ngoài nước không tiến hành những hoạt động nhất định được ghi rõ trong các văn bản thoả thuận, tài liệu dự án hoặc trong văn bản ý kiến pháp lý.

e- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng, việc thực thi thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án có thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, bị giải thể hoặc bị phá sản hoặc bởi các quy định của luật lệ liên quan của Việt Nam. Tương tự như vậy, trong ý kiến pháp lý cũng có thể ghi rõ các luật lệ liên quan của Việt Nam có thể có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi các quyền của các chủ nợ.

f- Ngoài trường hợp nói ở điểm (e) nêu trên, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng việc thực thi các quyền theo thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án có thể bị ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc khước từ quyền, hạn chế hoặc bãi bỏ quyền hoặc các quy định liên quan đến việc tách, nhập, tổ chức lại doanh nghiệp Việt Nam, cải cách hành chính Nhà nước ...

g- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể tuyên bố trong văn bản ý kiến pháp lý rằng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì việc thực thi thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án sẽ bị cấm hoặc bị chấm dứt nếu cơ quan có thẩm quyền Việt Nam phát hiện ra việc ký kết các thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án đã đạt được bằng con đường lừa đảo, bằng sự đe doạ bạo lực hoặc những con đường trái pháp luật khác.

h- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng sẽ có một số quy định trong các thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án sẽ không được thực thi tại Việt Nam theo điều khoản bảo lưu về trật tự công cộng của Việt Nam. Về vấn đề trật tự công cộng, pháp luật các nước quy định rất khác nhau<sup>21</sup>. Khi đưa ra tuyên bố về vấn đề này trong văn bản ý kiến pháp lý, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp phải hết sức thận trọng và cân nhắc kỹ việc chọn giải pháp này.

i- Nếu trong hợp đồng, thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án giữa các đối tác có các quy tắc buộc toà án phải áp dụng pháp luật nước ngoài để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cần nói rõ điều đó trong văn bản ý kiến pháp lý. Trong trường hợp cần thiết, trong văn bản ý kiến pháp lý có thể dành một mục để mô tả vắn tắt các quy tắc áp dụng pháp luật đó.

j- Nếu văn bản ý kiến pháp lý được cấp phát theo yêu cầu làm rõ những vấn đề mà việc làm rõ các vấn đề đó đòi hỏi phải kiểm tra những tài liệu cá biệt hoặc các báo cáo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cần phải ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng pháp luật Việt Nam có các quy định khác với thoả thuận của các bên đối tác.

k- Nếu thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án yêu cầu thanh toán tiền hoặc trả nợ bằng USD và phải có phê quyết của cơ quan có thẩm quyền (ví dụ, Ngân hàng Nhà nước) trong chuyển đổi từ VND sang USD để thanh toán hoặc trả nợ, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp trong văn bản ý kiến pháp lý phải nói rõ yêu cầu về sự phê duyệt này.

Ngoài những vấn đề, giải pháp nêu trên có thể sử dụng để khẳng định các yêu cầu của đối tác, có thể có các vấn đề, giải pháp khác, tùy thuộc từng trường hợp cụ thể.

### **3.4. Phân kết thúc văn bản ý kiến pháp lý:**

Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể kết thúc văn bản ý kiến pháp lý bằng việc cá biệt hoá người có thể chịu trách nhiệm đối với văn bản đó. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng văn bản này được ký phát vào một ngày

<sup>21</sup> Giáo trình Tư pháp quốc tế trường Đại học Luật Hà Nội, sdd trang 53-56

tháng năm nhất định và do vậy, người ký phát hành ý kiến pháp lý này sẽ không thể biết và không thể chịu trách nhiệm về những thay đổi của pháp luật Việt Nam liên quan có thể xảy ra sau ngày ký phát hành văn bản ý kiến pháp lý đó.

Người ký phát hành ý kiến pháp lý cũng có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng văn bản này không được chuyển giao cho bất kỳ ai hoặc không được công bố cho bất cứ ai không được ghi tên trong văn bản đó. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể ghi thêm rằng không một ai có thể chịu trách nhiệm thay cho người đã ký phát văn bản này về những vấn đề người đó đã khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý. Người ký phát hành văn bản ý kiến pháp lý cũng có thể yêu cầu người được nhận văn bản đó rằng họ không được dẫn chiếu hoặc viện dẫn nó như một tài liệu công cộng hoặc họ không phải đưa cho một cơ quan Nhà nước nào để vào sổ lưu chiếu, đăng ký hoặc đưa cho bất cứ một người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của người ký phát hành.

Sở dĩ người ta thường làm như vậy là vì có nhiều lý do khác nhau buộc người ta phải cân nhắc cẩn thận. Trước tiên, đó là trách nhiệm tiềm tàng của người ký phát hành văn bản ý kiến pháp lý đối với người đã nhận được văn bản này. Trách nhiệm này về mặt nguyên tắc phải giới hạn giữa người ký văn bản ý kiến pháp lý với những người được cấp văn bản và được ghi rõ tên trong văn bản đó. Thứ hai, nếu nhiều người khác biết nội dung văn bản đã được ký cấp phát thì người ký văn bản có thể thường xuyên bị quấy rầy vì các yêu cầu khác nhau về sau, kể cả bị phê phán là đã giả định và khẳng định không chính xác tình tiết và bản chất của vấn đề. Thứ ba, nếu có một người nào đó muốn lĩnh hội trách nhiệm trong tương lai về ý kiến pháp lý đã được ký phát hành và cho người ký phát hành cơ hội để cập nhật thông tin pháp luật, thì ý kiến pháp lý trước đây đã ký phát hành có thể bị người này sửa đổi, bổ sung và như vậy có thể dẫn đến những hậu quả không mong muốn về sau trong quá trình thực thi các nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn hoặc hồ sơ tài liệu dự án.

Người cấp văn bản ý kiến pháp lý có quyền thu một khoản lệ phí nhất định để bù đắp các chi phí, công sức cho việc chuẩn bị văn bản ý kiến pháp lý.

### **3.5. Vấn đề bảo lãnh và bảo đảm an toàn**

Đôi khi người ta đòi hỏi phải có bảo lãnh hoặc bảo đảm an toàn cho một khoản vay lớn hoặc dự án lớn. Những bảo lãnh và bảo đảm

an toàn như vậy đòi hỏi phải có những lập luận chuyên biệt. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp đôi khi phải bảo đảm chắc chắn rằng các khâu cần thiết đã được tiến hành đầy đủ và bảo lãnh sẽ được ký phát hành đúng như mong muốn. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng cần phải làm các giả định và khẳng định chuyên môn về cách thức phát hành bảo lãnh hoặc bảo đảm an toàn. Người phát hành ý kiến pháp lý cho các bảo lãnh và bảo đảm an toàn có thể ghi rõ Chính phủ có đủ thẩm quyền đối với việc hạn chế hoặc huỷ bỏ bảo lãnh, bảo đảm an toàn bằng cách thông qua các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực về việc đó. Trong thực tiễn pháp luật các nước, có không ít những hạn chế, cấm đoán trong thực thi các bảo lãnh, bảo đảm an toàn đối với các khoản vay hoặc dự án lớn. Chẳng hạn, có nước quy định cho dù có một bản án của tòa án chống lại một Chính phủ, nhưng không phải vì thế mà áp dụng được biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với tài sản của Chính phủ đó. Chính vì vậy cho nên khi tiến hành một giao dịch thương mại-dầu tư, tài chính- ngân hàng có bảo đảm, người ta cần phải cân nhắc cẩn thận vấn đề này kể cả khi Chính phủ sẵn sàng ký phát hành bảo lãnh hoặc bảo đảm an toàn cho giao dịch đó.

Các bảo đảm trả nợ do một doanh nghiệp này ký phát hành cho một doanh nghiệp khác cũng có thể trở thành đối tượng của các ý kiến pháp lý. Người cho vay tiền có thể yêu cầu luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp xác định về hiệu lực pháp lý của các bảo đảm tiền vay như đã làm các ý kiến pháp lý đối với các thoả thuận vay vốn nước ngoài, hồ sơ tài liệu dự án mà chúng ta đã nói ở phần trên. Ở đây cũng sẽ có các vấn đề cần có nhận định, cần có khẳng định về một chuyên môn của luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp. Trong trường hợp người tiếp nhận các bảo đảm an toàn tiền vay (chẳng hạn, cầm cố hoặc thế chấp tài sản), thì cũng cần phải tiến hành các nhận định, khẳng định về mặt chuyên môn về cách thức tiếp nhận và thụ hưởng các bảo đảm an toàn tiền vay cũng như cách thức mà nhờ đó người cho vay có thể thực thi các quyền của mình. Người cấp văn bản ý kiến pháp lý có thể mô tả các nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn về các vấn đề này theo pháp luật của nước mình như đã từng làm với ý kiến pháp lý về các vấn đề khác.

Tóm lại, cũng khó đi đến những quan điểm lý luận về việc cấp ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các thoả thuận vay vốn và các hồ sơ tài liệu dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tuy vậy, thực tiễn Việt Nam về vấn đề này thì khá phong phú. Thực tiễn đó dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nhiều năm của các nước khác nhau về vấn đề thương

mại- đầu tư, tài chính – ngân hàng và thông lệ tài chính-tín dụng quốc tế. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các kinh nghiệm của các nước trong lĩnh vực này là đáng quý giá và cần được nghiên cứu cẩn thận.

#### **4. Một số vấn đề cụ thể trong việc cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay vốn của tổ chức tài chính quốc tế, vay vốn thương mại và xử lý nợ thương mại**

##### **4.1 Ý kiến pháp lý cho các dự án có sử dụng vốn của các Tổ chức tài chính quốc tế**

###### **4.1.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý**

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới hiện nay, các giao dịch thương mại quốc tế diễn ra sôi nổi ở mọi lĩnh vực, ngành nghề và ở các cấp độ khác nhau. Xem xét khía cạnh ở cấp quốc gia, giao dịch thương mại dưới hình thức các hoạt động tín dụng và đầu tư quốc tế như vay vốn nước ngoài, nhận viện trợ, trợ giúp từ các tổ chức quốc tế, tham gia vào hệ thống giao dịch của các tổ chức tài chính quốc tế đang được xem như một hình thức quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại quốc gia. Hình thức vay tín dụng của các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)... là một lượng tài chính quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển và các nước nghèo, những nước hiện nay thiếu vốn trầm trọng để phát triển kinh tế xã hội.

Trong các hoạt động thương mại quốc tế nói chung, việc đảm bảo trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện giao dịch thương mại là cơ sở thiết yếu tạo nên sự thành công của giao dịch thương mại và do đó là yếu tố thúc đẩy hoạt động thương mại giữa các quốc gia trên thế giới. Đặc biệt với hình thức tín dụng và đầu tư, để bảo vệ vốn của mình thì chủ nợ/chủ đầu tư nước ngoài cần đảm bảo được các điều kiện đã thỏa thuận có tính ràng buộc với đối tác, nhất là khi hai bên ở những nước khác nhau, không có điều kiện thẩm tra năng lực pháp lý của bên kia. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn này, ý kiến pháp lý đã ra đời dưới dạng một văn bản chứng thực do một

người được các bên tín nhiệm cấp và trở thành thông lệ phổ biến trong hoạt động tín dụng đầu tư quốc tế.

Yêu cầu cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay của các tổ chức tài chính quốc tế khác không nằm ngoài thông lệ nói trên. Việc xác định rõ sự đảm bảo và tính an toàn của các khoản vay là một yêu cầu trước hết của các tổ chức tài chính quốc tế đối với các quốc gia tiếp nhận khoản vay. Bằng việc cấp ý kiến pháp lý, bên vay đưa ra những chứng thực về mặt pháp lý nhằm xác nhận khoản vay đó không trái với pháp luật nước sở tại và ràng buộc trách nhiệm bên vay, điều này nhằm để phòng khi tình hình chính trị bất ổn có thể dẫn đến những thay đổi trong bộ máy chính phủ thì khoản vay đó vẫn được hoàn trả sau khi thời hạn vay kết thúc. Trong phần này, chúng ta chỉ tập trung xem xét các nội dung xoay quanh việc cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay từ ADB, một trong các tổ chức cung cấp ODA hàng đầu cho Việt Nam.

#### 4.1.2. Những yêu cầu về cấp ý kiến pháp lý

##### a. Quy định của ADB và Việt Nam

Kể từ khi nối lại quan hệ tín dụng vào năm 1993, cho đến nay ADB đã tài trợ cho Việt Nam 26 khoản vay dự án và chương trình với tổng số tiền lên tới khoảng 1,9 tỷ USD. Phần lớn các khoản vay này được cấp từ nguồn vay ưu đãi (Asian Development Fund-ADF) và một phần nhỏ từ nguồn vốn vay thông thường (Ordinary Capital Resources-OCR), đây là hai thể thức cho vay hiện hành của ADB. Hiện nay, Việt Nam vẫn được hưởng nguồn vay ưu đãi (lãi suất thấp, thời gian cho vay dài) tuy nhiên do những khó khăn về việc huy động nguồn vốn này nên ADB đã có những thay đổi về lãi suất, thời hạn cho vay. Đối với những dự án có khả năng sinh lời ADB yêu cầu phải vay một phần hoặc toàn bộ bằng nguồn vốn OCR với lãi suất theo thị trường.

Trong cả hai loại hình vay trên, ADB đều quy định việc cấp ý kiến pháp lý là một trong những điều kiện tuyên bố hiệu lực cho các khoản vay. Điều 9.02 về ý kiến pháp lý của Quy chế hoạt động các nghiệp vụ đặc biệt và Quy chế hoạt động các nghiệp vụ thông thường quy định: "... Bên vay sẽ

cung cấp, hoặc đảm bảo cung cấp cho Ngân hàng ý kiến của luật sư được Ngân hàng chấp nhận và thỏa mãn đối với Ngân hàng, nêu ra:

- (a) Thay mặt cho Bên vay, xác nhận rằng Hiệp định vay đã được ủy quyền một cách hợp lệ hoặc phê chuẩn bởi, và được ký kết thay mặt cho Bên vay và các điều khoản của Hiệp định ràng buộc một cách hợp pháp với Bên vay.
- (b) Thay mặt cho Người Bảo lãnh, nếu có, xác nhận rằng Hợp đồng Bảo lãnh đã được ủy quyền một cách hợp lệ hoặc phê chuẩn bởi, và được ký kết thay mặt cho Người Bảo lãnh và các điều khoản của Hiệp định ràng buộc một cách hợp pháp với Người Bảo lãnh.
- (c) Thay mặt cho Cơ quan thực hiện dự án (khi có Hiệp định dự án), xác nhận rằng Hiệp định dự án đã được ủy quyền một cách hợp lệ hoặc phê chuẩn bởi, và được ký kết thay mặt cho Cơ quan thực hiện dự án và các điều khoản của Hiệp định ràng buộc một cách hợp pháp với cho Cơ quan thực hiện dự án.
- (d) Các vấn đề khác được nêu trong Hiệp định vay”.

Về phía Việt Nam, việc cấp ý kiến pháp lý cho các dự án ODA nói chung, bao gồm cả các dự án ADB đã được quy định tại điều 17, Nghị định 87/CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, trong đó nêu rõ Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì thực hiện khâu này.

“Bộ Tư pháp có nhiệm vụ:

1. Tham gia ý kiến về những vấn đề pháp lý trong dự thảo các điều ước quốc tế về ODA trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
2. Cho ý kiến về những vấn đề khác nhau giữa Điều ước quốc tế về ODA và pháp luật trong nước; theo dõi việc xử lý các vấn đề này trong quá trình thực hiện Điều ước quốc tế về ODA.

3. Cung cấp ý kiến pháp lý đối với các Điều ước quốc tế về ODA sau khi được ký hoặc các vấn đề pháp lý khác theo đề nghị của cơ quan được ủy quyền chủ trì đàm phán Điều ước quốc tế về ODA”.

Nhiệm vụ này của Bộ Tư pháp được khẳng định lại trong Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ODA.

*b) Phân tích ý kiến pháp lý cấp cho các khoản vay ADB*

*- Hình thức của Ý kiến pháp lý*

Ý kiến pháp lý mà Bộ Tư pháp cấp cho ADB được lập dưới hình thức văn bản.

Văn bản ý kiến pháp lý cấp cho các dự án ADB gồm 3 phần chính. Phần 1 Tiêu đề thường bao gồm cơ quan phát hành, tên văn bản đi kèm với tên khoản vay, dự án liên quan, nơi gửi. Phần 2 Nội dung chi tiết, phần này đề cập tới các quy định pháp luật dẫn chiếu, các văn bản ủy quyền ký kết, đàm phán, một số văn bản liên quan tới dự án đi kèm. Phần 3 Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định của ADB tại điều 9.01 các Quy chế hoạt động nghiệp vụ đặc biệt và thông thường nêu trên, nội dung quan trọng nhất và không thể thiếu được của mỗi Ý kiến pháp lý là xác nhận thẩm quyền ký kết và hiệu lực ràng buộc của Hiệp định với Bên vay, Người Bảo lãnh và Cơ quan thực hiện dự án (nếu có). Mặc dù mỗi Ý kiến pháp lý đều phải bao gồm những nội dung cơ bản này nhưng khác với một số tổ chức quốc tế như WB, ADB không có mẫu Ý kiến pháp lý cố định. Điều này để đảm bảo tính linh hoạt vì mỗi dự án thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau có những đặc điểm riêng biệt trong quá trình chuẩn bị và triển khai. Chẳng hạn với các dự án giao thông, như dự án Cải tạo và Nâng cấp Quốc lộ giai đoạn 3, dự án Đường Xuyên Á trong Ý kiến pháp lý có thêm phần xác nhận đã ban hành Chương trình Hành động Tái định cư (RAP).

*- Ngôn ngữ sử dụng*

Điều 39 Hiến chương thành lập Ngân hàng (có hiệu lực từ ngày 22/8/1966) quy định về ngôn ngữ sử dụng sẽ là tiếng Anh. Mặc dù đây không là một quy định bắt buộc đối với các văn bản của nước hội viên tuy nhiên ADB khuyến nghị các quốc gia sử dụng tiếng Anh trong văn bản, tài liệu giao dịch với ADB và có thể coi đây là một thông lệ quốc tế. Vì vậy ngôn ngữ dùng trong Ý kiến pháp lý mà Bộ Tư pháp cấp cho dự án ADB từ trước đến nay vẫn là tiếng Anh.

*- Nội dung đề cập trong Ý kiến pháp lý*

Yêu cầu của phía ADB đối với phần nội dung này là đảm bảo các chủ thể tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết và các nội dung liên quan là phù hợp với luật pháp Việt Nam. Toàn bộ các khoản vay của ADB đều được ký trên danh nghĩa Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Theo quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, Chủ tịch nước quyết định việc đàm phán và ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Nhà nước. Theo ủy quyền của Chủ tịch nước, các bộ, ngành, cá nhân liên quan sẽ thực hiện các bước cần thiết để hoàn tất hiệp định khoản vay kể từ khi bắt đầu cho đến khi khoản vay có hiệu lực<sup>1</sup>. Như vậy yêu cầu cụ thể ở đây là đảm bảo tính hợp pháp của bộ, ngành, cá nhân tham gia vào việc đàm phán, ký kết các khoản vay với ADB.

Hiện nay, các khoản vay của ADB cho Việt Nam thể hiện dưới 3 hình thức cơ bản sau:

- Khoản vay theo ngành: nhằm đầu tư vào một lĩnh vực cụ thể ví dụ như khoản vay “Ngành Cơ sở hạ tầng nông thôn” thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn.
- Khoản vay theo dự án: nhằm đầu tư vào các dự án cụ thể, ví dụ như khoản vay “Cải thiện môi trường thành phố Hồ Chí Minh” đối với hình thức này, Việt Nam vay vốn của ADB sau đó ủy quyền cho Bộ Tài chính cho vay lại tới các công ty. Thông thường hoạt động cho vay này nhằm vào các lĩnh vực có khả năng sinh lợi.

---

<sup>1</sup> Theo Điều 112 điểm 8 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) thì Chính phủ có quyền đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.

- Khoản vay chương trình: hình thức cho vay dưới dạng các chương trình, ví dụ chương trình nông nghiệp, công nghiệp, đi kèm theo các chương trình là các điều kiện, vốn vay sẽ được giải ngân tùy thuộc vào việc thực hiện các điều kiện đã quy định. Trong tổng số 23 khoản vay của ADB cho Việt Nam đến nay chỉ có 2 khoản vay chương trình.

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đại diện của ADB tại Việt Nam do đó việc đàm phán và ký kết điều ước quốc tế hầu như được thực hiện qua cơ quan này. Ngân hàng Nhà nước cũng được coi là cơ quan đầu mối của Chính phủ trong các quan hệ tín dụng với nước ngoài. Như vậy, Chủ tịch nước sẽ ủy quyền cho các quan chức có thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước tiến hành đàm phán, ký kết các khoản vay và hỗ trợ cho các cơ quan tiếp nhận khoản vay hoàn tất các thủ tục để khoản vay có hiệu lực.

Thông thường trong các văn bản pháp lý, ADB yêu cầu sự chứng thực hợp pháp của các cá nhân liên quan tới các bước chuẩn bị, thực hiện một khoản vay. Trong các khoản vay theo ngành và khoản vay chương trình, nội dung trong văn bản Ý kiến pháp lý thường giống nhau, thường chia làm 3 phần.

Phần 1 gồm có các căn cứ, quy định có liên quan tới việc ký kết các điều ước quốc tế như Pháp lệnh, Nghị định về việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế cũng như các quy định liên quan, đề xuất của cơ quan đề nghị cấp Ý kiến pháp lý (thông thường là đề xuất của Ngân hàng Nhà nước), các căn cứ liên quan như hiệp định, dự án.

Phần 2 nhằm xác nhận người có thẩm quyền đàm phán, ký kết là phù hợp với Hiến pháp Việt Nam, cũng như nội dung của khoản vay được thông qua và phê chuẩn theo đúng luật định.

Phần 3 là xác nhận của người đại diện bên vay về tính hợp pháp của các nội dung đã nêu, theo phân cấp thẩm quyền là Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Đối với các khoản vay đi kèm dự án thì trong văn bản Ý kiến pháp lý ngoài những nội dung đã đề cập trên, còn có một số nội dung liên quan tới các hiệp định vay phụ như ủy quyền cho cơ quan tiếp nhận dự án ký kết với

ADB, tài liệu dẫn chiếu bổ sung thêm các hiệp định vay phụ ký giữa Bộ Tài chính và cơ quan tiếp nhận.

Thông thường nội dung trong một văn bản pháp lý bao gồm những nội dung trên, tuy nhiên căn cứ vào từng khoản vay, dự án cụ thể mà ADB có thể yêu cầu thêm một số văn bản khác. Ví dụ, trong khoản vay “Cải thiện môi trường thành phố Hồ Chí Minh”, ADB yêu cầu phía Việt Nam cung cấp kế hoạch tái định cư đã được phê duyệt đi kèm cùng với Ý kiến pháp lý. Thông thường, văn bản Ý kiến pháp lý hoàn thành xong thường được gửi trước cho ADB để xem xét, có những bổ sung cần thiết, nếu có, trước khi ban hành chính thức và gửi cho ADB.

#### *Về cơ quan cấp ý kiến pháp lý*

Theo quy định về luật pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp là người được ủy quyền thẩm định tính hợp pháp, sự phù hợp và tính thống nhất các nội dung trong văn bản ý kiến pháp lý với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và là người chịu trách nhiệm ban hành ý kiến pháp lý.

#### 4.1.3. Các bước tiến hành để hoàn thành một văn bản ý kiến pháp lý

##### a. Các tài liệu, văn bản đính kèm

Như đã đề cập ở trên, các khoản vay của ADB cho Việt Nam đều biểu hiện dưới 3 hình thức như sau:

- Khoản vay theo ngành
- Khoản vay chương trình
- Khoản vay đi kèm dự án

Trong hai khoản vay đầu, các chứng từ, tài liệu đi kèm cùng với văn bản ý kiến pháp lý bao gồm:

+ Ủy quyền của Chủ tịch nước về cá nhân thực hiện việc đàm phán, ký kết khoản vay.

+ Phê chuẩn của Chủ tịch nước về khoản vay đã ký

+ Khoản vay đã ký

Đối với khoản vay đi kèm dự án, ngoài các tài liệu trên còn bổ sung thêm:

+ Hiệp định vay phụ ký giữa ADB và cơ quan tiếp nhận dự án

+ Các hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và cơ quan tiếp nhận dự án

+ Các tài liệu khác (nếu ADB yêu cầu cụ thể).

Toàn bộ các tài liệu trên đều bằng tiếng Anh và gửi cùng với ý kiến pháp lý cho ADB để làm hiệu lực cho dự án.

*b. Sự tham gia phối hợp của các Bộ, ngành hữu quan và cơ quan thực hiện dự án.*

Để hoàn thiện một văn bản pháp lý, cần có sự giúp đỡ hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành hữu quan trong đó đặc biệt kể đến vai trò quan trọng của Bộ Tư pháp cơ quan trực tiếp soạn thảo và ban hành ý kiến pháp lý. Tuy nhiên, để có thể ban hành một văn bản ý kiến pháp lý hoàn chỉnh, đầy đủ cần sự hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà nước, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chủ tịch nước, cơ quan thực hiện dự án, các đơn vị có liên hệ tới việc ban hành các tài liệu, văn bản được yêu cầu trong văn bản ý kiến pháp lý. Tùy theo quyền hạn, trách nhiệm phân cấp mà mỗi cơ quan đều có những đóng góp cụ thể khác nhau như Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm làm giấy ủy quyền của Chủ tịch nước về việc đàm phán, ký kết. Văn phòng Chủ tịch nước cung cấp văn bản phê chuẩn của Chủ tịch nước đối với khoản vay. Cơ quan thực hiện dự án tùy theo yêu cầu cụ thể của ADB mà cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết như văn bản tái định cư trong khoản vay “Cải thiện môi trường thành phố Hồ Chí Minh” hoặc Danh sách 15 trường trọng điểm để đầu tư trong khoản vay “Giáo dục kỹ thuật dạy nghề”. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm căn cứ vào yêu cầu trong khoản vay thu thập các tài liệu liên quan từ các Bộ, ngành và chuyển sang Bộ Tư pháp, ngoài ra còn là cơ quan đầu mối liên hệ, trao đổi trực tiếp với ADB về các vấn đề xung quanh văn bản ý kiến pháp lý. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa các Bộ, ngành hữu quan sẽ đảm bảo

văn bản ý kiến pháp lý ban hành trong khoảng thời gian quy định làm hiệu lực cho dự án.

### c. Ý kiến từ phía ADB

Ý kiến pháp lý là một trong những điều kiện để đảm bảo khoản vay có hiệu lực sau khi ký kết. Đây là một yêu cầu bắt buộc của ADB đối với toàn bộ khoản vay của ADB đối với các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam. Đây cũng là một căn cứ quan trọng để đảm bảo khoản vay và các nội dung liên quan là hoàn toàn hợp pháp với luật pháp nước nhận khoản vay và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa hai bên. Thông thường để đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng của nội dung trong ý kiến pháp lý và tiết kiệm thời gian trao đổi thì phía Việt Nam sẽ chuyển trước cho ADB bản dự thảo, nếu không có sửa đổi gì về nội dung trong bản này, phía Việt Nam sẽ ký phát hành chính thức và chuyển cùng các tài liệu khác làm hiệu lực cho khoản vay. Nói chung, ADB đều đồng ý với phía Việt Nam về các nội dung chung trong văn bản pháp lý. Tuy nhiên tùy từng loại khoản vay, đối tượng nhận khoản vay mà ADB yêu cầu bổ sung, sửa đổi thêm một số nội dung khác. Những sửa chữa, bổ sung khác của ADB liên quan tới câu chữ, ngày tháng... các nội dung mang tính hình thức. Khi có những thay đổi, ADB sẽ thông báo cho Ngân hàng Nhà nước sau đó Ngân hàng Nhà nước cùng với Bộ Tư pháp tiến hành các điều chỉnh bổ sung cần thiết.

### d. Thời gian hoàn thành ý kiến pháp lý

ADB cũng lưu ý phía Việt Nam về thời gian hoàn thành ý kiến pháp lý do bước này có liên quan tới thời gian hiệu lực dự án. Theo quy định của ADB, thời gian làm hiệu lực cho khoản vay, dự án là khoảng 90 ngày kể từ ngày ký kết hiệp định khoản vay. Như vậy thời gian để hoàn thành ý kiến pháp lý cũng phải nằm trong thời hạn trên. Nếu thời gian này kéo dài có thể khiến cho thời hạn làm hiệu lực dự án vượt quá thời gian cho phép, ảnh hưởng tới tiến trình thực hiện dự án. Nhìn chung, các khoản vay, dự án của ADB từ trước đến nay, phía Việt Nam đã hết sức cố gắng để đảm bảo hiệu lực dự án, chỉ có một số ít trường hợp phải kéo dài thời hạn hiệu lực do những chậm trễ khách quan.

### e. Cơ quan phụ trách thực hiện ban hành ý kiến pháp lý

Theo phân cấp quản lý thì Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm ban hành ý kiến pháp lý cho các khoản vay, dự án vay vốn ADB nói riêng và từ các tổ chức tài chính khác nói chung. Bộ trưởng Bộ Tư pháp được ủy quyền ký cấp phát các văn bản ý kiến pháp lý. Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong công tác thu thập tài liệu, đánh giá, kiểm tra các nội dung cần thiết chuẩn bị cho việc soạn thảo ý kiến pháp lý chính thức. Bộ thường xuyên liên hệ với Ngân hàng Nhà nước cơ quan đại diện của ADB tại Việt Nam, để trao đổi với ADB những nội dung, vấn đề liên quan tới ý kiến pháp lý.

#### 4.1.4. Đánh giá vai trò khâu cấp ý kiến pháp lý trong quá trình thực hiện dự án

##### a. Tổng quan về chu kỳ thực hiện một dự án vay vốn ADB

Nhìn chung các dự án vay vốn ADB được thực hiện theo các bước tóm tắt sau:

Bước 1: Xác định dự án: Nhằm đánh giá dự án có phù hợp với chương trình hỗ trợ phát triển của ADB cũng như chiến lược phát triển của quốc gia nhận vốn vay hay không.

Bước 2: Xây dựng dự án: Thực hiện nghiên cứu khả thi do các chuyên gia tư vấn thực hiện thông qua các trợ giúp kỹ thuật của Ngân hàng hoặc các nguồn giúp đỡ của các tổ chức khác.

Bước 3: Tiến hành tìm hiểu thực tế hoặc nghiên cứu tiền khả thi: ADB sẽ tiến hành các công việc như thẩm định nghiên cứu khả thi, tiến hành thảo luận với các ban ngành hữu quan nhằm tìm hiểu thêm một số thông tin về dự án. Chuẩn bị báo cáo đánh giá.

Bước 4: Phái đoàn thẩm định: ADB cử phái đoàn này nhằm thẩm tra, xem xét các nội dung về kỹ thuật, kinh tế, tài chính của dự án cũng như các thành phần, chính sách trong dự án sẽ triển khai. Tiến hành các cuộc thảo luận nhằm thống nhất nội dung và xác định điều kiện vay vốn. Tiếp theo, Đoàn sẽ ký biên bản ghi nhớ với phía Việt Nam.

Bước 5: Chuẩn bị các văn bản cả Ban giám đốc ADB: sẽ trình lên Ban Giám đốc ADB các tài liệu như báo cáo thẩm định, hiệp định tín dụng, dự án... xem xét, đồng thời ADB gửi dự thảo hiệp định vay vốn cho nước vay vốn.

Bước 6: Đàm phán hiệp định vay vốn: ADB sẽ tiến hành đàm phán với nước nhận khoản vay về nội dung hiệp định khoản vay, tiếp theo hai bên sẽ ký biên bản về kết quả đàm phán.

Bước 7: Ban Giám đốc thảo luận: Ban Giám đốc sẽ thống nhất nội dung các báo cáo: Báo cáo của Chủ tịch, báo cáo thẩm định và các báo cáo có liên quan khác. Trong bước này, ADB cũng sẽ hoàn thiện nội dung đầy đủ của hiệp định khoản vay.

Bước 8: Phê chuẩn dự án: hiệp định dự án sẽ được thảo luận tại cuộc họp của Ban Giám đốc với mục đích xem xét toàn bộ nội dung cũng như các yêu cầu liên quan, kiểm tra đối chiếu cần thiết trước khi Ban giám đốc phê chuẩn.

Bước 9: Tiến hành ký kết và làm thủ tục hiệu lực: Hiệp định sẽ được đại diện ủy quyền hai bên tiến hành ký tùy vào từng trường hợp mà lễ ký có thể diễn ra tại trụ sở ADB hoặc ở nước vay vốn. Tiếp theo nước vay vốn sẽ hoàn thành các điều kiện làm hiệu lực cho khoản vay được quy định trong nội dung hiệp định vay vốn.

Bước 10: Tiến hành thực hiện dự án: Về phía Ban quản lý dự án thuộc nước vay vốn sẽ tiến hành các công việc như tuyển chọn tư vấn, chuẩn bị thiết kế và các tài liệu đấu thầu, lắp đặt và xây dựng... Về phía ADB trong quá trình thực hiện dự án thường xuyên đánh giá, xem xét quá trình thực hiện dự án, kiểm tra báo cáo thực hiện hàng quý, tiến hành giải ngân vốn vay...

Bước 11: Hoàn thành dự án: Ban quản lý dự án tiến hành hoàn thành các phần dự án, thực hiện khóa sổ tài khoản giải ngân của dự án, chuẩn bị báo cáo hoàn thành dự án.

Bước 12: Đánh giá lợi ích của dự án: nhằm xem xét những tác động kinh tế xã hội đối với dự án.

Bước 13: Chuẩn bị báo cáo kiểm tra hoàn thành dự án: hai bên cùng phối hợp đánh giá những phần việc đã làm so với kế hoạch đã đặt ra, đánh giá các lợi ích về kinh tế, xã hội, cùng rút ra các bài học kinh nghiệm cho việc chuẩn bị các dự án tiếp theo.

Nhìn vào các bước trên là toàn bộ các bước chuẩn bị, thực hiện một dự án vay vốn ADB. Có thể nhận thấy rằng toàn bộ các khâu trên có mối quan hệ mật thiết và ràng buộc với nhau như các mắt xích trong một chuỗi. Việc chậm trễ ở bất kỳ khâu nào cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ quá trình chuẩn bị dự án nói riêng và tới quá trình triển khai dự án sau này. Theo như sơ đồ trên thì khâu cấp ý kiến pháp lý thuộc phần làm hiệu lực cho dự án (bước 9) và đây cũng là khâu cuối cùng trong quá trình chuẩn bị dự án trước khi dự án chuyển sang bước thực hiện.

*b. Phân tích vai trò khâu cấp ý kiến pháp lý trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án*

Có thể nói rằng khâu làm hiệu lực cho dự án có vai trò quan trọng trong quá trình chuẩn bị dự án, là một bước chuyển nối giữa khâu chuẩn bị và khâu thực hiện dự án. Trong khâu làm hiệu lực này, thì việc cấp ý kiến pháp lý là nội dung quan trọng nhất do nó chiếm nhiều thời gian cũng như qua các bước, thủ tục khác nhau. Việc chậm trễ trong khâu cấp ý kiến pháp lý sẽ làm chậm trễ trong khâu hiệu lực dự án và cũng sẽ gây nên sự chậm trễ trong quá trình thực hiện dự án. Đây là khâu cuối cùng trong quá trình chuẩn bị dự án và được thực hiện sau khi khoản vay được ký kết và giới hạn trong khoảng thời gian do ADB quy định do đó nếu không hoàn thành khâu cấp ý kiến pháp lý thì khâu hiệu lực dự án bị chậm lại và ảnh hưởng tới quá trình thực hiện dự án sau này và gây nên ấn tượng không tốt của ADB đối với các dự án sẽ triển khai tại Việt Nam sau này và cũng sẽ ảnh hưởng tới quan hệ Việt Nam và ADB.

Nói tóm lại khâu cấp ý kiến pháp lý là bước quan trọng trong quá trình hoàn thiện dự án. Thực hiện càng sớm khâu này thì hiệu lực dự án sớm được tuyên bố và dự án nhanh chóng đi vào thực hiện. ý kiến pháp lý là một bước

hoàn thiện về mặt pháp lý nhằm đảm bảo các nội dung trong đó phù hợp với luật pháp nước vay vốn và thỏa mãn yêu cầu bên cho vay.

## **4.2. Ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại nước ngoài**

### **4.2. 1. Cơ sở lý luận của việc cấp ý kiến pháp lý:**

#### **a. Sự ra đời**

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế và tín dụng quốc tế, các vấn đề luật pháp của các quốc gia liên quan trong giao dịch ngày càng được quan tâm. Đây cũng là tiền đề cho sự ra đời một văn kiện mang tính pháp lý cao mà ngày nay người ta biết đến dưới tên gọi “ý kiến pháp lý” (Legal Opinion) .

Trong các giao dịch quốc tế, các bên tham gia thường là từ cá quốc gia khác nhau, với những nền pháp luật khác nhau. Do vậy, dễ làm phát sinh ra một khả năng là, có thể những hành động này ở luật của nước này là hợp pháp nhưng ở nước kia là không được phép. Những rủi ro về mặt pháp lý của giao dịch xuất hiện. Để bảo vệ quyền lợi của các bên, đặc biệt là của người bán (trong các giao dịch thương mại), người cho vay (trong giao dịch tín dụng), các luật sư của bên cung cấp hàng hóa dịch vụ thường yêu cầu luật sư của bên kia thẩm định giao dịch dưới khía cạnh pháp lý của nước người mua/ người đi vay, qua đó phải nêu ra được những gì hợp pháp và không hợp pháp, những gì rủi là ro.

Vào những năm 70 của thế kỷ này, luật sư ở các nước phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản... vốn là những chủ nợ của thế giới - đã hình thành nên một văn kiện pháp lý được gọi là “Ý kiến pháp lý”. Các văn kiện này ngày càng được áp dụng rộng rãi trong quan hệ tín dụng quốc tế, do vậy đã xuất hiện một nhu cầu thống nhất hóa nội dung văn kiện. Vào năm 1984, tại cuộc họp của Hiệp hội luật sư quốc tế (International Bar Association - IBA) lần thứ 20 tại Viên, Ủy ban E (Ủy ban về Ngân hàng) đã đề trình ra một dự thảo và tham luận về các nội dung cơ bản của Ý kiến pháp lý . Sau khi được các luật sư từ nhiều nước trên thế giới đóng góp ý kiến, dự thảo này đã được sử dụng và biết đến như là ấn bản đầu tiên của Mẫu ý kiến pháp lý. Qua một quá trình áp dụng, ấn bản này đã được luật sư các nước nhanh chóng hoàn thiện, và đến Hội nghị lần thứ 22 của IBA tại Buenos Aires thì ấn bản lần thứ hai được thông qua và sử dụng cho đến nay.

Ngày nay, thuật ngữ “Ý kiến pháp lý” được hiểu một cách thông thường là một văn bản do luật sư hoặc các cơ quan pháp luật có thẩm quyền của một nước đưa ra theo yêu cầu của khách hàng của mình để gửi đến cho khách hàng của mình hoặc một bên khác trong giao dịch nêu rõ về tính pháp lý của giao dịch đó.

#### b. Vai trò của Ý kiến pháp lý

Như trên đã nói, xuất phát từ nhu cầu bảo vệ quyền và lợi ích của mình, nhằm tránh các rủi ro mang tính pháp luật trong các giao dịch quốc tế, phía người bán/ người cho vay thường muốn được biết tường tận về tính chất pháp lý của giao dịch đó đối với luật pháp nước họ cũng như luật pháp của đối tác. Yêu cầu này được đặt ra cho cả luật sư của hai bên, nhất là bên nước người mua/ người đi vay.

Xuất phát từ yêu cầu đó, người nhận Ý kiến pháp lý mong muốn nhận được những thẩm định mang tính chất chuyên môn về mặt luật pháp đối với giao dịch đó, để xem giao dịch đó có đúng về khía cạnh pháp lý hay không. Chính vì thế, người ta đã quan niệm một cách ngắn gọn và dễ hiểu là Ý kiến pháp lý là một văn bản trong đó các luật sư phải chỉ ra cho người nhận nó thấy được các rủi ro về mặt pháp lý mà người đó phải đề phòng và ngăn ngừa trước.

Do đó, Ý kiến pháp lý thực sự đóng một vai trò quan trọng trong giao dịch, nó quyết định sự tiếp tục hay chấm dứt giao dịch, quyết định sự thành công hay thất bại của giao dịch về mặt pháp lý. Trong nhiều trường hợp, sau khi xem Ý kiến pháp lý của luật sư đưa ra, người bán/ người cho vay đi đến quyết định hủy bỏ giao dịch vì nhận thấy quá nhiều rủi ro. Trong những tình huống khác, các bên đã tìm cách thay đổi phương pháp thực hiện giao dịch hoặc địa điểm thực hiện giao dịch để tránh cả rủi ro<sup>1</sup>.

Với tầm quan trọng đó, Ý kiến pháp lý là một văn kiện không thể thiếu trong các giao dịch mang tính quốc tế, nhất là trong quan hệ tín dụng có yếu tố nước ngoài, khi mà bên cho vay không thông hiểu được pháp luật của bên đi vay, đặc biệt là về nghĩa vụ trả nợ cho Bên đi vay nước ngoài.

#### c. Quy định về việc cấp Ý kiến pháp lý của một số nước trên thế giới

---

<sup>1</sup> Xem “Legal Opinion in International Transation”- International Bar Association, 1989. London/Dordrecht/Boston.

Như trên đã nói, việc Ý kiến pháp lý đầu tiên là nhu cầu tự thân của các bên tham gia giao dịch để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Việc này đã được các luật sư tiến hành thường xuyên. Tuy nhiên, vì đây là các giao dịch mang tính quốc tế nên các luật sư của nước này thường không am hiểu luật pháp của nước khác, do đó đã xuất hiện việc ủy thác, thuê lại, nhờ cậy... giữa các luật sư với nhau, giữa hãng luật này với hãng luật khác giữa các quốc gia khác nhau. Điều này ngày càng làm cho việc cấp Ý kiến pháp lý trở nên phổ biến hơn.

Sau các cuộc họp có tính chuyên môn của Hiệp hội luật sư quốc tế (IBA) vào năm 1984, Ý kiến pháp lý đã được các luật sư nhiều nước thống nhất áp dụng. Các quốc gia mà có hiệp Hội luật sư/ Đoàn luật sư là thành viên của Hiệp Hội này nhanh chóng nhận thấy đây là một văn kiện pháp lý cần thiết nên đã đưa vào luật pháp nước mình. Bang New York của Mỹ là nơi đầu tiên đưa các quy định về Ý kiến pháp lý vào trong luật điều chỉnh các Hợp đồng tín dụng. Sau đó, các chế định này được các nước phát triển như Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Úc, Singapore... lần lượt áp dụng trong các giao dịch tín dụng quốc tế.

#### d. Cơ sở Pháp luật của việc cấp Ý kiến pháp lý tại Việt Nam

Ở Việt Nam, thuật ngữ Ý kiến pháp lý được biết đến đầu tiên do các quan hệ vay nợ với các nước ngoài hoặc với các tổ chức tài chính quốc tế. Khi cho vay, các chủ nợ thường yêu cầu luật sư hoặc các cơ quan pháp lý có thẩm quyền của Việt Nam đưa ra các thẩm định có tính chuyên môn về mặt pháp lý đối với giao dịch. Do trước đây, Ý kiến pháp lý chỉ được cấp trong từng vụ việc cụ thể và theo yêu cầu của một số chủ nợ, nên chưa được quy định trong các văn bản pháp luật. Với việc ban hành nghị định số 87/ CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ chính thức và tiếp theo là Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 7/11/1998 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài, Quyết định số 233/ 1999 / QĐ - TTg ngày 20/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài của Doanh nghiệp và Tổ chức tín dụng thì việc cấp Ý kiến pháp lý cho các khoản vay nước ngoài mới được Nhà nước ta từng bước pháp lý hóa bằng các quy định pháp luật.

Theo các văn bản này thì Bộ Tư pháp là cơ quan Nhà nước được Chính phủ giao cho việc cấp Ý kiến pháp lý. Nghị định 87/ CP và sau này là Nghị định số 17/2001/NĐ-CP, Nghị định 90/1998/CP-NĐ và Quyết định

233/1999/QĐ-TTg nêu trên quy định Bộ tư pháp là cơ quan của Ý kiến pháp lý trong các trường hợp là các khoản vay nước ngoài của Chính phủ hoặc các khoản vay của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh.

Với việc quy định như vậy, từ đây, hoạt động cấp Ý kiến pháp lý của Việt Nam đã có các cơ sở nhất định, ít nhất là đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh. Tuy nhiên, các nội dung cụ thể cũng cần phải thể hiện trong Thông tư hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

#### e. Việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các khoản vay thương mại

Các khoản vay thương mại ở đây được hiểu là các khoản vay theo hình thức tự vay trả của doanh nghiệp với mục đích thương mại có bảo lãnh hoặc không có bảo lãnh của Chính phủ hoặc của các tổ chức tín dụng. Với quan niệm như thế này thì có hai vấn đề cần được xem xét trong việc cấp Ý kiến pháp lý.

Thứ nhất, đối với các khoản vay của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh thì Bộ tư pháp được chỉ định là người cấp Ý kiến pháp lý như các quy định tại Nghị định số 17/2001/NĐ-CP, Nghị định 90/CP và Quyết định 233/TTg nêu trên.

Thứ hai, đối với các khoản vay khác – mà không được Chính phủ bảo lãnh thì cơ quan nào có thẩm quyền Ý kiến pháp lý chưa được các văn bản pháp luật đề cập tới. Tuy nhiên, theo logic, nếu các cơ quan này đã được phép vay nợ nước ngoài và tự chịu trách nhiệm về khoản vay này thì việc thu xếp Ý kiến pháp lý (như là một thủ tục để hoàn tất hồ sơ vay vốn) sẽ do họ tự quyết định. Điều này có thể được hiểu là cơ quan cấp Ý kiến pháp lý trong trường hợp này có thể là Bộ Tư pháp (nếu doanh nghiệp có yêu cầu) hoặc là một tổ chức pháp lý nào khác (các Công ty luật, các luật sư độc lập, bộ phận pháp chế của các Doanh nghiệp) có thể căn cứ vào các quy định của pháp luật Việt Nam và thoả thuận với đối tác nước ngoài mà đưa ra Ý kiến pháp lý.

#### f. Giá trị pháp lý của Ý kiến pháp lý.

Với vai trò của mình, Ý kiến pháp lý được coi là văn kiện cần thiết và có giá trị pháp lý cao trong hồ sơ vay, là căn cứ cho việc thiết lập và thực hiện giao dịch của các bên.

Các nhận định mang tính chuyên môn trong Ý kiến pháp lý được coi là chính xác và người nhận nó có thể dựa vào đó để tiến hành các giao dịch

của mình. Một hành vi mà Ý kiến pháp lý đã khẳng định là đúng, phù hợp với các quy định của pháp luật có thể được các bên tiến hành mà không cần phải thẩm tra lại. Ngược lại, một hành vi mà cơ quan cấp Ý kiến pháp lý cho rằng không hợp pháp có thể bị hủy bỏ, dẫn tới việc giao dịch đó sẽ không được thực hiện.

Chính vì vậy, cơ quan cấp Ý kiến pháp lý trong trường hợp này phải chịu trách nhiệm đối với các đánh giá mà mình đưa ra. Điều đó lý giải vì sao một Ý kiến pháp lý được đánh giá cao lại là một văn bản trong đó bên cạnh việc nêu ra những điều đúng, hợp pháp của giao dịch còn nêu ra những điểm chưa đúng, những rủi ro mà các bên thường là Bên cho vay – cần phòng tránh.

Các Ý kiến pháp lý chỉ nêu chung chung luôn hàm chứa nhiều rủi ro cho cả hai phía: cơ quan cấp Ý kiến pháp lý và người nhận Ý kiến pháp lý. Người nhận thì do căn cứ vào những nhận định không đúng mà có thể bị kiện đòi bồi thường và mất uy tín. Đã có nhiều trường hợp do không đánh giá được hết tính hình, thẩm định hồ sơ không chuẩn xác đã khiến cho người cấp Ý kiến pháp lý phải trả giá đắt do đã gây ra thiệt hại cho người nhận nó.

Đây cũng là một điểm cần lưu ý đối với Việt Nam, nhất là đối với những người nhầm tưởng rằng Ý kiến pháp lý chỉ là một tài liệu có tính chất tham khảo. Chúng ta có một hệ thống luật pháp khác biệt so với các hệ thống pháp luật của nhiều nước trên thế giới, trong khi lại chưa có nhiều điều kiện để tiếp xúc với luật pháp các nước phát triển nên những sự chuẩn bị không kỹ càng có thể gây ra những tổn thất khó lường trong quan hệ thương mại quốc tế.

#### **4.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý:**

##### **a. Tình hình vay và trả nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay:**

Để phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế đất nước, Việt Nam cần phải có nguồn vốn khoảng 40 tỷ đô la, trong đó một nửa là huy động trong nước và một nửa là huy động từ nước ngoài. Trước đây, ta chủ yếu vay từ các nước thuộc hệ thống XHCN cũ. Sau năm 1975 một số các chủ nợ từ các nước Tư bản, chủ yếu là Nhật bản và Đức đã cho ta vay. Nợ của nước ta chia làm hai loại: Nợ chính phủ và nợ tư nhân. Các khoản nợ chính phủ là các khoản do nhà nước vay hoặc bảo lãnh, nợ tư nhân là các khoản nợ của các doanh nghiệp vay theo hình thức tự vay tự trả

nằm trong hain mức mà chính phủ phê duyệt hàng năm. Tính đến năm 1998, nợ nước ngoài của ta khoảng hơn 10 tỷ đô la, trong đó có nhiều khoản đã đến hạn,nhiều khoản đã được cơ cấu lại. Trong những năm tới, để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Nhà nước ta có chủ trương tiếp tục vay thêm vốn từ các tổ chức kinh tế và chính phủ nước ngoài theo hướng: Ngoại trừ các khoản vay của chính phủ, các khoản vay thương mại của doanh nghiệp sẽ chỉ khống chế bằng hạn mức hàng năm của quốc gia, vay theo hình thức tự vay tự trả để khuyến khích sử dụng vốn phát triển sản xuất.

Từ tình hình này, hàng năm, hàng ngàn khoản vay nước ngoài của chính phủ và tư nhân đã được thực hiện. Để hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho các khoản vay này, như là một điều kiện quan trọng, các chủ nợ đã yêu cầu phía Việt nam phải cung cấp ý kiến pháp lý về các khoản vay để xem xét khả năng cho vay và thu hồi vốn. Việc này đã đặt ra một tình huống bức thiết đối với việc phải có những chế định pháp luật chặt chẽ về cơ quan cấp ý kiến pháp lý và nội dung ý kiến pháp lý.

**b. Thực tiễn cấp Ý kiến pháp lý của các nước:**

Như đã nêu, việc cấp ý kiến pháp lý đã trở thành một thông lệ và sau đó là được pháp luật hóa trong các văn bản qui phạm pháp luật của nhiều nước, Với các nước là chủ nợ lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật bản, Đức, Pháp, Anh..., các tổ chức tài chính quốc tế như ngân hàng Thế giới, quỹ tiền tệ quốc tế,ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng phát triển Châu Á thì yêu cầu về Ý kiến pháp lý là một yêu cầu bắt buộc trong hồ sơ pháp lý của khoản vay. Sau một quá trình xây dựng và áp dụng các mẫu riêng lẻ, ngày nay, Hiệp hội luật sư các quốc gia đã đi đến thống nhất những nội dung cơ bản mà Ý kiến pháp lý cần phải nêu trên. Các nội dung này đáp ứng về cơ bản các yêu cầu của chủ nợ khi muốn tìm hiểu về những rủi ro mang tính pháp lý mà họ có thể sẽ gặp phải trong quá trình cho một đối tác ở nước ngoài vay vốn.

Việc cấp Ý kiến pháp lý ở các nước thường được Tổng trưởng lý tiến hành nếu liên quan đến các khoản vay của Chính phủ, còn thông thường các công ty luật hoặc các luật sư độc lập tiến hành đối với cá khoản vay tư nhân. Đối với các khoản vay từ các Tổ chức tài chính quốc tế thì thông thường các Công ty luật danh tiếng hàng đầu của Mỹ hoặc Anh sẽ được chỉ định làm luật sư cấp Ý kiến pháp lý.

**c. Thực hiện cấp Ý kiến pháp lý của Việt Nam:**

Như trên đã nêu, trước năm 1997, hoạt động cấp Ý kiến pháp lý tùy thuộc vào yêu cầu của các chủ nợ và loại nợ là Chính phủ hay nợ tư nhân. Trước đây, việc vay nợ nước ngoài của Chính phủ chủ yếu thông qua Bộ tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt nam. Tùy theo yêu cầu của chủ nợ mà phía Việt Nam thu xếp việc cấp Ý kiến pháp lý. Đã có thời kỳ Vụ pháp chế Ngân hàng Việt Nam thực hiện việc này.

Đối với các khoản vay thương mại, cho đến năm 1993 chủ yếu được thực hiện qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Tùy thuộc vào chủ thể của khoản vay này là Chính phủ hay các doanh nghiệp này bộ phận cấp Ý kiến pháp lý là Vụ pháp chế Ngân hàng Nhà nước hay bộ phận Pháp chế của Ngân hàng Ngoại thương.

Trước năm 1997, mặc dù Nhà nước đã xóa bỏ chế độ “một cửa” trong việc vay thương mại nước ngoài- tức là qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – nhưng việc cấp Ý kiến pháp lý hầu như không có gì thay đổi. Hầu hết nhiệm vụ này được Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt nam và bộ phận pháp chế của các Ngân hàng thương mại đảm nhiệm. Rải rác có một số khoản vay nước ngoài của các tổ chức tín dụng cổ phần và của các doanh nghiệp khác được các Công ty luật hoặc các luật sư độc lập đảm nhiệm.

Tuy nhiên, như trên đã nêu, hoạt động này đã chưa được một văn bản pháp luật nào điều chỉnh nên các nội dung trong Ý kiến pháp lý của từng khoản vay cụ thể không thống nhất, chủ yếu căn cứ vào yêu cầu của nhà tài trợ hoặc khẳng định một cách chung chung về tính hợp pháp của giao dịch. Đây là một thực tế cần được khắc phục để nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn trong việc cấp Ý kiến pháp lý ở Việt Nam hiện nay.

#### **4.2.3. Một số nội dung cơ bản của ý kiến pháp lý đối với các khoản vay thương mại nước ngoài/ hoặc cho người bảo lãnh**

##### **a. Nội dung cơ bản.**

Như đã đề cập, một bản Ý kiến pháp lý được hiểu là một văn kiện pháp lý của cơ quan chuyên môn thẩm định về tính phù hợp của giao dịch đối với luật pháp của nước các bên tham gia giao dịch. Vì vậy, một bản Ý kiến pháp lý có tính chuyên môn cao và được các bên trông đợi phải đưa ra được các yếu tố rủi ro mà người nhận nó có thể gặp phải về phương diện pháp luật, từ đó có thể phòng tránh hoặc ngăn ngừa nó bằng các phương pháp thích hợp.

Mặt khác, thông thường các Ý kiến pháp lý được gửi đến cho người nhận là một chủ thể ở quốc gia khác, nên sự giải thích một cách rõ ràng về chế độ pháp lý và các quy định của pháp luật liên quan đến giao dịch là điều quan trọng nhất.

Với một mục đích và tinh thần như vậy, nội dung cơ bản của Ý kiến pháp lý đối với một khoản vay thương mại bao gồm:

1. Cơ quan ban hành (tiêu đề/ tên cơ quan)
2. Ngày tháng
3. Người nhận
4. Căn cứ của việc cấp Ý kiến pháp lý
5. Các văn bản pháp luật và các tài liệu tham chiếu để đưa ra Ý kiến pháp lý.
6. Các ý kiến cụ thể:
  - a) Địa vị pháp lý của bên vay.
  - b) Năng lực pháp luật của bên vay.
  - c) Khả năng thực thi các quyền và nghĩa vụ của bên vay đã được quy định trong Hợp đồng vay.
  - d) Luật áp dụng: Luật áp dụng là luật nước nào và có phù hợp với nước của người đi vay hay không.
  - e) Việc tuyên bố từ bỏ các quyền miễn trừ.
  - f) Các vấn đề về Quy chế quản lý ngoại hối của nước Bên người đi vay, thuế, hoặc các loại phí, các nghĩa vụ tài chính khác...
  - g) Các vấn đề liên quan khác.
7. Tuyên bố khả năng thẩm định về mặt pháp lý của cơ quan cấp Ý kiến pháp lý và luật của nước làm căn cứ để thẩm định (luật nước người vay).

Trong trường hợp cấp ý kiến pháp lý cho Người bảo lãnh thì chỉ cần thay đổi các yếu tố cơ bản trên đây từ bên vay thành người bảo lãnh.

**b. Một số phân tích về các nội dung cơ bản trong Ý kiến pháp lý**

***- Về ngày tháng cấp ý kiến pháp lý:***

Dù không được quy định tại bất cứ một văn bản nào và người vay không yêu cầu, nhưng một bản Ý kiến pháp lý mang tính chuyên môn cao phải là một văn bản có ngày ký phát hành gần ngày hoàn tất các hồ sơ vay. Về mặt tổng thể, một bản Ý kiến pháp lý được ký ban hành trước nhiều ngày hoàn tất các hồ sơ vay sẽ nói lên rằng các hồ sơ gửi đến cho luật sư để xem xét cụ thể hết các chi tiết trong hồ sơ. Đối với các hồ sơ do Bộ tư pháp hay Tổng chương lý cấp Ý kiến pháp lý thì việc này càng được coi trọng. Còn đối với các hồ sơ khác do các luật sư soạn thảo thì người nhận Ý kiến pháp lý (Bên cho vay) sẽ đánh giá là luật sư đó không được tham gia vào quá trình chuẩn bị hồ sơ của khoản vay.

Do vậy, từ hình thức của văn bản, luật sư của bên cho vay sẽ đưa ra các đánh giá về nội dung của vụ việc. Các đánh giá này sẽ góp phần đưa đến các quyết định của Bên cho vay trong quan hệ tín dụng đó.

#### - Về người nhận Ý kiến pháp lý:

Người nhận ý kiến pháp lý thông thường là các bên liên quan đến giao dịch, đặc biệt là bên cho vay. Do vậy, trong văn bản này, việc nêu cụ thể người nhận thay vì nêu một cách chung chung sẽ có giá trị hơn nhiều. Ví dụ: Việc đề người nhận là “Ngân hàng A” sẽ tốt hơn là đề: “Gửi Ngân hàng liên quan” bởi vì:

Thứ nhất, chỉ việc đề người nhận cụ thể mới là người có quyền nhận và sử dụng Ý kiến pháp lý.

Thứ hai, việc đề tên người nhận khẳng định rằng Ý kiến pháp lý này được đưa ra cho trường hợp cụ thể của người nhận, trong một hoàn cảnh cụ thể. Việc không đề người nhận sẽ được hiểu là nhận định pháp lý này được hiểu cho bất cứ một hoàn cảnh hay trường hợp nào; và do vậy, phía người nhận cần phải tìm hiểu thêm là đối với trường hợp của mình thì được hiểu như thế nào.

#### - Về căn cứ pháp lý của việc cấp Ý kiến pháp lý: Có hai căn cứ chủ yếu.

Thứ nhất, là căn cứ vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng vay để trả lời cho câu hỏi: Tại sao lại phải cung cấp Ý kiến pháp lý này.

Thứ hai, là yêu cầu của bên cho vay và bên đi vay. Người cấp Ý kiến pháp lý thông thường là cơ quan của Chính phủ nếu là khoản vay của Chính phủ hoặc luật sư / công ty luật nếu đó là các khoản vay thương mại của doanh nghiệp. Việc nêu ra tên và vai trò của cơ quan cấp Ý kiến pháp lý sẽ

giúp cho người bên cho vay đánh giá đúng được giá trị pháp lý của Ý kiến pháp lý này. Cơ quan cấp Ý kiến pháp lý cũng cần nêu cụ thể là có tham gia vào quá trình xây dựng, soạn thảo, chuẩn bị hồ sơ vay hay không hay chỉ là một cơ quan pháp lý độc lập được yêu cầu xem xét hồ sơ và đưa ra Ý kiến pháp lý.

Về các văn bản pháp luật và tài liệu tham chiếu:

Đây là căn cứ quan trọng để bên cho vay xem xét đến cơ sở pháp lý của Ý kiến pháp lý. Vì vậy, Ý kiến pháp lý phải nêu ra được nguồn tài liệu mà dựa vào đó họ xem xét và đưa ra các nhận định của mình. Các văn bản pháp lý cần thiết phải nêu là các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến khoản vay, các chế độ chính sách, các tài liệu liên quan đến khoản vay, hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp vay và các tài liệu bổ sung cần thiết khác. Các văn bản tham chiếu càng nhiều càng chứng tỏ việc nghiên cứu và thẩm định tính pháp lý của khoản vay càng cao, và Ý kiến pháp lý càng trở nên có giá trị. Ngược lại, việc không đưa ra hoặc đưa ra một cách sơ sài các văn bản tham chiếu chứng tỏ một sự xem xét sơ sài, cẩu thả, những nhận định chung chung làm chứa nhiều rủi ro mà bên cho vay cần phải xem xét lại.

- Về các nội dung cơ bản:

- + Địa vị pháp lý của bên vay: Cần khẳng định về tính hợp pháp của việc thành lập và hoạt động của bên vay. Bên vay được thành lập theo luật pháp nước nào, văn bản pháp luật nào, trụ sở ở đâu, có phù hợp với pháp luật của nước bên vay hay không.
- + Năng lực pháp luật của bên vay: Khẳng định khả năng thực thi và hoàn tất các quyền và nghĩa vụ của bên vay trong Hợp đồng vay, không vi phạm vào bất cứ một quy định nào của pháp luật hoặc các văn bản có liên quan khác.
- + Khả năng thực thi các quyền và nghĩa vụ của bên vay đã được quy định trong Hợp đồng vay: Phải khẳng định các vấn đề cơ bản như:
  - Bên vay đúng là bên ký kết và thực hiện hợp đồng vay.
  - Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này phải được hoặc không phải được sự chấp thuận / ủy quyền/ cho phép của cơ quan nào mà với việc đó nó sẽ có hay không có hiệu lực.
- + Luật điều chỉnh: Có những nội dung cơ bản cần phải khẳng định như:

- Luật điều chỉnh hợp đồng vay là luật nước nào, có phù hợp và có hiệu lực với nước người vay hay không.
- Có điều khoản nào vi phạm đến chính sách của nước người vay hay không (nếu luật nước của người cho vay là luật áp dụng) hoặc ngược lại.
- Các vấn đề như giải thể, phá sản, cơ cấu lại... sẽ được điều chỉnh bởi luật nào.
- Quan điểm về việc thực thi quyền tài phán nước ngoài.
- Khẳng định việc người vay có/ không có quyền miễn trừ hay các quyền ưu tiên khác tại các cơ quan tài phán của nước người vay.

+ Việc tuyên bố từ bỏ các quyền miễn trừ và cam kết thanh toán nợ vay:

- Người vay phải tuyên bố từ bỏ tất cả các quyền miễn trừ và các quyền ưu tiên có thể có đối với các cơ quan tài phán của nước người cho vay hoặc nước cơ quan tài phán được chọn để giải quyết khi xảy ra tranh chấp.
- Người vay phải cam kết thực hiện nghĩa vụ phát sinh trong Hợp đồng vay này ít nhất ngang bằng (*pari passu*) với các nghĩa vụ đối với các chủ nợ khác tại các hợp đồng khác và từ bỏ các quyền ưu tiên có thể về tài sản trong các trường hợp sáp nhập/ giải thể/ phá sản...

+ Các vấn đề về thuế, hoặc các loại phí, các nghĩa vụ tài chính khác.

- Khẳng định về việc áp dụng các loại phí, lệ phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay khi ký kết và thực hiện khoản vay: thông thường là do Bên vay phải trả và không được tính vào lợi nhuận của Bên cho vay.

- Về tuyên bố về khả năng thẩm định về mặt pháp lý của cơ quan cấp Ý kiến pháp lý. Ngoài ra, một lần nữa cơ quan này cần phải khẳng định phạm vi luật pháp mà họ xem xét liên quan đến Ý kiến pháp lý này (là Luật của nước người vay).

Tóm lại, hiện nay, việc cấp Ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại của Việt Nam chưa có các quy định cụ thể mà chỉ làm theo những thông lệ đã có từ trước chỉ mang tính thủ tục. Tình trạng này không còn phù

hợp khi các khoản vay thương mại ngày càng nhiều, phía nước ngoài chủ yếu là các chủ nợ tư nhân đòi hỏi ngày càng chặt chẽ để đảm bảo các quyền và lợi ích của họ.

Cho đến nay ta mới chỉ có các văn bản quy định về việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các khoản vay của Chính phủ hoặc các khoản vay do Chính phủ bảo lãnh, còn các khoản vay thương mại của các doanh nghiệp đối với nước ngoài dưới hình thức tự vay-tự trả thì chưa được quan tâm xử lý. Vẫn biết rằng Nhà nước không can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng việc Nhà nước có những quy định cần thiết về cấp Ý kiến pháp lý cho các khoản vay thương mại loại này vào trong các văn bản quy định về quan hệ tín dụng với nước ngoài sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp với tư cách là người nhận các khoản vay, làm tăng niềm tin của Bên cho vay nước ngoài vào hệ thống pháp luật Việt Nam và cũng là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc giải quyết tranh chấp giữa bên cho vay và bên đi vay.

#### **4.3. Ý kiến pháp lý cho các hồ sơ, tài liệu xử lý nợ của Việt Nam qua Câu lạc bộ Luân-đôn**

Theo các cam kết trong các Thỏa thuận xử lý nợ CLB London, vào Ngày hoàn tất (Closing Date) để đảm bảo quyền và lợi ích của chủ nợ, những người nắm giữ trái phiếu, các Đại lý và các bên liên quan trong các Thỏa thuận phải có các ý kiến pháp lý như sau :

- Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp Việt nam
- Ý kiến pháp lý của Công ty luật tư nhân Việt nam của Ủy ban tư vấn ngân hàng
- Ý kiến pháp lý của Công ty tư vấn luật cho Việt nam
- Ý kiến pháp lý của của Công ty tư vấn luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng.
- Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp Việt nam về việc phê chuẩn Thỏa thuận cầm cố.

##### **4.3.1. Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt nam.**

- Để cấp ý kiến pháp lý, Bộ trưởng Tư pháp đã nghiên cứu, xem xét nội dung các hoạt động sau :

- Việc chuẩn bị, ký kết và chuyển giao các Thoả thuận giữa các bên bao gồm Thoả thuận chuyển đổi, Thoả thuận cầm cố và Thoả thuận đại lý tài chính (gọi chung là Thoả thuận)
  - Việc chuẩn bị, ký kết và chuyển giao Trái phiếu chiết khấu, Trái phiếu ngang giá, Trái phiếu lãi quá hạn (PDI Bond) dưới hình thức trái phiếu toàn cầu của Mỹ và Trái phiếu toàn cầu không phải của Mỹ theo qui định tại Thoả thuận chuyển đổi.
  - Việc phát hành Trái phiếu chiết khấu, Trái phiếu ngang giá, Trái phiếu lãi quá hạn vào Ngày hoàn tất công việc dưới hình thức trái phiếu toàn cầu của Mỹ và Trái phiếu toàn cầu không phải của Mỹ.
  - Việc chuẩn bị các Trái phiếu chiết khấu, Trái phiếu ngang giá, Trái phiếu lãi quá hạn dưới hình thức Trái phiếu xác định của Mỹ và Trái phiếu xác định không phải của Mỹ.
  - Việc chuẩn bị, ký và chuyển giao Thư của Ngân hàng Nhà nước Việt nam do Phó Thống đốc NHNN ký và chuyển giao theo Đu 2.05(c)(viii) của Thoả thuận chuyển đổi.
  - Quy trình và việc ký kết các Thoả thuận giữa các bên
- Ngoài ra Bộ trưởng Bộ Tư pháp còn phải xem xét các tài liệu, văn bản sau:
- Mẫu Trái phiếu toàn cầu của Mỹ và Trái phiếu toàn cầu không phải của Mỹ do Việt nam phát hành vào Ngày hoàn tất công việc;
  - Các Mẫu trái phiếu xác định đính kèm Thoả thuận đại lý tài chính ;
  - Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và tất các các văn bản pháp luật hiện hành khác mà cần thiết cho việc đưa ra ý kiến pháp lý;
  - Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 1996-2000, được Quốc hội khoá 9 kỳ họp thứ 10 thông qua tháng 11/1996.
  - Văn bản của Bộ Ngoại giao xác nhận uỷ quyền của Chủ tịch nước cho Phó Thống đốc NHNN ký kết các Thoả thuận với các chủ nợ cơ cấu lại nợ thương mại của Việt nam qua CLB London;

- Quyết định số 1049/TTg ngày 8/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ giao NHNN chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao thực hiện các nhiệm vụ cần thiết để ký kết các Thoả thuận;
- Quyết định số 117/TTg ngày 12/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện các Thoả thuận và phát hành trái phiếu;
- Quyết định số 58 QĐ/CTN ngày 12/3/1998 của Chủ tịch nước phê chuẩn việc ký kết và chuyển giao các Thoả thuận và Trái phiếu;
- Pháp lệnh NHNN ngày 23/5/1990 và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến NHNN;
- Pháp lệnh về ký kết và thực hiện các Điều ước quốc tế của CHXHCN Việt nam ngày 17/10/1989;
- Một số tài liệu khác của các bên liên quan đến Thoả thuận.

Trong Ý kiến pháp lý của mình, Bộ trưởng Tư pháp cũng đưa ra giả định sự điều tra độc lập đối với một số vấn đề liên quan đến chữ ký, chứng thực của các văn bản sao, thẩm quyền, năng lực, uỷ quyền của các bên ký Thoả thuận từ phía Việt nam và NHNN Việt nam...

Căn cứ vào nội dung trên và sau khi xem xét các khía cạnh pháp lý liên quan, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có Ý kiến pháp lý như sau :

Thứ nhất, Việt nam có đầy đủ thẩm quyền, năng lực và quyền pháp lý để :

- Ký và trao đổi với các bên khác và có trường hợp chuyển giao các Văn bản (bao gồm Thoả thuận và Trái phiếu) mà Việt nam là một bên tham gia;

- Có nghĩa vụ như qui định trong các Văn bản;

- Thực hiện và tuân thủ các điều khoản trong mỗi Văn bản mà Việt nam là một bên tham gia.

Thứ hai, ký kết và chuyển giao các bản sao với các bên liên quan. Tất cả các văn bản đã được uỷ quyền ký bởi các cơ quan có thẩm quyền và không trái với :

- Hiến pháp hoặc các văn bản pháp luật hiện hành của Việt nam;
- Bất kỳ phán quyết, quyết định hoặc các hạn chế pháp lý tương tự, hoặc

- Bất kỳ cam kết ràng buộc nào bằng hợp đồng điều chỉnh và tác động đối với Việt nam và Tài sản của Việt nam.

Thứ ba, mỗi Thoả thuận mà Việt nam là một bên tham gia đã được ký kết và chuyển giao cho các bên liên quan có giá trị pháp lý, hiệu lực và ràng buộc nghĩa vụ của Việt nam thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

Thứ tư, mỗi loại trái phiếu, khi ký kết, chứng thực và chuyển giao phù hợp với các cam kết trong Thoả thuận đại lý tài chính sẽ có giá trị pháp lý, hiệu lực và ràng buộc nghĩa vụ của Việt nam thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

Thứ năm, NHNN Việt nam được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt nam là ngân hàng trung ương và là cơ quan tiền tệ của Việt nam. Văn bản của NHNN đã được ký kết và chuyển giao bởi Thống đốc NHNN là văn bản pháp lý có hiệu lực và ràng buộc nghĩa vụ của NHNN thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

Thứ sáu, không cần có uỷ quyền, chấp thuận, hành động khác tiếp theo và không cần có thông báo bất kỳ bởi cơ quan nhà nước được yêu cầu về việc ký kết, trao đổi các bản sao đã ký với các bên liên quan và tùy trường hợp chuyển giao các văn bản, trừ thủ tục uỷ quyền được qui định trong phần 2.05(b)(i) của Thoả thuận chuyển đổi, các uỷ quyền này cần phải có và có hiệu lực đầy đủ.

Thứ bảy, mỗi Thoả thuận và mỗi nghĩa vụ thanh toán của Việt nam theo các Thoả thuận và Trái phiếu sẽ là trực tiếp và vô điều kiện khi được ký, trao đổi với các bên, chứng thực và chuyển giao.

Thứ tám, nghĩa vụ thanh toán của Việt nam theo các Văn bản sẽ tương đồng với quyền ưu tiên thanh toán của (i) tất cả các khoản nợ nước ngoài thứ cấp không có bảo đảm của Việt nam và (ii) tất cả nghĩa vụ thứ cấp không có bảo đảm của Việt nam nếu có liên quan đến bất kỳ khoản nợ nước ngoài nào của bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ.

Thứ chín, ngoài những trường hợp được nêu cụ thể, thì Việt Nam không bị đe dọa khởi kiện, bị phán quyết, thủ tục pháp lý tác động nào hoặc bất kỳ tài sản nào trước toà án hoặc trọng tài của Việt nam, của vùng lãnh thổ hoặc nước khác được thừa nhận hoặc không được thừa nhận ở Việt nam hoặc của

bất kỳ tổ chức quốc tế nào mà (i) có thể có tác động xấu đến điều kiện tài chính của Việt nam hoặc (ii) tác động vấn đề pháp lý, hiệu lực hoặc việc thực hiện bất kỳ Văn bản nào mà Việt nam là một bên tham gia.

Thứ mười, trong việc ký và trao đổi các Văn bản với các bên hoặc chuyển giao Văn bản tùy trường hợp và trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình, Việt nam sẽ thực hiện theo tư pháp quốc tế (Private international Law).

Thứ mười một, không có khoản thuế thu nhập hoặc thuế khác hoặc các khoản phí, lệ phí tương tự của Chính phủ đánh vào (i) việc ký kết, trao đổi hoặc chuyển giao, thực hiện cam kết trong các Văn bản; (ii) bất kỳ khoản thanh toán nào của Việt nam theo các Văn bản.

Thứ mười hai, theo quy định của pháp luật Việt nam, để tiến hành khởi kiện ở Toà án Việt nam liên quan đến tranh chấp phát sinh ngoài hoặc liên quan đến các Văn bản và bảo đảm việc thừa nhận bằng chứng là các Văn bản thì mỗi Văn bản cần phải được kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận không cần phải đăng ký trước với bất kỳ toà án hay cơ quan nhà nước nào của Việt nam. Việt nam đồng ý thanh toán phí công chứng, các phí tương tự khác cũng như phí toà án thích hợp.

Thứ mười ba, việc Việt nam đệ trình liên quan đến phán quyết của bất kỳ toà án nào ở bang NewYork hoặc toà án liên bang Mỹ đặt tại NewYork, toà thượng thẩm ở London và bất kỳ toà án nào khác các Văn bản liên quan đến tranh chấp phát sinh ngoài và liên quan đến các Văn bản đó sẽ có hiệu lực và được công nhận và ủng hộ của các toà án Việt nam.

Thứ mười năm, theo luật Việt nam mỗi chủ nợ, Đại lý, người nắm giữ trái phiếu không cần thiết phải có giấy phép, đủ điều kiện hoặc bắt buộc phải kinh doanh ở Việt nam để giúp chủ nợ, đại lý, hoặc người nắm giữ trái phiếu thực hiện các quyền tương ứng của mình trong các Văn bản liên quan.

Thứ mười sáu, không một chủ nợ nào, đại lý hoặc người nắm giữ trái phiếu là hoặc sẽ được coi như là người cư trú tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc chịu bất kỳ loại thuế nào của Việt nam với lý do ký kết trao đổi và chuyển giao các văn bản.

Thứ mười bảy, Việt nam là chủ sở hữu hợp pháp của tất cả các tài sản cầm cố hoặc sẽ thực hiện bất kỳ điều kiện nào khác để đảm bảo rằng Đại lý cầm cố sẽ được hưởng tất cả các quyền được qui định trong Thỏa thuận cầm cố.

Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp dựa trên pháp luật Việt nam tại thời điểm đưa ra Ý kiến pháp lý, Ý kiến này không liên quan đến bất kỳ

pháp luật nào khác ngoài pháp luật Việt nam. Ý kiến này sẽ không được ai khác sử dụng hoặc dựa vào, trừ các chủ nợ, đại lý, người nắm giữ trái phiếu và công ty luật tư vấn cho Việt nam và không được tiết lộ hoặc trích dẫn, tham chiếu khi chưa được phép trước bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

#### 4.3.2. Ý kiến pháp lý của công ty luật tư nhân của Ủy ban tư vấn ngân hàng.

Một trong những điều kiện hoàn tất công việc xử lý nợ thương mại qua CLB London của Việt nam là cần có ý kiến của một công ty luật tư nhân của Việt nam cho Ủy ban tư vấn ngân hàng. Mục đích là Ủy ban tư vấn ngân hàng mong muốn xem xét việc ký kết trao đổi, chuyển giao các Văn bản mà Việt nam là một bên tham gia là phù hợp với pháp luật Việt nam, ràng buộc nghĩa vụ đối với Việt nam trong việc thực hiện các cam kết tại các Văn bản. Ngoài ra, trong ý kiến pháp lý của công ty luật tư nhân cũng đề cập đến qui định pháp lý của Việt nam khi tiến hành các hành động khởi kiện, sự thừa nhận phán quyết của toà án nước ngoài trong trường hợp có phát sinh tranh chấp ngoài hoặc liên quan đến các Văn bản. Ý kiến pháp lý cũng đề cập đến quyền về tài sản cầm cố của Việt nam và các thủ tục cần thiết để Đại lý cầm cố được hưởng các quyền trong Thoả thuận cầm cố.

Với tinh thần nêu trên ý kiến pháp lý của Công ty luật tư nhân của Ủy ban tư vấn ngân hàng không có điểm nào trái với ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

#### 4.3.3. Ý kiến pháp lý của công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng và của Việt nam.

Theo các Văn bản qui định một trong những điều kiện hoàn tất công việc là phải có ý kiến pháp lý của công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng và của Việt nam. Công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng là Shearman & Sterling và của Việt nam là White & Case. Về cơ bản 2 ý kiến trên là giống nhau. Điểm khác nhau là công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng là tư vấn luật bang NewYork và luật Anh còn White & Case là tư vấn luật bang Newyork cho Việt nam vì các Văn bản ký kết được điều chỉnh theo Luật bang NewYork. Ngoài ra, Việt nam còn chỉ định thêm Đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng tại Anh, nên Công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng nghiên cứu thêm về luật Anh để chứng minh việc Việt nam chỉ định Đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng khi phát sinh kiện tụng là hợp pháp và có hiệu lực.

Để đưa ra ý kiến pháp lý, 2 công ty này đã xem xét việc ký, trao đổi, chuyển giao và chứng thực các Văn bản, luật bang NewYork và luật Anh, nghiên cứu các qui định về :

- Quy chế thanh toán ghi sổ Liên bang,
- Chứng khoán ghi sổ
- Bộ luật thương mại thống nhất (UCC)
- Luật chứng khoán 1933

Trên cơ sở Việt nam chưa tham gia Công ước về Quyền tài phán và áp dụng các Phán quyết về vấn đề dân sự và thương mại ký tại Brussels ngày 17/9/1968 và Việt nam chưa có thoả thuận với Anh quốc về miễn trừ quốc gia từ các vụ kiện hoặc phán quyết của bất kỳ toà án nào và đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng tại Anh, Công ty luật của Uỷ ban tư vấn ngân hàng và của Việt nam đã đưa ra ý kiến pháp lý cho các chủ nợ, các đại lý với những nội dung chính như sau :

Thứ nhất, các Văn bản có hiệu lực pháp lý, hợp lệ và ràng buộc nghĩa vụ của Việt nam, buộc Việt nam phải thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

Thứ hai, các văn bản mà Việt nam đệ trình là đáp ứng yêu cầu hoàn tất công việc của Thoả thuận chuyển đổi.

Thứ ba, trái phiếu mà Việt nam phát hành không phải đăng ký theo Luật chứng khoán 1933 và Luật 1933 sửa đổi. Không cần có thoả thuận nào theo qui định về Luật tín thác của Mỹ năm 1939 cho việc chào và bán các Trái phiếu ngoài các qui định đã được thể hiện trong các Văn bản.

Thứ tư, việc Việt nam đệ trình Toà thượng thẩm London hoặc các toà án của Anh các nội dung trong Trái phiếu và các Thoả thuận là có hiệu lực và Toà án Anh sẽ có phán quyết đối với Việt nam về các vụ khởi kiện phát sinh ngoài hoặc liên quan đến các Văn bản.

Thứ năm, Việt Nam sẽ loại bỏ quyền miễn trừ quốc gia đối với việc kiện tụng tại Toà án Anh.

Thứ sáu, việc Việt nam chỉ định Đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng tại Anh là hợp lệ và có hiệu lực.

Ngoài ra, hai công ty luật trên cũng đưa ra một loạt các ý kiến liên quan đến hiệu lực thi hành, một số vấn đề liên quan đến các nguyên tắc chung, các thông lệ chung mà luật pháp hoặc toà án áp dụng. Các ý kiến về quyền về tài sản cầm cố và việc thực hiện cầm cố theo qui định của luật pháp bang Newyork và UCC ...

#### 4.3.4. Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đối với việc phê chuẩn Thoả thuận cầm cố.

Theo Thỏa thuận cầm cố giữa Việt nam và Ngân hàng dự trữ liên bang Newyork (FED), FED sẽ làm đại lý cầm cố cho Việt nam, một trong những cam kết của Việt nam trong Thỏa thuận cầm cố là phải có ý kiến của Bộ trưởng Tư pháp về việc phê chuẩn Thỏa thuận cầm cố. Căn cứ cam kết này vào ngày hoàn tất công việc Bộ trưởng Tư pháp cũng đã có ý kiến pháp lý với này, nội dung như sau :

Thứ nhất, Chủ tịch nước CHXHCN Việt nam có quyền phê chuẩn các điều ước thỏa thuận quốc tế của nước CHXHCN Việt nam, trừ trường hợp phải trình Quốc hội quyết định.

Thứ hai, Chủ tịch nước CHXHCN Việt nam chỉ có thể phê chuẩn các điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế sau khi các văn bản này được các bên ký kết.

Thứ ba, theo qui định của pháp luật Việt nam, Thỏa thuận cầm cố giữa CHXHCN Việt nam và FED với tư cách là đại lý cầm cố được xem như là một thỏa thuận quốc tế vì mục đích phê chuẩn.

Tóm lại, như đã đề cập ở trên, việc xử lý nợ thương mại của Việt Nam qua CLB London thành công đã góp phần vào tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, được các tổ chức tài chính quốc tế và các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao và góp phần tăng cường hỗ trợ Việt Nam thông qua các nguồn vốn ODA và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Ngoài việc đàm phán về điều kiện xử lý nợ, các phương án xử lý nợ, các cam kết pháp lý trong các Văn bản xử lý nợ là hết sức phức tạp, theo Luật pháp Newyork, Anh, Việt Nam với sự tham gia của các công ty tư vấn luật.

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ THAY LỜI KẾT LUẬN

Trong điều kiện mở rộng và phát triển quan hệ thương mại, đầu tư quốc tế ngày càng trở thành yêu cầu bức thiết trong hoạt động tư pháp. Hoạt động nghiên cứu các cơ sở pháp lý và thực tiễn việc cấp ý kiến pháp lý ở trong và ngoài nước tuy đã được tiến hành nhưng vẫn ở trong mức độ khiêm tốn, cần được mở rộng hơn để phục vụ tốt hơn cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Kể từ khi ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 và nối lại các quan hệ tài chính-tín dụng-ngân hàng quốc tế với các thiết chế tài chính quốc tế và các nước trên thế giới đến nay, chưa phát sinh vấn đề tranh chấp hoặc khiếu nại trong khâu cấp Ý kiến pháp lý cho các hồ sơ tài liệu giao dịch thương mại, đầu tư quốc tế để khiến cho các chương trình, dự án thu hút vốn nước ngoài vào Việt Nam bị trì hoãn hoặc đổ bể. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị các chương trình, dự án thu hút vốn nước ngoài cũng gặp một số vấn đề pháp lý cần xử lý, trong đó có vấn đề chuẩn bị các Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp cho các hồ sơ, tài liệu chương trình, dự án đó.

Cho đến nay, nước ta chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về việc cấp Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp cho các Thỏa thuận vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh cũng như các Ý kiến pháp lý cho các hồ sơ, tài liệu dự đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các hồ sơ tài liệu xử lý nợ nước ngoài của Chính phủ và các văn kiện pháp lý về các giao dịch thương mại, kinh tế quốc tế khác.

Việc xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật mà trước tiên là một Thông tư về việc cấp Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các Thỏa thuận vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và doanh nghiệp được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh đã trở thành vấn đề bức xúc, cần sớm xử lý.

Qua thực hiện đề tài “Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các khoản vay nước ngoài”, chúng tôi có kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần sớm ban hành một ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc cấp Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các Thỏa thuận vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh. Trong giai đoạn hiện nay, văn bản quy phạm pháp luật này có thể được ban hành dưới hình thức Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Thứ hai, về nội dung Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, chúng tôi kiến nghị:

Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp được cấp theo Mẫu Ý kiến pháp lý do Bộ Tư pháp ban hành. Tuy vậy, đối với các khoản vay của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam với Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Ngân hàng về hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) theo Chương trình, thì Ý kiến pháp lý được cấp theo Mẫu Ý kiến pháp lý đã được Bộ Tư pháp và các Ngân hàng thống nhất trước.

Các Cơ quan Nhà nước, các Tổ chức, doanh nghiệp căn cứ vào Mẫu Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp để đàm phán cụ thể với các đối tác nước ngoài về Ý kiến pháp lý. Trong trường hợp đối tác nước ngoài yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý khác với Mẫu Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp thì Cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trao đổi trực tiếp với đối tác nước ngoài để thống nhất nội dung Ý kiến pháp lý trước khi ký tất thoả thuận vay. Trong trường hợp này, văn bản dự thảo Ý kiến pháp lý đó vẫn phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

Tên gọi chính thức và địa chỉ của Cơ quan cấp Ý kiến pháp lý, tên gọi chính thức của Cơ quan, Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Ý kiến pháp lý và Cơ quan, Tổ chức nước ngoài được cấp Ý kiến pháp lý ;

Tên các văn bản quy phạm pháp luật, các Thoả thuận quốc tế và các tài liệu khác được dẫn chiếu làm căn cứ để cấp Ý kiến pháp lý;

Nội dung những vấn đề pháp lý cụ thể và các vấn đề khác cần khẳng định trong Ý kiến pháp lý.

Thứ ba, về trình tự, thủ tục cấp Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, chúng tôi kiến nghị:

Để được cấp Ý kiến pháp lý, Cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu gửi Hồ sơ yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý đến Bộ Tư pháp

Hồ sơ gồm các giấy tờ tài liệu sau đây:

Công văn yêu cầu Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý để cấp Ý kiến pháp lý, thời hạn cần có Ý kiến pháp lý theo Thoả thuận

Bản gốc hoặc bản sao đã được công chứng, chứng thực hợp pháp các tài liệu, giấy tờ làm căn cứ pháp lý để cấp Ý kiến pháp lý (không bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật) hoặc các tài liệu giấy tờ này được Cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý đảm bảo về tính hợp pháp.

Văn bản dự thảo Ý kiến pháp lý đã được các bên hữu quan (cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp và bên đối tác nước ngoài) thoả thuận.

Hồ sơ được đóng thành bộ, được đánh số thứ tự đến hết hồ sơ, có dấu giáp lai của Cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý để có thể bảo quản theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ nói trên, Bộ Tư pháp sẽ cấp Ý kiến pháp lý cho các thoả thuận vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ nói trên, Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý theo quy định, trừ trường hợp phải kéo dài thời hạn này do thiếu các thông tin cần thiết liên quan đến việc cấp Ý kiến pháp lý. Trong trường hợp đó, Bộ Tư pháp sẽ thông báo ngay cho Cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý về các giấy tờ, tài liệu thông tin cần bổ sung. Thời hạn cung cấp thông tin bổ sung không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thời hạn kéo dài; Ý kiến pháp lý được cấp trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Tư pháp nhận đủ thông tin bổ sung.

Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp được cấp bằng văn bản, bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài được sử dụng phổ biến trong giao dịch tài chính-tín dụng quốc tế. Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ là người ký văn bản Ý kiến pháp lý này. Người được nhận Ý kiến pháp lý phải có nghĩa vụ bảo quản văn bản Ý kiến pháp lý được cấp theo chế độ mật và phải trả lại Bộ Tư pháp khi giải toả hết nghĩa vụ tài chính liên quan.

### PHẦN III. HỆ CHUYÊN ĐỀ

|                                                                                                                                                                                                      |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <u>Chuyên đề 1.....</u>                                                                                                                                                                              | 124 |
| <u>Câu lạc bộ Paris và một số vấn đề pháp lý về giãn nợ Chính phủ</u><br><u>.....</u>                                                                                                                | 124 |
| <u>Chuyên đề 2.....</u>                                                                                                                                                                              | 159 |
| <u>Một số vấn đề pháp lý trong cơ cấu nợ qua CLB London.....</u>                                                                                                                                     | 159 |
| <u>Chuyên đề 3.....</u>                                                                                                                                                                              | 173 |
| <u>Xử lý nợ thương mại của Việt nam qua Câu Lạc Bộ London và các</u><br><u>ý kiến pháp lý liên quan.....</u>                                                                                         | 173 |
| <u>Chuyên đề 4.....</u>                                                                                                                                                                              | 187 |
| <u>Một số vấn đề lý luận và thực tiễn việc cấp ý kiến pháp lý của Bộ</u><br><u>Tư pháp đối với các thoả thuận vay vốn và các hồ sơ tài liệu dự án</u><br><u>đầu tư nước ngoài tại việt nam .....</u> | 187 |
| <u>Chuyên đề 5.....</u>                                                                                                                                                                              | 204 |
| <u>Cơ sở lý luận và thực tiễn để cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay</u><br><u>thương mại nước ngoài.....</u>                                                                                       | 204 |
| <u>Chuyên đề 6.....</u>                                                                                                                                                                              | 218 |
| <u>Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý cho các</u><br><u>khoản vay do ngân hàng phát triển châu á tài trợ .....</u>                                                               | 218 |
| <u>Chuyên đề 7.....</u>                                                                                                                                                                              | 235 |
| <u>Một số suy nghĩ về đàm phán, ký kết, phê chuẩn điều ước quốc tế</u><br><u>nhân danh Nhà nước .....</u>                                                                                            | 235 |
| <u>Chuyên đề 8.....</u>                                                                                                                                                                              | 245 |
| <u>Một số vấn đề lý luận để soạn thảo Thông tư cấp ý kiến pháp lý</u><br><u>của Bộ Tư pháp đối với các khoản vay nước ngoài.....</u>                                                                 | 245 |

# Chuyên đề 1

## CÂU LẠC BỘ PARIS VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ GIÃN NỢ CHÍNH PHỦ

Tiến sỹ Hoàng Phước Hiệp

### Phân I . Tổng quát về Câu lạc bộ Paris và giãn nợ

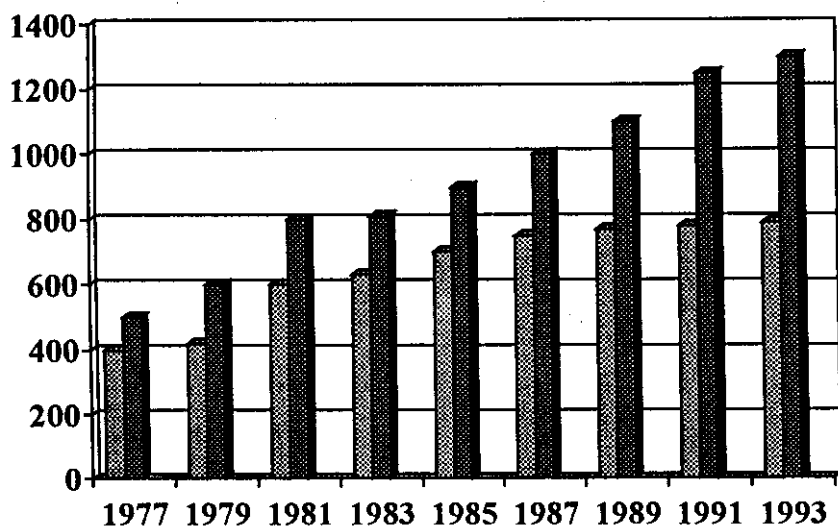
Giãn nợ là hình thức cơ cấu lại nợ, theo đó chủ nợ và con nợ đàm phán để hoãn trả nợ gốc và/hoặc lãi đã đến hạn theo lịch trả ban đầu và quy định lịch trả mới (1). Một số ý kiến cho rằng đàm phán giãn nợ là sự công nhận mất khả năng trả nợ và là biện pháp điều chỉnh để thiết lập lại những điều kiện tài chính lành mạnh hơn (2). Năm 1991, tổng số nợ nước ngoài của các nước đang phát triển đã tăng thêm 5,05% và lên tới 1.348 tỷ USD (3). Với nền kinh tế nhỏ yếu, các nước đang phát triển không thể trả được các khoản nợ này. Gần đây, giải pháp giãn nợ nước ngoài đã trở nên rất được ưa chuộng (4). Việc giãn nợ đối với nợ Chính phủ và nợ tư nhân mà các chủ nợ là Chính phủ được thực hiện tại Câu lạc bộ Paris, đàm phán với các chủ nợ thương mại được thực hiện tại Câu lạc bộ Luân-đôn (5). Bài này tập trung vào Câu lạc bộ Paris.

Hình 1. Nợ nước ngoài và tỷ lệ trả nợ của các nước đang phát triển

Các nước đang phát triển: Nợ nước ngoài và tình hình trả nợ

So với Xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ

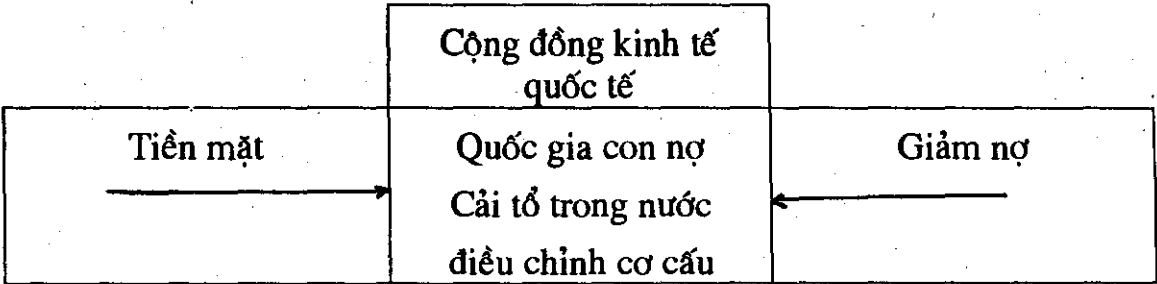
Nguồn: IMF, Viễn cảnh kinh tế thế giới, 5/1993



Câu lạc bộ Paris là diễn đàn không chính thức, nơi các quốc gia gặp khó khăn trong trả nợ cho các Chính phủ và các tổ chức tư nhân gặp gỡ chủ nợ của mình để cơ cấu lại nợ. Tên gọi dễ gây nhầm lẫn bởi trên thực tế Câu lạc bộ Paris không phải là một câu lạc bộ, cũng không phải là một tổ chức quốc tế chính thức. Nó không có văn phòng, không có ban thư ký, và nhất là không có điều lệ hoạt động. Câu lạc bộ Paris là một tổ chức chuyên trách (6) không có tư cách pháp lý.

Chính sách tuyệt mật của Câu lạc bộ Paris phần nào đã ngăn cản người ta biết đến tổ chức này. Các chủ nợ tránh đưa ra bất kỳ thông tin nào về đánh giá của họ đối với tình hình kinh tế tài chính của một nước con nợ hoặc phạm vi giãn nợ. Nước con nợ quyết định có công bố hay không và công bố đến mức độ nào những thông tin loại này. Tuy nhiên, sự bùng nổ khủng hoảng nợ thế giới vào đầu những năm 80 đã làm công luận chú ý đến Câu lạc bộ Paris và đóng góp của tổ chức này vào việc giải quyết tình trạng mất cân đối trong cán cân thanh toán ở một số nước đang phát triển và một số nước Trung Âu và Đông Âu.

Hình 2. Sự phục hồi kinh tế đòi hỏi có nguồn hỗ trợ bên ngoài để bổ trợ thêm cho các điều chỉnh trong nước



Qua nhiều năm, Câu lạc bộ Paris đã trở thành một nhân vật chủ chốt trong thực hiện chiến lược vay nợ quốc tế. Chiến lược này dù được điều chỉnh thường xuyên nhưng vẫn dựa trên hai yếu tố chính: cải cách nội bộ và điều chỉnh cơ cấu, bổ trợ bằng hỗ trợ tài chính bên ngoài dưới dạng tiền hoặc giảm nợ. Mặc dù mới gần đây người ta mới biết Câu lạc bộ Paris đã tồn tại từ năm 1956 khi Achentine đồng ý gặp các chủ nợ chính thức tại Paris để đàm phán cùng tìm một cơ sở mà các bên cùng chấp nhận được để giãn thời hạn thanh toán tín dụng xuất khẩu đến hạn (7). Vào cuối những năm 50 và năm 60, Braxin, Chilê và Thổ Nhĩ Kỳ cũng tìm kiếm các cơ hội

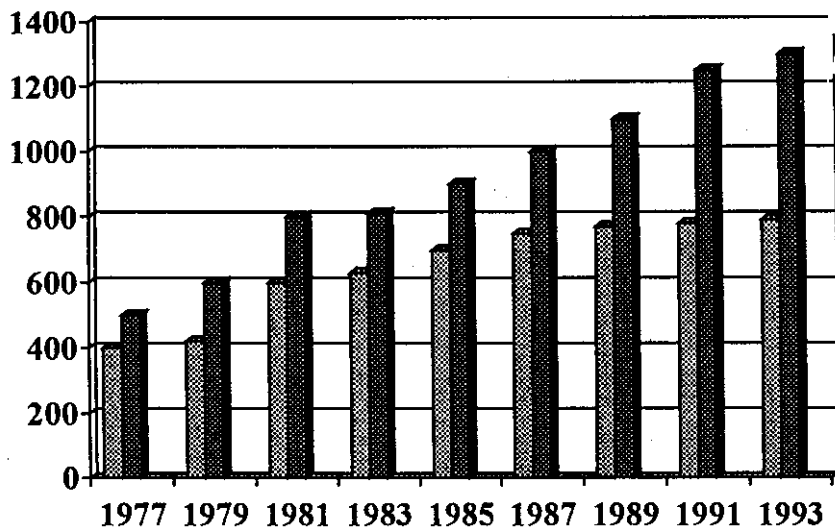
giãn nợ tương tự. Giữa năm 1978 và 1984, 29 nước đã đến Paris để đàm phán 56 Hiệp định giãn nợ với tổng giá trị giãn nợ lên đến 215 tỷ USD, trong đó Cộng hoà Liên bang Đức, một trong các chủ nợ chính, chiếm tới 35 tỷ USD, tương đương 17%.

Các ngân hàng thương mại đã đóng góp phần mình với các chủ nợ chính thức bằng cách giãn nợ mạnh mẽ cho các khoản vay không phải của Chính phủ hoặc không được Chính phủ bảo lãnh. 15 nước vay nợ nanụg nề nhất đã đàm phán giãn nợ gốc với tổng số 220 tỷ USD. Ngoài ra, các ngân hàng còn cung cấp thêm tín dụng mới với giá trị vượt quá 20 tỷ USD, chủ yếu cho Achentine, Braxin và Mêhicô.

Các nguyên nhân chính làm các quốc gia không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ là các chính sách kinh tế tài chính trong nước không phù hợp, mắc nợ nước ngoài không bền vững cùng hiện tượng thoái hoá điều kiện thương mại và lãi suất tăng cao. Đối với các nước con nợ với nền kinh tế tập trung, vấn đề chủ yếu là tình trạng do hệ thống hoạt động kém hiệu quả, đặc biệt là mất kiểm soát và thiếu phát kiến và cạnh tranh của khu vực tư nhân. Sự tồn tại của Câu lạc bộ Paris là nhằm giúp các nước đang phát triển và các nước trong quá trình chuyển đổi khắc phục gánh nặng vay nợ này.

Hình 3. Nợ nước ngoài và tỷ lệ nước ngoài của các nước đang chuyển đổi

Các nước đang chuyển đổi: Nợ nước ngoài và tình hình trả nợ  
So với Xuất khẩu hàng hoá và Dịch vụ  
Nguồn IMF, Viễn cảnh Kinh tế thế giới 5/1993



## **Phần II. Nguyên tắc của Câu lạc bộ Paris**

Câu lạc bộ Paris là một tổ chức đặc biệt gồm tập hợp các chính phủ chủ nợ dưới sự chủ tọa của một quan chức cấp cao của Kho bạc Pháp. Chính phủ Pháp cung cấp Ban Thư ký và các phương tiện hội họp. Câu lạc bộ Paris thường họp tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế trên đại lộ Kléber, Paris.

Không giống các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế hay Ngân hàng Thế giới, Câu lạc bộ Paris hoạt động không có nguyên tắc hay quy định thành văn nào cả. Do tính chất ban đầu là tổ chức đặc biệt với tính chất diễn đàn không chính thức để giải quyết các vấn đề trả nợ của nước con nợ, Câu lạc bộ Paris đã hình thành những nguyên tắc và hướng dẫn thực hiện đúc rút từ kinh nghiệm làm việc nhiều năm. Các nguyên tắc này được kiểm điểm và điều chỉnh thường xuyên.

### **A. Các quy định cơ bản**

#### **1. Các nước chủ nợ thành viên**

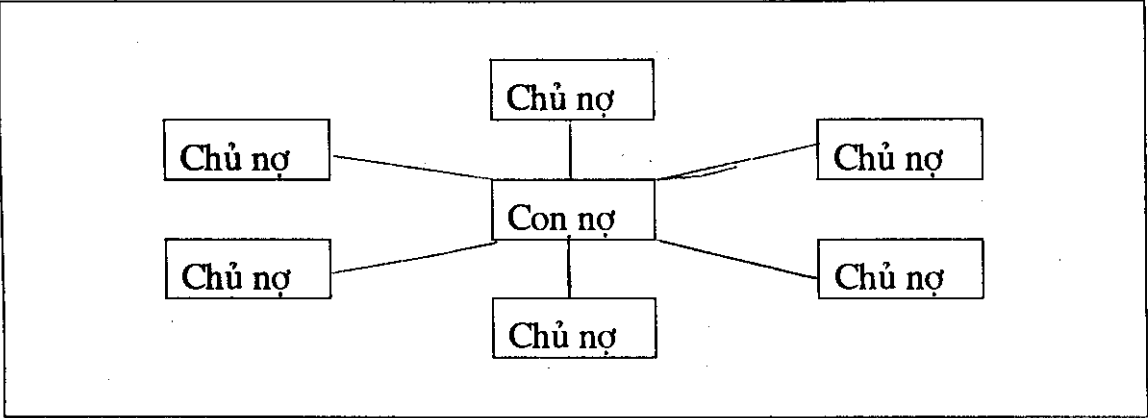
Do không có thành viên cố định, bất cứ chủ nợ nào có các khoản nợ có thể giãn nợ đều được tham gia đàm phán tại Câu lạc bộ Paris. Do có quan hệ rộng rãi với các nước đang phát triển, các nước Đông và Trung Âu, khi các nước con nợ đề nghị chủ nợ xoá nợ, các nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) hầu như lúc nào cũng có vai trò nhất định. Những thành viên thường xuyên khác của Câu lạc bộ Paris (8) bao gồm: Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC, nay là Liên minh châu Âu- EU), IMF, Ngân hàng Tái thiết và Phát triển hay WB, Tổ chức Thương mại và Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNCTAD) và nước con nợ đang đề nghị giãn nợ (9). Những nước con nợ quan trọng (như Braxin với số nợ lớn) và đang có mong muốn giãn nợ từ các chủ nợ là những nước chuẩn bị gia nhập Câu lạc bộ Paris cũng rất quan tâm tới việc cơ cấu lại nợ của mình trong một khuôn khổ đa phương.

#### **2. Tính đa phương**

Sự tồn tại của Câu lạc bộ Paris dựa trên lợi ích mà cả chủ nợ và con nợ có được khi xử lý một khoản nợ trên cơ sở đa phương chứ không phải song phương. Về khía cạnh hành chính, cách tiếp cận đa phương có hiệu quả hơn và bớt rườm rà bởi con nợ thay vì phải thực hiện nhiều cuộc đàm phán nối tiếp nhau có thể đàm phán với tất cả các chủ nợ của mình cùng một lúc. Hơn nữa, các chủ nợ cũng hết sức coi trọng nguyên tắc đối xử bình

đăng và chia xẻ gánh nặng giữa họ. Họ muốn chắc chắn rằng con nợ sẽ không sử dụng những ưu đãi đối với các khoản nợ của mình để thực hiện nghĩa vụ nợ với các chủ nợ khác.

Hình 4. Câu lạc bộ Paris đưa ra một diễn đàn cho nước con nợ gặp nhóm chủ nợ chính thức của họ



3. Nguyên tắc xử lý theo từng trường hợp:

Là một trong những luật bất thành văn quan trọng nhất của Câu lạc bộ Paris, nguyên tắc xử lý theo từng trường hợp có nghĩa là câu lạc bộ xem xét từng đề nghị giãn nợ trên cơ sở những thông tin kinh tế tài chính cụ thể đi kèm. Do các điều kiện của hiệp định thể hiện tính đặc thù của một khoản nợ, các điều kiện thoả thuận với con nợ có vẻ rất linh hoạt trong việc điều chỉnh giãn nợ để thoả mãn yêu cầu của nước con nợ, thực ra họ làm việc tuân theo một phương pháp luận nhất định, những nét nổi bật của nó được trình bày tại Phần III.

B. Các nguyên tắc chính của Câu lạc bộ Paris

Các nguyên tắc chính xử lý nợ của Câu lạc bộ Paris: Có ba nguyên tắc chính làm nền tảng cho Câu lạc bộ Paris chắc chắn sẽ vỡ nợ, tính có điều kiện và chia sẻ gánh nặng. Hai nguyên tắc đầu là điều kiện con nợ phải thoả mãn để được đàm phán giãn nợ tại Câu lạc bộ Paris. Nguyên tắc thứ ba mang tính hướng dẫn, kêu gọi các chủ nợ cùng làm việc theo tinh thần đồng đội và chia xẻ gánh nặng của việc giãn nợ.

1. Chắc chắn sẽ vỡ nợ

Để tham gia đàm phán giãn nợ, nước con nợ phải chứng tỏ rằng nếu không được giãn nợ thì chắc chắn sẽ vỡ nợ. Thông thường, Câu lạc bộ Paris coi nợ nước ngoài quá hạn với số lượng lớn (10) là bằng chứng đầy đủ về chắc chắn sẽ vỡ nợ (11). Đồng thời, Câu lạc bộ Paris có thể xem xét tính nghiêm trọng của tình hình nước con nợ thông qua các dự báo cán cân thanh toán cho năm tới của IMF (12).

Những nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thường dưới dạng khoản tín dụng hoặc thoả thuận tài chính cung cấp cho Chính phủ hoặc các cơ quan đại diện hợp lý (nợ khu vực công) hoặc cho các tổ chức tư nhân với điều kiện họ đã đặt cọc một số tiền tương đương bằng nội tệ tại một ngân hàng thương mại hoặc ngân hàng trung ương nhưng khoản trả nợ bằng ngoại tệ chuyển đổi chưa được chuyển cho chủ nợ vì thiếu ngoại tệ (nợ khu vực tư nhân).

Trường hợp con nợ thuộc khu vực tư nhân không có đủ lượng nội tệ để mua số ngoại tệ cần thiết chuyển trả cho chủ nợ nước ngoài thì không được coi là mất khả năng trả nợ rõ ràng. tình trạng này cho thấy rủi ro thương mại đã trở thành hiện thực và không liên quan gì đến trách nhiệm của Chính phủ.

Về mặt tài chính, giãn nợ cho phép con nợ không phải trả nợ đúng hạn ban đầu mà theo một lịch trả muộn hơn do các bên cùng thống nhất. Về bản chất, chủ nợ hoặc các đại diện của mình đã tài trợ trước các nghĩa vụ trả nợ của nước con nợ. Do đó, nước chủ nợ rõ ràng có động cơ trong việc hạn chế chỉ giãn nợ cho một số trường hợp có nhu cầu hỗ trợ tài chính thực sự.

Các hiệp định giãn nợ được chuyển cho các cơ quan tín dụng xuất khẩu hoặc các Chính phủ của họ và họ lập tức bồi hoàn những người mua bảo hiểm tín dụng. ở khía cạnh này, các chủ nợ lý luận rằng coi “chắc chắn sẽ vỡ nợ” là điều kiện tiên quyết để xử lý nợ theo Câu lạc bộ Paris là hết sức quan trọng bởi nó cho thấy yêu cầu giãn nợ thực tế là từ động cơ chính trị chứ không phải tài chính. Tuy nhiên, nước con nợ lấy ví dụ từ Pakixtan cho rằng khi các suy tính chính trị và hệ tư tưởng vượt lên trên các suy xét kinh tế (13), thì Câu lạc bộ Paris đã cho phép đàm phán giãn nợ mà không yêu cầu điều kiện “mất khả năng trả nợ rõ ràng”.

## 2. Tính có điều kiện

Giãn nợ qua đàm phán giãn nợ là cách hỗ trợ nước con nợ dần dần khôi phục lại khả năng trả nợ bằng cách thực hiện các chương trình cải cách và điều chỉnh toàn diện. Do đó, các chủ nợ lấy đó làm điều kiện buộc các

nước con nợ phải tiến hành các chương trình điều chỉnh kinh tế vĩ mô được hỗ trợ bằng tài chính của IMF. Các chủ nợ rất chú trọng đến tình có điều kiện, điều khoản sau đây trong Biên bản Ghi nhớ là một minh họa: “Các điều khoản của Biên bản Ghi nhớ này sẽ tiếp tục được áp dụng với điều kiện nước Cộng hoà X sẽ tiếp tục thảo luận với IMF về các khoản tín dụng...”

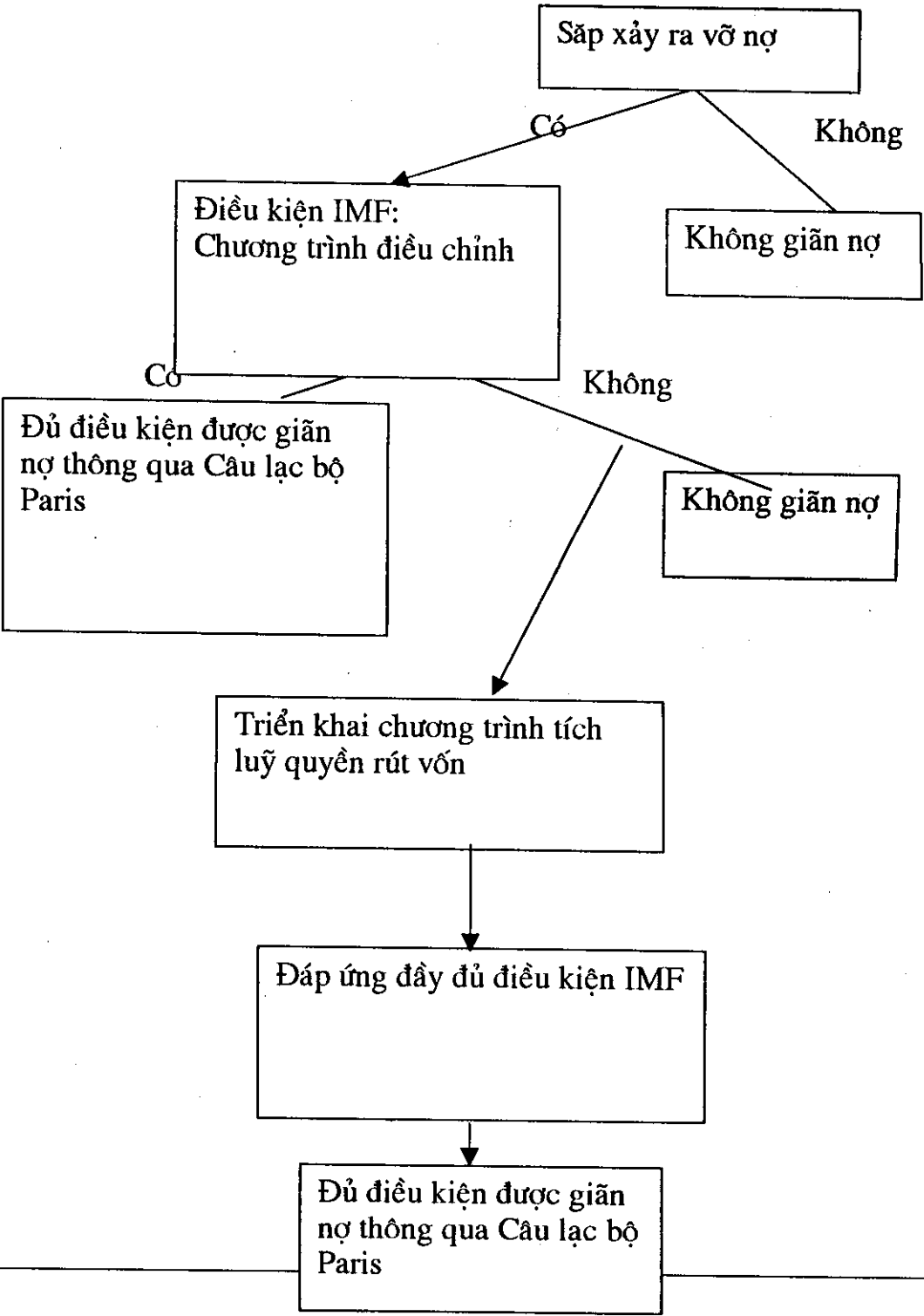
Các con nợ gặp khó khăn và thường để nợ quá hạn không chỉ với các chủ nợ chính thức và tư nhân mà còn cả với IMF. Trong những trường hợp này, quy định của IMF không cho phép tiếp tục cam kết cho nước đó vay và do đó cũng không ký kết các Hiệp định tín dụng chương trình. Điều này lại ngăn cản các chủ nợ Câu lạc bộ Paris xử lý mối quan hệ tài chính của mình với nước đó.

Để thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn này, Câu lạc bộ Paris đã hình thành chiến lược theo đó nước con nợ thực hiện chương trình kinh tế vĩ mô thích hợp để thoả mãn các điều kiện của khoản tín dụng cả gói. Bằng cách thực hiện chương trình, nước con nợ tích lũy dần các quyền để rút nguồn vốn của IMF. Các quyền này sẽ được trừ vào số nợ quá hạn. Khi chương trình hết hạn, nước con nợ sẽ xoá được hết số nợ quá hạn và đủ điều kiện vay thông thường của IMF.

Tính có điều kiện bản thân nó không phải là một thuật ngữ pháp lý. Nó thậm chí không được định nghĩa trong cuốn Các Điều khoản chung của IMF và WB (14). Từ này dùng để chỉ các chính sách kinh tế mà IMF muốn các nước thành viên áp dụng. Các cuộc cải cách điều chỉnh khác nhau do IMF thiết kế đều nhằm đạt được tiến bộ mang tính xây dựng. Điều chỉnh cơ cấu kinh tế trong nước sẽ làm nảy sinh nhiều khó khăn tùy thuộc vào tình hình cụ thể của quốc gia đó (15). Tuy nhiên, trong nội bộ IMF và Ngân hàng Thế giới có sự tin tưởng mạnh mẽ rằng khả năng trả nợ đầy đủ và đúng hạn. Các chủ nợ muốn biết chắc rằng nước con nợ sẽ áp dụng các biện pháp điều chỉnh thích hợp và thực hiện các chính sách kinh tế cải thiện tình hình kinh tế (16).

Kế hoạch điều chỉnh của IMF, thường được tóm tắt trong ý nguyện thư, kêu gọi: “hạn chế tăng cung tiền, giảm thâm hụt ngân sách Chính phủ, kiểm soát tín dụng, cải thiện chính sách tỷ giá ngoại hối (thường là thông qua phá giá để loại bỏ tỷ giá được nâng quá cao), dỡ bỏ hàng rào kiểm soát giá, cải thiện cán cân thương mại. Can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế cần hạn chế, nên để thị trường tự phân bổ các nguồn lực trên cơ sở giá cả” (17).

Hình 5 Các con nợ cần đáp ứng các tiêu chí để được giãn nợ thông qua Câu lạc bộ Paris



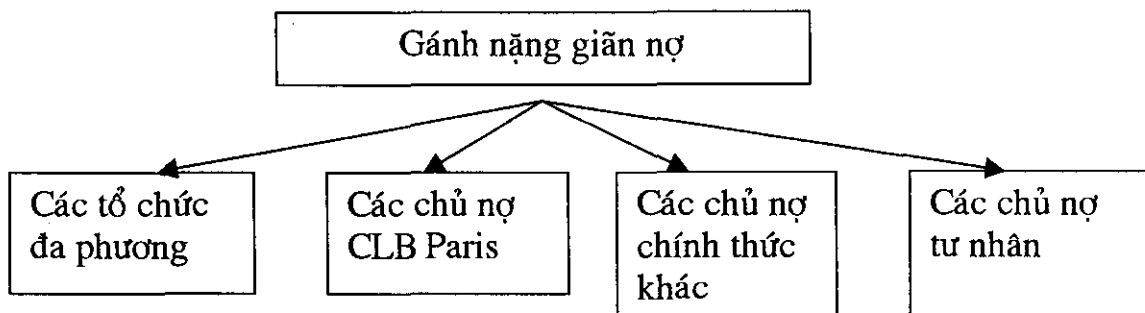
Tuy nhiên, trên thực tế, chương trình điều chỉnh của IMF có nghĩa là cắt giảm chi tiêu cho các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, hỗ trợ cấp Chính phủ đối với lương thực và các hàng hoá dịch vụ thiết yếu khác (18). Thực hiện chương trình kiểu này thường gây ra rối loạn, mất ổn định chính trị (19), do đó chấp nhận chương trình kinh tế kiểu này đòi hỏi nước con nợ áp dụng các biện pháp đàn áp với chính nhân dân mình (20).

Ngoại lệ đối với nguyên tắc này là khi nước con nợ không phải là thành viên của IMF. Trong trường hợp này, nước con nợ trực tiếp đàm phán các chính sách cải cách với các chủ nợ. Thông thường, các chủ nợ gửi một đoàn đặc nhiệm gồm các chuyên gia sang nước con nợ để đánh giá tình hình kinh tế. Các đoàn đặc nhiệm như vậy đã được cử đến Ba Lan và Môđambích năm 1984, trước thời điểm các nước này gia nhập IMF. Quá trình này cũng được áp dụng cho Cuba, quốc gia chưa phải là thành viên IMF (21). Chủ nợ có thể cho biết thêm rằng các nước con nợ khá miễn cưỡng thực hiện điều kiện này vì Câu lạc bộ Paris, khác với IMF, không thể có nguồn tiền làm động cơ thúc đẩy cải cách kinh tế.

### 3. Chia sẻ gánh nặng

Đôi khi được nhắc đến dưới khái niệm nguyên tắc đối xử tương đương, chia sẻ gánh nặng của việc giãn nợ (22). Mỗi chủ nợ cần đề xuất giãn nợ tương xứng với mức độ vay của nước con nợ thuộc các nhóm khác nhau tham gia ua rình đàm phán để xuất các điều kiện giãn nợ rất đa dạng (23). Để đơn giản hoá quá trình này, chủ nợ Câu lạc bộ Paris thường đồng ý rằng tất cả các khoản tín dụng cấp cho con nợ trước một ngày quy định sẽ được giãn nợ theo cùng một thời gian ân hạn và lịch trả, bất kể điều kiện và mục đích của chúng là gì (24). Nguyên tắc chia sẻ gánh nặng cũng áp dụng cho các chủ nợ không tham gia đàm phán tại Câu lạc bộ Paris. Do các chủ nợ chính thức không muốn con nợ dùng ngay phần giãn nợ tại Câu lạc bộ Paris để trả nợ cho các nhóm chủ nợ khác, Biên bản Ghi nhớ yêu cầu nước con nợ phải đề nghị các chủ nợ nước ngoài khác giãn nợ theo các điều kiện tương tự. Điều khoản này viết như sau: “Để đảm bảo sự đối xử tương đương giữa các chủ nợ nước ngoài là chính phủ và tư nhân, Chính phủ X cam kết sẽ đề nghị các chủ nợ nước ngoài, bao gồm ngân hàng và nhà cung cấp, thoả thuận giãn nợ và tái cấp vốn theo các điều kiện nêu trong Biên bản Ghi nhớ này đối với các khoản tín dụng có thời hạn tương đương đảm bảo tránh sự bất bình đẳng giữa các nhóm chủ nợ khác nhau”.

Hình 6. Hướng dẫn về chia sẻ gánh nặng khuyến nghị tất cả các chủ nợ gánh trách nhiệm trong việc giãn nợ



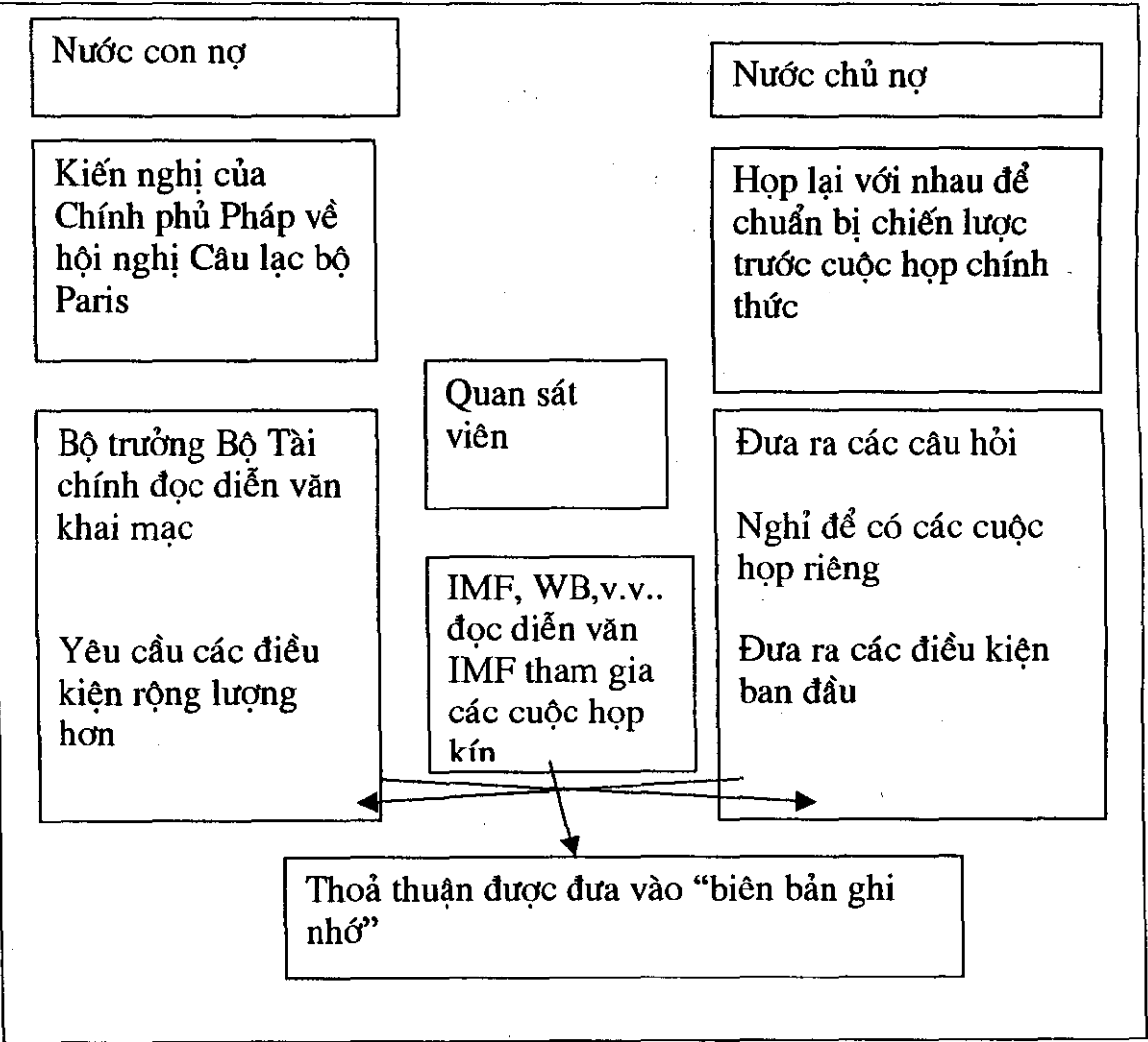
### Phần III. Các thủ tục pháp lý xử lý nợ của Câu lạc bộ Paris

Nước con nợ, thường do Bộ trưởng tài chính hay Thống đốc ngân hàng Trung ương đại diện, và các nước chủ nợ do các quan chức các Bộ Tài chính, Kinh tế hay Bộ Ngoại giao đại diện, tham dự trực tiếp các cuộc đàm phán lại trong khuôn khổ Câu lạc bộ Paris. IMF, WB, các ngân hàng phát triển khu vực như là ADB và Ngân hàng phát triển liên Mỹ và UNCTAD tham dự với tư cách quan sát viên.

Đại diện của nước con nợ khai mạc các cuộc đàm phán bằng lời phát biểu về các chính sách tài chính kinh tế của quốc gia và đưa ra yêu cầu giãn nợ. Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới, UNCTAD sau đó sẽ trình bày phát biểu của mình. Trong khi IMF nêu bật về triển vọng của cán cân thanh toán các quốc gia, đặc biệt là các dự đoán hỗ trợ tài chính cho các chương trình kinh tế, thì Ngân hàng Thế giới chú trọng về các triển vọng phát triển dài hạn và sự cần thiết của các cuộc cải cách cơ cấu. Các nước chủ nợ sau đó sẽ đặt câu hỏi cho nước con nợ và các tổ chức tài chính quốc tế về các mục tiêu tài chính và kinh tế của chương trình này, quá trình triển khai chương trình và các đề nghị giãn nợ. Sau đó nước con nợ và chủ nợ chia thành hai phía. Các nước chủ nợ, với sự trợ giúp của đại diện IMF, đi vào trọng tâm của quá trình đàm phán, đề ra các giải pháp chung đối với yêu cầu giãn nợ của nước con nợ. Do quá trình đưa ra quyết định được dựa trên nguyên tắc nhất trí nên mọi nước chủ nợ đều phải ủng hộ đề xuất này. Đề xuất đầu tiên của các nước chủ nợ được chủ tọa chuyển tới và giải thích cho nước con nợ, sau đó con nợ sẽ có các đề xuất phản hồi lại đề nghị các điều kiện gân hơn so với đề nghị ban đầu. Phạm vi đề nghị giãn nợ và việc các nước con nợ cố gắng giành được những điều khoản rộng lượng nhất có thể được sẽ quyết định thời lượng của quá trình lặp đi lặp lại này. Thông thường phải qua vài vòng đàm phán như vậy các bên mới đạt được một thoả thuận

thoả mãn cả đôi bên, chấm dứt trách nhiệm của các diễn đàn quốc tế và gạt bỏ ý kiến cho rằng các thoả thuận nợ đạt được tại Câu lạc bộ Paris là kết quả mang tính chất mệnh lệnh hơn là thành quả của một quá trình đàm phán mà các nước con nợ có thể bảo vệ lợi ích của mình. Ngay cả trong những trường hợp tình hình lúc khai mạc có vẻ không thể đi đến thoả thuận, các bên vẫn cố gắng xoá bỏ các bất đồng và tìm ra giải pháp có thể chấp nhận được cho cả hai bên. Các cuộc đàm phán của Câu lạc bộ Paris thường gói gọn trong một ngày (và đôi khi trong một đêm) chứng tỏ tính hiệu quả của quá trình đàm phán.

Hình 7. Các thủ tục giãn nợ của Câu lạc bộ Paris, các sự kiện trên đường kẻ ngắt quãng diễn ra trước kỳ họp chính thức



Từ phía nước chủ nợ, dù thủ tục đàm phán của Câu lạc bộ Paris đơn giản và diễn ra nhanh chóng nhưng chúng cũng hạ thấp sự khó chịu cho các nước này. Bào chữa cho hành động này, một người đã nói: **“Việc giãn nợ ở Câu lạc bộ Paris là một công việc đầy khó chịu và các chủ nợ chính thức phải giữ thái độ khó chịu đó như là một động cơ thúc đẩy các con nợ tôn trọng các nghĩa vụ trả nợ của mình”**(25)

Các con nợ cho rằng quá trình giãn nợ bắt đầu khi các chủ nợ chính thức quyết định họ sẽ không sẵn sàng tiếp tục tăng tín dụng cho các nước con nợ. Chính phủ nước con nợ sau đó sẽ gửi yêu cầu chính thức tới Chính phủ Pháp để có được cuộc gặp với các chủ nợ chính thức. Nếu quốc gia con nợ đã có sẵn một chương trình vay dự phòng (standby) của IMF thực hiện trong giai đoạn đề nghị giãn nợ thì Câu lạc bộ Paris sẽ định ngày gặp mặt. Nếu không, Câu lạc bộ Paris sẽ nhắc con nợ về yêu cầu chương trình vay có điều kiện của IMF.

Các cuộc đàm phán giãn nợ bắt đầu ban đầu cuộc họp giữa các nước chủ nợ với nhau, bàn về vấn đề nợ của nước con nợ, đưa ra câu hỏi và một chiến lược chung cho các cuộc đàm phán. Sau đó, nước con nợ được mời tới để trình bày về trường hợp của mình, thông thường do Bộ trưởng Bộ Tài chính hay Thống đốc ngân hàng Trung ương trình bày.

Các quan sát viên từ các tổ chức quốc tế sau đó sẽ được mời đưa ra các lời nhận xét. Và đại diện của IMF sẽ đưa ra lời nhận xét quan trọng nhất, có thể là yếu tố quyết định của toàn bộ quá trình. Lời nhận xét này thường dài, cung cấp chi tiết về tình hình kinh tế của nước con nợ và các dự đoán của nước đó trong tương lai. để kết thúc buổi họp chính thức đầu tiên, các nước chủ nợ đặt câu hỏi đối với nước con nợ.

Sau đó, các nước chủ nợ sẽ tổ chức một cuộc họp kín và mời IMF tới dự. Các cuộc họp kín tổ chức tại toà nhà hội nghị chính trong khi các đại diện của nước con nợ được chỉ dẫn tới phòng hội nghị nhỏ ở sau Trung tâm Hội nghị. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, cuộc họp kín sẽ đưa ra một loạt các khuyến nghị mà ngài chủ tịch, người đóng vai trò liên lạc, trình bày trước nước con nợ. Ngài chủ tịch sẽ tạo điều kiện cho việc trao đổi các đề xuất giữa đôi bên. Điều này có thể tốn chút ít thời gian (tuy nhiên không được quá hai ngày) để đạt được sự thoả thuận, nhưng đôi khi dẫn tới cả sự bế tắc. Khi các bên cuối cùng đạt được sự thoả thuận, Ban thư ký sẽ soạn thảo một “Biên bản thảo thuận” sơ bộ, bao gồm các điều khoản đã được nhất trí.

#### **Phần IV. Thoả thuận**

##### **A) Hình thức và đặc điểm pháp lý**

Chủ tịch, các chủ nợ và con nợ ký một Thoả thuận được trình bày tổng “Biên bản thoả thuận”. Thông thường, Câu lạc bộ Paris trình bày Biên bản thoả thuận bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Về mặt pháp luật, Biên bản Thoả thuận là một lời khuyến nghị Chính phủ của các nước chủ nợ và con nợ tiên hành đàm phán song phương về các thoả thuận giãn nợ dựa trên các điều khoản đưa ra trong đó. Các điều khoản liên quan là: Đại diện của Chính phủ mỗi nước chủ nợ tham dự và của Chính phủ nước Cộng hoà X đồng ý yêu cầu Chính phủ của mình hay các tổ chức thích hợp bắt đầu các cuộc đàm phán song phương ngay khi có điều kiện và tiến hành các cuộc đàm phán dựa trên các nguyên tắc được đưa ra dưới đây”.

Nội dung của Biên bản Thoả thuận không có giá trị pháp lý cũng như không ràng buộc các bên tham gia ký kết (28). Các chủ nợ và con nợ sau đó phải chuyển Biên bản Thoả thuận thành Thoả thuận song phương ràng buộc để nó có hiệu lực. Nếu không, mỗi bên tham gia ký kết cần phải phê chuẩn Biên bản Thoả thuận để nó mang tính ràng buộc theo luật pháp quốc tế.

## B) Nội dung

### 1) Giới thiệu

Phần giới thiệu của Biên bản thoả thuận liệt kê danh sách các quốc gia và tổ chức quốc tế tham dự các cuộc đàm phán và hướng dẫn các quốc gia và tổ chức này nghe các bài trình bày của quốc gia con nợ về những khó khăn kinh tế trầm trọng mà quốc gia đó trải qua và nỗ lực của quốc gia đó trong việc cải thiện tình hình.

### 2) Các khoản nợ được xử lý

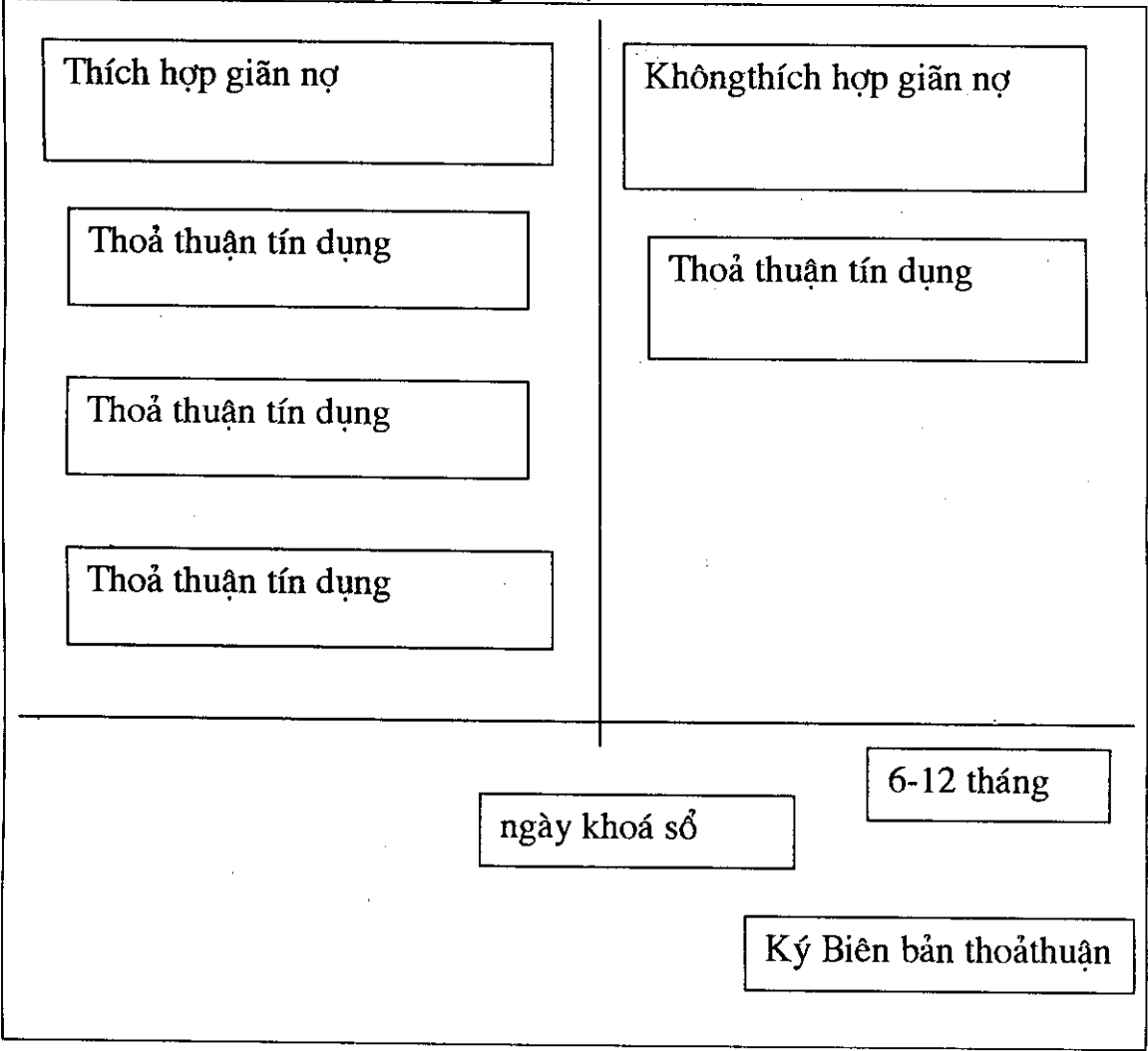
Các khoản nợ được xử lý trong thoả thuận giãn nợ của Câu lạc bộ Paris bao gồm các khoản tín dụng thương mại được các Chính phủ của các nước chủ nợ hay các tổ chức thích hợp của nó bảo lãnh hay phát hành. Các khoản tín dụng này phải có thời gian đáo hạn ít nhất là một năm. Các khoản vay Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) nằm ở loại sau và là mục tiêu để giãn nợ. Phần này cũng đặt ra tỷ lệ nợ được giãn nợ (29).

### 3) Ngày khóa sổ

Để được đưa ra đàm phán giãn nợ, các hiệp định tín dụng cần được ký kết trước ngày khóa sổ. Ngày này đặc biệt quan trọng đối với các con nợ khi đàm phán với các cơ quan tín dụng xuất khẩu. Thông thường, các cơ quan này dừng cấp vốn khi một quốc gia bắt đầu gia tăng các khoản nợ quá hạn lớn và/hay đệ trình một yêu cầu chính thức về việc giãn nợ. Vốn chỉ

được cấp trở lại nếu có được các bảo đảm hợp lý là các khoản vay mới sẽ không là đối tượng của các thỏa thuận giãn nợ. Cách duy nhất để có được những bảo đảm như vậy là duy trì ngày khóa sổ ban đầu trong các đợt giãn nợ lần sau. Do đây là vấn đề chính sách nên các chủ nợ sẽ không đồng ý đẩy ngày khóa sổ về sau để các con nợ thu được lợi từ các thỏa thuận giãn các nghĩa vụ trả nợ. Thông thường, ngày khóa sổ là từ 6 đến 12 tháng trước ngày trong thỏa thuận giãn nợ được ký kết.

Hình 8. ngày khoá sổ đảm bảo các chủ nợ rằng các khoản vay mới sẽ không bị đưa vào chương trình giãn nợ



4) Giai đoạn củng cố

Trong giai đoạn củng cố, mọi khoản nợ trong phạm vi được xử lý và đáo hạn sẽ là đối tượng được giãn nợ hay theo các điều khoản đã đưa ra trong Biên bản Thỏa thuận. Về nguyên tắc, giai đoạn củng cố thường trùng với kỳ hạn của thỏa thuận tín dụng được ký kết với IMF, thông thường từ 12 đến 18 tháng. Tuy nhiên, gần đây CLB Paris đã áp dụng các thỏa thuận giãn nợ trong nhiều năm (MYRAs) với giai đoạn củng cố từ 2 đến 5 năm (30).

Theo kinh nghiệm, việc giãn nợ trong một lần là không đủ để cho phép các con nợ đạt được tình trạng cân bằng cán cao thanh toán và bắt đầu trả nợ mà không cần tới kế hoạch giãn nợ khi giai đoạn củng cố kết thúc. Trong yêu cầu của nước con nợ, chủ nợ nói chung đồng ý đưa vào một điều khoản có “thiện chí” trong Biên bản thỏa thuận, cho thấy họ sẵn sàng thay đổi thỏa thuận giãn nợ để xem xét cả các khoản nợ tới hạn sau khi thời gian củng cố kết thúc. Trong trường hợp thỏa thuận tín dụng với IMF diễn ra trong nhiều năm (khoản cho vay mở rộng EFF, và khoản cho vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng – Enlarged SAF), các chủ nợ sẽ giãn nợ theo kỳ hạn của những hiệp định như vậy. Thỏa thuận giãn nợ vẫn có hiệu lực cho tới khi con nợ đạt được thỏa thuận với IMF về một khoản tín dụng.

#### 5) Phạm vi giãn nợ

Trong phần lớn các trường hợp, khác với cả ngân hàng thương mại, CLB Paris không chỉ giãn nợ phần gốc mà còn cả phần lãi. Do tình trạng tài chính cực kỳ khó khăn của các nước con nợ, CLB Paris thông thường sẽ giãn nợ 100% cả gốc lẫn lãi. Hơn nữa, nếu nghĩa vụ chi trả từ các khoản nợ đã được gia hạn từ lần trước vượt quá khả năng trả nợ của các nước con nợ, các nghĩa vụ này có thể sẽ được cơ cấu lại.

Con nợ phải hoàn trả số nợ đã được hoãn trong 10 năm, với thời gian ân hạn từ 4 đến 6 năm. Thời hạn hoàn trả đối với số nợ đã được giãn nợ có thể ngắn hơn để ngăn cản các con nợ tích lũy số nợ đó cho đến khi thỏa thuận với chủ nợ đưa số nợ này vào phạm vi giãn nợ. Nếu khả năng trả nợ của một quốc gia không đảm bảo giãn nợ 100% số nợ đã đến hạn hay sẽ đến hạn trong giai đoạn củng cố, CLB Paris thường cho phép gia hạn thanh toán các khoản đáo hạn không trong diện được xử lý (thanh toán dần) trong thời gian ân hạn trên.

#### 6) Lãi suất hoãn nợ

Do lãi suất hiện hành tại các quốc gia chủ nợ rất khác nhau, Biên bản thỏa thuận quy định rằng lãi suất hoãn nợ trên số nợ được xử lý sẽ

được tính dựa trên lãi suất thị trường thích hợp. Điều khoản liên quan như sau: “*Mức và điều kiện lãi suất đối với các thỏa thuận tài chính trong khuôn khổ Biên bản thỏa thuận này sẽ được xác định trên cơ sở lãi suất thị trường thích hợp bởi Chính phủ nước cộng hòa X và chính phủ hay các tổ chức thích hợp của mỗi quốc gia chủ nợ tham gia.*”

7) Quá trình triển khai

Biên bản thỏa thuận khuyến nghị các chính phủ của các bên tham gia đàm phán và ký kết hiệp định giãn nợ song phương trước một thời gian hạn định trước, thông thường từ 6 đến 8 tháng sau khi ký kết Biên bản thỏa thuận.

Phần V Tình hình phát triển gần đây

Nhóm nước G7

| Các thành viên | Hội nghị thượng đỉnh | Các điều khoản       |
|----------------|----------------------|----------------------|
| Canada         | 1988 Toronto         | Toronto              |
| Pháp           | 1989 Pari            |                      |
| Mỹ             | 1990 Houston         | Houston              |
| Anh            | 1991 London          | Trinidad (điều khoản |
| Đức            | 1992 Munich          | Toronto nâng cao)    |
| Nhật Bản       | 1993 Tokyo           |                      |
| Italy          |                      |                      |

a) **Điều khoản Toronto**

Nhiều quốc gia mắc nợ nặng là do vấn đề về khả năng thanh toán hơn là do thiếu thanh khoản, từ đó phát sinh ra một nhu cầu ngày càng lớn đối với vấn đề giảm nghĩa vụ thanh toán theo các hiệp định trước đó. Giãn nợ đối với các khoản nợ đã được xử lý và giãn nợ trước đó chỉ làm trầm trọng thêm gánh nặng nợ do phải trả khoản lãi suất hoãn nợ. Tại Hội nghị thượng đỉnh Toronto, tháng 6 năm 1988, Lãnh đạo các nước công nghiệp phát triển

G7 khuyến nghị thay đổi các điều khoản và điều kiện để chính phủ giảm nợ đối với các nước mắc nợ lớn nhất và nghèo nhất nhằm ngăn chặn số nợ nước ngoài của họ gia tăng hơn nữa. Các nước G7 đã đề xuất chuyển hướng khỏi cách làm hiện tại và khuyến nghị các nước chủ nợ có cách xử lý ưu đãi hơn nữa đối với các khoản nợ của các nước này.

Các thành viên tham gia Hội nghị thượng đỉnh đồng ý 3 phương thức mà các chủ nợ có thể lựa chọn để giảm nợ cho các con nợ của họ. CLB Paris thông báo sự đồng ý của mình đối với các phương thức này, và được biết đến như là điều khoản Toronto, tháng 9 năm 1988 (31).

Hình 10. Các điều khoản của Toronto

### CÁC ĐIỀU KHOẢN TORONTO

Các nước có đủ tư cách được giới hạn ở những quốc gia có thu nhập đầu người mỗi năm không vượt quá mức do Ngân hàng thế giới đặt ra để đánh giá khả năng vay tín dụng IDA (hiện nay là 540\$ mỗi năm)

- Các chủ nợ có thể có các lựa chọn sau:

- + Lựa chọn A (Giảm nợ gốc)

- + Giảm 1/3 số nợ

- + Giảm 2/3 số nợ còn lại và áp dụng lãi suất thị trường

- Hoàn trả trong 14 năm với 8 năm ân hạn

- + Lựa chọn B (Dài hạn)

- + áp dụng lãi suất thị trường

- + Hoàn trả trong 25 năm với 14 năm ân hạn

- Lựa chọn C (Giảm nợ thông qua giảm lãi suất)

- + Với lãi suất ưu đãi (3,5%/ năm hay 50% lãi suất thị trường, tùy xem mức nào cao hơn)

- + Hoàn trả trong 14 năm với 8 năm ân hạn

Các chủ nợ sẽ phải chịu mức rủi ro cao hơn khi giãn các khoản nợ cho vay với mức thời gian dài trong Lựa chọn B, đó là lý do lựa chọn này không có yếu tố ưu đãi. Tuy nhiên, Lựa chọn B không tương đương với lựa chọn A và C về độ ưu đãi và được đưa ra chỉ để mở đường cho Mỹ khi nước này vì bị hạn chế bởi các quy định pháp luật và ngân sách đã không thể chấp nhận giảm giá trị thuần hiện tại các khoản vay của các quốc gia xin giãn nợ. Một chủ nợ có thể một lựa chọn hay kết hợp các lựa chọn tại bàn đàm phán giãn nợ và có thể có các lựa chọn khác nhau đối với mỗi con nợ khác nhau và loại nợ khác nhau. Nói cách khác, mọi khía cạnh khác của thỏa thuận giãn nợ - như là giai đoạn củng cố, các nghĩa vụ hoàn trả nợ cụ thể được xử lý và các thỏa thuận thực thi - vẫn chung cho mọi chủ nợ (32).

Vào tháng 10, 1988, Mali trở thành quốc gia đầu tiên được hưởng lợi từ các điều khoản Toronto, sau đó là nước Cộng Hoà Trung Phi, Madagascar, Niger, và Tanzania trong cùng năm đó (33). Mặc dù, phần lớn các nước được hưởng lợi từ điều khoản Toronto là vùng Châu Phi Tiểu Sahara, một vài con nợ Trung và Nam Mỹ cũng được hưởng lợi từ điều khoản Toronto. Giữa các năm 1998 và 1990, CLB Paris ký kết 26 Hiệp định giãn nợ, với số lượng nợ được giãn dựa theo điều khoản Toronto lên tới 5,8 tỉ đô la. Liên quan tới các điều khoản chuẩn, các đơn xin giãn nợ theo điều khoản Toronto giảm khoảng 20% tiền lãi suất hoãn nợ.

Về nguyên tắc, vì CLB Paris chỉ giãn nợ cho các nghĩa vụ trả nợ đến hạn trong thời gian củng cố, để có được một khoản giãn nợ đáng kể cần đạt được các thỏa thuận giãn nợ liên tục trong nhiều năm. Vì điều khoản Toronto đã rất ưu đãi, các chủ nợ bác bỏ các yêu cầu của các con nợ áp dụng. Điều khoản Toronto đối với các nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ chính các thỏa thuận Toronto. Họ quyết định rằng bất kỳ lần giãn nợ nào sau đó nên là đối tượng của các điều khoản thông thường (không ưu đãi).

Các điều khoản Toronto không chú ý mang lại lợi ích cho mọi con nợ. Chúng thực sự được coi như là một ngoại lệ đối với các thỏa thuận giãn nợ thông thường. Biên bản thỏa thuận đối với các khoản giãn nợ có ưu đãi nói riêng chỉ đề cập tới các nghĩa vụ trả nợ rất lớn trong khi mức thu nhập lại rất thấp, cán cân thanh toán gặp phải các vấn đề kinh niên, và nước con nợ hiện tại đang triển khai một chương trình điều chỉnh mạnh mẽ. Do đó, điều kiện để đủ tư cách áp dụng điều khoản Toronto sẽ được xác định tùy từng trường hợp và chủ yếu cho các quốc gia nghèo nhất và mắc nợ nhiều nhất (34).

Hình 11. Các tiêu chuẩn đủ tư cách áp dụng các điều khoản Toronto

**TRONG KHI TRIỂN KHAI CÁC ĐIỀU KHOẢN TORONTO, CÁC CHỦ NỢ NƯỚC NGOÀI CÁC ĐIỂM KHÁC CẦN NHẤN MẠNH TỚI NHỮNG ĐIỂM SAU ĐÂY:**

- + Giãn nợ là tài khoản tài chính ngoại lệ cho các quốc gia mắc nợ nghiêm trọng
- + Giãn nghĩa vụ trả nợ theo điều khoản Toronto không dùng cho các khoản được cơ cấu trong tương lai theo các điều khoản Toronto
- + Tính ưu đãi chỉ giới hạn cho các nước nghèo nhất và không có khả năng trả nợ theo các điều khoản thương mại
- + Giãn nợ ưu đãi không phải là cách thay thế cho nguồn việc trợ ưu đãi cao.

Các điều khoản Toronto đã gây ra phản ứng lẫn lộn. Một mặt, Chính phủ các nước chủ nợ tỏ ra sẵn sàng chấp nhận các điều khoản đư ả, thậm chí giành cho các con nợ các lựa chọn Toronto. Mặt khác, do tình hình kinh tế đã xoá bỏ nội dung cũng như tinh thần của các lựa chọn. Nhiều nhân tố khác nhau như việc tăng lãi suất năm 1989, đã tác động nhiều tới các điều khoản này. Nói chung, các điều khoản Toronto không đóng góp được nhiều trong việc giảm nhẹ các gánh nặng nợ nần. Số nợ không trả được ngày càng tăng, thậm chí ngay cả những nước thực hiện tốt nhất cũng ít có hy vọng khôi phục được khả năng trả nợ khiêm tốn trong một tương lai gần. Để giành cho các nước nghèo và mắc nợ của thế giới thứ ba (35) những khoản giảm nợ lớn đòi hỏi có một giải pháp thực tiễn hơn.

**b) Các điều khoản Houston**

Mãi tận năm 1990, các nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình (LMICs) vẫn được áp dụng các điều khoản giãn nợ chuẩn, không ưu đãi đối với các khoản nợ của họ và thời gian hoàn trả không được quá 10 năm. Các quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trung bình có mức thu nhập đầu người vượt quá mức lớn nhất - hiện tại là 765\$ - được giãn nợ theo điều khoản Toronto. Các nước này nói chung là đủ tư cách đối với các khoản IDA cũng như là đối với các khoản cho vay thông thường.

Trong khi mọi đề nghị giãn nợ khác tập trung vào các nước nghèo và mắc nợ nhiều thuộc thế giới thứ ba. Các điều khoản Houston hướng vào các

quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trung bình có các khoản nợ chính thức ở mức cao (36). Do có những vấn đề về cán cân thanh toán ngày càng lớn và nghiêm trọng. Hội nghị kinh tế thượng đỉnh G7 tổ chức tại Houston tháng 7 năm 1990, khuyến nghị thay đổi các điều kiện hoàn trả đối với các nước này. Các điều khoản này là sáng kiến của Pháp và Mỹ (37).

Hình 12. Các điều khoản Houston

| CÁC ĐIỀU KHOẢN HOUSTON                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>CLB Paris tiến hành các khuyến nghị Houston bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kéo dài thời gian hoàn trả đối với các khoản tín dụng thương mại tới 15 năm với thời gian ân hạn là 8 năm</li> <li>+ Kéo dài thời gian các khoản vay ODA tới 20 năm, 10 năm ân hạn</li> <li>+ Cho phép các chủ nợ bán hay chuyển 100% các khoản vay ODA chưa trả hay 10% (hay 10 triệu đô la Mỹ nếu cao hơn) các khoản tín dụng thương mại chưa hoàn trả (điều khoản đảo nợ).</li> </ul> |

CLB Paris quyết định tư cách theo từng trường hợp. Để được coi là một nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình, một con nợ phải đáp ứng 2 trong 3 điều kiện. Một quốc gia đáp ứng các yêu cầu về tình trạng mắc nợ nếu nó đáp ứng 2 trong ba điều kiện được liệt kê dưới đây.

Hình 13 Các yêu cầu để đủ tư cách áp dụng điều khoản Houston

| ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG HOUSTON                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mức thu nhập đầu người không vượt quá mức trần của WB đặt ra cho các nước này (hiện là 1235 đô la)</li> <li>+ Tỷ lệ nợ của CLB Paris với khoản nợ thương mại 1,5</li> <li>+ Các chỉ số về tình trạng mắc nợ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- nợ chiếm ít nhất 50%GNP</li> <li>- tỷ lệ nợ/giá trị xuất khẩu ít nhất là 275%</li> <li>- tỷ lệ nợ phải trả được giãn chiếm ít nhất 30%.</li> </ul> </li> </ul> |

Một vài quốc gia có mức thu nhập thấp hơn trung bình bắt đầu giãn các khoản nợ của mình theo điều khoản Houston (38). Các quốc gia khác đã chọn phương thức chuyển đổi các khoản nợ chính thức của mình như được gợi ý trong các điều khoản Houston. Những nước này gồm Congo, El Salvador, Honduras, Morocco, và Nigeria. Giữa những năm 1990 và 1992, 15 hiệp định giãn nợ đã được ký kết, với số nợ được giãn lên tới khoản 18,4 tỉ đô la.

Dựa vào nhiều cách thức khác nhau mà các quốc gia chủ nợ sử dụng như là một phe để giải quyết các khoản nợ của các quốc gia con nợ, và hiện nay có 4 loại nước con nợ nổi lên

Hình 14. Bốn loại con nợ

| Các loại con nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các nước có mức thu nhập thấp: điều chỉnh theo các điều khoản Toronto</li> <li>+ Các nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình là đối tượng của điều khoản Houston</li> <li>+ Các nước có mức thu nhập cao hơn trung bình tiếp tục hưởng các điều khoản chuẩn của Câu lạc bộ Paris</li> <li>+ Trường hợp ngoại lệ: được nhận khoản cắt giảm nợ cả gói mang tình ngoại lệ vì lý do chính trị hay nguyên nhân nào đó.</li> </ul> |

#### c) Điều khoản Trinidad (Điều khoản Toronto “nâng cao”)

Ngay cả trước khi điều khoản Toronto vừa được ký kết, thực tiễn chỉ ra rằng các điều khoản này giành cho các nước con nợ một khoản cắt giảm rất hạn chế. Sự nhận thức về sự bất hợp lý của các điều khoản Toronto đã làm phát sinh các đề nghị cắt giảm nợ mới. Tại Hội nghị lần thứ hai của LHQ về các nước kém phát triển tháng 9 năm 1990, Hà Lan đề nghị cắt giảm mọi khoản nợ song phương chính thức của các nước kém phát triển và các nước có mức thu nhập thấp đang đương đầu với vấn đề nợ. Các chủ nợ của Paris không chấp nhận hoàn toàn đề nghị này.

Trong năm đó, tại cuộc họp Bộ trưởng tài chính các nước khối thành vượng chung được tổ chức tại Trinidad, ngày John Major, người sau này trở thành Bộ trưởng Bộ tài chính Anh, đề nghị cắt giảm 2/3 số nợ của các quốc gia kém phát triển và mắc nợ nhiều nhất. Các đề nghị này sau đó được biết tới như là các điều khoản Trinidad, thực tế không giảm số nợ, nhưng chúng có thể tăng thời hạn trả và ân hạn (40). Các khoản cắt giảm nợ được đưa ra theo điều khoản này bao gồm:

Hình 15. Các điều khoản Trinidad được đề nghị ban đầu

| CÁC ĐIỀU KHOẢN TRINIDAD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các điều khoản Trinidad khuyến nghị các chủ nợ</li> <li>+ Cắt giảm 2/3 số nợ của các nước đủ tư cách</li> <li>- Giành cho 5 năm ân hạn</li> <li>- Cho sử dụng lãi suất trong 5 năm đầu tiên</li> <li>+ Kết hợp các phương thức thanh toán linh động, phù hợp với khả năng xuất khẩu của con nợ</li> <li>+ Áp dụng các tiêu chuẩn tư cách tương tự như các điều khoản Toronto</li> </ul> |

Hội nghị thượng đỉnh các nước G7 tại Luânđôn miễn cưỡng thông qua các điều khoản Toronto một cách đầy đủ. Tuy nhiên, các nước này đã thông qua, thừa nhận sự cần thiết giảm nợ thêm nữa so với khoản cắt giảm theo điều khoản Toronto, nhận thức rằng “các quốc gia nghèo nhất, mắc nợ nhiều nhất cần có những điều khoản đặc biệt. Chúng ta đồng ý về sự cần thiết có thêm các biện pháp cắt giảm nợ hơn nữa, tùy theo từng trường hợp, tốt hơn so với số nợ đã được cắt giảm theo điều khoản Toronto. Do đó, chúng tôi kêu gọi Câu lạc bộ Paris tiếp tục các thảo luận làm thế nào để các biện pháp có thể được triển khai một cách tốt nhất và nhanh chóng”. Các nước này cảm thấy rằng cần có những cuộc họp để bàn thêm và làm rõ hơn những vấn đề cụ thể liên quan như quy mô nợ được cắt giảm, phương thức cắt giảm nợ và chính sách liên quan tới chương trình vay có điều kiện, và tiêu chí xác định tư cách.

Việc thực hiện khuyến nghị này bị trì hoãn do Chính phủ Mỹ không vượt qua được các trở ngại về mặt pháp lý và ngân sách để có thể giành thêm các biện pháp ưu đãi giảm nợ cho các nước nghèo và mắc nợ nặng nhất. CLB Paris cuối cùng đạt được một thỏa thuận vào tháng 12 năm 1991.

Các điều khoản này được biết tới như là điều khoản Toronto “nâng cao”, làm giảm nhẹ đáng kể tính chất của các đề nghị Trinidad ban đầu. Thay vì cắt giảm 2/3 số nợ, các điều khoản nay đưa ra 4 lựa chọn để cắt giảm giá trị hiện tại thuần (NPV) của số nợ được củng cố và có liên quan tới các khoản tín dụng thương mại (nghĩa là không phải trên tổng số dư nợ) khoảng 50%

Hình 16 Điều khoản Toronto “nâng cao”

| <p>ĐIỀU KHOẢN TORONTO “NÂNG CAO”</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 50% số nợ được giãn (lựa chọn giảm gốc</li> <li>+ Giãn nợ 50% số còn lại trong vòng 23 năm</li> <li>- Thời gian ân hạn là 6 năm</li> <li>- Lãi suất theo lãi suất thị trường thích hợp</li> <li>+ Giãn nợ với các lãi suất ưu đãi (lựa chọn giãn nghĩa vụ trả nợ)</li> <li>- Trên 23 năm</li> <li>- Không có thời gian ân hạn</li> <li>+ Giãn nợ theo lãi suất thị trường</li> <li>- Trên 25 năm</li> <li>- Thời gian ân hạn 16 năm</li> <li>+ Giãn nợ các nghĩa vụ trả nợ ODA</li> <li>- Trên 30 năm</li> <li>- Với thời gian ân hạn là 20 năm (lựa chọn này xem xét các yếu tố được cho trong các khoản vay ODA)</li> </ul> |

Khi các lựa chọn giãn nợ và các nghĩa vụ trả nợ chiếm 50% NPV được giảm thì theo điều khoản Toronto, lựa chọn dài hạn là không ưu đãi. Các chủ nợ cùng thống nhất giới hạn lựa chọn của mình trong việc giãn nợ gốc và giãn nợ thông qua giảm lãi suất, chỉ trừ Mỹ sử dụng lựa chọn dài hạn. Theo điều khoản Toronto, hạn thanh toán theo điều khoản Toronto “nâng cao” (điều khoản Trinidad) không phải là biện pháp ưu đãi và chỉ như là những điều khoản chuẩn mà thôi.

Để tránh làm các con nợ ngừng trả nợ để tìm cách giãn các khoản nợ nước ngoài nhằm có lợi trong việc sử dụng điều khoản Toronto nâng cao (hệ quả rủi ro đạo đức), ngày khóa sổ cho các khoản vay đủ điều kiện là 1/7/1988. Ngày này được chọn bởi nó có trước khi áp dụng điều kiện ưu đãi trong các thỏa thuận CLB Paris.

Như trong các điều khoản Toronto, các chủ nợ đồng ý xác định lại các vấn đề về các khoản nợ của các quốc gia sau một thời gian chờ đợi là 3 năm sau khi ký biên bản. Thiện chí này khiến cho các quốc gia con nợ tiếp tục có cá quan hệ tốt với IMF và tiến hành các hiệp định giãn nợ trước đó.

Kể từ năm 1991, có 10 nước được hưởng lợi ích từ điều khoản Trinidad, giảm giá trị hiện tại của các nghĩa vụ trả nợ từ tròn 3 tỉ đô la xuống còn 1,5 tỉ đô la.

Chỉ có kinh nghiệm mới chỉ ra liệu mức ưu đãi nào trong điều khoản Toronto cải tiến mới có ích cho việc thanh toán số nợ còn tồn đọng và do đó kết thúc quá trình giãn nợ. Sau những bước sơ bộ ước đoán gánh nặng nợ của vài quốc gia có mức thu nhập thấp mắc nợ nặng vẫn còn ở mức rất cao cho dù đã áp dụng các điều khoản mới nhất.

#### D) Cắt giảm nợ cho Ba Lan và Ai Cập

Tháng 4 và 5 năm 1992, các chủ nợ của Câu lạc bộ Paris đồng ý cắt giảm 50% giá trị hiện tại các khoản nợ của Ba Lan và Ai Cập. Cách giải quyết ngoại lệ về nợ của hai nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình này là do các nước nhận thấy sự mất cân bằng trong cơ cấu cán cân thanh toán của các nước này, đặc biệt các chủ nợ cho rằng các nước này không thể quay trở lại mức thanh toán đối ngoại cho dù có thể tiến hành thành công các chương trình cải tổ. Các thỏa thuận này cũng được thay đổi trong đó các nước cắt giảm và gián không chỉ các nghĩa vụ trả nợ đến hạn trong một thời gian định trước mà còn toàn bộ số nợ chưa trả.

Để có thể tiến hành việc cắt giảm 50% giá trị hiện tại của các khoản nợ, các chủ nợ hoặc là cắt giảm số nợ dưới mức lãi suất thị trường, hay chuyển thành tiền số lãi chưa trả. Và kết quả là số nợ chính thức của Ba Lan giảm từ tròn 30 tỷ đô la xuống còn 15 tỷ đô la và Ai Cập giảm từ 25 tỷ đô la xuống còn 12,5 tỷ đô la. Tuy nhiên, công việc cắt giảm nợ này chỉ có hiệu quả ở một số giai đoạn liên quan tới việc thỏa mãn các thỏa thuận tín dụng của IMF trong hiện tại hay trong tương lai.

#### **Phân IV Các triển vọng khác nhau**

### A. Quan điểm của nước chủ nợ về Câu lạc bộ Paris

Là thành viên của Câu lạc bộ Paris, các nước chủ nợ đã đóng vai trò xuất sắc trong việc xoá bỏ gánh nặng nợ của các nước con nợ thuộc thế giới thứ 3 và một số nước Trung và Đông Âu. Thực tế, các nước cam kết cải cách và điều chỉnh đã nhận thấy giãn nợ qua Câu lạc bộ Paris là một nguồn tài trợ quan trọng.

Vào thời điểm bùng nổ những khó khăn về trả nợ rộng khắp vào đầu những năm 80, dư luận cho rằng trong hầu hết các trường hợp, tiến hành một số hiệp định giảm nợ, kết hợp với các chương trình điều chỉnh hợp lý của IMF sẽ khôi phục khả năng trả nợ của con nợ và từ đó giúp họ tiếp cận thị trường vốn. như chúng ta đã biết ngày nay, giả thiết quá đối lạc quan này được dựa trên nhận thức sai lầm rằng khó khăn trong trả nợ là do thiếu thanh khoản chứ không phải do mất khả năng trả nợ. Vào khoảng giữa những năm 80, ngay cả những chương trình toàn diện và mạnh bạo nhất, được sự ủng hộ của các nguồn vốn quan trọng từ các tổ chức đa phương và song phương, đã không cứu vớt được các con nợ khỏi cuộc khủng hoảng nợ.

Các chủ nợ chính thức trước hết tập trung các nỗ lực của mình vào các nước có thu nhập thấp, chủ yếu là các nước Tiểu Sahara, tỷ lệ nợ trên Tổng sản phẩm quốc dân của các nước này vẫn tiếp tục làm nặng thêm gánh nặng nợ và đẩy tới tình trạng không bền vững. Điều khoản Toronto là một bước quyết định thoả mãn yêu cầu của nhóm nước này và đồng thời là sự rời bỏ nguyên tắc cho rằng giảm nợ thông qua giãn nợ không được dẫn tới giảm giá trị hiện tại của các khoản nợ được xử lý.

Tuy nhiên, các chủ nợ đã sớm nhận ra sự bất hợp lý của điều khoản Toronto. Họ cố gắng chữa chạy tình hình bằng cách thông qua điều khoản Toronto “nâng cao”, thường được nhắc tới dưới cái tên các Điều khoản Trinidad. Hy vọng rằng, các điều khoản này được thực hiện thành công sẽ dần dần mở đường cho cách nhìn nhận khẳng định về tính ưu đãi của số nợ hiện tại và do đó các con nợ không còn phải gặp gỡ các chủ nợ Câu lạc bộ Paris từ năm này qua năm khác.

Ngoài các nước có thu nhập thấp, tình hình khó khăn của một số nước có thu nhập thấp hơn trung bình có gánh nặng nợ lớn cũng làm các chủ nợ phải chú ý và quan tâm đặc biệt. hiện nay, vài nước con nợ có mức thu nhập thấp hơn trung bình đang đối phó với vấn đề duy trì khả năng trả nợ tương tự như tình trạng các nước nghèo đang đề nghị để số nợ chính thức của họ được coi là ưu đãi.

Việc các chủ nợ Câu lạc bộ Paris giãn nợ trong tương lai sẽ phải tính đến nhu cầu của các nước có mức thu nhập thấp hơn trung bình xin giảm phần lớn số nợ của mình, đồng thời cũng không được ảnh hưởng đến việc khôi phục lại cán cân thanh toán và khả năng trả nợ của họ. Áp dụng những điều kiện ưu đãi cho các khoản nợ của một số nước này có thể sẽ làm giảm mối lo đầu. Tuy nhiên, chưa chắc cách này đã có thể giúp mở lại cánh cửa tới các nguồn tài chính cần thiết cho tăng trưởng và phát triển. Câu lạc bộ Paris đang đối mặt với một thách thức lớn trong việc cân đối giữa hai mục tiêu này.

#### B. Sự phê phán của các nước con nợ đối với Câu lạc bộ Paris

Rõ ràng là Câu lạc bộ Paris có những điểm yếu lộ rõ. Thứ nhất, chỉ có chủ nợ đặt ra luật chơi chung. Do ở thế yếu, các nước con nợ phải chấp nhận cái người ta đưa cho họ. Nếu mỗi nước con nợ đến Câu lạc bộ Paris chỉ có một mình thì phía các nước chủ nợ lại là cả sự đoàn kết và như vậy nước con nợ tội nghiệp phải đối mặt với cả một tập đoàn các nước chủ nợ. Các thành viên Câu lạc bộ Paris phối hợp chặt chẽ trong tất cả mọi việc. Như một thành viên đã giải thích: “Dĩ nhiên là có một nhóm bên trong, bao gồm các chủ nợ chính, họ thường gặp nhau không chính thức và liên lạc với nhau giữa các cuộc họp bằng điện thoại và điện tín”.

Ông ta còn nói thêm rằng “Cái tên Câu lạc bộ Paris không phải hoàn toàn là chuyện đùa. 17-18 trưởng đoàn đã biết khá rõ về nhau và có quan hệ rất gần gũi. Chúng tôi có 1 phiên họp tại bữa tối mỗi tháng một lần”.

Lời tuyên bố này cho thấy sự đoàn kết của các nước chủ nợ. Thực tế các nước chủ nợ có nhiều điểm chung đến nỗi nguyên tắc được tuân thủ cao nhất của họ là sự nhất trí. Tất cả đều phải được nhất trí giữa các bên: Câu lạc bộ Paris không có bỏ phiếu (42).

Điều khiến cho các con nợ lo ngại hơn đó là trong khi các chủ nợ đoàn kết lại thành một khối, toàn bộ quá trình xử lý nợ theo Câu lạc bộ Paris mang tính đặc biệt. Tùy từng trường hợp, nghĩa là sau mỗi lần đàm phán, các con nợ không thể phàn nàn do nhận được những điều khoản kém ưu đãi khi so sánh với những điều khoản của một nước khác có cùng điều kiện kinh tế. Mỗi con nợ cảm thấy phải đối mặt với một đội ngũ các chủ nợ mới mà trong thực tế không phải như vậy. Các chủ nợ đưa ra áp lực chính trị khi áp đặt các quyết định và con nợ không được bảo vệ chống lại những nhân tố

bất lợi đó (43). Điều này lại phản tác dụng bởi nó chia rẽ các con nợ và có được những ưu đãi (đặc biệt là theo điều khoản Toronto) và những nước nhận được những điều khoản khắc nghiệt. Một vấn đề cấp bách là cải tổ lại các tiêu chuẩn của đàm phán lại sẽ tạo cho cả hai bên chủ nợ và con nợ khả năng thiết kế nền kinh tế toàn cầu một cách lành mạnh và ổn định. Điều này chỉ có thể đạt được khi chính phủ của các nước đang phát triển nhận thấy các chủ nợ đang chơi trò chơi chia để trị kiểu cũ. Do đó, các con nợ cần phải phối hợp các nỗ lực và đòi hỏi của mình để lợi ích của nhân dân phải được tính đến trong quá trình điều chỉnh lại nền kinh tế thế giới (44).

Vai trò của IMF trong quá trình giãn nợ cũng là một vấn đề, Quỹ này nghiêng hẳn và đại diện cho quyền lợi các nước chủ nợ mà thôi, những nước có quyền bỏ phiếu quyết định ở quỹ này. Ngày càng có các bằng chứng và các cuộc tranh cãi diễn ra trong nhiều năm về ảnh hưởng của các chương trình cho vay có điều kiện của IMF làm cho các nước nghèo trở nên khốn khổ khi đối mặt với các chủ nợ đầy quyền lực ở Paris (46). Thực ra, phần lớn các con nợ đồng ý chấp nhận các điều khoản của IMF không phải vì là các lý thuyết kinh tế khả thi, chỉ vì đã tuyệt vọng (47). Chưa hết, các chủ nợ khẳng khái như là một điều kiện tiên quyết rằng chương trình cho vay cần được thực hiện khi một nước nào đó gia nhập vào Câu lạc bộ Paris.

Như UNCTAD đề nghị năm 1978, quá trình đàm phán nợ phải bảo vệ lợi ích của các chủ nợ cũng như lợi ích của các nước con nợ (48). Hiện nay, điều này không được đảm bảo, quá trình này hoàn toàn được kiểm soát và tiến hành bởi và vì lợi ích của các chủ nợ. Các quá trình diễn ra tại Câu lạc bộ Paris không hỗ trợ nào đối với con nợ. Thứ nhất, các nước này ở tình trạng bị hạ thấp. Chính phủ của các nước con nợ, dù có chủ quyền của mình, vẫn hoàn toàn bị động. Thứ hai, quá trình này đưa ra được những khoản nợ giảm nợ tạm thời nhưng không giải quyết vấn đề. Giãn nợ chỉ hoãn thời hạn trả nợ, chuyển những gánh nặng của thế hệ hiện tại cho các thế hệ tương lai mà không có sự đồng ý của họ. Một đứa trẻ sinh ngày hôm nay thừa hưởng khoản nợ mà nó không ký kết.

Để ngăn ngừa lúng túng sau này, Chính phủ của các nước đang phát triển cần phải thận trọng hơn trong đàm phán và ký kết nợ. Trong những giai đoạn đầu, việc quản lý nợ phải bao gồm mọi chuyên gia có khả năng kỹ thuật trong các đoàn đàm phán của mình, kể cả các luật sư.

Các nước đang phát triển mắc nợ nặng cần cùng nhau đoàn kết lại đối phó với nhóm nước chủ nợ liên kết lại với nhau như Câu lạc bộ Paris. Những sáng kiến như Câu lạc bộ Rio (49), một nhóm các nước phát triển

đang cố gắng xây dựng để giành lại quyền lợi của mình, cần được khuyến khích và giúp đỡ hỗ trợ. Cuối cùng, các con nợ cần phải tiến hành nghiên cứu về mọi khía cạnh của khủng hoảng nợ và đặc biệt là hoàn cảnh tuyệt vọng hiện nay của các nước đang phát triển, tìm kiếm giải pháp giúp các nước này giải phóng khỏi tình thế nghiêm trọng này.

Bài nghiên cứu Câu lạc bộ Paris như là một nơi diễn ra các cuộc tranh luận giữa các chủ nợ, bên đưa ra các biện pháp giảm nợ và các con nợ, bên có vẻ là có lợi từ việc giãn nợ. Do có sự thúc giục của các nước G7, các chủ nợ đưa ra những điều khoản giãn nợ ngày càng ưu đãi hơn trong những năm gần đây, nhưng các con nợ vẫn tiếp tục phải đối mặt với mức nợ không bền vững. Tính hiệu quả của toàn bộ quá trình giãn nợ được công khai tranh luận, do việc giãn các khoản nợ chỉ làm chậm lại quá trình thanh toán thay vì giải quyết các vấn đề quan trọng. Các quan điểm được trình bày ở đây chỉ ra rằng cả hai bên cần phải đối phó với những vấn đề pháp lý, dân tộc, chính trị, kinh tế phức tạp xung quanh Câu lạc bộ Paris trước khi họ có thể hy vọng giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính đang đe dọa cả các nước chủ nợ lẫn con nợ.

## Tham khảo

- (1) Xem “CLB Paris thời kỳ 1978-1983” của Alexis Rieffel, Tập số 23 Tạp chí Columbia về luật liên quốc gia (1984): 83. Các điều khoản khác được dùng trong ngữ cảnh này bao gồm: tái cơ cấu, tái đàm phán về nợ hay tái tổ chức nợ. Những thuật ngữ này có nghĩa cụ thể được Rieffel giải thích chi tiết hơn.
- (2) Xem “Kinh nghiệm của một luật sư trong việc đàm phán thoả thuận giãn nợ song phương trong CLB Paris” của Hamisi S. Kibola: trường hợp đàm phán của Tanzania với Nhật Bản và Phần Lan (Ngân hàng Dar es Salaam của Tanzania), 1990, trang 3 (bản in rô-nê-ô)
- (3) Tổng quan kinh tế thế giới – tháng 5 năm 1992 của Quỹ Tiền tệ quốc tế (Oa-sinh-ton, IFM 1992) trang 22
- (4) Ví dụ, mức độ giãn các khoản nợ Chính phủ tại Câu lạc bộ Paris tăng đáng kể trong những năm qua. Giữa những năm 1989 và 1990, trung bình có 21 Hiệp định được ký kết tại cuộc đàm phán Câu lạc bộ Paris với 16 Hiệp định 6 năm trước đó. Xem tổng quan kinh tế thế giới tháng 5, 1992.
- (5) Xem tài liệu “Giãn nợ” do J.B Kimaro của Ngân hàng Dar es Salaam thuộc Tanzania soạn, 1990, trang 1 tới trang 6 (bản in rô-nê-ô)
- (6) Tính chất của Câu lạc bộ Paris dường như là để củng cố lập luận rằng việc giãn nợ không phải là một quy luật nhưng là một ngoại lệ đối với tính bất khả xâm phạm của các hợp đồng. Xem “Sự phối hợp của Câu lạc bộ Paris và Luân-đôn trong công tác giãn nợ” của Karen Hudes, “Vay nợ quốc tế: Đàm phán và Cơ cấu các giao dịch nợ quốc tế”, lần thứ 2 xuất bản của Daniel D. Bradlow (Washington: Viện Luật quốc tế 1986) trang 451.
- (7) Nợ lúc phát hành là 350 triệu đôla đối với các khoản nợ thương mại song phương và được người cung cấp tín dụng đảm bảo.
- (8) Xem tác giả Hudes
- (9) Trong thực tiễn, Câu lạc bộ Paris mời các cơ quan phát triển khu vực tham dự với tư cách thành viên. Xem “Đàm phán lại các khoản nợ quốc tế chính thức: Câu lạc bộ là của ai?” Tập 17, số 3 Báo cáo Luật của Davis trường Đại học California (1984) 854. Cũng xem trong “Vấn đề nợ của Tanzania: Một số vấn đề và Triển vọng” của Hamisi S.Kibola, Vấn đề nợ của Tanzania và Nền kinh tế Thế giới của Haroub Othman và Ernest Managanya, Dar es Salaam: Viện nghiên cứu phát triển, 1990) trang 111

(10) Một quốc gia có thể phân loại các thành phần khác nhau của nền kinh tế về mặt nguồn và cách sử dụng ngoại hối. Nếu việc sử dụng theo kế hoạch vượt quá nguồn cung cấp thì đây là bằng chứng rõ ràng về sự vỡ nợ sắp xảy ra.

(11) Xem “Vai trò của Câu lạc bộ Paris trong việc quản lý các vấn đề nợ” của Alei Rieffel. No 161, Báo cáo về Tài chính quốc tế, Phần tài chính quốc tế, Khoa kinh tế, Đại học Princeton, Princeton, New Jersey, (Tháng 12, 1985): 5

(12) Các chủ nợ thường thích các số liệu do IMF cung cấp như là sự đánh giá khách quan về nền kinh tế của các con nợ trên các số liệu về con nợ, còn của các chủ nợ được coi như là mang tính chủ quan và không chính xác.

(13) Ví dụ, Chủ nợ chính thức cho Pakistan giảm nợ mà không có tình trạng sắp nợ. Sau khi Liên xô đưa quân vào Afghanistan, Các chủ nợ phương Tây lo ngại và đã tăng cường nền kinh tế yếu ớt của Pakistan. Xem “Vai trò của các Câu lạc bộ Paris trong việc quản lý các vấn đề nợ” của Rieffel, trang 6.

(14) Cựu Tổng Cố vấn và Giám đốc của Ban Pháp lý của IMF, Joseph Gold nói rằng các điều kiện không chỉ là một điều khoản của nghệ thuật mà còn là: “một khái niệm bao trùm mọi chính sách mà Quỹ này quan tâm tới việc chỉ ra khi nào sử dụng nguồn của mình là phù hợp với các điều khoản và chính sách của Quỹ”. Xem “Điều kiện” của Joseph Gold, Cuốn sổ của IMF số 31 (Washington D.C IMF 1979)

(15) Xem “Cứu trợ nước ngoài, Tình trạng mắc nợ của các nước đang phát triển, và Quyền được phát triển” của J.J Titoo Olugwaru, Bài luận tốt nghiệp ngành luật của Đại học Nairobi, tháng 6 năm 1991, trang 75-76

(15) Xem “Vấn đề nợ và triển vọng của IMF” của Bahram Nowzad, Nợ của các nước thế giới thứ ba: Tìm kiếm giải pháp của Graham Bird (Hant, England: Nhà xuất bản Edward Elgar Publishing Limited, 1989) trang 125

(16) Xem “Đánh giá các chương trình điều chỉnh cơ cấu: Điều tra về kinh nghiệm của các nước” của Robin A. King và Michael D. Robinson, trong Thảm họa nợ? Các ngân hàng, Chính phủ và sự đối đầu đa phương đối với cuộc khủng hoảng này của Jnh F. Weeks (NY và London: New York UP, 1989) trang 104

(17) Xem “Các điều kiện của IMF và tác động của nó tới sản lượng công nghiệp và chuyển giao công nghệ tại Châu Phi” Quyển 5, Số 5 Mawazo (tháng 6, 1984) trang 103

(18) Xem “Phong trào mất trận nợ quốc tế” của Igomar Hauchler, Thông tin-Công việc và Cảm nghĩ của Friedrich Ebert Foundation (Dar es Salaam, tháng 10, 1989). Ở đây tác giả cho rằng các cuộc bạo loạn vì đói ở các nước thế giới thứ 3 theo sau các chương trình này đã làm chết nhiều người, như ở Venezuela, có hơn 300 người bị chết và 300 người bị thương trong các cuộc bạo loạn như vậy. Về các thảm họa do những chương trình điều chỉnh cơ cấu mang lại có thể xem “chi phí xã hội của điều chỉnh ở Châu Mỹ Latinh”, Các tuần, Thảm họa nợ? trang 143 của William L. Canak và Danilo Levi

(19) Ở đây trở thành một vấn đề là “phát triển” đối nghịch với các quyền cơ bản, và tự do của người dân của các nước mắc nợ.

(20) Xem Rieffel trang 9 và “giãn nợ chính thức: Câu lạc bộ Paris” của Jean-Clause Trichet, Giải quyết khủng hoảng nợ toàn cầu: Các chiến lược và các cuộc tranh luận giữa các bên có quyền lợi liên quan chủ yếu của Christine A. Bogdanowicz-Bindert (NY: Harper & Row, 1989) trang 111

(21) Keith Clark đã phân tích nguyên lý này trong “Giãn nợ quốc gia: Tính công bằng của các biện pháp giữa các chủ nợ tương đương xét trong mối quan hệ với các khoản nợ tương đương” Quyền 20, Người luật sư quốc tế (1986) 857

(22) Các chủ nợ liên quan bao gồm các tổ chức đa phương như là IMF và Ngân hàng thế giới, các chủ nợ chính thức tham gia các cuộc đàm phán của Câu lạc bộ Paris, các chủ nợ chính thức không tham gia đàm phán, và các chủ nợ tư nhân, đặc biệt là ngân hàng thương mại

(23) Điều này được hiểu là lãi suất của các khoản nợ được giãn rất khác nhau đối với mỗi chủ nợ, các khoản tín dụng ưu đãi đó có thể vẫn còn ưu đãi, và không có lãi suất phạt

(24) Xem Rieffel

(25) Mặc dù không thừa nhận trước công chúng, đây là một trong những hành động làm bẽ mặt các nước mắc nợ khi họ phải trải qua quá trình xin được giảm nợ

(26) Như là một thành viên tham gia đàm phán đã không thành công, tuy nhiên có ánh sáng loé lên vào lúc cuối đêm... Tôi nhớ là đã giải quyết một tình thế bí ở trong nhà vệ sinh nam ở trung tâm Klébe, đứng cạnh một thống đốc ngân hàng trung ương Châu Phi”. Xem “ Câu lạc bộ Paris và nợ của các nước Châu Phi” Diễn văn tại hội thảo IDS, Đại học Sussex, 4/5/1988, bản in rô-nê-ô, trang 6 của Peter Mountfield

(27) Xem “Khủng hoảng nợ của các quốc gia: Cái nhìn từ một luật sư” của Jonathan M. Clark, Jr. Luật kinh tế quốc tế và các nước đang phát triển: giới thiệu (London: Viện Luật pháp quốc tế và so sánh của Anh, 1992) trang 224 của Hazel Fox

(28) Thông thường là 100% gốc nhưng không tính lãi. đối với các nước đang phát triển nghèo mắc nợ cao thì có thể là 100% cả gốc lẫn lãi

(29) Về các thoả thuận giãn nợ trong nhiều năm, xem “Báo cáo công tác triển khai hướng dẫn trong nghị quyết 222 (XXI): Báo cáo của ban thư ký UNCTAD (Doc. TD/B/1167/12/3/1988) tài liệu của UNCTAD

(30) Về các lựa chọn Toronto, xem “Báo cáo công tác triển khai hướng dẫn trong nghị quyết 222 (XXI): Báo cáo của Ban thư ký UNCTAD (Doc. TD/B/1167/Add1 7/9/1988) tài liệu của UNCTAD. Cùng xem “Các vấn đề nợ trong khung cảnh điều chỉnh cơ cấu” của W.M Lyakurwa ở Othman và Maganya trang 44

(31) Xem Giãn nợ các khoản nợ chính thức đa phương: Các kinh nghiệm gần đây của Micheal G. Kuhm (Washington, D.C IMF, 1990) trang 14

(32) Xem “Câu lạc bộ Paris và các thoả thuận song phương” được trình bày tại Hội thảo về quản lý nợ của UNITAR/EADB. Nairobi, Kenya (tháng 3 năm 1990) của George P. MacDonald

(33) Về việc triển khai Các lựa chọn của Toronto, xem “Báo cáo phát triển và Thương mại 1989 (NY: Liên Hợp quốc, 1989) trang 53-54; và “Nợ và Quản lý điều chỉnh: Thu các dòng tài chính không tạo nên nợ và Các khoản vay mới” của UNCTAD (Doc. TD/C.3/234 19/2/1990) trang 5

(33) Xem “Câu lạc bộ Paris “ được trình bày tại Hội thảo những khía cạnh pháp lý của Quản lý nợ của UNITAR/EADB, của Michael Graf von Korff-Schimsing, Dar es Salaam. Tanzania (tháng 7/1991) trang 10

(34) Các điều khoản Houston được trình bày chi tiết trong Báo cáo Phát triển và thương mại của UNCTAD, 1991 trang 51-53

(35) Thực sự là đầu tháng 6 năm 1990, Pháp đã thông báo các biện pháp để làm giảm lãi suất đối với các khoản vay không ưu đãi cho 4 quốc gia Tiểu Sahara có mức thu nhập trung bình: Cameroon, Congo, Bờ biển ngà, và Gabon. Trong khung “Các công ty Mỹ”, Mỹ đã đề ra chương trình nhằm giảm các nghĩa vụ nợ chính thức của các nước Mỹ Latinh đối với các nước này

(36) Nước đầu tiên được hưởng những điều khoản tốt hơn này là Balan và Ai cập, tháng 4, 5/1991

(37) Theo như UNCTAD, các trường hợp kết hợp của 3 lựa chọn này là 20%, trong đó chỉ có 1/3 trường hợp là các khoản vay mới được các chủ nợ cam kết cho các nước nghèo mắc nợ cao. Xem UNCTAD VIII: Báo cáo phân tích của Ban thư ký UNCTAD đối với hội nghị (NY: LHP, 1992) trang 21

(38) Để so sánh các điều khoản Trinidad và danh sách các lựa chọn của Toronto xem, Báo cáo thương mại và phát triển 1991 của UNCTAD (Doc.UNCTAD/TDR/11) (NY: lhq, 1991) trang 54-55

(39) Xem Mountfeld

(40) Xem Trichet, trang 110

(41) Tính chất không rõ ràng của các cuộc đàm phán của Câu lạc bộ Paris cho phép có các tính toán chính trị làm cho quá trình tài chính chủ yếu thêm nhiều màu sắc. Xem Hawn trang 874

(42) Cựu Bộ trưởng Kế hoạch Braxin và là một thành viên lãnh đạo của Đảng dân chủ đối lập, Carlos Furtado, đưa ra đề nghị này vào năm 1984, Xem “Thời điểm để điều tiết các quốc gia con nợ” của Carlos Furtado, Báo New York Time (22/4/1984)

(43) Cựu Tổng thống Tanzania và chủ tịch uỷ ban phương nam hiện nay Julius Nyerere, đã đứng khi cho IMF là một công cụ có sức mạnh của các nước giàu thể hiện sức mạnh của mình đối với nước nghèo. Xem “Cuộc khủng hoảng nợ ở Châu Phi” quyển 38. No.I Nhật ký các công việc quốc tế của Thomas M. Callaghy (1984) trang 61, cùng xem trong “Các điều chỉnh kinh tế-chính trị và các điều kiện của IMF: Tanzania 1974-1981” của R.H. Green và Các điều kiện của IMF của John Williamson (Washington. D.C. Viện kinh tế quốc tế, 1983) trang 347

(44) Để chỉ ra tính khắc nghiệt của các chính sách điều chỉnh của IMF, một tác giả viết: “Các con nợ không chỉ cắt bỏ mức tiêu thụ toàn bộ của mình kể từ 1992, mà còn cả nền tảng của bất kỳ sự phát triển trong tương lai nào: các dự án cơ sở hạ tầng về quản lý nước, năng lượng, giao thông, cũng như là đầu tư và các ngành công nghiệp đã bị giảm sút một cách đáng kể. Hơn nữa, sự suy giảm nghiêm trọng trong mức sống của các nước có thể ở hay dưới mức cân bằng đe dọa các hoạt động sản xuất, kết cấu nhân khẩu của nền kinh tế nước này. Tại những nước này, hiếm thuốc chữa bệnh do nhập khẩu bị cắt giảm, tiềm năng kinh tế trong tương lai ngày càng xuống cấp.” Xem

Tạp chí Financial Time, bài của Laurent Murawiec, trả lời trong “Các khoản nợ đầu năm 1985: một sự bế tắc mang tính cơ chế” của Dragoslav Avramovic, No. 16. Nhật ký kế hoạch phát triển (1985): 107

(45) Một vài Chính phủ đồng ý các yêu cầu của IMF không phải vì họ bị thuyết phục bởi các lý lẽ mà bởi vì sẽ nhận được sự cho phép của IMF để có thể có thêm các khoản cứu trợ của các nhà tài trợ. Xem Vali Jamal, “Sự chuyển nhượng của những lao động quý tộc ở Châu Phi: Điều chỉnh cơ cấu ở Tanzania” trong các Tuần / thăm hoa nợ? trang 188

(46) Xem Phần 2 đoạn 10 (trên xuống) Nghị quyết 165 (S-1) của UNCTAD về vấn đề nợ và phát triển của các nước đang phát triển. (UN Doc. A/33/15/1978)

(47) Thành lập ở Châu Mỹ Latinh một tổ chức gọi là Nhóm 8, CLB này gồm Peru, Colombia, Argentina, Venezuela, Brazil, Mexico, Uruguay (bây giờ gồm cả Panama). Nhóm này dự định xây dựng một giải pháp đa phương đối với khủng hoảng nợ của các nước kém phát triển, Xem “Các công việc của CLB con nợ”, Báo cáo nợ của các nước kém phát triển (14/11/1988). Đồng thời xem “Nhóm Rio, giảm bớt hay củng cố các chính sách phối hợp của các nước Mỹ Latinh” Quyển 33 No. 44 Nhật ký nghiên cứu Liên Mỹ và Các công việc của thế giới (1991) trang 27 của H. Boris Yopo

**Chuyên đề 2**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ**  
**TRONG CƠ CẤU NỢ QUA CLB LONDON**

Tiến sỹ Hoàng Phước Hiệp

**I. Các vấn đề pháp lý trong quá trình cơ cấu nợ**

Có bảy bước trong quá trình cơ cấu nợ qua CLB London. Trước hết, con nợ tuyên bố ngừng trả nợ, thành lập tổ quản lý nợ và dự thảo Biên bản ghi nhớ. Đồng thời, các chủ nợ thành lập Ủy ban chỉ đạo hoặc Ủy ban tư vấn ngân hàng (BAC). Các bên nhóm họp tại cuộc thăm dò. Sau đó đàm phán về các điều khoản Hiệp định (HOT) và cuối cùng là đàm phán về văn kiện Hiệp định cơ cấu lại nợ.

*a) Tuyên bố ngừng trả nợ*

Quá trình cơ cấu lại nợ bắt đầu khi nước con nợ tuyên bố ngày khóa sổ nước này đề nghị ngừng thanh toán các nghĩa vụ nợ của mình. Tuyên bố này gọi là Tuyên bố ngừng trả nợ, công bố việc người vay không có khả năng trả nợ toàn bộ hoặc một phần nợ đến hạn và thông báo bắt đầu tiến hành cơ cấu lại nợ.

Tuyên bố này nhằm chặn trước mọi nỗ lực của các chủ nợ có những biện pháp pháp lý đơn phương đối với nước con nợ (như tịch thu tài sản để thế nợ, kiện tụng, bù trừ...) thường được quy định trong các hiệp định tín dụng ban đầu. Điều này rất quan trọng vì bất kỳ biện pháp đơn phương nào của bất kỳ chủ nợ nào sẽ làm cho tất cả các chủ nợ còn lại cũng hành động để thu hồi lại số nợ của mình. Vì vậy, tuyên bố ngừng trả nợ thông báo cho tất cả các chủ nợ không tiến hành các biện pháp đơn phương theo ý mình đối với con nợ để thực hiện quyền lợi của họ theo hiệp định tín dụng ban đầu trong khi chờ một tiến triển tốt hơn. Tuy nhiên, tuyên bố ngừng trả nợ không thể có một chút hiệu lực pháp lý nào.

*b) Hoạch định chiến lược và thành lập Tổ quản lý nợ*

Mọi thu xếp tài chính và pháp lý đòi hỏi phải có sự chuẩn bị và lập kế hoạch. Điều này đặc biệt đúng đối với quá trình cơ cấu lại nợ. Con nợ không bao giờ nên từ bỏ việc hoạch định hoặc chuẩn bị làm hài lòng những chủ nợ hay kém kiên nhẫn. Để làm mọi người nghiêm túc trong quá trình cơ cấu lại nợ, con nợ cần phải thể hiện một sự chuẩn bị đầy đủ trong việc vạch ra các

chiến lược cơ cấu lại nợ, xác định mức nợ mới sẽ đề xuất, và đặt ra một cơ cấu nợ và thời gian hoàn trả hợp lý.

Khi một quốc gia nhận thấy cần phải cơ cấu lại các khoản tín dụng không chính thức thì quốc gia này cần phải thành lập một tổ quản lý nợ ngay lập tức. Tổ quản lý này tuyển chọn các cố vấn tài chính và pháp lý bên ngoài và xác định những cán bộ của các cơ quan như Bộ Tài chính và Ngân hàng Trung ương - là những người có thể hỗ trợ trong việc tiếp cận với IMF, WB, những nhà lãnh đạo trong khu vực, các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp không được bảo lãnh.

Hình 1. Mục tiêu của tổ quản lý nợ

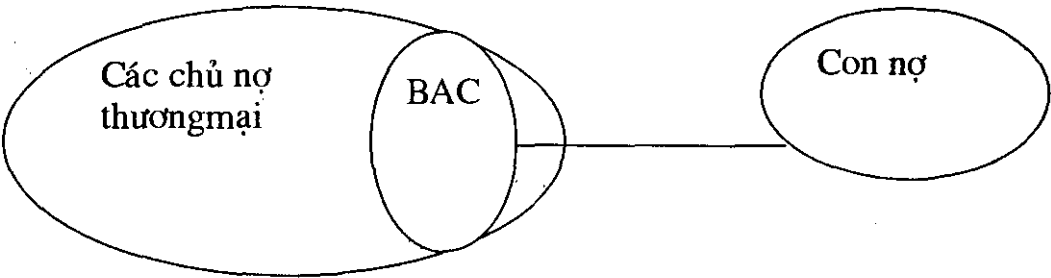
| Mục tiêu của Tổ quản lý nợ bao gồm: |                                                                                     |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| ▪                                   | Xác định các loại nợ sẽ cơ cấu lại                                                  |
|                                     | Cân nhắc xem liệu có cần vay mới hay không; xác định nguồn vay.                     |
| ▪                                   | Quyết định thời gian ân hạn và lãi suất hoãn nợ để đề nghị với ngân hàng thương mại |
|                                     | Xem xét hình thức cơ cấu nợ nào theo đuổi                                           |
| ▪                                   | Giành thời gian công sức hợp lý để:                                                 |
|                                     | - xác định nợ có thể cơ cấu lại                                                     |
| -                                   | nghiên cứu lại các hiệp định tín dụng                                               |
|                                     | xác định chủ nợ hiện tại                                                            |
| -                                   | xác định nợ bảo đảm và không bảo đảm                                                |
|                                     | Chuẩn bị Biên bản ghi nhớ.                                                          |

### *c) Thành lập Ban chỉ đạo hoặc Ủy ban tư vấn ngân hàng (BAC)*

Khi công việc chuẩn bị bắt đầu, nước con nợ tham khảo ý kiến của các chủ nợ chính nhằm thành lập Ban chỉ đạo hoặc Ủy ban tư vấn Ngân hàng (BAC). Thông thường, một nước có con nợ chọn các ngân hàng thông cảm với điều kiện của mình để phục vụ cho BAC. Nhìn chung, BAC có chức

năng như là một kênh truyền thông tin giữa con nợ và các chủ nợ. BAC thay mặt tất cả các ngân hàng đàm phán và soạn thảo hiệp định xử lý nợ.

Hình 2. Ủy ban tư vấn ngân hàng thường bao gồm một nhóm nhỏ các chủ nợ nắm tỷ lệ nợ lớn. BAC giữ vai trò là một người liên lạc



BAC thường bao gồm khoảng từ 5 - 15 thành viên. Chủ tịch Ủy ban tư vấn là đại diện của ngân hàng nắm giữ nhiều nợ nhất. Các thành viên còn lại là đại diện của các chủ nợ chính khác.

Địa lý cũng có ảnh hưởng tới cơ cấu của BAC. Các nước con nợ phải đảm bảo rằng thành viên của Ban phải từ các khu vực địa lý chính mà nước con nợ nợ. Một lợi thế hiển nhiên của việc thể hiện tính địa lý này là nó tăng cường sự trao đổi và do vậy, tạo điều kiện cho quá trình cơ cấu lại nợ. Ngoài ra, nó cho phép các thành viên tham gia đưa ra những cách tiếp cận kế toán và quy chế khác nhau để cơ cấu lại nợ trong khi tìm kiếm những giải pháp đối với những cản trở thông thường như việc lựa chọn đồng tiền cơ cấu lại nợ và những giới hạn về việc sử dụng đồng tiền mới như thế nào.

Hình 3. Mục tiêu của Ủy ban tư vấn ngân hàng

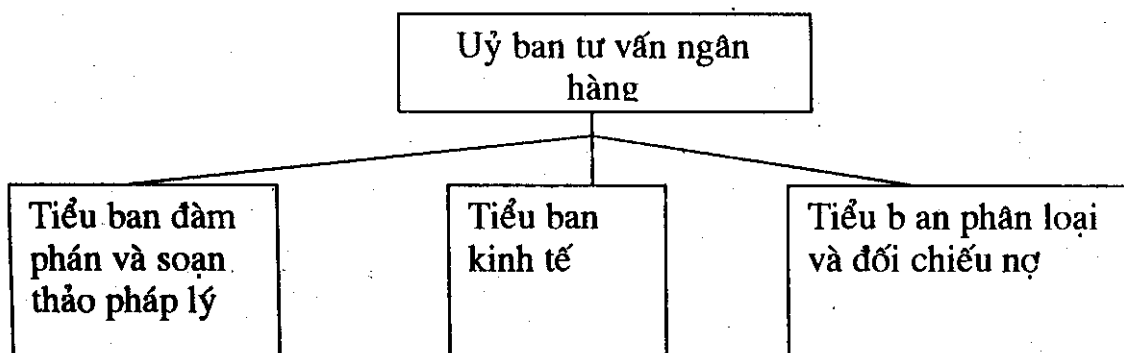
| Mục tiêu của Ủy ban tư vấn Ngân hàng bao gồm:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Cho phép các nước con nợ thảo luận về những khó khăn của mình đối với một vài ngân hàng</li><li>▪ Chấp thuận cho các con nợ đàm phán các thỏa thuận tài trợ đa phương với các chủ nợ ngân hàng thương mại</li><li>▪ Thuyết phục các ngân hàng, đặc biệt là những ngân hàng chịu mức độ rủi ro ít hơn về nợ tham gia vào việc tái tài trợ</li></ul> |

cả gói.

- Cung cấp một địa chỉ liên lạc cho các tổ chức đa phương, đặc biệt là IMF.
- Đưa ra một chương trình cho các ngân hàng để phân tích và điều hành những khó khăn trong việc trả nợ nước ngoài và liên kết những kết quả này cho việc vay mới.
- Tạo điều kiện cho việc duy trì các hoạt động thương mại và những rủi ro ngắn hạn khác, bao gồm cả các hoạt động liên ngân hàng.

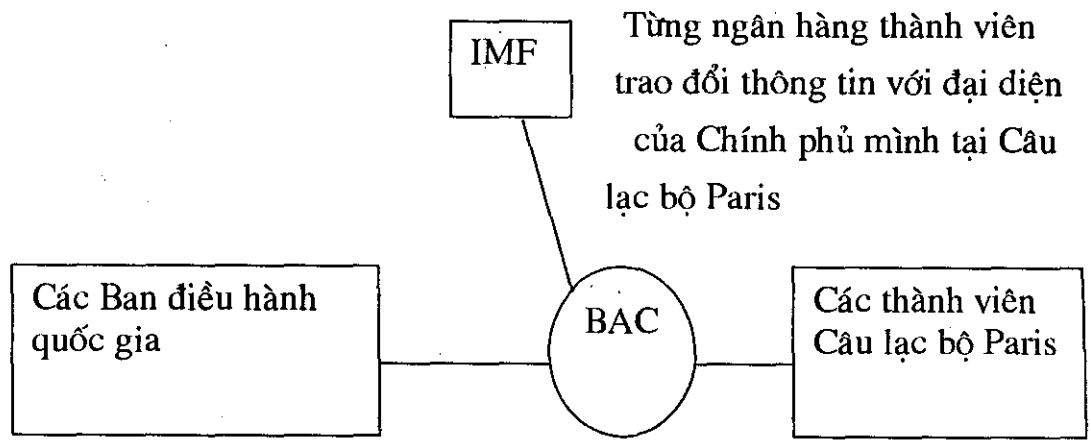
Khi xem xét mức độ ảnh hưởng quan trọng của Ban Chỉ đạo đối với các triển vọng và quá trình cơ cấu lại của nước con nợ, nước con nợ nên có những mục tiêu rõ ràng trong việc lựa chọn các thành viên của Ban.

Hình 4. BAC thường hoạt động thông qua các Tiểu ban



Nhiều năm kinh nghiệm đã cho phép BAC có đầy đủ kỹ năng cần thiết để đánh giá triển vọng kinh tế của một nước một cách chi tiết và với sự giúp đỡ của IMF (và các tổ chức của mình là Viện Tài chính quốc tế ở Washington D.C) để cơ cấu việc tài trợ trên một cơ sở mang tính thực tiễn hơn. Đặc biệt, các ngân hàng giờ đây có thể đàm phán những khoản vay dài hạn để tái tài trợ cho việc trả nợ đến hạn trong một số năm đảm bảo. Việc tái tài trợ khoản vay mỗi năm là mang tính điều kiện, thể hiện bằng số yếu tố, bao gồm cả việc duy trì thứ hạng tốt đối với IMF. Trong việc cho phép tái tài trợ dài hạn, các ngân hàng thường mạnh dạn hơn các chủ nợ chính thức. Ngoài ra, họ cũng giảm mức lãi margin xuống một mức độ thực tế và loại bỏ hầu hết các loại phí chuẩn bị đàm phán và thực hiện hiệp định vay.

Hình 5. BAC đóng vai trò là trung tâm trao đổi thông tin giữa các bên chủ nợ



Các thành viên của BAC thường xuyên yêu cầu các con nợ phải bồi thường các chi phí phát sinh. Một nước con nợ có thể tránh không trả chi phí đi lại cho các nước chủ nợ nhưng phải chịu chi phí pháp lý. Ngân hàng đóng vai trò Chủ tịch Ủy ban sẽ tìm cách đòi phí mà con nợ phải làm sao giữ mức phí này ở mức tối thiểu.

*d) Chuẩn bị biên bản ghi nhớ*

Biên bản Ghi nhớ cung cấp cho các ngân hàng chủ nợ những thông tin thích hợp về tình hình nước con nợ. Những thông tin này sẽ tạo điều kiện để các ngân hàng có những quyết định hợp lý về cơ cấu nợ gói. Một nước con nợ nên đặc biệt quan tâm đến việc chuẩn bị Biên bản ghi nhớ. Các con nợ nên tránh đưa ra những quá nhiều khoản nợ khó hoàn trả vì điều đó có thể tạo ra những căn cứ của những ràng buộc và thỏa hiệp nhất định trong Hiệp định chính. Việc đưa ra nhiều khoản nợ khó hoàn trả thậm chí còn là những trở ngại để giành được các khoản vay mới. Và do vậy, thông tin thường trung thực và các dự kiến nên thực tế tối đa.

Hình 6. nội dung của Biên bản ghi nhớ

|                                           |
|-------------------------------------------|
| <b>NỘI DUNG CỦA BIÊN BẢN GHI NHỚ GỒM:</b> |
|                                           |

- Tình hình kinh tế và tài chính hiện nay ở nước con nợ
- Những biện pháp điều chỉnh đã và sẽ được thực hiện
- Xu thế hiện tại và dự báo về các hoạt động ngân sách, ngoại thương, và tình hình cán cân thanh toán
- Dự nợ đến ngày chuẩn bị Biên bản ghi nhớ và dự báo về nghĩa vụ nợ
- Các yêu cầu tài trợ và nguồn vốn để đáp ứng yêu cầu này.

#### *e) Hợp thăm dò*

Hợp thăm dò là sự liên lạc chính thức đầu tiên của nước chủ nợ và Ủy ban tư vấn ngân hàng. Trong cuộc họp này, con nợ trình bày trường hợp của mình cho Ủy ban tư vấn ngân hàng và có thể trình Biên bản ghi nhớ để Ủy ban nghiên cứu và chuyển cho các ngân hàng chủ nợ khác. Con nợ và BAC ký các thỏa thuận chung về các khoản nợ sẽ được cơ cấu lại và để một số vấn đề hành chính khác liên quan đến việc cơ cấu lại. Các vấn đề này cũng bao gồm phí đàm phán, kể cả phí đại lý, và phí bồi hoàn cho Ủy ban. Các nước con nợ không nên công bố kết quả của cuộc họp này.

#### *f) Đàm phán về các điều khoản của Biên bản ghi nhớ*

Trong khi các thông tin đầu vào của các luật sư chuyên môn nên đưa vào việc chuẩn bị trước khi đàm phán và việc dự thảo Biên bản ghi nhớ thì lời tư vấn pháp lý của các chuyên gia lại rất quan trọng đối với giai đoạn này.

Hình 8. Các điều khoản

| CÁC ĐIỀU KHOẢN PHẢI XÁC ĐỊNH                   |  |
|------------------------------------------------|--|
| 1. Các bên                                     |  |
| 2. Nợ hợp thức và không hợp thức để cơ cấu lại |  |
| 3. Đồng tiền áp dụng                           |  |
| 4. Lãi và kỳ hạn lãi                           |  |

5. Các khoản phí

6. Điều kiện rút vốn và thủ tục giám sát

### **1. Lựa chọn các bên từ chủ nợ và con nợ**

Về phía chủ nợ, những người thực sự tham gia vào việc cơ cấu lại nợ CLB London, bao gồm:

- Các chủ nợ ngân hàng giữ lại các khoản đặt cọc liên ngân hàng, các khoản nợ dài hạn, ngắn hạn, nợ của ngân hàng và nợ từ các khoản vay hợp vốn, các khoản tín dụng liên ngân hàng, tín dụng thương mại (L/C) không được Chính phủ bảo hiểm hoặc bảo lãnh, nợ được bảo đảm, các khoản cho thuê tài chính, tài trợ dự án, hợp đồng ngoại hối, trái phiếu, cho vay tư nhân, các kỳ phiếu có lãi suất thả nổi (FRNs)
- Các tổ chức tài chính nắm các trái phiếu lãi suất thả nổi (FRNs), trái phiếu, cho vay tư nhân và các trái phiếu phát hành trực tiếp cho người mua (placement)
- Chính phủ các nước phương Tây thuộc CLB Paris là chủ nợ đối với các khoản vay trực tiếp cho các Chính phủ theo các chương trình bảo hiểm xuất khẩu hoặc bảo lãnh.
- Các cơ quan giám sát như Ban Thống đốc của Hệ thống dự trữ Liên bang, các cơ quan ngân hàng quốc doanh và ngân hàng trung ương của các nước khác.
- Các tổ chức tài chính quốc tế
  - ◆ IMF
  - ◆ IBRD/WB
  - ◆ OECD
  - ◆ Các ngân hàng phát triển khu vực
- Các công ty có chi nhánh tại nước con nợ
- Các cá nhân nắm giữ trái phiếu và FRNs
- Các chủ nợ thương mại

Việc quyết định điều kiện để trở thành một bên là vấn đề quan trọng đối với con nợ. Đối với chủ nợ, mọi ngân hàng cũng như các cơ quan quốc tế và tất cả các tổ chức thanh toán hoặc tiền tệ đều có thể là một bên tham gia của Hiệp định. Tuy nhiên, con nợ thường gặp khó khăn khi quyết định những tổ chức, cá nhân nào được lập thành một bên. Điều này phụ thuộc vào bản chất của con nợ đang đàm phán để cơ cấu lại và yêu cầu về mặt thể chế và hành chính của nước con nợ.

Ví dụ, luật pháp trong ước của nước con nợ có thể không ủng hộ việc ngân hàng trung ương tiếp quản số nợ của Nhà nước. Trong việc tái tài trợ các khoản nợ L/C ngân hàng trung ương không có khả năng chuyển ngoại tệ liên quan đến số tiền gửi do các ngân hàng thương mại thay mặt khách hàng của mình gửi thì các chủ nợ công nhận rằng ngân hàng trung ương là một ứng viên phù hợp. tuy nhiên, sự tranh cãi có thể phát sinh khi ngân hàng trung ương thường cơ cấu lại các khoản nợ trung và/hoặc dài hạn của Chính phủ, của các thành viên lập hiến, các cơ quan, hoặc các các cơ quan được Chính phủ bảo lãnh. Trước hết, về mặt pháp lý và quy chế thì chỉ có Chính phủ mới có thể tiếp quản số nợ của các cơ quan của mình hoặc các cơ quan trực thuộc. Và do vậy, ngân hàng trung ương không thể tiếp nhận số nợ của Nhà nước cũng như nợ của Chính phủ hay của các cơ quan trung ương. Tuy nhiên, thực tế là các ngân hàng thường miễn cưỡng tham gia vào các hiệp định với Nhà nước hoặc Chính phủ. Ngân hàng trung ương – chứ không phải là Nhà nước – thường nắm giữ các tài sản ngoại tệ của quốc gia. một lần nữa, ngân hàng trung ương, là một cơ quan của Nhà nước, không thể bảo lãnh cho Nhà nước. Vì vậy, các ngân hàng thường yêu cầu Nhà nước ký Hiệp định tái tài trợ với tư cách là người vay, trong khi đó ngân hàng trung ương cam kết/bảo đảm nguồn ngoại tệ để thực hiện Hiệp định.

## **2. Nợ được phép và không được phép cơ cấu lại:**

Khi tham gia tái đàm phán nợ nước ngoài, trước hết Chính phủ cần phải xác định các yếu tố của các khoản nợ nước ngoài sẽ được cơ cấu lại. Các quốc gia hiếm khi chấp nhận những nỗ lực của người cho vay nhằm can thiệp vào những thu xếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong nước bằng đồng nội tệ. Các quốc gia cũng có thể từ chối việc xác định về nợ nước ngoài bao gồm cả những nghĩa vụ trả nợ bằng ngoại tệ cho người hạc thể nhân trong nước bởi vì việc thực hiện những nghĩa vụ này sẽ không gây ra một dòng chảy ngoại tệ ra bên ngoài.

- **Nợ được phép cơ cấu lại:** những khoản nợ được phép cơ cấu lại bao gồm các khoản nợ của Chính phủ, các cơ quan, tổ chức chính trị của chính phủ và các khoản nợ do Chính phủ hoặc những cơ quan này bảo lãnh. Quốc gia còn nợ có thể đàm phán để xác định nợ nước ngoài không bao gồm những khoản nợ đối với cá nhân nước ngoài và đối với các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài đặt ở nước mình.

- **Nợ không được phép cơ cấu lại:** là các khoản nợ thường rơi vào loại nợ có thể cơ cấu lại được nhưng do đặc điểm của con nợ hoặc chủ nợ mà không được phép cơ cấu lại. Loại nợ này bao gồm:

- Trái phiếu phát hành công khai, chứng chỉ ký thác theo lãi suất thả nổi, và các thương phiếu
- Chứng khoán phát hành trực tiếp cho nhà đầu tư tư nhân
- Các khoản vay do các cơ quan chính phủ nước ngoài cho vay, bảo lãnh hoặc bảo hiểm, kể cả các cơ quan tín dụng xuất khẩu (các khoản nợ này thường được cơ cấu lại trong khuôn khổ CLB Paris)
- Các khoản nợ đối với IMF, WB, BIS, các ngân hàng phát triển khu vực hoặc các tổ chức đa phương khác.
- Nghĩa vụ thuê mua tài chính liên quan đến tài sản của cá nhân
- Các khoản vay từ các nguồn chính thức khác
- Các khoản tín dụng thương mại ngắn hạn
- Các hợp đồng kim loại quý hoặc ngoại tệ giao ngay và mua trong tương lai
- Các khoản nợ phải trả cho các cơ quan không phải là ngân hàng hay tổ chức tài chính.

Hình 9. Các khiếu kiện nợ nước ngoài

| Các khiếu kiện nợ nước ngoài                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Vì mục đích tái cơ cấu nợ, các khiếu kiện nợ nước ngoài thường chỉ đối với những loại sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- các khoản vay hoặc mua tài sản dịch vụ trả chậm</li> </ul> |

- các khoản tiền phải trả bằng ngoại tệ
- các khoản tiền phải trả cho cơ quan đóng ở nước ngoài

### 3. Đồng tiền áp dụng

Phải đàm phán danh mục các đồng tiền sẽ được áp dụng để tạo điều kiện cho việc thực hiện tái cơ cấu nợ. Đây cũng là vấn đề quan trọng cần được đưa vào Biên bản ghi nhớ.

### 4. Lãi và kỳ hạn lãi

Khía cạnh then chốt này của quá trình đàm phán các điều khoản thường bị kéo dài có lẽ bởi vì nó là giới hạn cuối cùng của toàn bộ giao dịch. Các ngân hàng chủ nợ cố đàm phán để đạt được lãi suất và điều kiện cao nhất có thể trong khi con nợ lại cố để chi phí phải trả càng ít càng tốt. Người vay có thể tìm được ưu thế trong việc làm quen với tình hình thị trường tiền tệ và những lần cơ cấu lại nợ trước đây.

### 5. Các khoản phí

Các khoản phí liên quan đến quá trình cơ cấu lại nợ bao gồm: phí cơ cấu lại nợ, phí quản lý, phí khoản vay (facilities fees) và phí cam kết liên quan đến vay mới. Ngoài ra, cũng cần phải xem xét đến lãi và kỳ hạn lãi

### 6. Điều kiện rút vốn và quá trình giám sát

Những vấn đề quan trọng cần phải xem xét liên quan đến việc giám sát và rút vốn bao gồm cả việc ràng buộc rút vốn đối với chương trình của IMF đang thực hiện và tham gia và các thỏa thuận đối với bên thứ 3 như CLB Paris hoặc IBRD.

#### **g) Đàm phán dự thảo và hoàn thiện Hiệp định cơ cấu lại nợ:**

Các luật sư có vai trò quan trọng trong việc đàm phán và dự thảo hàng loạt các thỏa thuận cơ cấu lại nợ của quá trình tái cơ cấu nợ. Luật sư đại diện cho chính phủ nước con nợ thường phải đối mặt với nhiệm vụ khó khăn hơn. Vì luật sư của nước chủ nợ là người viết hiệp định, luật sư của nước con nợ chỉ có thể can thiệp vào cách viết và ngôn ngữ một cách tối thiểu. Trong những giao dịch cơ cấu lại nợ có luật sư người Anh đại diện cho chủ nợ thì hiệp định hiếm khi xa rời khỏi những điều kiện tiên quyết, thậm chí kể cả khi những điều kiện này có thể không đúng, không công bằng, hoặc không nhất quán với hiệp định của các bên. Tuy nhiên, chủ nợ có thể tiếp cận với các thành viên của Ban chỉ đạo là những người có thể làm cho sự việc dễ

dàng hơn bằng cách họ có thể chấp nhận những sửa đổi, điều chỉnh nhất định.

Mặc dù phần lớn các vấn đề xử lý trong việc cơ cấu lại nợ thường được xem xét như là công việc mang tính kinh doanh hay tài chính, các luật sư vẫn đóng một vai trò chủ chốt trong toàn bộ quá trình. Đóng góp của họ bao gồm:

- Đảm bảo những điều kiện đã được chấp nhận sẽ được hiểu một cách thống nhất và sẽ không gây khó khăn cho việc soạn thảo văn bản sau này

- Duy trì mọi vấn đề pháp lý nằm trong mục tiêu và khả năng của con nợ để thực hiện nghĩa vụ mà không bị phạm lỗi kỹ thuật.

- Loại bỏ các trở ngại pháp lý do những yêu cầu của chủ nợ tạo ra và nếu cần, đề xuất giải pháp xử lý

- Đảm bảo khách hàng không phải trả giá nhiều hơn mức cần thiết qua việc dự thảo hiệp định.

- Giảm thiểu các chi phí hành chính của hiệp định

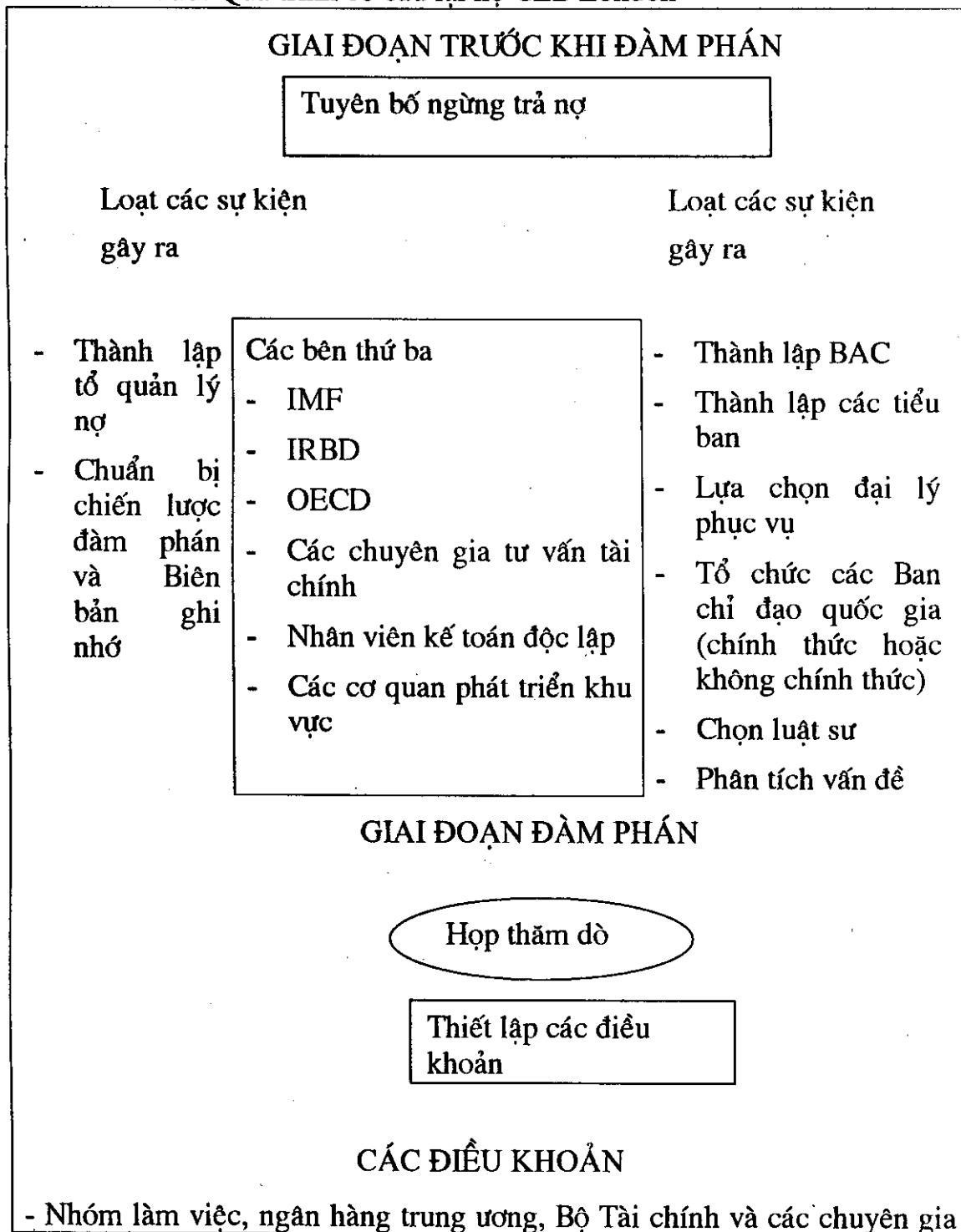
- Tránh pháp lỗi kỹ thuật mà không ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của con nợ

- Đảm bảo chỉ chịu phạt trong trường hợp không trả nợ.

Các luật sư tham gia giao dịch cơ cấu lại nợ phải am hiểu về xu thế kinh tế trong nước và quốc tế. Hơn nữa, họ phải là những người soạn thảo văn bản tốt với kiến thức rộng về các lĩnh vực luật liên quan đến cơ cấu lại nợ như luật hiến pháp, luật xung đột, thủ tục tố tụng dân sự, các giao dịch thương mại, luật về mất khả năng thanh toán, và luật công ty và chứng khoán...

## II) QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN HIỆP ĐỊNH CƠ CẤU LẠI NỢ CLB LONDON

Hình 10. Quá trình cơ cấu lại nợ CLB London



tư vấn tài chính đàm phán điều khoản Hiệp định

- Luật sư của Ban chỉ đạo chuẩn bị soạn thảo các văn bản pháp lý để thực hiện các điều kiện cơ cấu lại nợ
- Đàm phán các văn bản pháp lý
- Trình bày cho tất cả các chủ nợ ngân hàng
- Tất cả các bên ký văn bản pháp lý

### C) KHÁI QUÁT VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH HOẢN NỢ

Các vấn đề pháp lý khác nhau trong dự thảo và đàm phán các hiệp định hoản nợ có thể được tập trung theo 3 nhóm chính sau:

#### a) Những quy định về Con nợ và Ngân hàng

- Các điều kiện tiên quyết
  - Các điều kiện tiên quyết với mọi nghĩa vụ
  - Các điều kiện tiên quyết đối với mỗi khoản vay/rút vốn
- Những mô tả và đảm bảo
  - Các điều kiện tiên quyết
  - Các sự kiện phạm lỗi
- Các ràng buộc pháp lý
- Điều khoản nợ tối ưu dài/điều khoản đối xử ngang bằng
- Điều khoản cấm lạm dụng thế chấp
- Phạm lỗi chéo
- Các sự kiện phạm lỗi
- Phạt vi phạm
- Quyết xét xử, miễn trừ quốc gia và nước ngoài
- Các điều khoản khác

**b) Những quy định về ngân hàng thương mại liên kết**

- Điều khoản chia sẻ
- Những điều chỉnh và từ bỏ - Nguyên tắc đa số và thống nhất

**c) Những quy định về các đại lý và Ủy ban điều hành**

Khi quan tâm chủ yếu đến nhóm thứ nhất, con nợ cũng nên kiểm tra các điều khoản và điều kiện của hai nhóm còn lại, do chúng có thể tạo ra những rắc rối trong việc quản lý các hiệp định sau đó.

Kết luận, do quá trình xử lý việc hoãn nợ qua Câu lạc bộ Luân đôn là quá trình không được chuẩn hóa cao nên con nợ có một số cơ quan xác định kết quả. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho phép con nợ có được sáng kiến về giải pháp đối với những vấn đề nợ đang tồn tại. Do vậy, các nước con nợ phải thương lượng mạnh mẽ với các chủ nợ ngân hàng thương mại. Để có thể thương lượng các điều khoản một cách hợp lý với các chủ nợ ngân hàng, con nợ phải thích nghi với thị trường.

Khi mà quá trình hoãn nợ qua Câu lạc bộ Luân đôn vẫn đang tiến triển, các văn kiện của nó cũng tiến triển song song, ngày càng dài hơn và được tiêu chuẩn hóa hơn. Quan hệ giữa Ủy ban điều hành và IMF trở nên tiêu chuẩn hóa hơn. Tuy vậy, bất chấp những thúc ép mà các ngân hàng tiến hành, các chủ nợ ngân hàng thương mại thường tự chứng minh là họ linh hoạt hơn các chủ nợ chính thức, đặc biệt là mong muốn chấp nhận các hiệp định hoãn nợ nhiều năm (MYRAS).

Cuối cùng, việc hoãn nợ không luôn đạt được các mục tiêu “cao thượng” nhằm ngăn chặn khủng hoảng khả năng thanh toán sau đó, làm dịu bớt hoặc giảm nhẹ không khí của cuộc khủng hoảng, và duy trì các hoạt động bình thường trên các thị trường tín dụng quốc tế. Ngược lại, các nước đang phát triển đã và đang chịu các chi phí tài chính, kinh tế và xã hội cùng với việc hoãn nợ. Do vị thế yếu hơn, các nước đang phát triển phải tăng cường sức mạnh thương lượng của mình nếu họ đàm phán về các điều khoản thậm chí được coi là một biểu hiện tốt về các lợi ích của họ.

**Chuyên đề 3**  
**XỬ LÝ NỢ THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM**  
**QUA CÂU LẠC BỘ LONDON VÀ CÁC Ý KIẾN PHÁP LÝ LIÊN QUAN**

Hoa Hữu Long  
Chuyên viên chính Bộ Tư pháp

**I/ QUÁ TRÌNH XỬ LÝ NỢ THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM QUA CLB LONDON.**

**1/ Giới thiệu về CLB London.**

CLB London được thành lập từ năm 1976. Đây là cách gọi ngắn gọn khi nói đến việc nước con nợ đàm phán xử lý nợ với các ngân hàng, công ty chủ nợ (nợ của các ngân hàng và chủ nợ tư nhân nước ngoài) ; Khác với CLB Pari, đàm phán xử lý nợ CLB London không thông qua một Ông Chủ tịch hoặc Ban thư ký thường trực, không diễn ra tại một địa điểm cụ thể, tổ chức thực hiện việc cơ cấu lại nợ diễn ra trong thời gian dài vì các ngân hàng, công ty chủ nợ lần lượt thông qua điều kiện xử lý riêng của mình (có thể kéo dài từ 2-4 năm), có nhiều chi phí xử lý nợ (phí đàm phán có khi lên tới 1- 1,8% tổng số nợ được xử lý) và có nhiều phương án xử lý đa dạng được áp dụng như: Xóa nợ, Mua lại nợ, phát hành trái phiếu, chuyển nợ thành đầu tư...

CLB London nhanh chóng trở thành điểm quan tâm của cả hai phía: Các ngân hàng chủ nợ và các nước mắc nợ, đồng thời được các tổ chức quốc tế như IMF, WB, ADB và nhiều nước phát triển ủng hộ.

**2/ Các kế hoạch lớn để xử lý nợ CLB London.**

Từ đầu những năm 80, do cuộc khủng hoảng nợ nước ngoài ngày càng trầm trọng, các ngân hàng chủ nợ cố gắng tìm các giải pháp có tính toàn diện và lâu dài, nhiều kế hoạch giải quyết nợ đã được đề xuất, trong đó đáng lưu ý là các kế hoạch sau:

a/ Kế hoạch James Baker (10/1985) xử lý nợ cho các nước có thu nhập thấp, mắc nợ nhiều trên cơ sở cho vay mới tự nguyện từ các ngân hàng chủ nợ

(vay mới trả cũ) với thời hạn nợ dài hơn và chi phí thấp hơn nhưng không có giảm nợ và giảm nghĩa vụ nợ nhằm giúp nước con nợ giảm nhẹ gánh nặng nợ quá hạn và thực hiện được chương trình điều chỉnh với IMF.

b/ Kế hoạch Brady (8/1989) hỗ trợ cho các nước đang phát triển có thể xoá một phần nợ gốc, giảm một phần nợ lãi (giảm nợ và nghĩa vụ nợ) bằng các giải pháp như mua lại nợ, xoá và phát hành trái phiếu giúp các nước con nợ cơ cấu lại nợ cũ, kéo dài thời gian trả nợ.

Đối với Việt nam, việc xử lý nợ CLB London được thực hiện theo Kế hoạch Brady bao gồm nhiều bước, có thể chia thành 3 giai đoạn như sau :

**Giai đoạn I** : gồm 4 bước :

- Trình Đề án xử lý lên Chính phủ;
- Thuê tư vấn, tìm kiếm nguồn hỗ trợ kỹ thuật;
- Thành lập Ủy ban tư vấn ngân hàng;
- Chính phủ chấp nhận đề án, thành lập nhóm đàm phán ;

**Giai đoạn II** : gồm 3 bước :

- Gửi đề án cho Ủy ban tư vấn ngân hàng;
- Tiến hành các vòng đàm phán với Ủy ban tư vấn ngân hàng về các đề án;
- Ký Thỏa thuận nguyên tắc với Ủy ban tư vấn ngân hàng;
- Tiến hành thuê các Đại lý;

**Giai đoạn III** : gồm 5 bước :

- Xây dựng Đề án tài chính;
- Tiến hành vận động các chủ nợ tham gia vào Đề án tài chính;
- Đối chiếu số liệu nợ;
- Xây dựng các Thỏa thuận cụ thể hoá Đề án tài chính;
- Chuẩn bị các thủ tục pháp lý bao gồm cả việc cấp ý kiến pháp lý phục vụ cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi nợ.

**3/ Tiến trình đàm phán :**

Ngay sau khi Việt nam ký Thỏa thuận về xử lý nợ Chính phủ tại CLB Pari tháng 12/1993, Ngân hàng Nhà nước đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ cho phép Ngân hàng Nhà nước chủ trì phối hợp với Bộ tài chính và các Bộ, Ngành liên quan tiến hành việc xử lý nợ

thương mại của Việt nam qua CLB London. Sau đó, Thống đốc đã cho phép thành lập Nhóm chuyên viên kỹ thuật, thành lập Uỷ ban tư vấn ngân hàng để thay mặt các chủ nợ đàm phán với Việt nam. Nhóm CVKT đã xây dựng các Đề án xử lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Sau 4 vòng đàm phán trực tiếp và nhiều lần trao đổi đề án điều chỉnh qua thư điện từ đầu năm 1995 đến ngày 17/5/1996 Việt nam và Uỷ ban tư vấn ngân hàng đã ký được Thoả thuận nguyên tắc với tỷ lệ giảm nợ vượt mức Chính phủ cho phép.

Khác với đàm phán xử lý nợ Chính phủ qua CLB Pari các cuộc đàm phán với các chủ nợ là Ngân hàng và công ty tài chính nước ngoài thường rất khó khăn, các chủ nợ thường tỏ ra rất cứng rắn và khó nhượng bộ trước những đề xuất giảm nợ và nghĩa vụ nợ của Việt Nam nhất là trong trường hợp Việt Nam, phần lớn các chủ nợ là các Ngân hàng Nhật bản.

Sau khi ký được Thoả thuận nguyên tắc với Uỷ ban Tư vấn ngân hàng, phía Việt Nam và Uỷ ban Tư vấn ngân hàng đã tiến hành xây dựng bản Đề án tài chính. Bản Đề án tài chính được soạn thảo công phu, thể hiện đầy đủ, cụ thể các điều khoản của Thoả thuận nguyên tắc đảm bảo lợi ích của cả hai phía. Thoả thuận gồm 5 phần 6 phụ lục và 110 trang tập trung vào hai vấn đề chính là : Các giải pháp xử lý nợ gốc và lãi; các khía cạnh pháp lý để hoàn tất công việc xử lý nợ CLB London và của các trái phiếu mà Việt nam sẽ phát hành. Sau đó qua nhiều lần thư từ trao đổi và chỉnh sửa lại nội dung của bản Đề án tài chính, cuối cùng hai bên đã thống nhất tiến hành gặp trực tiếp tại vòng đàm phán thứ 5 để thảo luận 12 điểm còn tồn tại.

Tiếp theo đó được phép của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã chủ trì cùng các Bộ, Ngành liên quan tiến hành vận động các chủ nợ tham gia vào Đề án tài chính. Tại cuộc vận động phía Việt nam đã trả lời các câu hỏi của các chủ nợ liên quan đến Đề án tài chính, cung cấp các thông tin liên quan đến triển vọng kinh tế của Việt nam, nhằm vận động các chủ nợ tham gia tối đa vào Đề án tài chính. Kết quả có 93% các chủ nợ tham gia vào Đề án tài chính và theo đánh giá của các cố vấn đây là cuộc vận động thành công.

Ngân hàng Nhà nước Việt nam cũng đã phối hợp với Ngân hàng Ngoại thương tiến hành tốt công việc đối chiếu số liệu nợ với các chủ nợ, sau một thời gian đối chiếu Việt nam và Đại lý đối chiếu đã thống nhất được số liệu nợ.

Sau đó, Việt nam cùng với các cố vấn và Ủy ban tư vấn ngân hàng xây dựng 3 Thoả thuận : Thoả thuận chuyển đổi, Thoả thuận đại lý tài chính, Thoả thuận cầm cố. Mỗi Thoả thuận này gồm hàng trăm trang với rất nhiều qui định về pháp luật trong và ngoài nước rất phức tạp. Mục đích của 3 Thoả thuận này là để chuyển đổi nợ thương mại của Việt nam thành các công cụ được xử lý, các điều kiện để hoàn tất quá trình xử lý nợ thương mại của Việt nam qua CLB London, thủ tục thanh toán các nghĩa vụ nợ sau này và trách nhiệm của các bên tham gia các Thoả thuận. Ngoài các Thoả thuận, Việt nam đã chuẩn bị các thủ tục phục vụ cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi nợ trong đó bao gồm : (i) việc lựa chọn các đại lý thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu : Đại lý tài chính, Đại lý niêm yết, Đại lý thanh toán, Đại lý chứng thực, Đại lý chuyển nhượng, Đại lý đăng ký... (ii) Xây dựng bản ghi nhớ cung cấp thông tin mô tả tình hình và triển vọng của nền kinh tế Việt nam, điều kiện chính trị xã hội, tình hình nợ nước ngoài và khả năng trả nợ, điều kiện điều khoản của các loại trái phiếu, (iii) Đơn và các văn bản pháp lý khác theo qui định của Sở giao dịch chứng khoán Luxembourg nơi Việt nam niêm yết các trái phiếu chuyển đổi nợ của mình.

### **3/ Nội dung của 3 Thoả thuận :**

3 Thoả thuận này thể hiện cụ thể các điều khoản và điều kiện của Đề án tài chính 1996-97 về xử lý nợ thương mại qua CLB London đã được Chính phủ phê duyệt, phù hợp với các giao dịch chuyển đổi nợ theo phương án Brady gần đây. Đặc biệt là dự thảo 3 Thoả thuận này rất giống các qui định tại chương trình cơ cấu lại nợ ở Peru. Trong quá trình thảo luận tập trung vào 2 vấn đề : (a) các vấn đề cụ thể chỉ phát sinh trong trường hợp Việt nam do có các qui định pháp lý đặc thù và (b) nguồn và nội dung các giấy chứng nhận và ý kiến sẽ do các cơ quan có thẩm quyền của Việt nam đưa ra để hoàn tất công việc. Phía Việt nam đã trao đổi nội bộ về các vấn đề liên quan đến 3 Thoả thuận sau nhiều lần trao đổi, đàm phán về những điểm chưa rõ hoặc không phù hợp với pháp luật Việt nam cuối cùng hai bên đã thống nhất với nội dung các dự thảo 3 Thoả thuận.

#### **Thoả thuận chuyển đổi :**

Thoả thuận chuyển đổi là 1 trong 3 Thoả thuận pháp lý quan trọng nhất của Việt nam thực thi việc phát hành trái phiếu xử lý nợ thương mại của Việt nam đối với các chủ nợ nước ngoài theo Đề án tài chính 1996-97.

Về cơ bản dự thảo Thỏa thuận này là thuận lợi cho Việt nam. Thỏa thuận gồm 5 điều phù hợp với Đề án tài chính.

#### Thỏa thuận đại lý tài chính

Mô tả điều khoản điều kiện của từng loại trái phiếu chuyển đổi nợ mà Việt nam sẽ phát hành, các qui định về chuyển đổi, chuyển nhượng, thu hồi, trách nhiệm của các đại lý phục vụ cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi nợ. Về cơ bản Thỏa thuận này phù hợp với Đề án tài chính, chỉ còn tồn tại điểm 10.04 liên quan đến luật áp dụng, quyền tài phán, từ bỏ quyền miễn trừ, phía Việt Nam đã đàm phán với UBTVDH để có thể bổ xung, sửa đổi câu chữ cho phù hợp với luật pháp Việt nam.

#### Thỏa thuận cam kết cầm cố

Thỏa thuận này cùng các mẫu biểu đính kèm đã được chuẩn bị rất chi tiết và theo thông lệ, bao gồm các điều khoản qui định việc thế chấp cho các trái phiếu chuyển đổi nợ, hình thức các loại tài sản cầm cố và các trách nhiệm của đại lý cầm cố (Ngân hàng dự trữ liên bang Mỹ). Việc soạn thảo Thỏa thuận này phù hợp với các điều khoản của Đề án tài chính và được điều chỉnh bởi các qui định của Bộ luật thương mại thống nhất của Mỹ và luật chứng khoán. Thỏa thuận này được soạn thảo giống như các trường hợp tiền lệ trước đây đã được xử lý theo phương án Brady, tuy nhiên có những bổ sung sửa đổi để phù hợp với những thay đổi trong hệ theo sự thay đổi của thủ tục thanh toán ghi sổ của các trái phiếu.

#### 4/ Kết quả xử lý nợ thương mại của Việt nam qua CLB London.

Căn cứ số liệu tính toán của Ngân hàng Nhà nước và Cố vấn tài chính kết quả xử lý nợ đạt được như sau:

##### a/ Phân nợ gốc được xử lý :

- Mua lại một phần nợ gốc,
- Chuyển số nợ gốc còn lại thành 2 loại trái phiếu : Trái phiếu chiết khấu có thời hạn 30 năm và trái phiếu ngang giá có thời hạn 30 năm.

Trái phiếu chiết khấu (Discount Bond) là trái phiếu chuyển đổi nợ cũ, do nước con nợ phát hành với tỷ lệ chiết khấu so với giá trị nợ ban đầu (Mức chiết khấu này do các chủ nợ và con nợ thỏa thuận, loại trái phiếu này được

hoàn trả 1 lần sau 30 năm và phải thế chấp 100% gốc, thế chấp lãi 12 tháng trong trường hợp của Việt nam là 50%). Lãi suất của trái phiếu này là lãi suất thị trường.

Trái phiếu ngang giá (Par Exchange Bond) là trái phiếu để chuyển đổi một phần nợ gốc thành nợ mới với giá trị tương đương với giá trị của khoản nợ cũ nhưng có lãi suất thấp hơn lãi suất của thị trường. Loại trái phiếu này được hoàn trả gốc 1 lần sau 30 năm, phải thế chấp 100% gốc và thế chấp lãi 12 tháng.

**b/ Phần lãi quá hạn được xử lý :**

- Xoá 100% lãi phạt; tính lãi lãi thế hệ 1, xoá 50% lãi thế hệ 2 trên cơ sở tính theo hợp đồng.
- Mua lại một phần nợ lãi,
- Trả ngay bằng tiền mặt 15 triệu USD
- Phần còn lại chuyển thành trái phiếu lãi quá hạn (PDI Bond)

Trái phiếu PDI là loại trái phiếu chuyển số nợ lãi quá hạn sang loại trái phiếu có mệnh giá tương đương, loại trái phiếu này có thời hạn 18 năm, lãi suất là lãi suất thị trường, được hưởng ưu đãi lãi suất trong 7 năm đầu và không phải thế chấp gốc, lãi.

Căn cứ số liệu tính toán của Ngân hàng Nhà nước và Cố vấn tài chính kết quả qua hình thức CLB London đạt được như sau:

- **Tỷ lệ giảm nợ chung (chưa tính chi phí xử lý) : 53,9 %**

Căn cứ số liệu phân tích trên cho thấy tỷ lệ giảm nợ, chi phí ban đầu tương đương với mức giảm nợ đạt được tại Câu Lạc Bộ Paris, vượt chỉ tiêu Chính phủ cho phép. Nhìn chung dư luận đánh giá cao kết quả của Việt nam đạt được coi đây là một "thắng lợi" lớn của Việt nam, một kết quả tốt hơn sự đánh giá của thị trường và là một bước đi quan trọng trong quá trình Việt nam hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, giúp cho các khoản vay thương mại sau này sẽ có chi phí thấp hơn, đẩy mạnh các nguồn đầu tư vốn vào Việt nam. Theo đánh giá của Chủ tịch Ngân hàng Thế giới thì kết quả Việt nam đạt được là thành công nhất. (Balan là nước đạt tỷ lệ giảm nợ chung cao nhất từ trước đến nay cũng chỉ đạt được 49,4%, Brazil đạt 35%, Bungary 41%, Philipin 39,5%).

## II/ CÁC Ý KIẾN PHÁP LÝ ĐỐI VỚI VIỆC XỬ LÝ NỢ CLB LONDON CỦA VIỆT NAM.

Theo các cam kết trong các Thỏa thuận xử lý nợ CLB London, vào Ngày hoàn tất (Closing Date) để đảm bảo quyền và lợi ích của chủ nợ, những người nắm giữ trái phiếu, các Đại lý và các bên liên quan trong các Thỏa thuận phải có các ý kiến pháp lý như sau :

- Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp Việt nam
- Ý kiến pháp lý của Công ty luật tư nhân Việt nam của Ủy ban tư vấn ngân hàng
- Ý kiến pháp lý của Công ty tư vấn luật cho Việt nam
- Ý kiến pháp lý của Công ty tư vấn luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng.
- Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp Việt nam về việc phê chuẩn Thỏa thuận cầm cố.

### **1. Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt nam.**

Để cấp ý kiến pháp lý, Bộ trưởng Tư pháp đã nghiên cứu, xem xét và tham gia các nội dung sau :

- Việc chuẩn bị, ký kết và chuyển giao các Thỏa thuận giữa các bên bao gồm Thỏa thuận chuyển đổi, Thỏa thuận cầm cố và Thỏa thuận đại lý tài chính (gọi chung là Thỏa thuận)

- Việc chuẩn bị, ký kết và chuyển giao Trái phiếu chiết khấu, Trái phiếu ngang giá, Trái phiếu lãi quá hạn (PDI Bond) dưới hình thức trái phiếu toàn cầu của Mỹ và Trái phiếu toàn cầu không phải của Mỹ theo qui định tại Thỏa thuận chuyển đổi.

- Việc phát hành Trái phiếu chiết khấu, Trái phiếu ngang giá, Trái phiếu lãi quá hạn vào Ngày hoàn tất công việc dưới hình thức trái phiếu toàn cầu của Mỹ và Trái phiếu toàn cầu không phải của Mỹ.

- Việc chuẩn bị các Trái phiếu chiết khấu, Trái phiếu ngang giá, Trái phiếu lãi quá hạn dưới hình thức Trái phiếu xác định của Mỹ và Trái phiếu xác định không phải của Mỹ.

- Việc chuẩn bị, ký và chuyển giao Thư của Ngân hàng Nhà nước Việt nam do Phó Thống đốc NHNN ký và chuyển giao theo điều 2.05(c)(viii) của Thỏa thuận chuyển đổi.

- Ký kết giữa các bên trong các Thỏa thuận

- Mẫu Trái phiếu toàn cầu của Mỹ và Trái phiếu toàn cầu không phải của Mỹ do Việt nam phát hành vào Ngày hoàn tất công việc.

- Các Mẫu trái phiếu xác định đính kèm Thoả thuận đại lý tài chính

- Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và tất cả các văn bản pháp luật hiện hành khác mà cần thiết cho việc đưa ra ý kiến pháp lý.

- Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 1996-2000, được Quốc hội khoá 9 kỳ họp thứ 10 thông qua tháng 11/1996.

- Thẩm quyền của Bộ Ngoại giao trong việc xác nhận uỷ quyền của Chủ tịch nước cho Phó Thống đốc NHNN ký kết các Thoả thuận với các chủ nợ cơ cấu lại nợ thương mại của Việt nam qua CLB London.

• - Quyết định 1049/TTg ngày 8/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ giao NHNN chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao thực hiện các nhiệm vụ cần thiết để ký kết các Thoả thuận.

- Quyết định 117/TTg ngày 12/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện các Thoả thuận và phát hành trái phiếu.

- Quyết định 58QĐ/CTN ngày 12/3/1998 của Chủ tịch nước phê chuẩn việc ký kết và chuyển giao các Thoả thuận và Trái phiếu.

- Pháp lệnh NHNN ngày 23/5/1990 và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến NHNN

- Pháp lệnh về ký kết và thực hiện các Điều ước quốc tế của CHXHCN Việt nam ngày 17/10/1989.

- Một số ý kiến, xác nhận của các bên liên quan đến Thoả thuận.

Trong ý kiến pháp lý của mình, Bộ trưởng Tư pháp cũng đưa ra giả định không có sự điều tra độc lập đối với một số vấn đề liên quan đến chữ ký, chứng thực của các văn bản gốc có tương tự như bản sao hay không hoặc thẩm quyền, năng lực, uỷ quyền của các bên ký Thoả thuận từ phía Việt nam và NHNN Việt nam...

Căn cứ vào nội dung trên và sau khi xem xét các khía cạnh pháp lý liên quan, Bộ trưởng Tư pháp đã có ý kiến pháp lý như sau :

1. Việt nam có đầy đủ thẩm quyền, năng lực và quyền pháp lý để :

- Ký và trao đổi với các bên khác và có trường hợp chuyển giao các Văn bản (bao gồm Thoả thuận và Trái phiếu) mà Việt nam là một bên tham gia.

- Có nghĩa vụ như qui định trong các Văn bản

- Thực hiện và tuân thủ các điều khoản trong mỗi Văn bản mà Việt nam là một bên tham gia.

2. Ký kết và chuyển giao các bản sao với các bên liên quan tất cả các văn bản đã được uỷ quyền bởi các cơ quan có thẩm quyền và không trái với :

- Hiến pháp hoặc các văn bản pháp luật hiện hành của Việt nam.
- Bất kỳ phán quyết, quyết định hoặc các hạn chế pháp lý tương tự, hoặc
- Bất kỳ cam kết ràng buộc nào bằng hợp đồng điều chỉnh và tác động đối với Việt nam và Tài sản của Việt nam.

3. Mỗi Thoả thuận mà Việt nam là một bên tham gia đã được ký kết và chuyển giao cho các bên liên quan có giá trị pháp lý, hiệu lực và ràng buộc nghĩa vụ của Việt nam thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

4. Mỗi loại trái phiếu, khi ký kết, chứng thực và chuyển giao phù hợp với các cam kết trong Thoả thuận đại lý tài chính sẽ có giá trị pháp lý, hiệu lực và ràng buộc nghĩa vụ của Việt nam thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

5. NHNN Việt nam được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt nam là ngân hàng trung ương và cơ quan tiền tệ của Việt nam. Thư của NHNN đã được ký kết và chuyển giao bởi Thống đốc NHNN là văn bản pháp lý có hiệu lực và ràng buộc nghĩa vụ của NHNN thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

6. Không có uỷ quyền, chấp thuận, hành động khác và không có thông báo bất kỳ bởi cơ quan nhà nước được yêu cầu cho việc ký kết, trao đổi các bản sao đã ký với các bên liên quan và tùy trường hợp chuyển giao các văn bản trừ thủ tục uỷ quyền được qui định trong phần 2.05(b)(i) của Thoả thuận chuyển đổi, các uỷ quyền này cần đạt được và có hiệu lực đầy đủ.

7. Mỗi Thoả thuận và mỗi nghĩa vụ thanh toán của Việt nam trong các Thoả thuận và Trái phiếu khi được ký, trao đổi với các bên khác, trong trường hợp các Thoả thuận thì khi được chứng thực và chuyển giao, sẽ là trực tiếp và vô điều kiện của Việt nam.

8. Nghĩa vụ thanh toán của Việt nam trong các Văn bản khi ký và trao đổi với các bên khác trong trường hợp Thỏa thuận khi được chứng thực và chuyển giao phù hợp với các điều khoản trong Thỏa thuận đại lý tài chính sẽ ít nhất tương đồng với quyền ưu tiên thanh toán của (i) tất cả các khoản nợ nước ngoài thứ cấp không có bảo đảm của Việt nam và (ii) tất cả nghĩa vụ thứ cấp không có bảo đảm của Việt nam nếu có liên quan đến bất kỳ khoản nợ nước ngoài nào của bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ.

9. Trừ những trường hợp nêu tại phụ lục F của Thỏa thuận chuyển đổi, theo hiểu biết tốt nhất của tôi không có đe dọa khởi kiện, phán quyết, thủ tục pháp lý tác động đến Việt nam hoặc bất kỳ tài sản nào của Việt nam trước toà án hoặc trọng tài của Việt nam, của vùng lãnh thổ hoặc nước khác được thừa nhận hoặc không được thừa nhận ở Việt nam hoặc của bất kỳ tổ chức quốc tế nào mà (i) có thể có tác động xấu đến điều kiện tài chính của Việt nam hoặc (ii) tác động vấn đề pháp lý, hiệu lực hoặc việc thực hiện bất kỳ Văn bản nào mà Việt nam là một bên tham gia.

10. Trong việc ký và trao đổi các Văn bản với các bên hoặc chuyển giao Văn bản tùy trường hợp và trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình, Việt nam sẽ thực hiện theo tư pháp quốc tế (Private international Law).

11. Không có khoản thuế thu nhập hoặc thuế khác hoặc các khoản phí, lệ phí tương tự của Chính phủ đánh vào (i) việc ký kết, trao đổi hoặc chuyển giao, thực hiện cam kết trong các Văn bản; (ii) bất kỳ khoản thanh toán nào của Việt nam theo các Văn bản.

12. Theo quy định của pháp luật Việt nam để tiến hành khởi kiện ở Toà án Việt nam liên quan đến tranh chấp phát sinh ngoài hoặc liên quan đến các Văn bản và bảo đảm việc thừa nhận bằng chứng là các Văn bản thì mỗi Văn bản cần phải được kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận không cần phải đăng ký trước với bất kỳ toà án hay cơ quan nhà nước nào của Việt nam. Việt nam đồng ý thanh toán phí công chứng, các phí tương tự khác cũng như phí toà án thích hợp.

13. Việc Việt nam đệ trình liên quan đến phán quyết của bất kỳ toà án nào ở bang NewYork hoặc toà án liên bang Mỹ đặt tại NewYork, toà thượng thẩm ở London và bất kỳ toà án nào khác các Văn bản liên quan đến

*tranh chấp phát sinh ngoài và liên quan đến các Văn bản đó sẽ có hiệu lực và được công nhận và ủng hộ của các toà án Việt nam.*

15. Theo luật Việt nam mỗi chủ nợ, Đại lý, người nắm giữ trái phiếu không cần thiết phải có giấy phép, đủ điều kiện hoặc bắt buộc phải kinh doanh ở Việt nam để giúp chủ nợ, đại lý, hoặc người nắm giữ trái phiếu thực hiện các quyền tương ứng của mình trong các Văn bản liên quan.

16. Không một chủ nợ nào, đại lý hoặc người nắm giữ trái phiếu là hoặc sẽ được coi như là người cư trú tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc chịu bất kỳ loại thuế nào của Việt nam với lý do ký kết trao đổi và chuyển giao các văn bản.

17. Việt nam là chủ sở hữu hợp pháp của tất cả các tài sản cầm cố hoặc sẽ thực hiện bất kỳ điều kiện nào khác để đảm bảo rằng Đại lý cầm cố sẽ được hưởng tất cả các quyền được qui định trong Thỏa thuận cầm cố.

Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp dựa trên pháp luật Việt nam tại thời điểm đưa ra ý kiến pháp lý, ý kiến này không liên quan đến bất kỳ pháp luật nào khác ngoài của Việt nam. Ý kiến này sẽ không được ai khác sử dụng hoặc dựa vào trừ các chủ nợ, đại lý, người nắm giữ trái phiếu và công ty luật tư vấn cho Việt nam và ý kiến này không được tiết lộ hoặc trích dẫn, tham chiếu khi chưa được phép trước bằng văn bản của Bộ trưởng Tư pháp.

## **2. Ý kiến pháp lý của công ty luật tư nhân của Ủy ban tư vấn ngân hàng.**

Một trong những điều kiện hoàn tất công việc xử lý nợ thương mại qua CLB London của Việt nam là cần có ý kiến của một công ty luật tư nhân của Việt nam cho Ủy ban tư vấn ngân hàng. Mục đích là Ủy ban tư vấn ngân hàng mong muốn xem xét việc ký kết trao đổi, chuyển giao các Văn bản mà Việt nam là một bên tham gia là phù hợp với pháp luật Việt nam, ràng buộc nghĩa vụ đối với Việt nam trong việc thực hiện các cam kết tại các Văn bản. Ngoài ra trong ý kiến pháp lý của công ty luật tư nhân cũng đề cập đến qui định pháp lý của Việt nam khi tiến hành các hành động khởi kiện, sự thừa nhận phán quyết của toà án nước ngoài trong trường hợp có phát sinh tranh chấp ngoài hoặc liên quan đến các Văn bản. Ý kiến pháp lý

cũng đề cập đến quyền về tài sản cầm cố của Việt nam và các thủ tục cần thiết để Đại lý cầm cố được hưởng các quyền trong Thoả thuận cầm cố.

Với tinh thần nêu trên ý kiến pháp lý của Công ty luật tư nhân của Ủy ban tư vấn ngân hàng không có điểm nào trái với ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp.

### **3. Ý kiến pháp lý của công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng và của Việt nam.**

Theo các Văn bản qui định một trong những điều kiện hoàn tất công việc là phải có ý kiến pháp lý của công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng và của Việt nam. Công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng là Shearman & Sterling và của Việt nam là White & Case. Về cơ bản 2 ý kiến trên là giống nhau điểm khác nhau là công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng là tư vấn luật bang NewYork và luật Anh còn White & Case là tư vấn luật bang Newyork cho Việt nam vì các Văn bản ký kết được điều chỉnh theo Luật bang NewYork, ngoài ra Việt nam còn chỉ định thêm Đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng tại Anh, nên Công ty luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng nghiên cứu thêm về luật Anh để chứng minh việc Việt nam chỉ định Đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng khi phát sinh kiện tụng là hợp pháp và có hiệu lực.

Để đưa ra ý kiến pháp lý 2 công ty này đã xem xét việc ký, trao đổi, chuyển giao và chứng thực các Văn bản, ngoài việc xem xét luật bang NewYork và luật Anh, họ còn phải nghiên cứu các qui định về :

- Quy chế thanh toán ghi sổ liên bang,
- Chứng khoán ghi sổ
- Bộ luật thương mại thực hành thống nhất (UCC)
- Luật chứng khoán 1933

Trên cơ sở Việt nam chưa tham gia Công ước về Quyền tài phán và áp dụng các Phán quyết về vấn đề dân sự và thương mại ký tại Brussels ngày 17/9/1968 và Việt nam chưa có thoả thuận với Anh quốc về miễn trừ quốc gia từ các vụ kiện hoặc phán quyết của bất kỳ toà án nào và đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng tại Anh. Tư vấn luật của Ủy ban tư vấn ngân hàng và của Việt nam đã đưa ra ý kiến pháp lý cho các chủ nợ, các đại lý với những nội dung chính như sau :

1. Các Văn bản có hiệu lực pháp lý, hợp lệ và ràng buộc nghĩa vụ của Việt nam, buộc Việt nam phải thực hiện theo các điều khoản đã cam kết.

2. Các văn bản mà Việt nam đệ trình là đáp ứng yêu cầu hoàn tất công việc của Thỏa thuận chuyển đổi.

3. Trái phiếu mà Việt nam phát hành không phải đăng ký theo Luật chứng khoán 1933 và Luật 1933 sửa đổi. Không cần có thỏa thuận nào theo qui định về Luật tín thác của Mỹ năm 1939 cho việc chào và bán các Trái phiếu ngoài các qui định đã được thể hiện trong các Văn bản.

4. Việc Việt nam đệ trình Toà thượng thẩm London hoặc các toà án của Anh các nội dung trong Trái phiếu và các Thỏa thuận là có hiệu lực và Toà án Anh sẽ có phán quyết đối với Việt nam về các vụ khởi kiện phát sinh ngoài hoặc liên quan đến các Văn bản.

5. Việt nam sẽ không được loại bỏ quyền miễn trừ quốc gia đối với việc kiện tụng tại Toà án Anh.

6. Việc Việt nam chỉ định Đại lý tiếp nhận tài liệu tố tụng tại Anh là hợp lệ và có hiệu lực.

Ngoài ra, hai công ty luật trên cũng đưa ra một loạt các ý kiến liên quan đến hiệu lực thi hành (enforceability) của một số vấn đề liên quan đến các nguyên tắc chung, các thông lệ chung mà luật pháp hoặc toà án áp dụng. Các ý kiến về quyền về tài sản cầm cố và việc thực hiện cầm cố theo qui định của luật pháp bang Newyork và UCC ...

#### **4. Ý kiến pháp lý của Bộ trưởng Tư pháp đối với việc phê chuẩn Thỏa thuận cầm cố.**

Theo Thỏa thuận cầm cố giữa Việt nam và Ngân hàng dự trữ liên bang Newyork (FED), FED sẽ làm đại lý cầm cố cho Việt nam, một trong những cam kết của Việt nam trong Thỏa thuận cầm cố là phải có ý kiến của Bộ trưởng Tư pháp về việc phê chuẩn Thỏa thuận cầm cố. Căn cứ cam kết này vào ngày hoàn tất công việc Bộ trưởng Tư pháp cũng đã có ý kiến pháp lý về vấn đề này, nội dung như sau :

1. Chủ tịch nước CHXHCN Việt nam có quyền phê chuẩn các điều ước thoả thuận quốc tế của nước CHXHCN Việt nam, trừ trường hợp phải trình Quốc hội quyết định.

2. Chủ tịch nước CHXHCN Việt nam chỉ có thể phê chuẩn các điều ước hoặc thoả thuận quốc tế sau khi các văn bản này được các bên ký kết.

3. Theo qui định của pháp luật Việt nam, Thoả thuận cầm cố giữa CHXHCN Việt nam và FED với tư cách là đại lý cầm cố được xem như là một thoả thuận quốc tế vì mục đích phê chuẩn.

### III/ KẾT LUẬN :

Như đã đề cập ở trên việc xử lý nợ thương mại của Việt nam qua CLB London thành công đã góp phần to lớn vào tiến trình hội nhập quốc tế của Việt nam, được các tổ chức tài chính quốc tế và các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao và tiếp tục tăng cường hỗ trợ Việt nam thông qua các nguồn vốn ODA và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Để có được thành công đó thì Việt nam đã phải kiên trì đàm phán, vừa làm vừa học. Ngoài việc đàm phán về điều kiện xử lý nợ, các phương án xử lý nợ thì các cam kết pháp lý trong các Văn bản xử lý nợ là hết sức phức tạp vừa theo Luật pháp Newyork, Anh, Việt nam dày tới hàng nghìn trang, ngoài sự tham gia của các công ty tư vấn luật thì điều quyết định vẫn là cơ quan của Việt nam trong đó có chuyên gia của Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp đã góp phần không nhỏ trong việc hoàn tất các cam kết pháp lý trong việc xử lý nợ của Việt nam.

**Chuyên đề 4**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**VIỆC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP**  
**ĐỐI VỚI CÁC THỎA THUẬN VAY VỐN VÀ CÁC HỒ SƠ TÀI LIỆU DỰ**  
**ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**  
*T.S Hoàng Phước Hiệp*

**1. Quan niệm về ý kiến pháp lý**

1.1. Có thể có một lúc nào đó khách hàng yêu cầu luật sư Việt Nam đưa ra lời khuyên về một vấn đề pháp luật nào đó dưới tên gọi là "ý kiến pháp lý". Những ý kiến pháp lý như vậy đã được khẳng định trong Pháp lệnh Tổ chức Luật sư năm 1987 dưới hình thức "làm tư vấn pháp luật cho các tổ chức kinh tế Nhà nước, tập thể và tư nhân, kể cả các tổ chức kinh tế nước ngoài"<sup>22</sup>.

Tuy vậy, bài viết này chỉ giới hạn ở một loại ý kiến pháp lý khác với ý kiến pháp lý được nêu trong Pháp lệnh tổ chức Luật sư. Đó là ý kiến pháp lý do Bộ Tư pháp cấp phát hành cho theo các giao dịch thương mại đầu tư, tài chính-ngân hàng lớn ở Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế, các hợp đồng và các tài liệu pháp lý quan trọng khác.

1.2. Trong lĩnh vực tín dụng quốc tế đã tồn tại một thực tiễn chuẩn về vấn đề này. Thực tiễn này đã cho phép người cung cấp tín dụng yên tâm giải ngân các khoản vay theo thoả thuận. Trong nhiều nước trên thế giới, nếu văn bản ý kiến pháp lý được ký phát hành không đúng quy chuẩn, thì người cho vay có thể khởi kiện luật sư tư vấn của bên đi vay về lỗi của luật sư đó trong cấp phát hành ý kiến pháp lý. Luật sư bên đi vay có thể phải chịu bồi thường

---

<sup>22</sup> Xem Pháp lệnh tổ chức Luật sư, Điều 13 điểm 2.

một khoản tổn thất đáng kể nếu người cho vay không thể thực hiện được thoả thuận cho vay của mình. Chính vì vậy, một yêu cầu quan trọng đầu tiên ở đây là luật sư đưa ra ý kiến pháp lý phải bảo đảm chắc chắn là không có sai phạm nào trong các công đoạn chuẩn bị và ký cấp phát ý kiến pháp lý cũng như phải có bảo hiểm rủi ro đối với tổn thất do sai lầm trong ý kiến pháp lý mang đến cho người cho vay.

Tuỳ thuộc vào các điều kiện của thoả thuận vay vốn và các vấn đề khác mà pháp luật Việt Nam (là nước đi vay) có thể can thiệp vào việc thực thi thoả thuận vay. Nếu Bộ Tư pháp (hoặc một luật sư tư nhân) được yêu cầu cung cấp ý kiến pháp lý cho một giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính-ngân hàng cụ thể, thì Bộ Tư pháp (hoặc luật sư tư nhân) phải xác định cụ thể và phải phát biểu mọi ý kiến của mình về giá trị pháp lý và khả năng có hiệu lực thi hành của các điều khoản của thoả thuận vay vốn. Các ý kiến đó có thể đưa vào văn bản ý kiến pháp lý được ký cấp phát hành dưới dạng các nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn. Có thể nêu ra đây nhiều ví dụ thực tiễn về các ý kiến pháp lý mà Bộ Tư pháp đã ký cấp phát hành cho các khoản vay vốn nước ngoài. Chẳng hạn, Ngân hàng thế giới (WB) đã yêu cầu Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý cho khoản vay giảm nghèo ở vùng miền núi, vùng sâu vùng xa phía Bắc. Bộ Tư pháp đã phải liên hệ với luật sư của WB để thảo luận ý kiến về việc nội dung các ý kiến pháp lý cần ký cấp phát cho khoản vay giảm nghèo này. Qua thảo luận với luật sư của WB, Bộ Tư pháp được biết rõ mục đích, yêu cầu, cấu trúc và các điều kiện của Thoả thuận vay giảm nghèo; các yêu cầu cần được Bộ Tư pháp chấp thuận và các vấn đề cần đưa ra đánh giá chuyên môn và khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý do Bộ tư pháp ký cấp phát hành theo đề nghị của WB. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp và WB thống nhất nội dung bản ý kiến pháp lý cụ thể sẽ được Bộ Tư

pháp ký cấp cho WB về khoản vay giảm nghèo cụ thể này. Ý kiến pháp lý này của Bộ Tư pháp là một trong những điều kiện tiên quyết làm cho Hiệp định vay giữa Việt Nam và WB có hiệu lực thi hành và là cơ sở pháp lý quan trọng để giải ngân khoản vay này của Việt Nam<sup>23</sup>.

Một ví dụ khác phức tạp đã diễn ra trong lĩnh vực này, đó là việc cấp ý kiến pháp lý cho hồ sơ, tài liệu Dự án nhà máy điện BOT Phú Mỹ 2 giai đoạn 2 (Dự án PM 2.2). Đây là một Dự án lớn về điện lực được xây dựng tại Bà Rịa-Vũng Tàu với vốn 100% của nhà đầu tư nước ngoài theo hợp đồng BOT có bảo đảm một phần của Chính phủ Việt Nam. Dự án PM 2.2 có các luật sư của mình và các luật sư này cùng với các chuyên gia của Dự án và phía đối tác Việt Nam (các Bộ, Ngành liên quan) đàm phán thống nhất các tài liệu dự án và các vấn đề pháp lý liên quan. Bộ Tư pháp được yêu cầu xem xét hồ sơ tài liệu của Dự án PM 2.2, chấp thuận các điều kiện pháp lý trong các tài liệu, hoặc liên quan đến các tài liệu của Dự án, đưa ra ý kiến pháp lý về hồ sơ tài liệu Dự án cho các nhà đầu tư nước ngoài đã ký hợp đồng BOT PM 2.2, đưa ra các nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn liên quan đến hiệu lực pháp luật của các hồ sơ tài liệu Dự án PM 2.2 (khoảng hơn 120 văn bản khác nhau). Bên cạnh đó Bộ Tư pháp cũng được yêu cầu ký cấp phát hành ý kiến pháp lý cho WB về khoản vay WB nhằm bảo đảm bù đắp rủi ro một phần cho Dự án PM 2.2.

## **2. Một số vấn đề thực tiễn đặt ra đối với quá trình chuẩn bị ý kiến pháp lý**

2.1 Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp thường bắt đầu từ việc mô tả vai trò của Bộ Tư pháp một cách thận trọng trong vấn đề này, hay nói một cách rõ

---

<sup>23</sup> Xem hồ sơ cấp ý kiến pháp lý Bộ Tư pháp.

ràng hơn là Bộ Tư pháp sẽ ký cấp phát hành ý kiến pháp lý cụ thể này với tư cách gì (ví dụ, với tư cách là Luật sư của Bên vay). Bộ Tư pháp cũng có thể nêu lên danh mục những tài liệu mà Bộ đã xem xét để đưa ra ý kiến nhận định hoặc khẳng định về mặt chuyên môn.

2.2 Trên thực tế cũng rất khó tiên lượng các vấn đề mà Luật sư của nhà cho vay (ví dụ, WB) hoặc Luật sư của các nhà đầu tư nước ngoài (ví dụ, Dự án PM 2.2) đưa ra và đề nghị Bộ Tư pháp xem xét nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn. Tuy vậy, nhìn chung các vấn đề mà đối tác nước ngoài thường muốn Bộ Tư pháp xem xét nhận định và khẳng định về mặt chuyên môn thường là:

a) Các đối tác Việt Nam (ví dụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính Việt Nam, các công ty, doanh nghiệp...) là những thực thể có trụ sở tại Việt Nam và tồn tại hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam hay không?. Những thực thể này hoặc những người đại diện hợp pháp của chúng có thẩm quyền đầy đủ để tiến hành các giao dịch thương mại -đầu tư, tài chính-ngân hàng tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài, đối tác nước ngoài theo văn kiện pháp lý cụ thể (Điều lệ, Luật, Nghị định...) về các thực thể và người đại diện đó và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Các đối tác Việt Nam có đủ năng lực pháp lý để khởi kiện hoặc bị khởi kiện trước một cơ quan tài phán tư pháp (ví dụ, Tòa án tư pháp) hoặc Trọng tài quốc tế theo tên gọi chính thức và địa chỉ được xác định trong thoả thuận vay vốn, trong hồ sơ tài liệu dự án hoặc theo các thông tin chính thức khác liên quan hay không?

c) Các đối tác Việt Nam có đủ thẩm quyền để tiếp nhận và thực thi các nghĩa vụ đã được ghi nhận cho nó trong thoả thuận vay vốn hoặc trong hồ sơ

tài liệu dự án hay không? Liệu ở đây có sự cấm đoán hay hạn chế gì không theo quy định của Hiến pháp hoặc pháp luật Việt Nam?

d) Các đối tác Việt Nam đã tiến hành đầy đủ các bước cơ bản cần thiết say đây hay chưa?

- Đã nhận được giấy phép (hoặc giấy uỷ quyền) hợp pháp để ký thoả thuận vay vốn (hoặc hồ sơ tài liệu dự án);

- Đã tiến hành các thủ tục cần thiết để tiếp nhận và thực thi các nghĩa vụ của mình theo thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án và các thủ tục khác liên quan.

đ) Thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án đã được các đối tác Việt Nam ký hợp pháp hay không?;

e) Các thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án có tạo ra các nghĩa vụ pháp lý có giá trị thi hành và ràng buộc các đối tác Việt Nam theo các điều kiện của thoả thuận và dự án đó hay không? Đây là vấn đề phức tạp cần có sự nghiên cứu kỹ càng trước khi đưa ra ý kiến pháp lý.

g) Liệu trong quá trình thực thi thoả thuận vay hoặc các tài liệu dự án các bên cho vay và bên vay, các nhà đầu tư cần thiết phải tiếp tục xin phép, nhận được sự phê duyệt, chấp thuận hoặc phải đăng ký làm các thủ tục báo cáo, lưu giữ tài liệu... và các thủ tục khác với các nhà chức trách địa phương, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hay không? Đây cũng là vấn đề phức tạp đối với các đối tác nước ngoài khi thủ tục hành chính của Việt Nam quá phức tạp, phiền hà và không bảo đảm các yêu cầu về minh bạch, công khai trong thương mại, đầu tư quốc tế. Một ví dụ khá điển hình là Dự án PM 2.2, sau khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Việt Nam đã hoàn tất mọi thủ tục, Chủ tịch nước đã phê chuẩn Hiệp định vay bảo đảm bồi hoàn một phần

rủi ro cho Dự án, Bộ Tư pháp đã cấp ý kiến pháp lý cho hồ sơ tài liệu Dự án quan trọng này của đất nước nhưng Sở Địa chính thuộc UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vẫn gây khó khăn cho các nhà đầu tư nước ngoài với lý do chưa có hướng dẫn về đăng ký hợp đồng thế chấp các bất động sản gắn liền với đất<sup>24</sup>. Đó là chưa nói đến các trường hợp "trên nói dưới không nghe", dự án không thể triển khai tiếp vì "dân chưa thông", chưa tuân theo "lệ làng" cho dù "phép nước" đã làm đủ.

h) Việc ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của bên Việt Nam theo các thoả thuận vay hoặc tài liệu dự án không bị và sẽ không bị xung đột với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam hoặc với bất kỳ một thoả thuận nào khác mà Việt Nam hoặc các bên Việt Nam ở đây đang tham gia. Bộ Tư pháp cũng có thể được yêu cầu xem xét để đưa ra khẳng định về mặt chuyên môn về vấn đề liệu hậu quả của việc vi phạm một điều kiện hoặc một quy định nào đó của thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án hoặc việc xuất hiện một tình huống lỗi vi phạm hợp đồng nào đó có mâu thuẫn với Hiến pháp và pháp luật Việt Nam hay không?

i) Bên đối tác Việt Nam đã không bị một phán quyết hoặc một quyết định hành chính về chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc bị toà án Việt Nam tuyên bố phá sản. Tuy vậy, cũng có thể có trường hợp bên đối tác nước ngoài yêu cầu Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét để khẳng định rằng đối tác Việt Nam (ví dụ, một doanh nghiệp cụ thể của Việt Nam) không bị khởi kiện tại toà án Việt Nam về một vấn đề kinh tế nào đó. Quả thực, ở Việt Nam đây là vấn đề phức tạp, khó có thể kiểm tra một cách nhanh chóng trong điều kiện các bản án của toà án không được công bố công khai trên

---

<sup>24</sup> Xem Thư ngày tháng 1/2003 của MECO gửi Bộ Tư pháp và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

các phương tiện thông tin đại chúng, các thông báo về các phiên toà không phải lúc nào cũng dễ dàng kiểm tra đối chiếu được<sup>25</sup>.

k) Không có một khoản thuế hoặc lệ phí nào phải trả ở Việt Nam để ký kết và thực thi các thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án. Đây cũng là vấn đề đôi khi gây tranh luận mất nhiều thời gian. Chẳng hạn, bên đối tác nước ngoài muốn công chứng tài liệu dự án hoặc thoả thuận vay vốn họ phải trả lệ phí công chứng đối với việc công chứng các tài liệu đó theo quy định của pháp luật. Việc đăng ký các hợp đồng thế chấp cũng phải trả lệ phí...

l) Bên cho vay hoặc các nhà đầu tư, thương gia nước ngoài phải có quyền khởi kiện tại toà án Việt Nam hoặc một cơ quan tài phán do các bên nước ngoài và bên Việt Nam thoả thuận trong Thoả thuận vay vốn hoặc trong hồ sơ tài liệu dự án về việc thực thi các quyền và nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án.

m) Việc lựa chọn pháp luật để điều chỉnh thoả thuận vay vốn hoặc hợp đồng cụ thể hoặc các tài liệu dự án phải có giá trị pháp lý và ràng buộc đối với các đối tác Việt Nam. Đây cũng là vấn đề phức tạp, gây tranh luận mất nhiều thời gian. Thông thường, những thoả thuận vay vốn thường theo công thức và pháp luật của bên cho vay. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản cho Việt Nam vay vốn thì pháp luật điều chỉnh thoả thuận vay vốn cụ thể đó sẽ là pháp luật Nhật Bản. WB cho Việt Nam vay vốn thì pháp luật điều chỉnh là pháp luật WB. Tuy vậy, đối với các tài liệu dự án đầu tư nước ngoài thì việc chọn luật điều chỉnh có thể phức tạp hơn. Luật điều chỉnh ở đây có thể là pháp luật của một nước do các bên tự do lựa chọn. Đối với các hợp đồng BOT, BTO, BT thì pháp luật điều chỉnh ở đây phải được Bộ Tư pháp xem xét chấp thuận. Trong trường hợp xử lý nợ qua câu lạc bộ Luân Đôn, thì

---

<sup>25</sup> Xem "Báo cáo đánh giá nhu cầu..."

pháp luật điều chỉnh lại là pháp luật của Bang New York, Hoa Kỳ. Trong tài liệu dự án PM 2.2, có loại thì theo pháp luật Singapore, có loại thì theo pháp luật Anh.

n) Việc các đối tác Việt Nam tuân thủ quyền tài phán không riêng biệt của toà án nước ngoài theo thoả thuận phải có giá trị pháp lý và ràng buộc đối với các bên Việt Nam liên quan.

o) Nếu toà án nước ngoài tuyên một bản án trên cơ sở thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án liên quan đến các nghĩa vụ của các đối tác Việt Nam thì bản án đó phải được công nhận và thi hành tại Việt Nam.

Đây là vấn đề quan trọng và pháp luật các nước tuân theo những nguyên tắc rất khác nhau<sup>26</sup>. Pháp luật Việt Nam cũng có quy định khá cứng rắn về vấn đề này, chỉ công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài khi Việt Nam và nước có toà án đã ký kết với nhau về một điều ước quốc tế về vấn đề này<sup>27</sup>.

p) Các bên đối tác Việt Nam không được hưởng quyền miễn trừ tư pháp hoặc tài sản của các bên đó không thuộc diện được loại trừ khỏi khối tài sản bị cưỡng chế thi hành án.

Đây cũng là vấn đề phức tạp, gây nhiều tranh luận giữa các luật gia các nước khác nhau. Pháp luật nhiều nước thừa nhận quyền miễn trừ tư pháp đối với quốc gia, Chính phủ và tài sản của quốc gia, Chính phủ. Điều đó có nghĩa không một ai, một cơ quan tư pháp nào được thừa kiện hoặc thụ lý vụ kiện chống lại quốc gia, Chính phủ nước ngoài hoặc chống lại tài sản của quốc gia, Chính phủ nước ngoài đó, trừ trường hợp quốc gia, Chính phủ từ bỏ quyền miễn trừ của mình. Không một cơ quan tư pháp nào được áp dụng

---

<sup>26</sup> Xem chuyên đề "Vấn đề thi hành án có yếu tố nước ngoài - Thực trạng và giải pháp". Thông tin KHPL, số 1/2002, trang 9-38.

<sup>27</sup> Xem chuyên đề "Vấn đề thi hành án có yếu tố nước ngoài ..." sđd, trang 81-95.

các biện pháp khẩn cấp để bắt giữ tài sản của quốc gia, Chính phủ nước ngoài nhằm bảo đảm cho việc xét xử sơ thẩm vụ tranh chấp cụ thể nào đó, trừ trường hợp quốc gia, Chính phủ đó chấp thuận rõ ràng hành vi đó. Cũng theo quy tắc miễn trừ này, không một cơ quan tư pháp nào được áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thi hành án, quyết định dân sự-kinh tế của toà án nước ngoài nhằm chống lại quốc gia, Chính phủ nước ngoài, trừ trường hợp quốc gia, Chính phủ đó khước từ quyền miễn trừ tư pháp của mình. Pháp luật Việt Nam về nguyên tắc cũng thừa nhận sự tồn tại của quyền miễn trừ tư pháp đó của quốc gia, Chính phủ và của tài sản quốc gia, Chính phủ. Do vậy, trong nhiều trường hợp, đối tác nước ngoài đưa ra điều kiện Việt Nam phải từ bỏ quyền miễn trừ tư pháp đó. Nếu bên Việt Nam chấp nhận, thì sự chấp nhận đó phải được khẳng định lại trong ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp.

**2.3 Các luật sư Việt Nam và Bộ Tư pháp khi nghiên cứu và chuẩn bị các ý kiến pháp lý sẽ phải lý giải các cơ sở mà họ đã dựa vào đó để đưa ra các kết luận cần thiết trong ý kiến pháp lý. Để làm được vấn đề này, các luật sư Việt Nam và Bộ Tư pháp phải tiến hành nghiên cứu, xem xét và điều tra các vấn đề liên quan trước khi kết luận về nó. Nếu không thể điều tra đầy đủ để đi đến kết luận dứt khoát vấn đề, thì người ta có thể nhận định vấn đề đó đã đáp ứng các yêu cầu cần thiết theo pháp luật .**

Trong thực tiễn, người ta có thể nhận định trong ý kiến pháp lý như sau:

- a) Tất cả tài liệu hoặc bản sao tài liệu được gửi tới để xem xét cấp phát ý kiến pháp lý được giả định là đã phù hợp với bản gốc của nó. Cũng có thể giả định rằng tài liệu thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án đã không bị một bên nào sửa đổi, bổ sung, đánh đổi... trái phép.
- b) Thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án đã được đối tác nước ngoài hoàn thành thủ tục pháp lý và đã được ký kết hợp pháp; việc ký kết này là có giá trị pháp lý
- c) Các nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn và các tài liệu dự án là có giá trị pháp lý và ràng buộc đối với các bên đối tác nước ngoài

- d) Việc đối tác nước ngoài ký kết, chuyển giao hồ sơ, tài liệu và thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận vay và tài liệu dự án là phù hợp với tất cả các quy định của pháp luật được áp dụng, và các đối tác nước ngoài sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của thoả thuận vay vốn, tài liệu dự án và sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ phát sinh từ các văn kiện tài liệu pháp lý đó.
- e) Tất cả các tài liệu, báo cáo, văn bản được gửi đến luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp để xem xét cấp ý kiến pháp lý là các tài liệu, báo cáo, văn bản đầy đủ, trọn vẹn, được cập nhật và được đệ trình hợp thức. Tuy vậy, trong trường hợp xét thấy cần thiết, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể yêu cầu để các bên đối tác nước ngoài cung cấp thêm các tài liệu liên quan cần thiết cho giả định này.
- f) Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì loại giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính-tín dụng kiểu này cần phải có thêm các tài liệu pháp lý liên quan và phải được phép của cơ quan chuyên môn nhất định (ví dụ, phải được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ, sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính, phải lập các đơn vị cơ sở để thực thi dự án, có vốn đối ứng thích hợp...) và yêu cầu các đối tác Việt Nam cung cấp thêm các tài liệu liên quan.
- g) Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể nhận định rằng việc ký kết và chuyển giao tài liệu dự án, thoả thuận vay vốn cũng như việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo các tài liệu, văn kiện đó ngoài lãnh thổ Việt Nam sẽ không có giá trị pháp lý và không thể thực thi theo pháp luật Việt Nam mà các việc đó phải thoả mãn mọi yêu cầu của pháp luật của nước nơi thực hiện các hành vi đó.
- h) Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng các cơ quan thuế Việt Nam sẽ không tiến hành bất cứ hoạt động nào nhằm thu các loại thuế có thể có theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với việc chuyển tiền vay từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc đối với các khoản tiền trả nợ của Việt Nam khi chuyển ra nước ngoài ...
- i) Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể nhận định rằng ngoài pháp luật của Việt Nam và pháp luật của nước đã được các bên Việt Nam và nước ngoài thoả thuận lựa chọn hợp pháp và đã được khẳng định trong ý kiến pháp lý, thì không có pháp luật của nước nào khác gây ảnh hưởng đến hiệu lực pháp lý của bản ý kiến pháp lý đã được ký cấp phát hành cho đối tác nước ngoài .

- j) Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể nhận định tiếp rằng tất cả các tài liệu gốc, dấu đóng trên tài liệu, chữ ký trên các tài liệu và hình thức các văn bản được lập để trình gửi cho đối tác nước ngoài sau khi được Bộ Tư pháp kiểm tra đã khẳng định là đúng bản gốc.
- k) Nếu có các tài liệu được lập, ký... theo uỷ quyền hợp pháp thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng các tài liệu đó không bị sửa đổi, bổ sung hoặc bị đánh tráo bởi một văn bản khác. Tương tự vậy, nếu việc ký kết một thoả thuận, hồ sơ tài liệu dự án đòi hỏi phải có giấy uỷ quyền hoặc giấy phép cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng các giấy uỷ quyền, các giấy phép đó đã không bị sửa đổi, bổ sung hoặc bị đánh tráo bởi một văn bản khác (sau khi đã kiểm tra cẩn thận).
- l) Nếu có bất cứ một tài liệu nào đó cần phải được đăng ký và luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp không thể có giấy tờ chứng minh về việc đăng ký tài liệu đó, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng tài liệu đó đã được hoặc sẽ được đăng ký.
- m) Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp, trong trường hợp cần thiết, cũng có thể nhận định rằng không có một đối tác trong, ngoài nước nào đã tiến hành hoặc sẽ tiến hành những giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh trái với thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án hoặc tiến hành hoạt động dưới một chiêu thức nào đó mà kết quả của nó sẽ không phù hợp với mục đích cần đạt của thoả thuận vay vốn hoặc hồ sơ tài liệu dự án.
- n) Về vấn đề pháp luật được lựa chọn để điều chỉnh các văn bản thoả thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án, trong nhiều nước, kể cả Việt Nam chúng ta, vấn đề này thường được coi là vấn đề nhạy cảm trong đàm phán, ký kết các thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án. Do vậy, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể nhận định rằng pháp luật đã được các bên lựa chọn chỉ liên quan trực tiếp đến việc thực thi giao dịch thương mại cụ thể được nêu rõ trong văn bản thoả thuận vay vốn, tài liệu dự án. Tư pháp quốc tế nhiều nước đều công nhận khả năng chọn pháp luật nước ngoài để điều chỉnh một số quan hệ cụ thể, trong đó có cả quan hệ thương mại-đầu tư, tài chính-ngân hàng. Tuy vậy, ở đây cũng có một số ngoại lệ<sup>28</sup>. Việc chọn pháp luật thường được

<sup>28</sup> Xem: "Giáo trình Tư pháp quốc tế", Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, 2001, trang 76-89; "Giáo trình Tư pháp quốc tế" Trường Đại học Luật Hà Nội, 1997, Trang 42-49

công nhận nếu pháp luật được chọn đó có mối liên hệ trực tiếp đến giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính-ngân hàng được các bên thoả thuận tiến hành. Chẳng hạn, người ta thoả thuận chọn pháp luật Nhật Bản để điều chỉnh thoả thuận vay vốn từ Ngân hàng Nhật Bản. Người ta cũng có thể chọn pháp luật của Bang Niu-York, Hoa Kỳ để điều chỉnh thoả thuận về tăng cường đầu tư của US. EXIMBANK vào Việt Nam ,v.v...

- o) Một số nước có quy định về thuế lợi tức cổ phần đầu tư hoặc thuế lợi tức từ khoản tiền vay từ nước ngoài. Nếu Việt Nam có quy định loại thuế này, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp, sau khi thống nhất được với cơ quan thuế Việt Nam, có thể nhận định rằng đối tác Việt Nam sẽ được giảm thuế lợi tức cụ thể đó và đối tác nước ngoài có thể phải thuế đó phù hợp với yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các cam kết của Việt Nam theo thoả thuận vay vốn nước ngoài hoặc theo các tài liệu dự án đã được phê duyệt.
- p) Để kết thúc phần nhận định là các đối tác trong và ngoài nước không phản đối và không cho rằng các nhận định của luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp là sai trái.

### **3. Một số vấn đề đặt ra cần khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý:**

Trong quá trình chuẩn bị văn bản ý kiến pháp lý, có thể luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp được yêu cầu khẳng định trong ý kiến pháp lý một số vấn đề chuyên môn. Một số đề nghị khẳng định như vậy có thể không hẳn là đúng, do đó cần có giải pháp chuyên môn cho các đề nghị đó trong văn bản ý kiến pháp lý sẽ được ký cấp phát cho các đối tác trong, ngoài nước. Các giải pháp đó trong thực tiễn có thể là:

- l- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể giới hạn ý kiến pháp lý của mình trong phạm vi pháp luật Việt Nam mà thôi. Họ cũng có thể ghi rõ ràng rằng họ không khảo sát pháp luật của nước khác cho dù pháp luật đó có liên quan đến các vấn đề được nêu trong văn bản ý kiến pháp lý.
- m- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể chỉ rõ ra rằng họ không nghĩa vụ phải thông báo đối tác nước ngoài đã yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về những thay đổi của pháp luật Việt Nam sau khi ký cấp phát ý kiến pháp lý cho dù những thay đổi của pháp luật đó có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch thương mại - đầu tư, tài chính - ngân hàng. Nếu không chọn giải pháp như vậy thì người cấp ý kiến pháp lý có thể bị thừa kiện bồi thường thiệt hại khi pháp luật

thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thực thi các cam kết ban đầu giữa các bên đối tác.

- n- Có một số biện pháp mà các cơ quan tư pháp các nước thường sử dụng cũng phải được cân nhắc khi soạn thảo văn bản ý kiến pháp lý. Chẳng hạn, toà án có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với một đối tác nhất định tại Việt Nam khi đối tác đấy không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, và như vậy các nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án có thể không được thực hiện. Nếu pháp luật Việt Nam có quy định rõ ràng về các biện pháp khẩn cấp này thì trong ý kiến pháp lý cũng phải nói rõ vấn đề đó. Hoặc trong thoả thuận vay vốn có quy định dòng tiền được vay phải dùng vào mục đích nhất định (ví dụ, xoá đói giảm nghèo ở vùng sâu, vùng núi cao), nhưng các đối tác Việt Nam lại dùng tiền đó để phục vụ một mục đích khác (ví dụ, xây dựng cầu đường ở các thành phố), thì bên đối tác nước ngoài (người cho vay vốn) có thể yêu cầu toà án Việt Nam hoặc các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền ra quyết định buộc đối tác Việt Nam phải chấm dứt việc sử dụng tiền vay trái mục đích đã được thoả thuận với bên cho vay.
- o- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể sử dụng giải pháp theo đó trong văn bản ý kiến pháp lý có thể ghi rõ các thoả thuận giữa các bên đối tác hoặc tài liệu dự án sẽ không còn giá trị thì nhà nếu trong vòng một thời gian nhất định được xác định cụ thể mà các bên đối tác trong và ngoài nước không tiến hành những hoạt động nhất định được ghi rõ trong các văn bản thoả thuận, tài liệu dự án hoặc trong văn bản ý kiến pháp lý.
- p- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng, việc thực thi thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án có thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, bị giải thể hoặc bị phá sản hoặc bởi các luật lệ liên quan của Việt Nam. Tương tự như vậy, trong ý kiến pháp lý cũng có thể ghi rõ các luật lệ liên quan của Việt Nam có thể có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi các quyền của các chủ nợ.
- q- Ngoài trường hợp nói ở điểm (e) nêu trên, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng việc thực thi các quyền theo thoả thuận vay vốn, các tài liệu dự án có thể bị ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc thu hẹp từ quyền, hạn chế hoặc bảo vệ quyền hoặc tách, nhập, tổ chức lại doanh nghiệp Việt Nam, cải cách hành chính Nhà nước ...

- r- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể tuyên bố trong văn bản ý kiến pháp lý rằng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì việc thực thi thỏa thuận vay vốn hoặc tài liệu dự án sẽ bị cấm hoặc bị chấm dứt nếu cơ quan có thẩm quyền Việt Nam phát hiện ra việc ký kết các thỏa thuận vay vốn, các tài liệu dự án đã đạt được ban đầu con đường lừa đảo, bằng sự đe dọa bạo lực hoặc những con đường trái pháp luật khác.
- s- Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng sẽ có một số quy định trong các thỏa thuận vay vốn, các tài liệu dự án sẽ không được thực thi tại Việt Nam theo điều khoản bảo lưu về trật tự công cộng của Việt Nam. Về vấn đề trật tự công cộng, pháp luật các nước quy định rất khác nhau<sup>29</sup>. Khi đưa ra tuyên bố về vấn đề này trong văn bản ý kiến pháp lý, luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp phải hết sức thận trọng và cân nhắc kỹ việc chọn giải pháp này.
- t- Nếu trong hợp đồng, thỏa thuận vay vốn, các tài liệu dự án giữa các đối tác có các quy tắc buộc tòa án phải chọn luật nước ngoài, để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cần nói rõ điều đó trong văn bản ý kiến pháp lý. Trong trường hợp cần thiết, trong văn bản ý kiến pháp lý có thể dành một mục để mô tả vắn tắt các quy tắc áp dụng pháp luật đó.
- u- Nếu văn bản ý kiến pháp lý được cấp phát theo yêu cầu làm rõ những vấn đề mà việc làm rõ các vấn đề đó lại đòi hỏi phải kiểm tra những tài liệu cá biệt hoặc các báo cáo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cần phải ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng pháp luật Việt Nam có các quy định khác với thỏa thuận của các bên đối tác.
- v- Nếu thỏa thuận vay vốn hoặc các tài liệu dự án yêu cầu thanh toán tiền hoặc trả nợ bằng USD và phải có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (ví dụ, Ngân hàng Nhà nước) trong chuyển đổi từ VND sang USD để thanh toán hoặc trả nợ, thì luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp trong văn bản ý kiến pháp lý phải nói rõ yêu cầu về sự phê duyệt này.

Ngoài những vấn đề, giải pháp nêu trên có thể sử dụng để khẳng định các yêu cầu của đối tác, có thể có các vấn đề, giải pháp khác, tùy thuộc từng trường hợp cụ thể.

#### **4. Phần kết thúc văn bản ý kiến pháp lý:**

<sup>29</sup> Giáo trình Tư pháp quốc tế trường Đại học Luật Hà Nội, sđd trang 53-56

Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể kết thúc vanur bản ý kiến pháp lý bằng việc cá biệt hoá người có thể chịu trách nhiệm đối với văn bản đó. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp có thể ghi rõ trong văn bản ý kiến pháp lý rằng văn bản này được ký phát vào một ngày tháng năm nhất định và do vậy, người ký phát hành ý kiến pháp lý này sẽ không thể biết và không thể chịu trách nhiệm về những thay đổi của pháp luật Việt Nam liên quan có thể xảy ra sau ngày ký phát hành văn bản ý kiến pháp lý đó.

Người ký phát hành ý kiến pháp lý cũng có thể ghi rõ trong vanur bản ý kiến pháp lý rằng văn bản này không được chuyển giao cho bất kỳ ai hoặc không được công bố cho bất cứ ai không được ghi tên trong văn bản đó. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng có thể ghi thêm rằng không một ai có thể chịu trách nhiệm thay cho người đã ký phát văn bản này về những vấn đề người đó đã khẳng định trong văn bản ý kiến pháp lý. Người ký phát hành văn bản ý kiến pháp lý cũng có thể yêu cầu người được nhận văn bản đó rằng họ không được dẫn chiếu hoặc viện dẫn nó như một tài liệu công cộng hoặc họ không phải đưa ra cho một cơ quan Nhà nước nào để vào sổ lưu chiếu, đăng ký hoặc đưa cho bất cứ một người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của người ký phát hành.

Sở dĩ người ta thường làm như vậy là vì có nhiều lý do khác nhau buộc người ta phải cân nhắc cẩn thận. Trước tiên, đó là trách nhiệm tiềm tàng của người ký phát hành văn bản ý kiến pháp lý đối với người đã nhận được văn bản này. Trách nhiệm này về mặt nguyên tắc phải giới hạn giữa người ký văn bản ý kiến pháp lý với những người được cấp văn bản và được ghi rõ tên trong văn bản đó. Thứ hai, nếu nhiều người khác biết nội dung vanur bản đã được ký cấp phát thì người ký văn bản có thể thường xuyên bị quấy rầy vì các yêu cầu khác nhau về sau, kể cả bị phê phán là đã giả định và khẳng định không chính xác tình tiết và bản chất của vấn đề. Thứ ba, nếu có một người nào đó muốn lĩnh hội trách nhiệm trong tương lai về ý kiến pháp lý đã được ký phát hành và cho người ký phát hành cơ hội để cập nhật thông tin pháp luật, thì ý kiến pháp lý trước đây đã ký phát hành có thể bị người này sửa đổi, bổ sung và như vậy có thể dẫn đến những hậu quả không mong muốn về sau trong quá trình thực thi các nghĩa vụ theo thoả thuận vay vốn hoặc hồ sơ tài liệu dự án.

Người cấp văn bản ý kiến pháp lý có quyền thu một khoản lệ phí nhất định để bù đắp các chi phí, công sức cho việc chuẩn bị văn bản ý kiến pháp lý.

## **5. Vấn đề bảo lãnh và bảo đảm an toàn**

Đôi khi người ta đòi hỏi phải có bảo lãnh hoặc bảo đảm an toàn cho một khoản vay lớn hoặc dự án lớn. Những bảo lãnh và bảo đảm an toàn như vậy đòi hỏi phải có những lập luận chuyên biệt. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp đôi khi phải bảo đảm chắc chắn rằng các khâu cần thiết đã được tiến hành đầy đủ và bảo lãnh sẽ được ký phát hành đúng như mong muốn. Luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp cũng cần phải làm các giả định và khẳng định chuyên môn về cách thức phát hành bảo lãnh hoặc bảo đảm an toàn. Người phát hành ý kiến pháp lý cho các bảo lãnh và bảo đảm an toàn có thể ghi rõ Chính phủ có đủ thẩm quyền đối với việc an chế hoặc huỷ bỏ bảo lãnh, bảo đảm an toàn bằng cách thông qua các vanư ản quy phạm pháp luật có hiệu lực về việc đó. Trong thực tiễn pháp luật các nước, có không ít những hạn chế, cấm đoán trong thực thi các bảo lãnh, bảo đảm an toàn đối với các khoản vay hoặc dự án lớn. Chẳng hạn, có nước quy định cho dù có một bản án của toà án chống lại một Chính phủ, nhưng không phải vì thế mà áp dụng được biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với tài sản của Chính phủ đó. Chính vì vậy cho nên khi tiến hành một giao dịch thương mại-đầu tư, tài chính- ngân hàng có bảo đảm, người ta cần phải cân nhắc cẩn thận vấn đề này kể cả khi Chính phủ sẵn sàng ký phát hành bảo lãnh hoặc bảo đảm an toàn cho giao dịch đó.

Các bảo đảm trả nợ do một doanh nghiệp này ký phát hành cho một doanh nghiệp khác cũng có thể trở thành đối tượng của các ý kiến pháp lý. Người cho vay tiên fcó thể yêu cầu luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp xác định về hiệu lực pháp lý của các bảo đảm tiền vay như đã làm các ý kiến pháp lý đối với các thoả thuận vay vốn nước ngoài, hồ sơ tài liệu dự án mà chúng ta đã nói ở phần trên. Ở đây cũng sẽ có các vấn đề cần có giả định, cần có khẳng định về một chuyên môn của luật sư Việt Nam hoặc Bộ Tư pháp. Trong trường hợp người tiếp nhận các bảo đảm an toàn tiền vay (chẳng hạn, cầm cố hoặc thế chấp tài sản), thì cũng cần phải tiến hành các giả định, khẳng định về mặt chuyên môn về cách thức tiếp nhận và thụ hưởng các bảo đảm an toàn tiền vay cũng như cách thức mà nhờ đó người cho vay có thể thực thi các quyền của mình. Người cấp văn bản ý kiến pháp lý có thể mô tả các giả định và khẳng định về mặt chuyên môn về các vấn đề này theo pháp luật của nước mình như đã từng làm với ý kiến pháp lý về các vấn đề khác.

Tóm lại, cũng khó đi đến những quan điểm lý luận về việc cấp ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các thoả thuận vay vốn và các hồ sơ tài liệu dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tuy vậy, thực tiễn Việt Nam về vấn đề này thì khá phong phú. Thực tiễn đó dựa trên cơ sở lý luận và

thực tiễn nhiều năm của các nước khác nhau về vấn đề thương mại- đầu tư, tài chính – ngân hàng và thông lệ tài chính-tín dụng quốc tế. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các kinh nghiệm của các nước trong lĩnh vực này là đúng quý giá và cần được nghiên cứu cẩn thận.

**Chuyên đề 5**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**ĐỀ CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ**  
**CHO CÁC KHOẢN VAY THƯƠNG MẠI NƯỚC NGOÀI.**

Ngô Quốc Kỳ, Trưởng phòng Pháp chế  
Nguyễn Hồng Vân, Chuyên viên pháp lý  
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

**I. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ:**

**1. Sự ra đời**

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế và tín dụng quốc tế, các vấn đề luật pháp của các quốc gia liên quan trong giao dịch ngày càng được quan tâm. Đây cũng là tiền đề cho sự ra đời một văn kiện mang tính pháp lý cao mà ngày nay người ta biết đến dưới tên gọi “ý kiến pháp lý” (Legal Opinion) .

Trong các giao dịch quốc tế, các bên tham gia thường là từ cá quốc gia khác nhau, với những nền pháp luật khác nhau. Do vậy, dễ làm phát sinh ra một khả năng là, có thể những hành động này ở luật của nước này là hợp pháp nhưng ở nước kia là không được phép. Những rủi ro về mặt pháp lý của giao dịch xuất hiện. Để bảo vệ quyền lợi của các bên, đặc biệt là của người bán (trong các giao dịch thương mại), người cho vay (trong giao dịch tín dụng), các luật sư của bên cung cấp hàng hóa dịch vụ thường yêu cầu luật sư của bên kia thẩm định giao dịch dưới khía cạnh pháp lý của nước người mua/ người đi vay, qua đó phải nêu ra được những gì hợp pháp và không hợp pháp, những gì rủi là ro.

Vào những năm 70 của thế kỷ này, luật sư ở các nước phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản... vốn là những chủ nợ của thế giới - đã hình thành nên một văn kiện pháp lý được gọi là “Ý kiến pháp lý”. Các văn kiện này ngày càng được áp dụng rộng rãi trong quan hệ tín dụng quốc tế, do vậy đã xuất hiện một nhu cầu thống nhất hóa nội dung văn kiện. Vào

năm 1984, tại cuộc họp của Hiệp hội luật sư quốc tế (International Bar Association - IBA) lần thứ 20 tại Viên, Ủy ban E (Ủy ban về Ngân hàng) đã đề trình ra một dự thảo và tham luận về các nội dung cơ bản của Ý kiến pháp lý. Sau khi được các luật sư từ nhiều nước trên thế giới đóng góp ý kiến, dự thảo này đã được sử dụng và biết đến như là ấn bản đầu tiên của Mẫu ý kiến pháp lý. Qua một quá trình áp dụng, ấn bản này đã được luật sư các nước nhanh chóng hoàn thiện, và đến Hội nghị lần thứ 22 của IBA tại Buenos Aires thì ấn bản lần thứ hai được thông qua và sử dụng cho đến nay.

Ngày nay, thuật ngữ “Ý kiến pháp lý” được hiểu một cách thông thường là một văn bản do luật sư hoặc các cơ quan pháp luật có thẩm quyền của một nước đưa ra theo yêu cầu của khách hàng của mình để gửi đến cho khách hàng của mình hoặc một bên khác trong giao dịch nêu rõ về tính pháp lý của giao dịch đó.

## **2. Vai trò của Ý kiến pháp lý**

Như trên đã nói, xuất phát từ nhu cầu bảo vệ quyền và lợi ích của mình, nhằm tránh các rủi ro mang tính pháp luật trong các giao dịch quốc tế, phía người bán/ người cho vay thường muốn được biết tường tận về tính chất pháp lý của giao dịch đó đối với luật pháp nước họ cũng như luật pháp của đối tác. Yêu cầu này được đặt ra cho cả luật sư của hai bên, nhất là bên nước người mua/ người đi vay.

Xuất phát từ yêu cầu đó, người nhận Ý kiến pháp lý mong muốn nhận được những thẩm định mang tính chất chuyên môn về mặt luật pháp đối với giao dịch đó, để xem giao dịch đó có đúng về khía cạnh pháp lý hay không. Chính vì thế, người ta đã quan niệm một cách ngắn gọn và dễ hiểu là Ý kiến pháp lý là một văn bản trong đó các luật sư phải chỉ ra cho người nhận nó thấy được các rủi ro về mặt pháp lý mà người đó phải đề phòng và ngăn ngừa trước.

Do đó, Ý kiến pháp lý thực sự đóng một vai trò quan trọng trong giao dịch, nó quyết định sự tiếp tục hay chấm dứt giao dịch, quyết định sự thành công hay thất bại của giao dịch về mặt pháp lý. Trong nhiều trường hợp, sau khi xem Ý kiến pháp lý của luật sư đưa ra, người bán/ người cho vay đi đến quyết định hủy bỏ giao dịch vì nhận thấy quá nhiều rủi ro. Trong những tình huống khác, các bên đã tìm cách thay đổi phương pháp thực hiện giao dịch hoặc địa điểm thực hiện giao dịch để tránh cả rủi ro (1)

Với tầm quan trọng đó, Ý kiến pháp lý là một văn kiện không thể thiếu trong các giao dịch mang tính quốc tế, nhất là trong quan hệ tín dụng có yếu tố nước ngoài, khi mà bên cho vay không thông hiểu được pháp luật của bên đi vay, đặc biệt là về nghĩa vụ trả nợ cho Bên đi vay nước ngoài.

### **3. Quy định về việc cấp Ý kiến pháp lý của một số nước trên thế giới.**

Như trên đã nói, việc Ý kiến pháp lý đầu tiên là nhu cầu tự thân của các bên tham gia giao dịch để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Việc này đã được các luật sư tiến hành thường xuyên. Tuy nhiên, vì đây là các giao dịch mang tính quốc tế nên các luật sư của nước này thường không am hiểu luật pháp của nước khác, do đó đã xuất hiện việc ủy thác, thuê lại, nhờ cậy... giữa các luật sư với nhau, giữa hãng luật này với hãng luật khác giữa các quốc gia khác nhau. Điều này ngày càng làm cho việc cấp Ý kiến pháp lý trở nên phổ biến hơn.

Sau các cuộc họp có tính chuyên môn của Hiệp hội luật sư quốc tế (IBA) vào năm 1984, Ý kiến pháp lý đã được các luật sư nhiều nước thống nhất áp dụng. Các quốc gia mà có hiệp Hội luật sư/ Đoàn luật sư là thành viên của Hiệp Hội này nhanh chóng nhận thấy đây là một văn kiện pháp lý cần thiết nên đã đưa vào luật pháp nước mình. Bang New York của Mỹ là nơi đầu tiên đưa các quy định về Ý kiến pháp lý vào trong luật điều chỉnh các Hợp đồng tín dụng. Sau đó, các chế định này được các nước phát triển như Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Úc, Singapore... lần lượt áp dụng trong các giao dịch tín dụng quốc tế.

### **4. Cơ sở Pháp luật của việc cấp Ý kiến pháp lý tại Việt Nam.**

Ở Việt Nam, thuật ngữ Ý kiến pháp lý được biết đến đầu tiên do các quan hệ vay nợ với các nước ngoài hoặc với các tổ chức tài chính quốc tế. Khi cho vay, các chủ nợ thường yêu cầu luật sư hoặc các cơ quan pháp lý có thẩm quyền của Việt Nam đưa ra các thẩm định có tính chuyên môn về mặt pháp lý đối với giao dịch. Do trước đây, Ý kiến pháp lý chỉ được cấp trong từng vụ việc cụ thể và theo yêu cầu của một số chủ nợ, nên chưa được quy định trong các văn bản pháp luật. Với việc ban hành nghị định số 87/ CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài, Quyết định số 233/ 1999 / QĐ - TTg ngày 20/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay

nước ngoài của Doanh nghiệp và Tổ chức tín dụng thì việc cấp Ý kiến pháp lý cho các khoản vay nước ngoài mới được Nhà nước ta từng bước pháp lý hóa bằng các quy định pháp luật.

Theo các văn bản này thì Bộ Tư pháp là cơ quan Nhà nước được Chính phủ giao cho việc cấp Ý kiến pháp lý. Nghị định 87/ CP, nghị định 90/1998/CP – ND và quyết định 233/1999/ TTg nêu trên quy định Bộ tư pháp là cơ quan của Ý kiến pháp lý trong các trường hợp là các khoản vay nước ngoài của Chính phủ hoặc các khoản vay của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh.

Với việc quy định như vậy, từ đây, hoạt động cấp Ý kiến pháp lý của Việt Nam đã có các cơ sở nhất định, ít nhất là đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh. Tuy nhiên, các nội dung cụ thể đang còn phải chờ Thông tư hướng dẫn của Bộ tư pháp.

### **5. Việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các khoản vay thương mại.**

Các khoản vay thương mại ở đây được hiểu là các khoản vay theo hình thức tự vay trả của doanh nghiệp với mục đích thương mại có bảo lãnh hoặc không có bảo lãnh của Chính phủ hoặc của các tổ chức tín dụng. Với quan niệm như thế này thì có hai vấn đề cần được xem xét trong việc cấp Ý kiến pháp lý.

Thứ nhất, đối với các khoản vay của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh thì Bộ tư pháp được chỉ định là người cấp Ý kiến pháp lý như các quy định tại nghị định số 87/ CP, Nghị định 90/CP và quyết định 233/ TTg nêu trên.

Thứ hai, đối với các khoản vay khác – mà không được Chính phủ bảo lãnh thì cơ quan nào có thẩm quyền Ý kiến pháp lý chưa được các văn bản pháp luật đề cập tới. Tuy nhiên, theo logic, nếu các cơ quan này đã được phép vay nợ nước ngoài và tự chịu trách nhiệm về khoản vay này thì việc thu xếp Ý kiến pháp lý (như là một thủ tục để hoàn tất hồ sơ vay vốn) sẽ do họ tự quyết định. Điều này có thể được hiểu là cơ quan cấp Ý kiến pháp lý trong trường hợp này có thể là Bộ Tư pháp (nếu doanh nghiệp có yêu cầu) hoặc là một tổ chức pháp lý nào khác (các Công ty luật, các luật sư độc lập,

bộ phận pháp chế của các Doanh nghiệp) có thể căn cứ vào các quy định của pháp luật Việt Nam mà đưa ra Ý kiến pháp lý.

## **6. Giá trị pháp lý của Ý kiến pháp lý.**

Với vai trò của mình, Ý kiến pháp lý được coi là văn kiện cần thiết và có giá trị pháp lý cao trong hồ sơ vay, là căn cứ cho việc thiết lập và thực hiện giao dịch của các bên.

Các nhận định mang tính chuyên môn của Ý kiến pháp lý được coi là chính xác và người nhận nó có thể dựa vào đó để tiến hành các giao dịch của mình. Một hành vi mà Ý kiến pháp lý đã khẳng định là đúng, phù hợp với các quy định của pháp luật có thể được các bên tiến hành mà không cần phải thẩm tra lại. Ngược lại, một hành vi mà cơ quan cấp Ý kiến pháp lý cho rằng không hợp pháp có thể bị hủy bỏ, dẫn tới việc giao dịch đó sẽ không được thực hiện.

Chính vì vậy, cơ quan cấp Ý kiến pháp lý trong trường hợp này phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các đánh giá mà mình đưa ra. Điều đó lý giải vì sao một Ý kiến pháp lý được đánh giá cao lại là một văn bản trong đó bên cạnh việc nêu ra những điều đúng, hợp pháp của giao dịch còn nêu ra những điểm chưa đúng, những rủi ro mà các bên thường là Bên cho vay – cần phòng tránh.

Các Ý kiến pháp lý chỉ nêu chung chung luôn hàm chứa nhiều rủi ro cho cả hai phía: cơ quan cấp Ý kiến pháp lý và người nhận Ý kiến pháp lý. Người nhận thì do căn cứ vào những nhận định không đúng mà có thể bị kiện đòi bồi thường và mất uy tín. Đã có nhiều trường hợp do không đánh giá được hết tính hình, thẩm định hồ sơ không chuẩn xác đã khiến cho người cấp Ý kiến pháp lý phải trả giá đắt do đã gây ra thiệt hại cho người nhận nó.

Đây cũng là một điểm cần lưu ý đối với Việt Nam, nhất là đối với những người nhầm tưởng rằng Ý kiến pháp lý chỉ là một tài liệu có tính chất tham khảo. Chúng ta có một hệ thống luật pháp khác biệt so với các hệ thống pháp luật của nhiều nước trên thế giới, trong khi lại chưa có nhiều điều kiện để tiếp xúc với luật pháp nước phát triển nên những sự chuẩn bị

không kỹ càng có thể gây ra những tổn thất khó lường trong quan hệ thương mại quốc tế.

## **II. CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ:**

### **1. tình hình vay và trả nợ nước ngoài của việt nam hiện nay:**

Để phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa và phát triển kinh tế đất nước, Việt Nam cần phải có nguồn vốn khoảng 40 tỷ đô la, trong đó một nửa là huy động trong nước và một nửa là huy động từ nước ngoài. Trước đây, ta chủ yếu vay từ các nước thuộc từ hệ thống XHCN cũ. Sau năm 1975 một số các chủ nợ từ các nước Tư bản, chủ yếu là Nhật bản và Đức đã cho ta vay. Nợ của nước ta chia làm hai loại: Nợ chính phủ và nợ tư nhân. Các khoản nợ chính phủ là các khoản do nhà nước vay hoặc bảo lãnh, nợ tư nhân hay còn gọi là nợ thương mại là các khoản nợ của các doanh nghiệp vay theo hình thức tự vay tự trả nằm trong hạn mức mà chính phủ phê duyệt hàng năm. Tính đến năm 1998, nợ nước ngoài của ta khoảng hơn 10 tỷ đô la, trong đó có nhiều khoản đã đến hạn, nhiều khoản đã được cơ cấu lại. Trong những năm tới, để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Nhà nước ta có chủ trương tiếp tục vay thêm vốn từ các tổ chức kinh tế và chính phủ nước ngoài theo hướng: Ngoại trừ các khoản vay của chính phủ, các khoản vay thương mại của doanh nghiệp sẽ chỉ khống chế bằng hạn mức hàng năm của quốc gia, vay theo hình thức tự vay tự trả để khuyến khích sử dụng vốn phát triển sản xuất.

Từ tình hình này, hàng năm, hàng ngàn khoản vay nước ngoài của chính phủ và tư nhân đã được thực hiện. Để hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho các khoản vay này, như là một điều kiện quan trọng, các chủ nợ đã yêu cầu phía Việt nam phải cung cấp ý kiến pháp lý về các khoản vay để xem xét khả năng cho vay và thu hồi vốn. Việc này đã đặt ra một tình huống bức thiết đối với việc phải có những chế định pháp luật chặt chẽ về cơ quan cấp ý kiến pháp lý và nội dung ý kiến pháp lý.

### **2. Thực tiễn cấp Ý kiến pháp lý của các nước:**

Như phần I của chuyên đề này đã nêu, việc cấp ý kiến pháp lý đã trở thành một thông lệ và sau đó là được pháp luật hóa trong các văn bản qui phạm pháp luật của nhiều nước, Với các nước là chủ nợ lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật bản, Đức, Pháp, Anh..., các tổ chức tài chính quốc tế như ngân hàng Thế giới, quỹ tiền tệ quốc tế, ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế,

Ngân hàng phát triển Châu Á thì yêu cầu về Ý kiến pháp lý là một yêu cầu bắt buộc trong hồ sơ pháp lý của khoản vay. Sau một quá trình xây dựng và áp dụng các mẫu riêng lẻ, ngày nay, Hiệp hội luật sư các quốc gia nêu trên đã đi đến thống nhất những nội dung cơ bản mà Ý kiến pháp lý cần phải nêu trên. Các nội dung này đã đáp ứng về cơ bản các yêu cầu của chủ nợ khi muốn tìm hiểu về những rủi ro mang tính pháp lý mà họ có thể sẽ gặp phải trong quá trình cho vay vốn một đối tác ở nước ngoài.

Việc cấp Ý kiến pháp lý ở các nước thường được Tổng trưởng lý tiến hành nếu liên quan đến các khoản vay của Chính phủ, còn thông thường các công ty luật hoặc các luật sư độc lập tiến hành đối với cá khoản vay tư nhân. Đối với các khoản vay từ các Tổ chức tài chính quốc tế thì thông thường các Công ty luật danh tiếng hàng đầu của Mỹ hoặc Anh sẽ được chỉ định làm luật sư cấp Ý kiến pháp lý.

### **3. Thực hiện cấp Ý kiến pháp lý của Việt Nam:**

Như trên đã nêu, trước năm 1997, hoạt động cấp Ý kiến pháp lý chỉ mang tính tự phát, tùy thuộc vào yêu cầu của các chủ nợ và loại nợ là Chính phủ hay nợ tư nhân. Trước đây, việc vay nợ nước ngoài của Chính phủ chủ yếu thông qua Bộ tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt nam. Tùy theo yêu cầu của chủ nợ mà phía Việt Nam thu xếp việc cấp Ý kiến pháp lý. Thông thường, Vụ pháp chế Ngân hàng Việt Nam thực hiện việc này.

Đối với các khoản vay thương mại, cho đến năm 1993 thì các khoản vay này chủ yếu được thực hiện qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Tùy thuộc vào chủ thể của khoản vay này là Chính phủ hay các doanh nghiệp này bộ phận cấp Ý kiến pháp lý là Vụ pháp chế Ngân hàng Nhà nước hay bộ phận Pháp chế của Ngân hàng Ngoại thương.

Sau năm 1993, mặc dù Nhà nước đã xóa bỏ chế độ “một cửa” trong việc vay thương mại nước ngoài- tức là qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – nhưng việc cấp Ý kiến pháp lý hầu như không có gì thay đổi. Hầu hết nhiệm vụ này được Vụ Pháp chế Ngân hàng Nhà nước Việt nam và bộ phận pháp chế của các Ngân hàng thương mại đảm nhiệm. Rải rác có một số khoản vay nước ngoài của các tổ chức tín dụng cổ phần và của các doanh nghiệp khác được các Công ty luật hoặc các luật sư độc lập đảm nhiệm.

Tuy nhiên, như trên đã nêu, cho đến nay hoạt động này chưa được một văn bản pháp luật nào điều chỉnh nên các nội dung trong Ý kiến pháp lý của từng cơ quan cấp không thống nhất, chủ yếu căn cứ vào yêu cầu của chủ nợ hoặc khẳng định một cách chung chung về tính hợp pháp của giao dịch. Đây là một thực tế cần được khắc phục để nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn trong việc cấp Ý kiến pháp lý ở Việt Nam hiện nay.

*III. Một số nội dung cơ bản của ý kiến pháp lý đối với các khoản vay thương mại nước ngoài/ hoặc cho người bảo lãnh.*

### **1. Nội dung cơ bản.**

Như đã đề cập, một bản Ý kiến pháp lý được hiểu là một văn kiện pháp lý của cơ quan chuyên môn thẩm định về tính phù hợp của giao dịch đối với luật pháp của nước các bên tham gia giao dịch. Vì vậy, một bản Ý kiến pháp lý có tính chuyên môn cao và được các bên trông đợi phải đưa ra được các yếu tố rủi ro mà người nhận nó có thể gặp phải về phương diện pháp luật, từ đó có thể phòng tránh hoặc ngăn ngừa nó bằng các phương pháp thích hợp.

Mặt khác, thông thường các Ý kiến pháp lý được gửi đến cho người nhận là một chủ thể ở quốc gia khác, nên sự giải thích một cách rõ ràng về chế độ pháp lý và các quy định của pháp luật liên quan đến giao dịch là điều quan trọng nhất.

Với một mục đích và tinh thần như vậy, nội dung cơ bản của Ý kiến pháp lý đối với một khoản vay thương mại bao gồm:

7. Cơ quan ban hành (tiêu đề/ tên cơ quan)
8. Ngày tháng
9. Người nhận
10. Căn cứ của việc cấp Ý kiến pháp lý
11. Các văn bản pháp luật và các tài liệu tham chiếu để đưa ra Ý kiến pháp lý.
12. Các ý kiến cụ thể:

- h) Địa vị pháp lý của bên vay.
- i) Năng lực pháp luật của bên vay.
- j) Khả năng thực thi các quyền và nghĩa vụ của bên vay đã được quy định trong Hợp đồng vay.
- k) Luật áp dụng: Luật áp dụng là luật nước nào và có phù hợp với nước của người đi vay hay không.
- l) Việc tuyên bố từ bỏ các quyền miễn trừ.
- m) Các vấn đề về Quy chế quản lý ngoại hối của nước Bên người đi vay, thuế, hoặc các loại phí, các nghĩa vụ tài chính khác...
- n) Các vấn đề liên quan khác.

13. Tuyên bố khả năng thẩm định về mặt pháp lý của cơ quan cấp Ý kiến pháp lý và luật của nước làm căn cứ để thẩm định (luật nước người vay).

Trong trường hợp cấp ý kiến pháp lý cho Người bảo lãnh chỉ cần thay đổi các yếu tố cơ bản trên đây từ bên vay thành người bảo lãnh.

## **2. Một số phân tích về các nội dung cơ bản trong Ý kiến pháp lý**

### ***21. Về ngày tháng cấp ý kiến pháp lý:***

Dù không được quy định tại bất cứ một văn bản nào và người vay không yêu cầu, nhưng một bản Ý kiến pháp lý mang tính chuyên môn cao phải là một văn bản có ngày phát hành gần ngày hoàn tất các hồ sơ vay. Về mặt tổng thể, một bản Ý kiến pháp lý được ban hành trước nhiều ngày hoàn tất các hồ sơ vay sẽ nói lên rằng các hồ sơ gửi đến cho luật sư để xem xét cụ thể hết các chi tiết trong hồ sơ. Đối với các hồ sơ do Bộ tư pháp hay là Tổng chương lý cấp Ý kiến pháp lý thì việc này càng được coi trọng. Còn đối với các hồ sơ khác do các luật sư soạn thảo thì người nhận Ý kiến pháp lý (Bên cho vay) sẽ đánh giá là luật sư đó không được tham gia vào quá trình chuẩn bị hồ sơ của khoản vay.

Do vậy, từ hình thức của văn bản, luật sư của bên cho vay sẽ đưa ra các đánh giá về nội dung của vụ việc. Các đánh giá này sẽ góp phần đưa đến các quyết định của Bên cho vay trong quan hệ tín dụng đó.

Người nhận Ý kiến pháp lý thông thường là các bên liên quan đến giao dịch, đặc biệt là bên cho vay. Do vậy, trong văn bản này, việc nêu cụ thể người nhận thay vì nêu một cách chung chung sẽ có giá trị hơn nhiều. Ví dụ: Việc đề người nhận là “Ngân hàng A” sẽ tốt hơn là đề: “Gửi Ngân hàng liên quan” bởi vì:

Thứ nhất, chỉ việc đề người nhận cụ thể mới là người có quyền nhận và sử dụng Ý kiến pháp lý.

Thứ hai, việc đề tên người nhận khẳng định rằng Ý kiến pháp lý này được đưa ra cho trường hợp cụ thể của người nhận, trong một hoàn cảnh cụ thể. Việc không đề người nhận sẽ được hiểu là nhận định pháp lý này được hiểu cho bất cứ một hoàn cảnh hay trường hợp nào; và do vậy, phía người nhận cần phải tìm hiểu thêm là đối với trường hợp của mình thì được hiểu như thế nào.

### *2.3 Căn cứ pháp lý của việc cấp Ý kiến pháp lý: Có hai căn cứ chủ yếu.*

Thứ nhất, là căn cứ vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng vay để trả lời cho câu hỏi: Tại sao lại phải cung cấp Ý kiến pháp lý này.

Thứ hai, là yêu cầu của bên cho vay và bên đi vay. Người cấp Ý kiến pháp lý thông thường là cơ quan của Chính phủ nếu là khoản vay của Chính phủ hoặc luật sư / công ty luật nếu đó là các khoản vay thương mại của doanh nghiệp. Việc nêu ra tên và vai trò của cơ quan cấp Ý kiến pháp lý sẽ giúp cho người bên cho vay đánh giá đúng được giá trị pháp lý của Ý kiến pháp lý này. Cơ quan cấp Ý kiến pháp lý cũng cần nêu cụ thể là có tham gia vào quá trình xây dựng, soạn thảo, chuẩn bị hồ sơ vay hay không hay chỉ là một cơ quan pháp lý độc lập được yêu cầu xem xét hồ sơ và đưa ra Ý kiến pháp lý.

### *2.4. Các văn bản pháp luật và tài liệu tham chiếu:*

Đây là căn cứ quan trọng để bên cho vay xem xét đến cơ sở pháp lý của Ý kiến pháp lý. Vì vậy, Ý kiến pháp lý phải nêu ra được nguồn tài liệu

mà dựa vào đó họ xem xét và đưa ra các nhận định của mình. Các văn bản pháp lý cần thiết phải nêu là các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến khoản vay, các chế độ chính sách, các tài liệu liên quan đến khoản vay, hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp vay và các tài liệu bổ sung cần thiết khác. Các văn bản tham chiếu càng nhiều càng chứng tỏ việc nghiên cứu và thẩm định tính pháp lý của khoản vay càng cao, và Ý kiến pháp lý càng trở nên có giá trị. Ngược lại, việc không đưa ra hoặc đưa ra một cách sơ sài các văn bản tham chiếu chứng tỏ một sự xem xét sơ sài, cầu thả, những nhận định chung chung làm chứa nhiều rủi ro mà bên cho vay cần phải xem xét lại.

## 2.5 Các nội dung cơ bản:

- a) Địa vị pháp lý của bên vay: Cần khẳng định về tính hợp pháp của việc thành lập và hoạt động của bên vay. Bên vay được thành lập theo luật pháp nước nào, văn bản pháp luật nào, trụ sở ở đâu, có phù hợp với pháp luật của nước bên vay hay không.
- b) Năng lực pháp luật của bên vay: Khẳng định khả năng thực thi và hoàn tất các quyền và nghĩa vụ của bên vay trong Hợp đồng vay, không vi phạm vào bất cứ một quy định nào của pháp luật hoặc các văn bản có liên quan khác.
- c) Khả năng thực thi các quyền và nghĩa vụ của bên vay đã được quy định trong Hợp đồng vay: Phải khẳng định các vấn đề cơ bản như:

+ Bên vay đúng là bên ký kết và thực hiện hợp đồng vay.

+ Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này phải được hoặc không phải được sự chấp thuận / ủy quyền/ cho phép của cơ quan nào mà với việc đó nó sẽ có hay không có hiệu lực.

d) Luật điều chỉnh: Có những nội dung cơ bản cần phải khẳng định như:

+ Luật điều chỉnh hợp đồng vay là luật nước nào, có phù hợp và có hiệu lực với nước người vay hay không.

+ Có điều khoản nào vi phạm đến chính sách của nước người vay hay không (nếu luật nước của người cho vay là luật áp dụng) hoặc ngược lại.

+ Các vấn đề như giải thể, phá sản, cơ cấu lại... sẽ được điều chỉnh bởi luật nào.

+ Quan điểm về việc thực thi quyền tài phán nước ngoài.

+ Khẳng định việc người vay có/ không có quyền miễn trừ hay các quyền ưu tiên khác tại các cơ quan tài phán của nước người vay.

e) Việc tuyên bố từ bỏ các quyền miễn trừ và cam kết thanh toán nợ vay:

+ Người vay phải tuyên bố từ bỏ tất cả các quyền miễn trừ và các quyền ưu tiên có thể có đối với các cơ quan tài phán của nước người cho vay hoặc nước cơ quan tài phán được chọn để giải quyết khi xảy ra tranh chấp.

+ Người vay phải cam kết thực hiện nghĩa vụ phát sinh trong Hợp đồng vay này ít nhất ngang bằng (*pari passu*) với các nghĩa vụ đối với các chủ nợ khác tại các hợp đồng khác và từ bỏ các quyền ưu tiên có thể về tài sản trong các trường hợp sáp nhập/ giải thể/ phá sản...

f) Các vấn đề về thuế, hoặc các loại phí, các nghĩa vụ tài chính khác.

+ Khẳng định về việc áp dụng các loại phí, lệ phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay khi ký kết và thực hiện khoản vay: thông thường là do Bên vay phải trả và không được tính vào lợi nhuận của Bên cho vay.

2.6 Tuyên bố về khả năng thẩm định về mặt pháp lý của cơ quan cấp Ý kiến pháp lý. Ngoài ra, một lần nữa cơ quan này cần phải khẳng định phạm vi luật pháp mà họ xem xét liên quan đến Ý kiến pháp lý này (là Luật của nước người vay).

### **3. Mẫu Ý kiến pháp lý cấp cho các khoản vay thương mại:**

Để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, tham khảo và vận dụng, chúng tôi cung cấp kèm theo chuyên đề này một bản Ý kiến pháp lý do Phòng Pháp chế Ngân hàng Ngoại thương đưa ra cho một khoản tín dụng giữa một doanh nghiệp Việt Nam với một tổ chức tín dụng nước ngoài (xem phụ lục I).

## **IV. Kết luận**

### **1. Đánh giá thực trạng:**

Như đã nêu ở trên, hiện nay, việc cấp Ý kiến pháp lý của Việt Nam chưa có các quy định cụ thể mà chỉ làm theo những thông lệ đã có từ trước với những nội dung rất sơ lược. Tuy nhiên, do từ trước đến nay chủ yếu là các khoản vay của Chính phủ nên các Ý kiến pháp lý chỉ mang tính thủ tục. Hiện nay, tình trạng này không còn phù hợp nữa vì các khoản vay thương mại ngày càng nhiều, phía nước ngoài chủ yếu là các chủ nợ tư nhân đòi hỏi ngày càng chặt chẽ để đảm bảo các quyền và lợi ích của họ. Những Ý kiến pháp lý phía Việt Nam cung cấp, ngay cả các nội dung mà Bộ Tư pháp đang đưa ra trong Dự thảo Thông tư về việc cấp Ý kiến pháp lý cũng hết sức sơ lược, cần được tiếp tục đầu tư nghiên cứu và thẩm định cả ở phương diện lý luật và thực tiễn của vấn đề. Nếu không, về hình thức sẽ rạo ra một tiền lệ xấu, về nội dung có thể tạo cho phía chủ nợ những ấn tượng không tốt đối với các chuyên gia pháp lý của Việt Nam, có thể làm cho họ đánh giá không đúng với nhu cầu và thái độ hành xử trong việc vay nợ của Việt Nam đối với nước ngoài. Đây là một thực trạng cần thay đổi.

Thứ hai, cho đến nay ta mới chỉ có các văn bản quy định về việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các khoản vay của Chính phủ hoặc các khoản vay do Chính phủ bảo lãnh, còn các khoản vay thương mại của các doanh nghiệp đối với nước ngoài thì chưa được đề cập đến. Vẫn biết rằng Nhà nước không cần can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhưng việc Nhà nước có những quy định cần thiết về cơ quan cấp Ý kiến pháp lý vào trong các văn bản quy định về quan hệ tín dụng với nước ngoài sẽ tạo điều kiện thuận lợi rất lớn cho các Doanh nghiệp với tư cách là người nhận các khoản vay, làm tăng thêm niềm tin của Bên cho vay nước ngoài vào hệ thống pháp luật Việt Nam và cũng là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc giải quyết khi xảy ra tranh chấp giữa bên cho vay và bên đi vay.

## **2. Kiến nghị**

Từ những thực tế trên, chúng tôi xin có một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, cần xây dựng mẫu Ý kiến pháp lý chi tiết hơn trên cơ sở tham khảo các mẫu Ý kiến pháp lý của các nước khác nhau. Một bản Ý kiến pháp lý có chất lượng không chỉ chứng tỏ trình độ pháp lý của người ban hành mà còn giúp cho các chủ nợ đánh giá được đúng đắn giao dịch của họ, thiện chí của người vay và nước người vay.

Thứ hai, cần có những quy định về việc cấp nước các Ý kiến pháp lý trong các giao dịch tín dụng tư nhân, trong đó bao gồm cả việc quy định cơ quan có thẩm quyền, tổ chức chuyên môn được quyền cấp ý kiến pháp lý với các nội dung cơ bản đã đề cập trong chuyên đề này.

Hy vọng rằng, trong thời gian tới, cùng với việc hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động vay và trả nợ nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền cũng nhanh chóng ban hành các văn bản liên quan đến việc cấp Ý kiến pháp lý để tạo ra một môi trường pháp lý chặt chẽ và an toàn cho người đi vay cũng như người cho vay, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người đi vay là các tổ chức, cá nhân Việt Nam trong quan hệ tín dụng quốc tế./.

## **Chuyên đề 6**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ CHO CÁC KHOẢN VAY DO NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á TÀI TRỢ**

Hoàng Thị Hạnh, Phòng ADB,  
Vụ Quan hệ quốc tế  
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

## **I. Khái quát quan hệ Việt Nam – Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)**

### **1. Giới thiệu chung:**

Trong những thập niên 1950 – 1960, Châu Á vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai với một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu và bị tàn phá nặng nề. Lúc này, Châu Âu đang trong giai đoạn chia cắt của cuộc chiến tranh lạnh, chế độ tiền tệ Bretton-Wood lung lay kéo theo khủng hoảng hệ thống tiền tệ thế giới. Các nước Châu Á đã quyết định lập ra một tổ chức tài chính của riêng mình để bù đắp thiếu hụt về nguồn vốn tài trợ cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế của các quốc gia trong khu vực. Với mục đích đó, Ngân hàng Phát triển Châu Á được thành lập năm 1966 bởi 31 quốc gia hội viên. Cho đến nay, sau hơn 30 năm hình thành và phát triển ADB đã trở thành một tổ chức quốc tế lớn gồm 58 nước hội viên, trong đó có 42 nước trong khu vực.

Việt Nam tham gia ADB với tư cách sáng lập viên từ năm 1966. Sau năm 1975, CHXHCN Việt Nam tiếp nhận tư cách hội viên ADB từ chính quyền Sài Gòn cũ. Tuy nhiên, chỉ đến năm 1993 quan hệ tín dụng giữa hai bên mới được nối lại cùng với sự khôi phục hoạt động của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB). Hiện nay, ADB là một trong ba đối tác hàng đầu cung cấp ODA cho Việt Nam, sau Nhật Bản và WB, với mức cam kết hàng năm khoảng 300 triệu USD.

### **2. Các hoạt động chính:**

Để thực hiện tôn chỉ được nêu trong hiến chương thành lập là “thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hợp tác trong khu vực Châu Á và Viễn Đông và góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của các nước hội viên đang phát triển trong khu vực”, ADB có các hoạt động chính sau:

*\* Cung cấp các khoản vay và đầu tư cổ phần cho các dự án phát triển kinh tế xã hội ở các nước hội viên đang phát triển.* Hoạt động cho vay của ADB đã tăng lên nhanh chóng kể từ khi thành lập năm 1966. Trong năm đầu tiên tiến hành hđ cho vay (1968) chỉ có 7 khoản vay được thông qua với tổng vốn vay 41,6 triệu USD. Cho tới cuối năm 1999, ADB đã thông qua 1.665 khoản vay đầu tư cho các dự án ở các nước hội viên với tổng vốn vay khoảng 71 tỷ USD.

*\* Cung cấp trợ giúp kỹ thuật (TA), dịch vụ tư vấn nhằm hỗ trợ việc chuẩn bị, triển khai các dự án và chương trình.* Kể từ năm 1966, ADB đã cung cấp 1,7 tỷ USD viện trợ không hoàn lại cho trên 4.200 TA tại 37 quốc gia hội viên đang phát triển.

*\* Thúc đẩy đầu tư bằng vốn tư nhân và công cộng cho mục đích phát triển.* Với nhận thức rằng để đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững thì việc huy động các nguồn lực đầu tư của cả khu vực kinh tế công cộng và tư nhân đóng vai trò quan trọng, năm 1983, ADB bắt đầu các hoạt động cho vay và đầu tư cổ phần và khu vực tư nhân của các nước hội viên đang phát triển. Tính đến cuối năm 1999, tổng số các khoản cho vay và đầu tư cổ phần của ADB cho khu vực tư nhân đạt 2,4 tỷ USD.

*\* Hỗ trợ các nước hội viên trong việc lập kế hoạch và xây dựng chính sách.* Thông qua các trợ giúp kỹ thuật tư vấn, nghiên cứu theo yêu cầu cụ thể của các nước hội viên và các khoản vay chương trình, ADB hỗ trợ cho quá trình cải tổ cơ cấu kinh tế, xây dựng phương hướng chính sách phát triển tổng thể nói chung và theo ngành nói riêng. Việc mở rộng đối thoại chính sách với các nước hội viên sẽ đảm bảo hoạt động của ADB theo đúng tôn chỉ đề ra đồng thời đáp ứng được nhu cầu trợ giúp trong từng giai đoạn.

*\* Hỗ trợ các nước hội viên trong công cuộc xóa đói giảm nghèo.* Năm 1999 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong chiến lược của ADB. Xóa

đổi giảm nghèo được xác định là một mục tiêu bao trùm lên toàn bộ các hoạt động trợ giúp. Chiến lược xóa đói giảm nghèo mới của ADB dựa trên ba định hướng: khuyến khích tăng trưởng kinh tế bền vững có lợi cho người nghèo; hỗ trợ phát triển xã hội cho phép người nghèo tận dụng được cơ hội vươn lên; và quản lý phát triển tốt để người nghèo được tiếp cận những dịch vụ cơ bản và tham gia vào quá trình ra quyết định.

*\* Hợp tác với Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác, các doanh nghiệp trong nước (cả tư nhân lẫn quốc doanh) nhằm thúc đẩy, tạo cơ hội khuyến khích đầu tư phát triển.*

### 3. Quan hệ hợp tác Việt Nam – ADB

Kể từ khi nối lại quan hệ tín dụng với Việt Nam vào tháng 10.1993, đến nay ADB đã cam kết tài trợ cho Việt Nam 26 dự án và chương trình vay ưu đãi với tổng trị giá khoảng 1,9 tỷ USD. Theo chương trình dự kiến trong tài khóa 1999 – 2001, ADB sẽ tài trợ cho Việt Nam mỗi năm khoảng 200 triệu USD vốn vay ưu đãi (thời hạn 32 năm, 8 năm ân hạn, lãi suất 1%/năm trong thời gian ân hạn và 1,5% sau đó) 100 triệu USD vốn vay thông thường (theo lãi suất thị trường khoảng 6 – 7% /năm). Ngoài các khoản vay, tính đến hết năm 1999, ADB đã cam kết viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 101 trợ giúp kỹ thuật với tổng trị giá khoảng 74 triệu USD. Trong năm 2000, ADB dành cho Việt Nam 9 TA không hoàn lại với trị giá 7,5 triệu USD. Vốn vay và trợ giúp kỹ thuật của ADB cho Việt Nam chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực sau:

- (i) Hỗ trợ cải cách kinh tế và tăng cường năng lực thể chế: ADB hỗ trợ Việt Nam trong việc phát triển các thị trường tài chính, chứng khoán, phát triển hệ thống ngân hàng, tự do hóa thương mại và cải cách doanh nghiệp nhà nước.
- (ii) Phát triển nông thôn: ADB hỗ trợ Việt Nam xây dựng các dự án thủy lợi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn.
- (iii) Phát triển nâng cấp các cơ sở hạ tầng như đường quốc lộ, hệ thống chuyển tải điện, cấp nước thành phố, cầu cảng.

- (iv) ADB hỗ trợ giúp Việt Nam phát triển nguồn nhân lực qua các dự án về phát triển giáo dục trung học, giáo dục dạy nghề, đào tạo giáo viên.
- (v) Cải thiện môi trường: ADB hỗ trợ mạnh mẽ cho Việt Nam trong hoạt động bảo vệ môi trường qua các khoản trợ giúp không hoàn lại và lồng ghép vào các khoản vay dự án. Mới đây ADB đã tài trợ cho Việt Nam Dự án Môi trường TP Hồ Chí Minh.
- (vi) ADB hỗ trợ ta trong việc thúc đẩy hợp tác tiểu vùng sông Mê công thông qua các dự án như Đường xuyên á ký vay năm 1999 và Đường hành lang đông tây sắp ký vay.

Chiến lược trợ giúp của ADB trong thời gian qua phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế. Từ cuối năm 1998, trước các biến chuyển lớn trong nền kinh tế Châu Á và thế giới, với các yêu cầu phát triển chiều sâu của nền kinh tế Việt Nam, sự eo hẹp khó khăn ngày càng tăng về khả năng nguồn vốn của mình cũng như việc ADB đang chuyển từ một tổ chức tài trợ các dự án phát triển sang tổ chức tài chính phát triển nghiêng nhiều về các chính sách vĩ mô, ADB đang thiết lập lại chiến lược hỗ trợ Việt Nam trong giai đoạn trung hạn sắp tới mà trọng tâm sẽ bao gồm: (i) xóa đói giảm nghèo; (ii) phát triển các dự án cơ sở hạ tầng xã hội; (iii) phát triển nguồn nhân lực và tăng cường thể chế; (iv) giúp Chính phủ ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển hệ thống tài chính; (v) khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và thúc đẩy các chính sách kinh tế theo định hướng thị trường.

*\* Tình hình thực hiện các dự án và chương trình:*

Tính đến tháng 4/2000, tổng vốn giải ngân của ADB là 591 triệu USD chiếm 32% tổng vốn ký vay. Vấn đề lớn hiện nay đối với các dự án của ADB cũng như với các dự án ODA khác là tỷ lệ giải ngân hàng năm đã được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn so với kế hoạch và tỷ lệ giải ngân bình quân dự án ADB ở các nước vay vốn. Tiến độ giải ngân và thực hiện dự án ADB chậm làm giảm hiệu quả trợ giúp và ảnh hưởng đến chương trình vay vốn ADB cho các năm sau, đặc biệt trong bối cảnh nguồn vốn ưu đãi ngày càng khó khăn hơn.

Trong thời gian gần đây, tình hình chuẩn bị các dự án mới vay vốn ADB đã xấu đi, thể hiện ở nhiều dự án phải đàm phán trên cơ sở báo cáo khả thi mà chưa có quyết định đầu tư của Chính phủ. Năm 1999 ta đã đàm phán với ADB 4 dự án vay nhưng mới ký kết được 1 dự án, 3 dự án còn lại gặp vướng mắc ở khâu thẩm định và phê duyệt trong nước kéo dài.

Những nguyên nhân chính dẫn đến tình hình trên là:

- Công tác chuẩn bị dự án tiến hành chậm và chưa hiệu quả gây ách tắc trong quá trình thực hiện dự án sau này.
- Quy trình phê duyệt kế hoạch, kết quả đấu thầu, đơn xin thanh toán chậm
- Năng lực cơ quan thực hiện dự án nhìn chung còn yếu, chưa có cơ chế ưu đãi thích hợp để dự án tuyển dụng, khuyến khích được nhân viên có trình độ làm việc.
- Nhiều quyết định quản lý vẫn tập trung ở cấp cao, quyền tự chủ và trách nhiệm giao cho ban quản lý dự án còn hạn chế.

## **II. Ý kiến pháp lý cho các dự án ADB**

### **1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý**

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới hiện nay, các giao dịch thương mại quốc tế diễn ra sôi nổi ở mọi lĩnh vực, ngành nghề và ở các cấp độ khác nhau. Xem xét khía cạnh ở cấp quốc gia, giao dịch thương mại dưới hình thức các hoạt động tín dụng và đầu tư quốc tế như vay vốn nước ngoài, nhận viện trợ, trợ giúp từ các tổ chức quốc tế, tham gia vào hệ thống giao dịch của các tổ chức tài chính quốc tế đang được xem như một hình thức quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại quốc gia. Hình thức vay tín dụng của các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)... là một lượng tài chính quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển và các nước nghèo, những nước hiện nay thiếu vốn trầm trọng để phát triển kinh tế xã hội.

Trong các hoạt động thương mại quốc tế nói chung, việc đảm bảo trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện giao dịch thương mại là cơ sở thiết yếu tạo nên sự thành công của giao dịch thương mại và do đó là yếu tố thúc đẩy hoạt động thương mại giữa các quốc gia trên thế giới. Đặc biệt với hình thức tín dụng và đầu tư, để bảo vệ vốn của mình thì chủ nợ/chủ đầu tư nước ngoài cần đảm bảo được các điều kiện đã thỏa thuận có tính ràng buộc với đối tác, nhất là khi hai bên ở những nước khác nhau, không có điều kiện thẩm tra năng lực pháp lý của bên kia. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn này, ý kiến pháp lý đã ra đời dưới dạng một văn bản chứng thực do một người được các bên tín nhiệm cấp và trở thành thông lệ phổ biến trong hoạt động tín dụng đầu tư quốc tế.

Yêu cầu cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay của ADB cũng như các tổ chức tài chính quốc tế khác không nằm ngoài thông lệ nói trên. Việc xác định rõ sự đảm bảo và tính an toàn của các khoản vay là một yêu cầu trước hết của các tổ chức tài chính quốc tế đối với các quốc gia tiếp nhận khoản vay. Bằng việc cấp ý kiến pháp lý, bên vay đưa ra những chứng thực về mặt pháp lý nhằm xác nhận khoản vay đó không trái với pháp luật nước sở tại và ràng buộc trách nhiệm bên vay, điều này nhằm để phòng khi tình hình chính trị bất ổn có thể dẫn đến những thay đổi trong bộ máy chính phủ thì khoản vay đó vẫn được hoàn trả sau khi thời hạn vay kết thúc. Trong phần này, chúng ta chỉ tập trung xem xét các nội dung xoay quanh việc cấp ý kiến pháp lý cho các khoản vay từ ADB, một trong các tổ chức cung cấp ODA hàng đầu cho Việt Nam.

## 2. Những yêu cầu về cấp ý kiến pháp lý

### *a. Quy định của ADB và Việt Nam*

Kể từ khi nối lại quan hệ tín dụng vào năm 1993, cho đến nay ADB đã tài trợ cho Việt Nam 26 khoản vay dự án và chương trình với tổng số tiền lên tới khoản 1,9 tỷ USD. Phần lớn các khoản vay này được cấp từ nguồn vay ưu đãi (Asian Development Fund-ADF) và một phần nhỏ từ nguồn vốn vay thông thường (Ordinary Capital Resources-OCR), đây là hai thể thức cho vay hiện hành của ADB. Hiện nay, Việt Nam vẫn được hưởng nguồn vay ưu đãi (lãi suất thấp, thời gian cho vay dài) tuy nhiên do những khó

khăn về việc huy động nguồn vốn này nên ADB đã có những thay đổi về lãi suất, thời hạn cho vay, đối với những dự án có khả năng sinh lời ADB yêu cầu phải vay một phần hoặc toàn bộ bằng nguồn vốn OCR với lãi suất theo thị trường.

Trong cả hai loại hình vay trên, ADB đều quy định việc cấp ý kiến pháp lý là một trong những điều kiện tuyên bố hiệu lực cho các khoản vay. Điều 9.02 về ý kiến pháp lý của Quy chế hoạt động các nghiệp vụ đặc biệt và Quy chế hoạt động các nghiệp vụ thông thường quy định: "... Bên vay sẽ cung cấp, hoặc đảm bảo cung cấp cho Ngân hàng ý kiến của luật sư được Ngân hàng chấp nhận và thỏa mãn đối với Ngân hàng, nêu ra:

- (e) thay mặt cho Bên vay, xác nhận rằng Hiệp định vay đã được ủy quyền một cách hợp lệ hoặc phê chuẩn bởi, và được ký kết thay mặt cho Bên vay và các điều khoản của Hiệp định ràng buộc một cách hợp pháp với Bên vay.
- (f) Thay mặt cho Người Bảo lãnh, nếu có, xác nhận rằng Hợp đồng Bảo lãnh đã được ủy quyền một cách hợp lệ hoặc phê chuẩn bởi, và được ký kết thay mặt cho Người Bảo lãnh và các điều khoản của Hiệp định ràng buộc một cách hợp pháp với Người Bảo lãnh.
- (g) Thay mặt cho Cơ quan thực hiện dự án (khi có Hiệp định dự án), xác nhận rằng Hiệp định dự án đã được ủy quyền một cách hợp lệ hoặc phê chuẩn bởi, và được ký kết thay mặt cho Cơ quan thực hiện dự án và các điều khoản của Hiệp định ràng buộc một cách hợp pháp với cho Cơ quan thực hiện dự án.
- (h) Các vấn đề khác được nêu trong Hiệp định vay".

Về phía Việt Nam, việc cấp ý kiến pháp lý cho các dự án ODA nói chung, bao gồm cả các dự án ADB đã được quy định tại điều 17, Nghị định 87/CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, trong đó nêu rõ Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì thực hiện khâu này.

"Bộ Tư pháp có nhiệm vụ:

4. Tham gia ý kiến về những vấn đề pháp lý trong dự thảo các điều ước quốc tế về ODA trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
5. Cho ý kiến về những vấn đề khác nhau giữa Điều ước quốc tế về ODA và pháp luật trong nước; theo dõi việc xử lý các vấn đề này trong quá trình thực hiện Điều ước quốc tế về ODA.
6. Cung cấp ý kiến pháp lý đối với các Điều ước quốc tế về ODA sau khi được ký hoặc các vấn đề pháp lý khác theo đề nghị cả cơ quan được ủy quyền chủ trì đàm phán Điều ước quốc tế về ODA”.

*b) Phân tích ý kiến pháp lý cấp cho các khoản vay ADB*

*Hình thức của một văn bản ý kiến pháp lý*

Văn bản ý kiến pháp lý cấp cho các dự án ADB gồm 3 phần chính. Phần 1 Tiêu đề thường bao gồm cơ quan phát hành, tên văn bản đi kèm với tên khoản vay, dự án liên quan, nơi gửi. Phần 2 Nội dung chi tiết, phần này đề cập tới các quy định pháp luật dẫn chiếu, các văn bản ủy quyền ký kết, đàm phán, một số văn bản liên quan tới dự án đi kèm. Phần 3 Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định của ADB tại điều 9.01 các Quy chế hoạt động nghiệp vụ đặc biệt và thông thường nêu trên, nội dung quan trọng nhất và không thể thiếu được của mỗi ý kiến pháp lý là xác nhận thẩm quyền ký kết và hiệu lực ràng buộc của Hiệp định với Bên vay, Người Bảo lãnh và Cơ quan thực hiện dự án (nếu có). Mặc dù mỗi ý kiến pháp lý đều phải bao gồm những nội dung cơ bản này nhưng khác với một số tổ chức quốc tế như WB, ADB không có mẫu ý kiến pháp lý cố định. Điều này để đảm bảo tính linh hoạt vì mỗi dự án thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau có những đặc điểm riêng biệt trong quá trình chuẩn bị và triển khai. Chẳng hạn với các dự án giao thông, như dự án Cải tạo và Nâng cấp Quốc lộ giai đoạn 3, dự án Đường Xuyên á trong ý kiến pháp lý có thêm phần xác nhận đã ban hành Chương trình Hành động Tái định cư (RAP).

*Ngôn ngữ sử dụng*

Tại điều khoản số 39 trong Hiến chương thành lập ngân hàng có hiệu lực từ ngày 22/8/1966 quy định về ngôn ngữ làm việc thì ngôn ngữ sử dụng sẽ là tiếng Anh. Mặc dù đây không là một quy định bắt buộc với các văn bản của nước hội viên tuy nhiên ADB khuyến nghị các quốc gia nên sử dụng tiếng Anh trong văn bản, tài liệu giao dịch với ADB và có thể coi đây là một thông lệ quốc tế. Vì vậy ngôn ngữ dùng trong ý kiến pháp lý cấp cho dự án ADB từ trước đến nay vẫn là tiếng Anh.

### *Nội dung đề cập trong ý kiến pháp lý*

Yêu cầu của phía ADB đối với phần nội dung này là đảm bảo các chủ thể tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết và các nội dung liên quan là phù hợp với luật pháp Việt Nam. Toàn bộ các khoản vay của ADB đều được ký trên danh nghĩa Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Theo quy định tại điều 6 của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, Chủ tịch nước quyết định việc đàm phán và ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Nhà nước. Theo ủy quyền của Chủ tịch nước, các bộ, ngành, cá nhân liên quan sẽ thực hiện các bước cần thiết để hoàn tất hiệp định khoản vay kể từ khi bắt đầu cho đến khi khoản vay có hiệu lực. Như vậy yêu cầu cụ thể ở đây là đảm bảo tính hợp pháp của bộ, ngành, cá nhân tham gia vào việc đàm phán, ký kết các khoản vay với ADB.

Hiện nay, các khoản vay của ADB cho Việt Nam thể hiện dưới 3 hình thức cơ bản sau:

- Khoản vay theo ngành: nhằm đầu tư vào một lĩnh vực cụ thể ví dụ như khoản vay “Ngành Cơ sở hạ tầng nông thôn” thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn.
- Khoản vay theo dự án: nhằm đầu tư vào các dự án cụ thể, ví dụ như khoản vay “Cải thiện môi trường thành phố Hồ Chí Minh” đối với hình thức này, Việt Nam vay vốn của ADB sau đó ủy quyền cho Bộ Tài chính cho vay lại tới các công ty. Thông thường hoạt động cho vay này nhằm vào các lĩnh vực có khả năng sinh lợi.
- Khoản vay chương trình: hình thức cho vay dưới dạng các chương trình, ví dụ chương trình nông nghiệp, công nghiệp, đi kèm theo các chương

trình là các điều kiện, vốn vay sẽ được giải ngân tùy thuộc vào việc thực hiện các điều kiện đã quy định. Trong tổng số 23 khoản vay của ADB cho Việt Nam đến nay chỉ có 2 khoản vay chương trình.

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đại diện của ADB tại Việt Nam do đó việc đàm phán và ký kết điều ước quốc tế hầu như được thực hiện qua cơ quan này. Ngân hàng Nhà nước cũng được coi là cơ quan đầu mối của Chính phủ trong các quan hệ tín dụng với nước ngoài. Như vậy, Chủ tịch nước sẽ ủy quyền cho các quan chức có thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước tiến hành đàm phán, ký kết các khoản vay và hỗ trợ cho các cơ quan tiếp nhận khoản vay hoàn tất các thủ tục để khoản vay có hiệu lực.

Thông thường trong các văn bản pháp lý, ADB yêu cầu sự chứng thực hợp pháp của các cá nhân liên quan tới các bước chuẩn bị, thực hiện một khoản vay. Trong các khoản vay theo ngành và khoản vay chương trình nội dung trong văn bản ý kiến pháp lý thường giống nhau, thường chia làm 3 phần.

Phần 1 gồm có các căn cứ, quy định có liên quan tới việc ký kết các điều ước quốc tế như Pháp lệnh, Nghị định về việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế cũng như các quy định liên quan, đề xuất của cơ quan đề nghị cấp ý kiến pháp lý thông thường là đề xuất của Ngân hàng Nhà nước, các căn cứ liên quan như hiệp định dự án.

Phần 2 nhằm xác nhận người có thẩm quyền đàm phán, ký kết là phù hợp với hiến pháp Việt Nam cũng như nội dung của khoản vay được thông qua và phê chuẩn theo đúng luật định.

Phần 3 là xác nhận của người đại diện bên vay về tính hợp pháp của các nội dung đã nêu, theo phân cấp thẩm quyền là Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Đối với các khoản vay đi kèm dự án thì trong văn bản ý kiến pháp lý ngoài những nội dung đã đề cập trên, còn có một số nội dung liên quan tới các hiệp định vay phụ như ủy quyền cho cơ quan tiếp nhận dự án ký kết với ADB, tài liệu dẫn chiếu bổ sung thêm các hiệp định vay phụ ký giữa Bộ Tài chính và cơ quan tiếp nhận.

Thông thường nội dung trong một văn bản pháp lý bao gồm những nội dung trên, tuy nhiên căn cứ vào từng khoản vay, dự án cụ thể mà ADB có thể yêu cầu thêm một số văn bản khác ví dụ trong khoản vay “Cải thiện môi trường thành phố Hồ Chí Minh” ADB yêu cầu phía Việt Nam cung cấp kế hoạch tái định cư đã được phê duyệt đi kèm cùng với ý kiến pháp lý. Thông thường, văn bản ý kiến pháp lý hoàn thành xong thường được gửi trước cho ADB để xem xét, có những bổ sung cần thiết nếu có trước khi ban hành chính thức và gửi cho ADB.

### *Về cơ quan cấp ý kiến pháp lý*

Theo quy định về luật pháp, Bộ trưởng Bộ tư pháp là người được ủy quyền thẩm định tính hợp pháp, sự phù hợp và tính thống nhất các nội dung trong văn bản ý kiến pháp lý với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và là người chịu trách nhiệm ban hành ý kiến pháp lý.

### 3. Các bước tiến hành để hoàn thành một văn bản ý kiến pháp lý

#### *Các tài liệu, văn bản đính kèm*

Như đã đề cập ở trên, các khoản vay của ADB cho Việt Nam đều biểu hiện dưới 3 hình thức như sau:

- Khoản vay theo ngành
- Khoản vay chương trình
- Khoản vay đi kèm dự án

Trong hai khoản vay đầu, các chứng từ, tài liệu đi kèm cùng với văn bản ý kiến pháp lý bao gồm:

- + ủy quyền của Chủ tịch nước về cá nhân thực hiện việc đàm phán, ký kết khoản vay.
- + Phê chuẩn của Chủ tịch nước về khoản vay đã ký
- + Khoản vay đã ký

Đối với khoản vay đi kèm dự án ngoài các tài liệu trên còn bổ sung thêm:

- + Hiệp định vay phụ ký giữa ADB và cơ quan tiếp nhận dự án
- + Các hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và cơ quan tiếp nhận dự án
- + Các tài liệu khác (nếu ADB yêu cầu cụ thể).

Toàn bộ các tài liệu trên đều bằng tiếng Anh và gửi cùng với ý kiến pháp lý cho ADB để làm hiệu lực cho dự án.

*Sự tham gia phối hợp của các Bộ, ngành hữu quan và cơ quan thực hiện dự án.*

Để hoàn thiện một văn bản pháp lý, cần có sự giúp đỡ hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành hữu quan trong đó đặc biệt kể đến vai trò quan trọng của Bộ Tư pháp cơ quan trực tiếp soạn thảo và ban hành ý kiến pháp lý. Tuy nhiên, để có thể ban hành một văn bản ý kiến pháp lý hoàn chỉnh, đầy đủ cần sự hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà nước, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chủ tịch nước, cơ quan thực hiện dự án, các đơn vị có liên hệ tới việc ban hành các tài liệu, văn bản được yêu cầu trong văn bản ý kiến pháp lý. Tùy theo quyền hạn, trách nhiệm phân cấp mà mỗi cơ quan đều có những đóng góp cụ thể khác nhau như Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm làm giấy ủy quyền của Chủ tịch nước về việc đàm phán, ký kết. Văn phòng Chủ tịch nước cung cấp văn bản phê chuẩn của Chủ tịch nước đối với khoản vay. Cơ quan thực hiện dự án tùy theo yêu cầu cụ thể của ADB mà cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết như văn bản tái định cư trong khoản vay “Cải thiện môi trường thành phố Hồ Chí Minh” hoặc Danh sách 15 trường trọng điểm để đầu tư trong khoản vay “Giáo dục kỹ thuật dạy nghề”. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm căn cứ vào yêu cầu trong khoản vay thu thập các tài liệu liên quan từ các Bộ, ngành và chuyển sang Bộ ư pháp, ngoài ra còn là cơ quan đầu mối liên hệ, trao đổi trực tiếp với ADB về các vấn đề xung quanh văn bản ý kiến pháp lý. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa các Bộ, ngành hữu quan sẽ đảm bảo văn bản ý kiến pháp lý ban hành trong khoảng thời gian quy định làm hiệu lực cho dự án.

*Ý kiến từ phía ADB*

Ý kiến pháp lý là một trong những điều kiện để đảm bảo khoản vay có hiệu lực sau khi ký kết. Đây là một yêu cầu bắt buộc của ADB đối với toàn bộ khoản vay của ADB đối với các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam. Đây cũng là một căn cứ quan trọng để đảm bảo khoản vay và các nội dung liên quan là hoàn toàn hợp pháp với luật pháp nước nhận khoản vay và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa hai bên. Thông thường để đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng của nội dung trong ý kiến pháp lý và tiết kiệm thời gian trao đổi thì phía Việt Nam sẽ chuyển trước cho ADB bản dự thảo, nếu không có sửa đổi gì về nội dung trong bản này, phía Việt Nam sẽ phát hành chính thức và chuyển cùng các tài liệu khác làm hiệu lực cho khoản vay. Nói chung, ADB đều đồng ý với phía Việt Nam về các nội dung chung trong văn bản pháp lý, tuy nhiên tùy từng loại khoản vay, đối tượng nhận khoản vay mà ADB yêu cầu bổ sung, sửa đổi thêm một số nội dung khác. Những sửa chữa, bổ sung khác của ADB liên quan tới câu chữ, ngày tháng... các nội dung mang tính hình thức. Khi có những thay đổi, ADB sẽ thông báo cho Ngân hàng Nhà nước sau đó Ngân hàng Nhà nước cùng với Bộ Tư pháp tiến hành các điều chỉnh bổ sung cần thiết.

#### **Thời gian hoàn thành ý kiến pháp lý**

ADB cũng lưu ý phía Việt Nam về thời gian hoàn thành ý kiến pháp lý do bước này có liên quan tới thời gian hiệu lực dự án. Theo quy định của phía ADB thời gian làm hiệu lực cho khoản vay, dự án là khoảng 90 ngày kể từ ngày ký kết hiệp định khoản vay. Như vậy thời gian để hoàn thành ý kiến pháp lý cũng phải nằm trong thời hạn trên. Nếu thời gian này kéo dài có thể khiến cho thời hạn làm hiệu lực dự án vượt quá thời gian cho phép, ảnh hưởng tới tiến trình thực hiện dự án. Nhìn nhận chung các khoản vay, dự án của ADB từ trước đến nay, phía Việt Nam đã hết sức cố gắng để đảm bảo hiệu lực dự án do đó chỉ có một số ít trường hợp phải kéo dài thời hạn hiệu lực do những chậm trễ khách quan.

#### **Cơ quan phụ trách thực hiện ban hành ý kiến pháp lý**

Theo phân cấp quản lý thì Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm ban hành ý kiến pháp lý cho các khoản vay, dự án vay vốn ADB nói riêng và từ các tổ chức tài chính khác nói chung. Bộ trưởng Bộ Tư pháp được ủy quyền ký các văn bản ý kiến pháp lý. Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong công tác thu thập tài liệu, đánh giá, kiểm tra các nội dung cần thiết chuẩn bị cho việc soạn thảo ý kiến pháp lý chính thức. Bộ thường xuyên liên

hệ với Ngân hàng Nhà nước cơ quan đại diện của ADB tại Việt Nam, để trao đổi với ADB những nội dung, vấn đề liên quan tới ý kiến pháp lý.

#### 4. Đánh giá vai trò khâu cấp ý kiến pháp lý trong quá trình thực hiện dự án

##### *Tổng quan về chu kỳ thực hiện một dự án vay vốn ADB*

Nhìn chung các dự án vay vốn ADB được thực hiện theo các bước tóm tắt sau:

Bước 1: Xác định dự án: Nhằm đánh giá dự án có phù hợp với chương trình hỗ trợ phát triển của ADB cũng như chiến lược phát triển của quốc gia nhận vốn vay hay không.

Bước 2: Xây dựng dự án: Thực hiện nghiên cứu khả thi do các chuyên gia tư vấn thực hiện thông qua các trợ giúp kỹ thuật của Ngân hàng hoặc các nguồn giúp đỡ của các tổ chức khác.

Bước 3: Tiến hành tìm hiểu thực tế hoặc nghiên cứu tiền khả thi: ADB sẽ tiến hành các công việc như thẩm định nghiên cứu khả thi, tiến hành thảo luận với các ban ngành hữu quan nhằm tìm hiểu thêm một số thông tin về dự án. Chuẩn bị báo cáo đánh giá.

Bước 4: Phái đoàn thẩm định: ADB cử phái đoàn này nhằm thẩm tra, xem xét các nội dung về kỹ thuật, kinh tế, tài chính của dự án cũng như các thành phần, chính sách trong dự án sẽ triển khai. Tiến hành các cuộc thảo luận nhằm thống nhất nội dung và xác định điều kiện vay vốn. Tiếp theo, Đoàn sẽ ký biên bản ghi nhớ với phía Việt Nam.

Bước 5: Chuẩn bị các văn bản cả Ban giám đốc ADB: sẽ trình lên Ban Giám đốc ADB các tài liệu như báo cáo thẩm định, hiệp định tín dụng, dự án... xem xét, đồng thời ADB gửi dự thảo hiệp định vay vốn cho nước vay vốn.

Bước 6: Đàm phán hiệp định vay vốn: ADB sẽ tiến hành đàm phán với nước nhận khoản vay về nội dung hiệp định khoản vay, tiếp theo hai bên sẽ ký biên bản về kết quả đàm phán.

Bước 7: Ban Giám đốc thảo luận: Ban Giám đốc sẽ thống nhất nội dung các báo cáo: Báo cáo của Chủ tịch, báo cáo thẩm định và các báo cáo có liên quan khác. Trong bước này, ADB cũng sẽ hoàn thiện nội dung đầy đủ của hiệp định khoản vay.

Bước 8: Phê chuẩn dự án: hiệp định dự án sẽ được thảo luận tại cuộc họp của Ban Giám đốc với mục đích xem xét toàn bộ nội dung cũng như các yêu cầu liên quan, kiểm tra đối chiếu cần thiết trước khi Ban giám đốc phê chuẩn.

Bước 9: Tiến hành ký kết và làm thủ tục hiệu lực: Hiệp định sẽ được đại diện ủy quyền hai bên tiến hành ký tùy vào từng trường hợp mà lễ ký có thể diễn ra tại trụ sở ADB hoặc ở nước vay vốn. Tiếp theo nước vay vốn sẽ hoàn thành các điều kiện làm hiệu lực cho khoản vay được quy định trong nội dung hiệp định vay vốn.

Bước 10: Tiến hành thực hiện dự án: Về phía Ban quản lý dự án thuộc nước vay vốn sẽ tiến hành các công việc như tuyển chọn tư vấn, chuẩn bị thiết kế và các tài liệu đấu thầu, lắp đặt và xây dựng... Về phía ADB trong quá trình thực hiện dự án thường xuyên đánh giá, xem xét quá trình thực hiện dự án, kiểm tra báo cáo thực hiện hàng quý, tiến hành giải ngân vốn vay...

Bước 11: Hoàn thành dự án: Ban quản lý dự án tiến hành hoàn thành các phần dự án, thực hiện khóa sổ tài khoản giải ngân của dự án, chuẩn bị báo cáo hoàn thành dự án.

Bước 12: Đánh giá lợi ích của dự án: nhằm xem xét những tác động kinh tế xã hội đối với dự án.

Bước 13: Chuẩn bị báo cáo kiểm tra hoàn thành dự án: hai bên cùng phối hợp đánh giá những phần việc đã làm so với kế hoạch đã đặt ra, đánh giá các lợi ích về kinh tế, xã hội, cùng rút ra các bài học kinh nghiệm cho việc chuẩn bị các dự án tiếp theo.

Nhìn vào các bước trên là toàn bộ các bước chuẩn bị, thực hiện một dự án vay vốn ADB. Có thể nhận thấy rằng toàn bộ các khâu trên có mối

quan hệ mật thiết và ràng buộc với nhau như các mắt xích trong một chuỗi. Việc chậm trễ ở bất kỳ khâu nào cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ quá trình chuẩn bị dự án nói riêng và tới quá trình triển khai dự án sau này. Theo như sơ đồ trên thì khâu cấp ý kiến pháp lý thuộc phần làm hiệu lực cho dự án (bước 9) và đây cũng là khâu cuối cùng trong quá trình chuẩn bị dự án trước khi dự án chuyển sang bước thực hiện.

### *Phân tích vai trò khâu cấp ý kiến pháp lý trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án*

Có thể nói rằng khâu làm hiệu lực cho dự án có vai trò quan trọng trong quá trình chuẩn bị dự án, là một bước chuyển nối giữa khâu chuẩn bị và khâu thực hiện dự án. Trong khâu làm hiệu lực này, thì việc cấp ý kiến pháp lý là nội dung quan trọng nhất do nó chiếm nhiều thời gian cũng như qua các bước, thủ tục khác nhau. Việc chậm trễ trong khâu cấp ý kiến pháp lý sẽ làm chậm trễ trong khâu hiệu lực dự án và cũng sẽ gây nên sự chậm trễ trong quá trình thực hiện dự án. Đây là khâu cuối cùng trong quá trình chuẩn bị dự án và được thực hiện sau khi khoản vay được ký kết và giới hạn trong khoảng thời gian do ADB quy định do đó nếu không hoàn thành khâu cấp ý kiến pháp lý thì khâu hiệu lực dự án bị chậm lại và ảnh hưởng tới quá trình thực hiện dự án sau này và gây nên ấn tượng không tốt của ADB đối với các dự án sẽ triển khai tại Việt Nam sau này và cũng sẽ ảnh hưởng tới quan hệ Việt Nam và ADB.

Nói tóm lại khâu cấp ý kiến pháp lý là bước quan trọng trong quá trình hoàn thiện dự án. Thực hiện càng sớm khâu này thì hiệu lực dự án sớm được tuyên bố và dự án nhanh chóng đi vào thực hiện. ý kiến pháp lý là một bước hoàn thiện về mặt pháp lý nhằm đảm bảo các nội dung trong đó phù hợp với luật pháp nước vay vốn và thỏa mãn yêu cầu bên cho vay.

### 5. Các tồn tại và khuyến nghị

Kể từ khi nối lại quan hệ tín dụng với ADB năm 1993, cho đến nay chưa có vấn đề lớn nào phát sinh trong khâu cấp ý kiến pháp lý. Chưa có trường hợp nào mà vì những vấn đề nảy sinh trong khâu cấp ý kiến pháp lý mà khiến cho ADB trì hoãn hoặc bãi bỏ khoản vay. Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị cũng có một số dự án phải gia hạn thời gian làm hiệu lực do

những chậm trễ trong khâu cấp ý kiến pháp lý. Những chậm trễ này được giải thích bởi các lý do như cơ quan (ban quản lý) dự án chưa nắm rõ được các thủ tục, yêu cầu của ADB, hoàn thành và nộp các tài liệu chậm theo như yêu cầu trong văn bản ý kiến pháp lý. Khâu phê duyệt tại các cấp có thẩm quyền như Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ ngoại giao và Bộ, ngành chủ quản về các văn bản liên quan như Quyết định phê chuẩn của Chủ tịch nước, Quyết định thành lập Hội đồng chỉ đạo dự án quốc gia... diễn ra chậm chạp. Thời gian liên lạc, trao đổi giữa Bộ Tư pháp – Ngân hàng Nhà nước ADB chưa có một quy định rõ ràng, đôi khi thời lượng này cũng chiếm một khoảng thời gian đáng kể.

Để khắc phục các khó khăn trên và đảm bảo các dự án sau này được chuẩn bị và thực hiện đúng thời gian quy định, đề nghị cần có những cải cách, thay đổi trong quá trình thẩm định, phê duyệt các văn bản, tài liệu liên quan từ các cấp có thẩm quyền. Bộ Tư pháp cần có một quy chế rõ ràng quy định rõ về các loại tài liệu cần cho quá trình làm ý kiến pháp lý không chỉ với các loại hình vay vốn từ ADB mà với tất cả các tổ chức tài chính quốc tế khác. Bên cạnh đó cũng cần quy định về thời gian nộp chứng từ, tài liệu cũng như thời gian liên hệ giữa các bộ, ngành hữu quan.

## Chuyên đề 7

# MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT, PHÊ CHUẨN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ NHÂN DANH NHÀ NƯỚC

Tiến sĩ: H. P.T

Thạc sĩ: Bùi Thị Keng

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, theo phương châm: *Việt Nam muốn làm bạn và là đối tác tin cậy của các nước, phấn đấu vì hoà bình, dân chủ, độc lập và phát triển*. Trong thời gian qua, Việt Nam đã ký kết, tham gia nhiều Điều ước quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế ở nhiều cấp độ khác nhau để tạo cơ sở pháp lý điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong các lĩnh vực của đời sống quốc tế. Và trong thực tế, điều đó đã đóng góp một phần quan trọng trong những thành tựu mà nước ta đã giành được trong quá trình đổi mới.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ bước đầu có một vài suy nghĩ đề cập tới một phần trong toàn bộ vấn đề về Điều ước quốc tế, đó là: việc đàm phán, ký kết, phê chuẩn Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.

### **I/ Cơ sở lý luận về đàm phán, ký kết, phê chuẩn Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước:**

Nghiên cứu làm phong phú thêm về mặt lý luận, rút kinh nghiệm và bổ sung, sửa đổi những quy định của pháp luật trong lĩnh vực này là một vấn đề rất cần thiết. Việc ký kết Điều ước quốc tế là một trong những biểu hiện của chủ quyền quốc gia. Xuất phát từ chủ quyền của mình, các quốc gia ký kết các Điều ước quốc tế. Tham gia và trở thành thành viên của cộng đồng quốc tế. Điều ước quốc tế làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng đó. Điều ước quốc tế không những có vai trò cực kỳ to lớn trong quan hệ quốc tế mà còn có vị trí đặc biệt ảnh hưởng tới hệ thống pháp luật của mỗi nước.

Về mối quan hệ giữa hiệu lực của Điều ước quốc tế và hiệu lực của pháp luật quốc gia, Công ước Viên năm 1969 và pháp luật của đa số các

nước đều thừa nhận nguyên tắc: Khi pháp luật trong nước và Điều ước quốc tế có sự khác nhau thì ưu tiên áp dụng thuộc về Điều ước quốc tế.

Đối với Việt Nam, việc đàm phán, ký kết, phê chuẩn các Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chủ tịch nước, được ghi nhận trong các Điều 101 và khoản 10 Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1992 và các Luật Ngân sách Nhà nước năm 1996, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế ngày 20/8/1998 của UBTVQH (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh năm 1998) và được hướng dẫn thi hành trong Nghị định số 161 ngày 18/10/1999 của Chính phủ ban hành kèm theo Pháp lệnh này.

### ***1- Một số khái niệm về đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; nguyên tắc và thẩm quyền ký kết:***

#### **1.1/ Khái niệm Điều ước quốc tế:**

Pháp luật của hầu hết các nước đều cho rằng: Điều ước quốc tế là văn bản pháp lý quốc tế do các chủ thể của công pháp quốc tế (chủ yếu là các quốc gia) thoả thuận ký kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng nhằm ấn định, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ đối với nhau trong các lĩnh vực hợp tác quốc tế.

Theo nghĩa rộng, Điều ước quốc tế là văn bản pháp lý ấn định các quy tắc xử sự giữa các chủ thể của công pháp quốc tế với nhau trong cộng đồng quốc tế.

Theo pháp luật nước ta, tại Điều 2 của Pháp lệnh năm 1998, Điều ước quốc tế định nghĩa như sau:

1. "*Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là một bên ký kết*", dưới đây gọi là ĐUQT, là thoả thuận bằng văn bản được ký kết giữa nước CHXHCN Việt Nam và một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác không phụ thuộc vào tên gọi như hiệp ước, công ước, định ước, hiệp định, nghị định thư, công hàm trao đổi và danh nghĩa ký kết".

#### **1.2/ Ký kết Điều ước quốc tế:**

Theo Pháp lệnh ký kết và thực hiện các Điều ước quốc tế ( tại khoản 2 Điều 2) định nghĩa như sau:

Ký kết là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện những hành vi pháp lý từ đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập đến khi ĐUQT có hiệu lực.

Pháp lệnh năm 1998 đã qui định 2 nguyên tắc chung chỉ đạo việc ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế của Việt Nam, đó là:

- *Thứ nhất*: Điều ước quốc tế phải được ký kết trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế và các quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

- *Thứ 2*: Khi ký kết, cần tôn trọng sự tuân thủ: ĐUQT được ký kết với danh nghĩa ở cấp thấp không được trái với ĐUQT được ký kết với danh nghĩa ở cấp cao hơn.

Hai nguyên tắc trên đây có thể nói là kim chỉ nam cho công tác ĐUQT của Nhà nước ta mà các cấp, các ngành có trách nhiệm cần quán triệt đầy đủ trong suốt quá trình chuẩn bị từ đàm phán, ký kết phê chuẩn và thực hiện ĐUQT. Các nguyên tắc trên phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước Viên về luật điều ước.

### **1.3/ Về thẩm quyền và trình tự ký kết các Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước:**

Theo quy định tại Điều 103 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 và tinh thần của Điều 4, 6 của Pháp lệnh năm 1998 về phân loại ĐUQT chỉ rõ:

*Điều ước quốc tế được ký kết với danh nghĩa Nhà nước là ĐUQT:*

- Về hoà bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia;
- Về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, về tương trợ tư pháp;
- Về tổ chức quốc tế phổ cập và tổ chức khu vực quan trọng;
- Do các bên thoả thuận.

Chủ tịch nước quyết định việc đàm phán, ký ĐUQT với danh nghĩa Nhà nước.

Về thẩm quyền uỷ quyền đàm phán và ký ĐUQT, nội dung Pháp lệnh ký kết và thực hiện ĐUQT năm 1998 đã quy định: Trưởng đoàn đàm phán và ký Điều ước quốc tế với danh nghĩa Nhà nước phải được Chủ tịch nước uỷ quyền. Riêng đối với Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao không cần giấy uỷ quyền khi đàm phán và ký ĐUQT.

### **2/ Phê chuẩn Điều ước quốc tế:**

Không phải tất cả các ĐUQT sau khi ký là đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Các ĐUQT có ý nghĩa lớn về mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, pháp lý, sau khi được ký đều phải thông qua thủ tục phê chuẩn hoặc phê duyệt của các cơ quan cấp cao hơn cơ quan đã ký văn bản đó.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Pháp lệnh ký kết và thực hiện các ĐUQT thì: *"Phê chuẩn" là hành vi pháp lý do Quốc hội hoặc Chủ tịch nước thực hiện, chấp nhận hiệu lực của ĐUQT đã ký đối với nước Cộng hoà XHCN Việt Nam*".

Vấn đề đặt ra là, những ĐUQT nào cần phải được phê chuẩn thì mới phát sinh hiệu lực pháp luật? Theo tinh thần của Điều 10 Pháp lệnh năm 1998 thì: ĐUQT phải được phê chuẩn là các điều ước được ký với danh nghĩa Nhà nước:

- Về hoà bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia; về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, về tương trợ tư pháp;
- Có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, UBTVQH và Chủ tịch nước;
- Liên quan đến ngân sách Nhà nước theo đề nghị phê chuẩn của Chính phủ;
- Có điều khoản quy định phê chuẩn.

Như vậy: ĐUQT thuộc diện phải phê chuẩn là các ĐUQT được ký với danh nghĩa Nhà nước; các điều ước có điều khoản trái với Luật hoặc Pháp lệnh trong nước; và các điều ước mà các bên ký kết thoả thuận quy định việc phê chuẩn.

Phù hợp với quy định tại điều 103 của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 1992, Pháp lệnh năm 1998 đã quy định việc quyết định phê chuẩn ĐUQT thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước, trừ trường hợp cần trình quốc hội.

**II - Vài nét về tình hình đàm phán, ký kết, phê chuẩn và thực hiện các điều ước quốc tế trong thời gian qua.**

Cùng với sự phát triển quan hệ hợp tác và hữu nghị với các nước, các ĐUQT được ký kết với danh nghĩa Nhà nước càng ngày càng tăng thêm về số lượng, phong phú thêm về các lĩnh vực trong đời sống quốc tế.

Thực tế hoạt động của công tác Điều ước quốc tế trong thời gian qua có thể cho phép sơ bộ rút ra một số điểm đáng quan tâm như sau:

- Về số lượng: các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ngày càng tăng nhanh (chỉ trong vòng 2 năm 1999-2000, Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn tới 62 Điều ước quốc tế các loại cả song phương và đa phương). Nếu chỉ tính từ tháng 11/1998 đến nay (tháng 11/2000), Chủ tịch nước nhân danh Cộng hoà XHCN Việt Nam đã uỷ quyền đàm phán: 14 điều ước quốc tế; tham gia ký: 20 điều ước quốc tế và tiến hành phê chuẩn: 28 điều ước quốc tế.

- Về hình thức và lĩnh vực hoạt động: Ngoài việc ký kết các Điều ước quốc tế song phương, Việt Nam còn tham gia vào hoạt động quốc tế toàn cầu thông qua việc phê chuẩn các Công ước, Hiệp ước quốc tế đa phương và đa dạng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống quốc tế: chính trị, kinh tế, ngoại giao, pháp lý.

Quá trình chuẩn bị để trình Chủ tịch nước uỷ quyền cho phép đàm phán, ký kết cũng như xem xét, quyết định phê chuẩn các Điều ước quốc tế theo chúng tôi nói chung đang dần đi vào nề nếp, đảm bảo thủ tục pháp lý trên cơ sở quy định của Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam đặc biệt là từ sau khi có Pháp lệnh về ký kết và thực hiện các Điều ước quốc tế do UBTƯQH thông qua ngày 20/8/1998 và Nghị định 161/1999/ NĐ-CP ngày 18/10/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

Các Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước trên đây có vai trò quan trọng đóng góp vào công cuộc xây dựng trong việc xây dựng và phát triển kinh tế, pháp luật, văn hoá, khoa học kỹ thuật, xã hội của đất nước; Đồng thời việc tham gia và phê chuẩn nhiều Điều ước quốc tế đã làm tăng thêm uy tín và thiện chí của Việt Nam trên trường quốc tế, mở rộng quan hệ ngoại giao, đóng góp vào sự củng cố và tăng cường sự hội nhập của nước ta với cộng đồng quốc tế, nhất là việc hội nhập trong cùng khu vực, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi vì mục tiêu hoà bình và an ninh quốc tế.

Tuy nhiên, thời gian qua trong quá trình thực hiện công tác này còn có một số vấn đề có những vướng mắc, bất cập cần được tháo gỡ và rút kinh nghiệm kịp thời.

### ***1/ Về đàm phán, ký kết:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế năm 1998 thì trong quá trình đề xuất đàm phán và ký, nếu điều ước quốc tế có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, UBTVQH ban hành thì cơ quan đề xuất đàm phán và ký phải lấy ý kiến của các Bộ ngành hữu quan và kiến của cơ quan đề xuất phải được trình Chính phủ xem xét và báo cáo UBTVQH cho ý kiến. UBTVQH báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Về việc phê chuẩn loại điều ước này, tại khoản b Điều 10 của Pháp lệnh này đã quy định: " Điều ước quốc tế phải được phê chuẩn là các điều ước: Có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản QPPL của Quốc hội, UBTVQH và Chủ tịch nước".

Tuy nhiên trên thực tế, có những trường hợp chưa tuân thủ quy định này chẳng hạn, ký kết và phê chuẩn **02 Hiệp định khung ASEAN** về Khu vực đầu tư và Hàng hoá quá cảnh, Hiệp định khung ASEAN về **Khu vực đầu tư** trên đây có liên quan đến việc dành nguyên tắc *đãi ngộ như công dân* trong lĩnh vực đầu tư cho các nhà đầu tư ASEAN; Hiệp định khung ASEAN về **Hàng hoá quá cảnh** dành nguyên tắc *đãi ngộ tối huệ quốc, đãi ngộ quốc gia* cho các bên tham gia là một vấn đề mới mà chưa được quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do Quốc hội , UBTVQH ban hành.. nhưng khi tiến hành đàm phán, ký kết 2 Hiệp định khung này ( từ ngày 7/10/1998- sau khi Pháp lệnh về ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế đã có hiệu lực- ngày 24/10/1998) đã không có báo cáo xin ý kiến của UBTVQH. Chỉ khi sắp đến thời hạn phát sinh hiệu lực pháp luật của 02 Hiệp định khung này thì Chính phủ mới có Công văn số 344/CP-TCQT ngày 7/4/1999 đề nghị Chủ tịch nước phê chuẩn 02 Hiệp định khung nói trên và đồng thời xin ý kiến của UBTVQH về việc tham gia 02 Hiệp định khung ASEAN. Và chỉ có khi có ý kiến của UBTVQH Chủ tịch nước mới quyết định phê chuẩn các hiệp định này.

Tương tự như trên, là khi đề nghị Chủ tịch nước phê chuẩn " **Công ước cấm Vũ khí hoá học**" (Công văn 768/CP-QHQT ngày 9/7/1998). Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam thì việc ký kết , phê chuẩn hoặc tham gia Công ước này thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước. Theo quy định của Pháp lệnh ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế, khi ký kết loại điều ước này cần phải báo cáo để Chủ tịch nước quyết định . Tuy nhiên đối với Công ước này, Công ước đã được ký từ ngày 13/1/1993, nhưng đến ngày 9/7/1998 mới đề nghị Chủ tịch nước phê chuẩn mà trước đó cũng không có báo cáo nào gửi Chủ tịch nước về việc tham gia Công ước nói trên. Tương tự, gần đây

nhất là việc ký kết **Hiệp định Thành lập trung tâm ASEAN về Năng lượng** cũng rơi vào tình trạng như vậy.

Qua một số trường hợp trên, chúng tôi thấy rằng cần phải rút kinh nghiệm nghiêm túc về việc thực hiện các quy định của pháp luật về việc ký kết các Điều ước quốc tế để tránh tình trạng " *việc đã rồi*". Đối với những Điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước thì ngay từ việc đàm phán, ký kết đến phê chuẩn, các cơ quan có trách nhiệm phải có báo cáo đề nghị Chủ tịch nước có điều kiện thời gian xem xét, cân nhắc, tránh tình trạng cứ đàm phán, ký chính thức xong mới đề nghị Chủ tịch nước phê chuẩn.

## ***2/ Về việc uỷ quyền cho các cá nhân trong đàm phán các Điều ước quốc tế:***

Theo chúng tôi, việc Chủ tịch nước uỷ quyền cho một cá nhân nào đó làm Trưởng đoàn đàm phán nhân danh Nhà nước là vấn đề cũng cần phải đặt ra do tầm quan trọng của nó. Trước đây có những trường hợp Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước **uỷ quyền đàm phán cho cấp Vụ phó**. Ví dụ: Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự giữa Cộng hoà XHCN Việt Nam với Cộng hoà Pháp và Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Cộng hoà XHCN Việt Nam với Cộng hoà Pháp vv...

Mặc dù có những lý do ( Vụ được giao chủ trì về chuẩn bị nội dung chưa có Vụ Trưởng phụ trách hoặc để tương xứng với người được uỷ quyền bên đối tác nên phải để Vụ Phó đàm phán) chúng tôi cho rằng: trong việc này người được Chủ tịch nước uỷ quyền phải có một vị thế nhất định vì sẽ nhân danh nước Cộng hoà XHCN Việt Nam để tiến hành đàm phán. Do đó Chính phủ cần phải hết sức cân nhắc, chỉ trong trường hợp thật cần thiết thì mới uỷ quyền cho cấp Vụ ( Vụ Trưởng) còn thì nên ở cấp độ lãnh đạo Bộ ngành ( Thứ trưởng hoặc tương đương trở lên ).

## ***3/ Về nghiên cứu nội dung đề xuất ký kết, phê chuẩn:***

Nghiên cứu đề xuất ý kiến để ký kết tham gia ĐUQT là công việc vô cùng quan trọng của các cơ quan tham mưu. Ngoài ý nghĩa Chính trị, ngoại giao, kinh tế, xã hội, chúng tôi cho rằng: cần đặc biệt lưu ý đến điều kiện cụ thể của Việt Nam ở những giai đoạn nhất định và nhất là khả năng thực hiện

các nghĩa vụ trong Điều ước quốc tế. Tránh tình trạng ký thì cứ ký nhưng chuẩn bị, thực hiện lại chưa được chuẩn bị kỹ hoặc chỉ quan tâm đến lợi ích phạm vi hẹp chưa chú ý tới lợi ích toàn cục, hoặc chưa vào thời điểm thuận lợi nhất của nó. Đối với những ĐUQT này cần phải có ý kiến chỉ đạo của các cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước ta.

Trong thực tế có những đề xuất ký kết các ĐUQT không được chấp nhận( thời điểm chưa phù hợp, điều kiện thực hiện còn chưa chuẩn bị đầy đủ...). Dù vậy vẫn có những trường hợp do chưa lường hết những điều kiện của điều ước, nhất là những cam kết trái hoặc chưa được quy định của pháp luật trong nước nên có những điều ước khi ký rồi lại phải ký lại bổ sung hoặc gặp rất nhiều khó khăn khi phải điều chỉnh những điều kiện và quy định trong nước cho phù hợp với yêu cầu của Điều ước quốc tế đã ký kết.

#### ***4/ Về thực hiện trình tự, ký kết, phê chuẩn:***

Về công tác Điều ước quốc tế nói chung, việc chuẩn bị và đề xuất tham gia, phê chuẩn các Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước chúng tôi thấy còn tản mạn chưa theo một kế hoạch tổng thể và đồng bộ, do đó việc đề nghị xin Chủ tịch nước uỷ quyền đàm phán, ký kết, phê chuẩn các Điều ước quốc tế còn ở trong tình trạng thời gian thường gấp gáp có khi chỉ trong phạm vi 24 tiếng đồng hồ; nội dung trình còn quá tóm tắt chưa thuyết phục; thủ tục trình còn có khi không đầy đủ như quy định của Pháp lệnh ký kết và thực hiện ĐUQT; một số Tờ trình đề nghị không rõ ràng ( phê chuẩn hay tham gia), chưa báo cáo rõ nội dung Điều ước quốc tế trình Chủ tịch nước, như: việc đề nghị *phê chuẩn và gia nhập các Nghị định thư liên quan đến ngôn ngữ Công ước Chicago; Hiệp định thành lập Trung tâm ASEAN về Năng lượng...*, một số các Hiệp định tín dụng...

### **III- Một số ý kiến và kiến nghị về công tác điều ước quốc tế trong thời gian tới:**

Để đảm bảo cho công tác Điều ước quốc tế trong năm tới được thực hiện tốt hơn, chúng tôi xin đề xuất một số ý kiến và kiến nghị sau:

#### ***1/ Hệ thống hoá, hoàn chỉnh pháp luật về Điều ước quốc tế:***

Bên cạnh việc khắc phục những điểm nêu trên đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành đàm phán ký kết và phê chuẩn các Điều ước quốc tế. Việt Nam cần tiến hành hệ thống hoá hoàn

chính pháp luật về Điều ước quốc tế, cụ thể là ta sớm phải ban hành ***Luật về Điều ước quốc tế***, nhằm:

- Hệ thống hoá các quy định của Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực hoạt động này (tránh quy định một cách tản mạn trong các văn bản pháp luật như hiện nay).

- Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến rộng rãi việc ký kết và những nội dung các Điều ước quốc tế đã ký kết và phê chuẩn.

- Làm cho mọi cơ quan nhà nước, các chủ thể pháp luật khác, nhận thức được đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Nhà nước ta ký kết hoặc tham gia.

- Tăng cường nghiên cứu các Điều ước quốc tế phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng pháp luật ở Việt Nam.

Một trong những vấn đề mà chúng tôi thấy cũng nên đặt ra là: Điều ước quốc tế nào Chủ tịch nước nên trình Quốc hội phê chuẩn?

Khoản 10 Điều 103 của Hiến pháp năm 1992 quy định: ***Chủ tịch nước quyết định phê chuẩn hoặc tham gia Điều ước quốc tế, trừ trường hợp cần trình quốc hội phê chuẩn***.

Căn cứ vào khoản 13 Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992: ***Quốc hội phê chuẩn hoặc bãi bỏ các Điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia theo đề nghị của Chủ tịch nước***.

- Tại khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện các Điều ước quốc tế ngày 24/8/1998 lại tiếp tục quy định:

***"Chủ tịch nước quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế, trừ trường hợp cần trình Quốc hội quyết định"***.

Trong thực tiễn đất nước vừa qua, cũng mới chỉ có hai lần Chủ tịch nước trình Quốc hội và Quốc hội đã chính thức phê chuẩn Điều ước quốc tế, đó là: *Công ước về Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc* vào tháng 6/1994 và gần đây nhất là *Hiệp ước về Biên giới đất liền giữa Cộng hoà XHCN Việt Nam và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa* tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá X tháng 7 năm 2000.

Có một số nhà luật học hiện nay cho rằng:

Đây là vấn đề Hiến pháp dành toàn quyền cho ông Chủ tịch nước. Chủ tịch nước dựa vào sự cân nhắc của mình để quyết định Điều ước quốc tế nào cần trình Quốc hội phê chuẩn?

Tuy nhiên, theo chúng tôi, nên chăng trong việc hoàn thiện pháp luật nên có một số tiêu chí mà dựa trên tiêu chí đó Chủ tịch nước cân nhắc để quyết định trình Quốc hội phê chuẩn?./.

**Chuyên đề 8**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**  
**ĐỀ SOẠN THẢO THÔNG TƯ CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP**  
**ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI**

Dương Ngọc Chiến  
Bộ Tư pháp

## **1. GIỚI THIỆU**

Vay vốn nước ngoài theo nhiều hình thức khác nhau đã xuất hiện từ nhiều năm trước đây, đặc biệt là sau chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Nhờ vốn nước ngoài mà một số nền kinh tế đã có những bước phát triển rất nhanh như Nhật bản, Hàn Quốc, Đài Loan...

Việc vay vốn nước ngoài đối với Việt Nam không phải là vấn đề mới. Ngay từ sau khi thành lập (tháng 9 năm 1945), nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Nhà nước Việt Nam đã tiếp nhận nguồn vốn rất lớn từ các nước XHCN anh em và các nước bè bạn khác. Do tính đặc thù trong quan hệ giữa các nước XHCN lúc bấy giờ, nên vấn đề pháp lý (trong đó có việc cấp Ý kiến pháp lý) đối với các thoả thuận vay vốn chưa được đặt ra.

Thực hiện công cuộc đổi mới (năm 1986), Việt Nam đã mở rộng quan hệ kinh tế với nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Đặc biệt là sau Hội nghị của các nhà tài trợ cho Việt Nam (Paris 1993), Việt Nam chính thức nối lại quan hệ, tài chính, tín dụng với cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã ký hàng chục thoả thuận vay với các nước, các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế và ngân hàng thương mại nước ngoài (sau đây gọi chung là Bên cho vay). Trong tất

cả các Thỏa thuận đó đều có quy định về việc cấp Ý kiến pháp lý của Bên vay. Đây là một trong những điều kiện để Bên cho vay tuyên bố hiệu lực của Thỏa thuận vay. Trên thực tế, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam theo yêu cầu của Bên cho vay đã cấp Ý kiến pháp lý cho các Thỏa thuận này. Tại Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ chính thức (Nghị định 17); Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài (Nghị định 90); Quyết định số 233/1999/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng (Quyết định 233); đã có những quy định về việc Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý.

Trong thời gian từ năm 1993 đến nay, Bộ Tư pháp đã thực hiện việc cấp Ý kiến pháp lý cho rất nhiều khoản vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ cũng như doanh nghiệp. Công việc này được Bên cho vay rất coi trọng - Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp là một điều kiện tiên quyết để hoàn thành Hợp đồng vay và tiến hành giải ngân các khoản vay đó. Hiện nay các Ngân hàng quốc tế, các tổ chức tài chính quốc tế khi vay các khoản vay có giá trị thường xuyên yêu cầu phải có Ý kiến pháp lý. Trong khuôn khổ của bài viết này, tôi chỉ đặt ra việc giải thích một cách ngắn gọn về cấu trúc và nội dung của Ý kiến pháp lý thông dụng liên quan đến các thỏa thuận vay.

## **2. Ý kiến pháp lý là gì?**

### **Mục đích**

Ý kiến pháp lý chỉ liên quan đến những vấn đề về pháp luật. Trong ngữ cảnh ngân hàng, Ý kiến pháp lý thường khẳng định rằng tất cả các văn bản liên quan đến khoản vay là có giá trị pháp lý và được thi hành. Ý kiến pháp lý là một lĩnh vực tương đối quan trọng rất có thể khó hiểu (ví dụ như việc thi hành), giúp cho ngân hàng đánh giá được rủi ro có thể có. Ý kiến pháp lý không phải là loại bảo lãnh để người vay có thể gửi hoặc trả khoản nợ mà chỉ là một sự khẳng định hiệu quả mang tính pháp lý đối với giao dịch, và cũng không phải là một sự đánh giá toàn diện về rủi ro. Về nội dung, Ý kiến pháp lý chỉ đơn giản là một văn bản được luật sư soạn thảo ra.

### **Ai là người cung cấp ý kiến pháp lý?**

Ý kiến này thường được luật sư chuyên về ngân hàng phát hành (có thể người này là người tham gia vào quá trình soạn thảo và đàm phán các tài liệu khoản vay) và được gửi đến cho ngân hàng yêu cầu. Nhìn chung, chỉ người nhận (ngân hàng yêu cầu) mới có thể kiện luật sư nếu như chứng minh được ý kiến đó là sai, mặc dù luật sư có trách nhiệm chung đối với bất kỳ ai mà anh ta tin tưởng vào lời khuyên của mình. Nếu giao dịch liên quan đến tập đoàn (hoặc là cam kết tài chính), ý kiến pháp lý có thể gửi cho đại lý ngân hàng theo uỷ quyền của họ, hoặc có thể gửi cho từng ngân hàng (vì vậy, họ có thể kiện theo từng ngân hàng).

Luật sư chỉ có thể đưa ra Ý kiến căn cứ theo luật mà anh ta có kinh nghiệm. Vì thế, nếu một ý kiến được yêu cầu theo các vấn đề ngoài nước thì nếu cần thiết có thể cần đến ý kiến của luật sư nước ngoài đó về vấn đề đó.

## **Khi nào thì dùng Ý kiến pháp lý?**

Ý kiến pháp thường được yêu cầu trong 2 trường hợp sau:

### Trường hợp thứ nhất là vay có bảo lãnh

Khi ngân hàng bảo lãnh cho một khoản vay, thường muốn có một ý kiến để khẳng định sự ưu tiên và thực hiện bảo lãnh này và chỉ ra những điều chủ yếu bất kỳ rủi ro nào liên quan đến việc phát hành bảo đảm này.

### **Trường hợp thứ hai là khi người vay là tổ chức nước ngoài và/hoặc có sự lựa chọn luật hoặc cơ quan tài phán nước ngoài**

Nếu một ngân hàng cung cấp một khoản tiền cho người vay nước ngoài, hoặc là bảo lãnh theo luật của nước ngoài, trong trường hợp này ngân hàng này luôn luôn yêu cầu Ý kiến pháp lý từ luật sư nước đó về tính thi hành, pháp lý, thứ tự ưu tiên đối với khoản vay này và những tài liệu liên quan.

Ngân hàng không thường xuyên yêu cầu Ý kiến pháp lý đối với những giao dịch không bảo đảm, nhỏ (ví dụ như việc rút quá số tiền gửi trong ngân hàng): thực tế, phòng pháp lý của ngân hàng có thể ký vào khoản vay có hiệu quả đối với các thủ tục trong nước của ngân hàng. Những khoản vay có giá trị lớn thì ngân hàng thường yêu cầu có Ý kiến pháp lý. Thậm chí nếu khoản vay tiếp theo của một khoản vay gần nhất, ngân hàng cũng vẫn có thể yêu cầu một ý kiến mới (kể cả trường hợp ý kiến này là giống như ý kiến lần trước) để cập nhật đúng ngày hiệu lực của khoản vay.

Ngân hàng coi việc phát hành Ý kiến pháp lý theo yêu cầu như là một điều kiện tiên quyết để khoản vay được giải ngân. Trong trường hợp này, người vay phải nhấn mạnh rằng ngân hàng và ý kiến của luật sư đồng ý với mẫu ý kiến trước để thực hiện thoả thuận có điều kiện này (ý kiến này sẽ được coi như là một phụ lục không tách rời của thoả thuận vay).

### **3. Nội dung của ý kiến pháp lý:**

Ý kiến pháp lý luôn luôn được soạn thảo theo mẫu của thư với tit đầu trang giấy là tên của luật sư, nơi nhận là ngân hàng và cuối cùng thư phải có chữ ký khẳng định tên của người ký phát (đây là chính sách thông dụng chỉ có đối tác mới có thể ký). Ngày phát hành của ý kiến pháp lý này rất quan trọng, Ý kiến pháp lý có thể đưa ra một ngày thông thường và được tính là ngày chuẩn theo luật vào đúng thời điểm đó.

Hầu hết Ý kiến pháp lý đều theo mẫu sau:

- (a) lời nói đầu
- (b) giả thiết các dữ liệu đưa ra
- (c) ý kiến
- (d) kết luận của luật sư

Cụ thể từng mục như sau:

#### **a. Lời nói đầu**

Phần đầu tiên của ý kiến phải xác định rõ người nhận và nói rõ hình thức của giao dịch vay (ví dụ như: các bên, loại hình vay, ngày thanh toán...). Ý kiến này phải có 2 danh sách: thứ nhất là danh sách về các tài liệu liên quan đến việc cấp ý kiến (thêm vào thoả thuận vay, điều này thông thường bao gồm tài liệu bảo đảm và bảo lãnh), và thứ hai là cụ thể các tài liệu mà luật sư đã xem xét để cấp Ý kiến pháp lý (đó là, các tài liệu có thể là nghị quyết của hội đồng quản trị hoặc người nắm giữ cổ phần, bản ghi nhớ và các điều khoản, xác nhận của kiểm toán...)

Thông thường, Ý kiến pháp lý được phát hành sau các tài liệu đã có hiệu lực được chỉ dẫn trong danh sách để thực hiện. Tuy nhiên, thời gian của một vài giao dịch là không thể xảy ra và ý kiến này cần phải chỉ ra các tài liệu không thực hiện được. Trong trường hợp này, ý kiến phải rất rõ ràng để chỉ ra một dự thảo cụ thể và dự đoán tài liệu thực hiện được là không thay đổi từ dự thảo này.

Cuối cùng, lời nói đầu của ý kiến còn bao gồm sự ghi nhận bất kỳ sự xem xét (ví dụ như đăng ký công ty) về những điều mà luật sư thấy tin tưởng cùng với ngày được phát hành.

#### ***b. Giả thiết về các dữ liệu đưa ra***

Tất cả các ý kiến mà luật sư đưa ra cần phải được dựa trên cơ sở giả thiết thực tế và những giả thiết đó bao gồm:

- (a) tất cả các chữ ký xuất hiện trên các tài liệu được xem xét là chính xác,
- (b) rằng các tài liệu trình cho người luật sư là bản gốc tin cậy và đầy đủ,
- (c) rằng các tài liệu được trình cho luật sư là các bản chụp đầy đủ và phù hợp với bản chính (bản này là chính xác)
- (d) rằng bất kỳ một quyết định được thông qua đáp ứng quy định, được hợp bàn phù hợp với quy định,
- (e) rằng các tài liệu mà ý kiến này đưa ra (đưa vào danh sách) là chính xác,
- (f) nếu ý kiến này lùi ngày thực hiện của các tài liệu được đề cập thì các tài liệu này không thay đổi ngày thực hiện
- (g) rằng bất kỳ sự điều tra nào (xem ở trên ) đều bảo đảm sự không thay đổi
- (h) rằng (kể từ ngày điều tra) ý kiến liên quan tới các công ty không trở thành đối tượng của bất kỳ dạng thủ tục không có khả năng trả nợ nào.
- (i) rằng luật nước ngoài sẽ không ảnh hưởng tới kết luận của ý kiến này.

Nếu ý kiến về các tài liệu bảo đảm thì:

- (j) ngân hàng không thông báo bất kỳ sự hạn chế hay ngăn cấm nào về việc tạo ra sự bảo đảm hay bất kỳ sự bảo đảm nào khác đối với các tài sản giống nhau;
- (k) ngay sau khi đưa ra bất kỳ sự bảo lãnh (hoặc bảo đảm) nào, người giúp thực hiện nghĩa vụ phải có đầy đủ khả năng thanh toán; các quy định về bảo lãnh (hoặc bảo đảm) bảo vệ cho lợi ích của người thực hiện nghĩa vụ thanh toán và đã không tiếp tục giúp đỡ về tài chính.

Những giả thiết này cũng thường kèm theo một danh sách những giới hạn, ví dụ ý kiến dựa hoàn toàn vào luật của Việt Nam, đó là không một ý kiến nào được diễn đạt như tiêu đề của bất kỳ người thực hiện nghĩa vụ thanh toán nào có mong muốn các tài sản nhất định được bảo đảm và không một ý kiến nào được thể hiện như những vấn đề của thực tiễn.

### **C. Ý kiến**

Về điểm này, Ý kiến pháp lý thường đưa ra dưới hình thức một xê-ry các công bố đã được định lượng. Một ý kiến sát thực sẽ khá ngắn gọn so với độ dài tổng quát của bức thư: đại đa số các đoạn là các giả thiết và các điều khoản. Hình thức chuẩn xác của một Ý kiến pháp lý sẽ là một vấn đề để ngân hàng và luật sư của ngân hàng đàm phán. Nó có thể chỉ liên quan đến người vay và thoả thuận cho vay hay nó có thể bao gồm một số hoặc tất cả những người thực hiện nghĩa vụ và các tài liệu chuyển giao khác. Tuy nhiên, đối với thiết bị vay trong nước không phức tạp thì các vấn đề hầu hết được cho là (hoặc là ý kiến của ngân hàng hoặc đôi khi là của người vay, luật sư) như sau:

1. Người vay đã có đủ các điều kiện và không ở trong tình trạng vỡ nợ.

Nếu khoản tiền vay được bảo đảm, ngân hàng có thể mong có một ý kiến bao quát tất cả những người thực hiện nghĩa vụ chính. Ở Mỹ, người ta thường cho rằng một công ty “bám trụ tốt” nghĩa là công ty này đã trả được tất cả các nghĩa vụ thuế và những khoản thu lớn khác cần thiết để công ty đó có thể tiếp tục kinh doanh.

2. Người vay có quyền cần thiết để tham gia vào và thực hiện thoả thuận vay; tiến hành bất kỳ hành động nào để uỷ quyền thực hiện thoả thuận vay.

Về cơ bản, phần thứ nhất là một tuyên bố rằng việc vay tiền theo thoả thuận vay của người vay là nằm trong khả năng quyết định của họ và họ có đầy đủ thẩm quyền để tiến hành vay. Một lần nữa, điều này sẽ được nói với những người thực hiện nghĩa vụ chính có liên quan với mong muốn về sự bảo đảm của họ. Phần thứ 2 bao gồm bất kỳ những vấn đề mang tính thủ tục cần thiết nào, ví dụ như các cuộc gặp gỡ của ban lãnh đạo. Ý kiến pháp lý thường sẽ thừa nhận rằng các thủ tục cần thiết đã được thực hiện một cách hợp pháp.

3. Việc điều hành, phân phối và thực hiện của một thoả thuận vay sẽ không trái với pháp luật Việt Nam, bất kỳ quy định nào có thể áp dụng cho các công ty (được thành lập ở Việt Nam) sẽ không vi phạm bất kỳ một quy định nào trong các điều khoản của bản thoả thuận

Về cơ bản, một tuyên bố rằng bản thoả thuận vay không vi phạm pháp luật và được tiếp tục thực hiện sẽ có giá trị ràng buộc đối với người vay và sẽ được bảo vệ tại toà án nếu như nó bị kiện (mặc dù giải pháp thực hiện không thể được đoán trước cho bất kỳ điều kiện cụ thể nào). Theo luật dân sự của Việt Nam, một thoả thuận vi phạm pháp luật tại thời điểm nó được hình thành sẽ không có giá trị pháp lý và khả năng bảo đảm việc thực hiện hợp đồng bằng toà án là không thể có được. Vì vậy, một trong những chức năng của ý kiến pháp lý là bảo đảm các tài liệu vay không vi phạm pháp luật ngay từ ban đầu. Những hậu quả của một

hợp đồng trở thành bất hợp pháp sau khi thực hiện có thể được giải quyết trong chính hợp đồng đó.

4. Việc trả nợ của người vay sẽ không là đối tượng thu thuế của Việt Nam (không thu thuế) và cũng không phải trả thuế cho việc ký kết hay đăng ký thoả thuận vay.

Phần thứ 2 đề cập chủ yếu tới trách nhiệm con dấu (kết quả của việc không trả nợ do việc không có khả năng thi hành của tài liệu mà tài liệu này được đóng dấu vẫn đang còn giá trị).

5. Tất cả việc đăng ký, điền vào hồ sơ, các giấy chứng nhận và những giấy tờ cho phép cần phải bao gồm trong tài liệu vay để cho tài liệu này có giá trị.

Và nếu như người cho vay là tổ chức được đăng ký ở nước ngoài thì:

6. Việc lựa chọn luật điều chỉnh sẽ được công nhận ở nước nơi mà người vay đã đăng ký (hoặc là nơi thực hiện sự bảo đảm).

Ngân hàng muốn bảo đảm rằng toà án địa phương sẽ công nhận luật pháp điều chỉnh tài liệu vay đó nếu như ngân hàng tiến hành các thủ tục kiện người vay ở hệ thống tài phán nơi người vay được đăng ký. Ngân hàng cũng mong có Ý kiến pháp lý khẳng định về việc một phán quyết theo pháp luật đang áp dụng đó sẽ được các toà án ở nước người vay công nhận và cho thi hành.

#### ***d. Các kết luận chuyên môn***

Những tuyên bố do Ý kiến pháp lý đưa ra không bao giờ là không rõ ràng cụ thể. Chúng sẽ luôn tuân thủ của các kết luận chuyên môn hay các điều khoản quy định. Cũng tương tự như vậy, việc tiết lộ bí mật các giấy bảo

đảm, các kết luận chuyên môn đối với một Ý kiến pháp lý sẽ cho phép luật sư đưa ý kiến thay đổi các tuyên bố chung. Nhìn chung các kết luận chuyên môn là như sau:

1. Hiệu lực pháp lý, việc thực hiện và cưỡng chế thi hành thoả thuận vay có thể bị ảnh hưởng bởi các thủ tục giải quyết vỡ nợ (và các thủ tục tương tự như thế). Một ý kiến pháp lý có thể đưa ra các ví dụ cụ thể,

2. Bất lý một tuyên bố nào trong Ý kiến pháp lý cho rằng thoả thuận vay này có khả năng thi hành đều phải được dựa trên cơ sở là: những biện pháp giải quyết công bằng đều tuân thủ ý kiến của cơ quan tài phán (ví dụ: việc thực thi một tình huống cụ thể và những yêu cầu của cơ quan tài phán thường không thể đáp ứng được nếu như những thiệt hại xảy ra lại là một giải pháp lựa chọn phù hợp).

3. Một điều khoản có ý quy định một nghĩa vụ đã được ấn định có thể được lý giải như là quy định một trách nhiệm không xác định trước

4. Pháp luật điều chỉnh việc thi hành một số quyền bảo đảm. Ví dụ: người nhận thế chấp có các nghĩa vụ đối với cả người vay và người nhận thế chấp trước đó.

5. Bất kỳ khiếu kiện nào về khoản vay đều có thể bị ảnh hưởng bởi thời hiệu, bởi quyền được khiếu tố hoặc phản tố. Những điều khoản trong thoả thuận vay liên quan việc miễn cho ngân hàng trách nhiệm pháp lý do vắng mặt tại toà án có thể không ảnh hưởng tới phiên toà.

Ý kiến pháp lý dựa trên cơ sở luật pháp của Việt Nam .

6.Toà án có thể từ chối chấp nhận các thủ tục giải quyết nếu như có một hoạt động khiếu kiện đã hoặc đang được thực hiện ở nơi nào đó.

7. Những điều khoản chi tiết, có thể không được toà án giải quyết, đáng chú ý là lãi suất lớn do không trả được nợ, những điều khoản về vô hiệu từng phần và những điều khoản yêu cầu người vay phải trả chi phí tố tụng trong việc thi hành án. Chứng cứ được sử dụng như là bằng chứng quyết định trong thoả thuận vay sẽ không nhất thiết được chấp nhận tại toà án.

8. Những điều khoản cho phép vô hiệu từng phần sẽ không nhất thiết có hiệu lực.

#### 4. KẾT LUẬN

Những vấn đề được đưa Ý kiến pháp lý, những giả thiết và kết luận chuyên môn nêu ở trên được xây dựng để đưa ra một ý tưởng đề cập đến nhiều lĩnh vực. Tất cả những vấn đề này sẽ thay đổi trong các giao dịch tùy thuộc vào bản chất của vốn vay, các tài liệu liên quan đến giao dịch, bất kỳ khía cạnh quốc tế nào của vụ việc và các yêu cầu của ngân hàng. Tuy nhiên, hình thức của hầu hết các Ý kiến pháp lý đều tuân theo đề cương ở trên.

Cuối cùng, trên cơ sở các chi phí cần thiết trong việc cung cấp khoản vay, người vay nhất thiết phải trả các lệ phí cho luật sư đã đưa Ý kiến pháp lý.

## PHẦN IV. CÁC PHỤ LỤC

|                                                                                              |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <u>Phụ lục 1</u> .....                                                                       | 258 |
| <u>Khoản vay giảm nghèo và tăng trưởng của IMF (PRGF)</u> .....                              | 258 |
| <u>Phụ lục 2</u> .....                                                                       | 266 |
| <u>Sáng kiến nợ cho những nước mắc nợ chồng chất</u> .....                                   | 266 |
| <u>Phụ lục 3</u> .....                                                                       | 280 |
| <u>Nợ xấu tồn đọng và vấn đề xử lý tại các Ngân hàng thương mại</u><br><u>Việt Nam</u> ..... | 280 |
| <u>Phụ lục 4</u> .....                                                                       | 285 |
| <u>Phụ lục 5</u> .....                                                                       | 289 |
| <u>Phụ lục 6</u> .....                                                                       | 292 |
| <u>Phụ lục 7</u> .....                                                                       | 294 |
| <u>Phụ lục 8</u> .....                                                                       | 296 |

**Khoản vay giảm nghèo và tăng trưởng của IMF (PRGF)**

30/3/2000

Vào tháng 9/1999, mục đích cho vay ưu đãi của IMF đã được mở rộng ra với trọng tâm cụ thể tập trung vào giảm nghèo đói trong chiến lược hướng tới phát triển. IMF cùng với Ngân hàng Thế giới sẽ hỗ trợ các chiến lược trong tài liệu chiến lược giảm nghèo (PRSPs) được các nước vay soạn thảo hợp tác với các tổ chức xã hội, bao gồm người nghèo và các tổ chức phát triển khác. Để thực hiện các mục tiêu và thủ tục mới, IMF đã thiết lập khoản vay tăng trưởng và giảm nghèo (RPGF) để thay thế khoản vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng (ESAF).

Hơn một thập kỷ trước đây, khoản vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng – một khoản vay ưu đãi - được xây dựng để giúp đỡ các nước nghèo là thành viên của IMF đạt được mức tăng trưởng kinh tế nhanh và cải thiện lâu dài tình hình cán cân thanh toán.

Đã có nhiều thành công đã đạt được trong một thập kỷ qua. Tốc độ tăng thu nhập thực tế tính trên đầu người tại các nước vay thực hiện ESAF đã tăng nhanh từ giữa thập kỷ 90 - đạt tới mức gần gấp đôi so với các nước đang phát triển khác. Các chỉ số xã hội khác cũng được cải thiện, một phần do các chương trình vay ESAF đã quy định tăng các khoản chi cho giáo dục và xã hội 4%/năm tính trên đầu người.

Nhưng một điều thấy rõ là còn nhiều việc cần phải làm để đạt được tăng trưởng nhanh hơn và giảm nghèo đói có cơ sở rộng hơn. Trong khi từ trước đến nay mục tiêu cơ bản của IMF luôn là phát triển nhanh bền vững, thì họ cũng đang dần hiểu rằng cũng cần có các chính sách hướng trực tiếp tới người nghèo, cho phép họ được hưởng hoặc đóng góp vào sự tăng trưởng bằng việc mở rộng cho họ các cơ hội kinh tế. Và đầu tư vào y tế, giáo dục, cơ sở hạ tầng nông thôn và phát triển khu vực tư nhân - đây được coi là các lĩnh vực ưu tiên – có khả năng có hiệu quả để kích thích phát triển.

Xuất phát từ ý nghĩa trên, và nảy sinh từ các phân tích và đề xuất và các góp ý xây dựng của nhiều nhà phê bình, đã đi tới một cam kết xây dựng chương trình do IMF hỗ trợ cho các nước có thu nhập thấp có hội nhập tốt với các chính sách đấu tranh chống đói nghèo, vay trả nợ tốt.

Do vậy, cuộc họp Hội đồng phát triển lâm thời vào tháng 9/1999 đã đưa ra một nhiệm vụ rõ ràng cho IMF: kết hợp tất cả các mục tiêu tăng trưởng và giảm đói nghèo vào các hoạt động của mình trên 80 nước nghèo nhất. Điều này dẫn đến một kết quả đầy ý nghĩa: thiết lập một khoản vay mới; Khoản vay tăng trưởng và giảm nghèo (PRGF) được lập ra để thay cho khoản vay điều chỉnh cơ cấu mở rộng (ESAF). Khoản vay này sẽ thực hiện đi kèm với chương trình giảm nợ – Sáng kiến cho các nước nghèo mắc nợ. Nặng nề (HIPC) – của Quỹ IMF và Ngân hàng thế giới.

### **Chiến lược giảm đói nghèo**

Các chiến lược giảm nghèo của từng nước là trọng tâm của xu hướng mới. Các chương trình trong khoản vay PRGF (và khung ưu đãi của Ngân hàng thế giới – IDA) được lập trong phạm vi tài liệu chiến lược toàn diện giảm nghèo đối PRSPs do nước vay soạn thảo và được sự ủng hộ của Ban Giám đốc IMF và Ngân hàng thế giới trong phạm vi trách nhiệm tương ứng.

Do vậy, nước vay và nhân dân phải luôn chủ động. Tài liệu PRSPs sẽ do Chính phủ soạn thảo, dựa vào tiến trình có sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, nhà tài trợ, và các tổ chức quốc tế. Rất mong rằng các nước tham gia sẽ luôn thông báo cho các tổ chức xã hội về sự tiến triển của chương trình, và được tham gia điều phối các hoạt động trong chương trình. Hy vọng rằng các tài liệu PRSPs sẽ đưa ra những ý tưởng mới các chính sách và biện pháp cần thiết để đạt được các mục tiêu giảm nghèo và tăng trưởng, và nhằm giúp đỡ hình thành khái niệm sở hữu tư nhân và cam kết của quốc gia đạt tới các mục tiêu đó.

Quỹ IMF và Ngân hàng thế giới sẽ hỗ trợ trong suốt quá trình, và rất mong muốn các nhà tài trợ đa phương và song phương cũng tham gia hỗ trợ về người và tư vấn. Nhưng chính sách và chiến lược sẽ được phát kiến từ những buổi thảo luận trong nước mà ở đó ý kiến của người nghèo đặc biệt được tiếp thu.

Không có tham vọng nào là dễ dàng. Quá trình tham khảo ý kiến khách quan đang thực hiện, Quỹ IMF và Ngân hàng thế giới đã được chuẩn

bị để thay đổi khi cần thiết. Một số vấn đề sớm nảy sinh: (1) các nước đối mặt với các thách thức phải lập ra chiến lược mà phản ánh được hệ thống chính trị của họ và phải trao cho người nghèo một quyền bầy tỏ ý kiến thích hợp. (2) Luôn có một sự căng thẳng giữa mong muốn đạt được kết quả nhanh với thời gian chuẩn bị tài liệu tham gia PRSPs. Tuy nhiên, các sắp xếp ở giai đoạn quá độ sẽ hỗ trợ – sử dụng tài liệu PRSPs tạm thời để chuẩn bị cho khoản vay PRGF và các hỗ trợ của IDA.

### **Khoản vay PRGF hoạt động như thế nào**

Các thay đổi cơ bản và khái quát nhất đối với các hoạt động của Quỹ IMF bắt nguồn từ thực tế rằng các mục tiêu và chiến lược đi kèm theo các chương trình do khoản vay PRGF hỗ trợ sẽ được nảy sinh trực tiếp từ chính chiến lược giảm nghèo đói của nước vay.

#### *Kết hợp việc giảm nghèo đói đối với các chính sách kinh tế vĩ mô*

Các buổi thảo luận về khung hành động của kinh tế vĩ mô sẽ được mở rộng và được lặp lại nhiều hơn. Các chính sách vĩ mô chính, bao gồm cả các mục tiêu về sự tăng trưởng và lạm phát, các điều chỉnh của các chính sách tài chính tiền tệ và đối ngoại cũng như các chính sách về cơ cấu thúc đẩy tăng trưởng sẽ là chủ đề cho buổi thảo luận công khai. Các chương trình xã hội và vùng chính và cá cải cách cơ cấu sẽ nhằm vào giảm nghèo đói và tăng trưởng sẽ được xác định và ưu tiên trong quá trình thực hiện tài liệu tham gia PRSPs và ảnh hưởng đến ngân sách đòi hỏi sự đánh giá nhu cầu chi tiêu hiệu quả và có mục tiêu. Hướng tăng tới mức dự toán sẽ được thể hiện trong bản phác thảo khung hành động kinh tế vĩ mô, bao gồm cả mức và phần chi tiêu của chính phủ và mức thâm hụt ngân sách và cán cân thanh toán. Và những người có chức trách cần phải xem xét các ảnh hưởng đến nhu cầu trong nước, khả năng thực hiện và nhu cầu duy trì mức dự trữ ngoại hối thích hợp. /Hoj đảm bảo rằng các chương trình chi tiêu phải được tài trợ lâu dài, không gây ra lạm phát.

#### *Đề cao việc quản lý tốt*

Các chương trình trong khoảng vay PRGF sẽ tập trung vào việc cải thiện hoạt động quản lý, đây là nền tảng cho sự ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng bền vững và giảm nghèo đói. Trọng tâm cơ bản là tập trung vào cải thiện việc quản lý các nguồn lực công, có được sự minh bạch hơn, kiểm soát công tích cực và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý ngân

sách. Bộ quy tắc thực hiện tốt tính minh bạch trong tài chính sẽ chỉ ra một số mục tiêu khái quát có liên quan.

### **Vai trò của Quỹ IMF và Ngân hàng thế giới**

Các cán bộ của Quỹ và Ngân hàng thế giới cần phải hợp tác chặt chẽ, tập trung vào lĩnh vực chuyên môn truyền thống phù hợp với các thỏa thuận trước đây giữa hai tổ chức. Cán bộ của Quỹ IMF sẽ chủ động thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm trong các lĩnh vực truyền thống. Điều này bao gồm cả việc tư vấn về các chính sách kinh tế vĩ mô tối ưu; cải cách cơ cấu trong một số lĩnh vực liên quan như chính sách thuế và tỷ giá hối đoái; quản lý ngân sách, thực hiện ngân sách, minh bạch trong tài chính và quản lý hải quan và thuế. Cán bộ Ngân hàng thế giới sẽ đảm nhiệm việc tư vấn cho chính phủ trong lĩnh vực phác thảo các chiến lược giảm nghèo, bao gồm những công việc nghiên cứu như các đánh giá về nghèo đói và việc kiểm chế nó; các vấn đề về vùng và cơ cấu; các vấn đề xã hội và giúp các chính phủ đánh giá được các chi phí giảm nghèo ưu tiên đã được xây dựng để đạt được các kết quả nhất định. Còn rất nhiều lĩnh vực cần các cán bộ của hai tổ chức trên cùng thực hiện như thiết lập một môi trường tạo điều kiện cho khu vực tư nhân phát triển, chính sách thương mại, phát triển khu vực tài chính và vấn đề quản lý và minh bạch tài chính.

Việc phối hợp chặt chẽ giữa Quỹ IMF và Ngân hàng thế giới sẽ tạo điều kiện cho việc giảm các điều kiện bị trùng lặp. Hy vọng rằng các chương trình thuộc khoản vay PRGF sẽ thực hiện chỉ trong các lĩnh vực thuộc trách nhiệm cơ bản của IMF (trừ khi một biện pháp cơ cấu nhất định được đánh giá là có ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ tới kinh tế vĩ mô).

### **Thực hiện khoản vay PRGF**

Cho vay ưu đãi thuộc khoản vay PRGF hiện nay là thuộc Quỹ vốn PRGF. Quỹ này vay vốn với lãi suất thị trường từ các nhà cho vay khác: các ngân hàng trung ương, chính phủ và các tổ chức của các chính phủ và sau đó cho các nước phù hợp với khoản vay PRGF vay lại. Quỹ này cũng nhận các khoản đóng góp dùng để hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay PRGF. Quỹ vốn PRGF cũng duy trì một tài khoản Quỹ dự trữ (để đảm bảo trả nợ cho nguồn vốn của Quỹ) trong trường hợp các nước vay PRGF không trả được nợ.

Sau các buổi thảo luận mở rộng về tài trợ cho các sáng kiến HIPC và PRGF, tháng 9/1999, một cam kết về khoản tài trợ cả gói đã đạt được. Khoản tài trợ này sẽ giúp IMF đóng góp vào sáng kiến HIPC và tiếp tục cho vay ưu đãi hỗ trợ giảm nghèo và duy trì tăng trưởng tại các nước thành viên có thu nhập thấp. Tổng số vốn IMF cam kết cho các sáng kiến này ước tính là 3,5 tỷ USD tính theo giá trị thực tế ròng vào cuối năm 1998, trong đó phần dành cho sáng kiến HIPC chiếm 2/3 tổng số vốn cam kết. Gói tài trợ này là các phần đóng góp từ một nhóm các tổ chức khác nhau của nước thành viên và của chính Quỹ IMF cho Quỹ vốn PRGF- HIPC – Quỹ này thực hiện các hoạt động của hai sáng kiến trên.

Vào ngày 8/12/1999, Ban giám đốc điều hành Quỹ IMF đã có quyết định cần thiết để tạo điều kiện cho IMF bắt đầu đóng góp vào Quỹ PRGF – HIPC, cùng với đó là quyết định thực hiện bán 14 triệu au xơ vàng ra thị trường. Khoản thu nhập đầu tư có được từ lợi nhuận bán số vàng trên sẽ được sử dụng hỗ trợ giảm nghèo đối trong sáng kiến HIPC. Quỹ IMF đã thực hiện 6 đợt bán vàng với tổng số là 12,2 triệu au xơ. Quỹ IMF cũng bắt đầu nhận được nguồn đóng góp song phương cho Quỹ PRGF – HIPC và rất hy vọng những khoản đóng góp thêm nữa.

#### **Các điều kiện của khoản vay PRGF**

- Có tổng số 80 nước thành viên có thu nhập thấp sẽ phù hợp với khoản hỗ trợ PRGF.
- Điều kiện hợp lệ, về nguyên tắc, là dựa trên thu nhập tính trên đầu người của một nước và sự phù hợp với Tổ chức phát triển quốc tế (IDA), khung cho vay ưu đãi của Ngân hàng thế giới (điểm giới hạn hiện nay cho mức hợp lệ với IDA là mức thu nhập 895 \$ GDP / người vào năm 1998.
- Nước hợp lệ có thể vay tối đa 140% mức giới hạn trong cam kết 3 năm, mặc dù mức này có thể tăng lên 185% trong một số trường hợp ngoại lệ. Mức tối đa không bao gồm các quyền và mức cho vay sẽ dựa trên nhu cầu về cán cân thanh toán, độ bền vững của các chương trình điều chỉnh, số dư nợ đối với Quỹ và các hồ sơ cho vay trước đây.
- Các khoản vay trong chương trình PRGF có lãi suất hàng năm là 0,5%, trả nợ một năm 2 lần, bắt đầu sau khi giải ngân là 5 năm rưỡi và kết thúc trong 10 năm.

**Các nước phù hợp với khoản vay tăng trưởng và giảm nghèo của IMF**  
(PRGF vào cuối tháng 2/2000)

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| 1. Apganistan            | 41. C.H Kyrgyz      |
| 2. Anbani                | 42. C,H.D.C.N.D Lào |
| 3. Angola                | 43. Lesotho         |
| 4. Acmenia               | 44. Libêria         |
| 5. Azecbaizian           | 45. Macêdonia       |
| 6. Bangladet             | 46. Madagascar      |
| 7. Benin                 | 47. Malawi          |
| 8. Bhutan                | 48. Maldives        |
| 9. Bolivia               | 49. Mali            |
| 10. Binia và Herzegovina | 50. Mauritania      |
| 11. Bukina Faso          | 51. Moldova         |
| 12. Burundi              | 52. Mông cổ         |
| 13. Campuchia            | 53. Môzambich       |
| 14. Camerun              | 54. Myanma          |
| 15. Cape Verde           | 55. Nêpan           |
| 16. C. H Trung Phi       | 56. Nicarragoa      |
| 17. Chad                 | 57. Niger           |
| 18. C.H.N.D Trung Hoa    | 58. Nigeria         |
| 19. Comoros              | 59. Pakistan        |

20. CHDC Công gô
21. CH Công gô
22. Cốt di Voa
23. Djibuti
24. Dominica
25. Ai cập
26. Guinea Xích đạo
27. Eritrea
28. Ethiôpia
29. Gawmbia
30. Georgia
31. Ghana
32. Grenada
33. Guinea
34. Guinea – Bitsao
35. Guyana
36. Haiti
37. Honduras
38. ấn độ
39. Kenya
40. Kiribati

60. Rwan đa
61. Samoa
62. Sao Tome và Principe
63. Sê nê gal
64. Si ê ra Leone
65. Quần đảo Solomon
66. Sô ma li
67. Sri Lanka
68. St. Lucia
- St. Vincent
69. Grenadines
70. Su đăng
71. Tajikistan
72. Tanzania
73. Tô gô
74. Tôn ga
75. Ugan đa
76. Vanuatu
77. Việt Nam
78. CH Yeemen
79. Zăm bia
80. Zimbabuê

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| <p>Khoản vay ESAF được thay bằng khoản vay tăng trưởng và giảm nghèo (PRGF) có hiệu lực và ngày 22/10/1999.</p> <p>Trừ khi có thông báo khác, danh sách các nước phù hợp với SAF/ESAF được lập đầu tiên vào ngày 26/3/1986.</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Phù hợp vào ngày 7/4/1992</li><li>2. Phù hợp vào ngày 15/12/1993</li><li>3. Phù hợp vào ngày 30/5/1995</li><li>4. Phù hợp vào ngày 19/8/1996</li><li>5. Phù hợp vào ngày 23/2/1994</li><li>6. Phù hợp vào ngày 5/1/1995</li><li>7. Phù hợp vào ngày 2/3/1987</li><li>8. Phù hợp vào ngày 23/3/1999</li></ol> |  |

**Sáng kiến nợ cho những nước mắc nợ chồng chất**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Tài liệu về sáng kiến nợ cho HIPC's</p> <p>Các tài liệu về mỗi nước</p> <p>Những ấn phẩm về vấn đề tháo gỡ nợ nần</p> <p>Thông tin về HPIC của Ngân hàng thế giới</p> <p>Sơ lược:</p> <p>Sự chuyển đổi công cụ điều chỉnh mô hình được khuyến khích (ESAF) và sáng kiến nợ cho HIPC's ngày 9/2/2000</p> <p>Việc củng cố sự liên kết giữa tháo gỡ nợ và giảm nghèo đối 26/8/1999 (2000)</p> | <p>Sáng kiến nợ cho những nước mắc nợ chồng chất (HIPCS)</p> <p>Ngày 7 tháng 4 năm 2000</p> <p>Quỹ tiền tệ quốc tế và ngân hàng thế giới đã phác thảo một khuôn khổ đem đến sự trợ giúp đặc biệt cho các nước nghèo mắ nợ trầm trọng, điều đó tiếp tục những điều chỉnh hỗ trợ của Ngân hàng thế giới và quỹ tiền tệ quốc tế cũng như các chương trình cải cách, nhưng đối với những nước đó thì các cơ chế tháo gỡ nợ nần lưu cữu vẫn còn thiếu. Sáng kiến HIVCs kéo theo những hoạt động phối hợp của cộng đồng tài chính quốc tế, các cơ quan đa phương để giảm mức độ kéo dài gánh nặng nợ nần bên ngoài của các nước này. Tài liệu này diễn giải sáng kiến HIPC's bao gồm những gia tăng trong tháng 9 năm 1999 và tiến triển trong việc thực hiện ở đầu tháng 4 năm 2000.</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>nghèo đói 26/8/1999 (200k pdf)</p> <p>Sử dụng Adobe Acrobat Reader miễn phí để xem các tài liệu. Pdf</p> <p>Ban điều hành IMF xem xét sự sửa đổi sáng kiến nợ cho HIPC 13/8/1999</p> <p>Những sửa đổi đối với sáng kiến cho HIPC 23/7/1999</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mục tiêu của sáng kiến</li> <li>• Những nước nào là nước nghèo mắc nợ chồng chất</li> <li>• Những sửa đổi cho sáng kiến HIPCs</li> <li>• Tiêu chí đòi hỏi</li> <li>• Giá trị hiện tại ròng của khoản vay</li> <li>• Khung thời gian và việc xây dựng cơ cấu</li> <li>• Chi phí cho sáng kiến</li> <li>• Việc thực hiện sáng kiến</li> <li>• Tóm tắt những đặc điểm cơ bản của sáng kiến</li> <li>• Bảng: Sáng kiến HIPC: Tình trạng trường hợp các nước được coi là nằm trong phạm vi sáng kiến, tháng 4 năm 2000.</li> </ul> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### Mục tiêu của sáng kiến

Rất dễ nhận thấy rằng tình trạng nợ nước ngoài của một số nước thu nhập thấp, chủ yếu ở Phi châu, đã trở nên hết sức khó khăn. Đối với những nước này, việc thậm chí sử dụng tất cả các cơ chế lâu nay về ra lại thời hạn và giảm nợ cùng với các điều khoản tiếp theo về tài chính ưu đãi và việc theo đuổi các chính sách kinh tế lành mạnh cũng không đủ để đạt được những mức nợ nước ngoài có thể duy trì trong phạm vi một thời hạn hợp lý và không có sự hỗ trợ thêm ở bên ngoài.

Trong tháng 9 năm 1996, các ủy ban phát triển lâm thời của IMF và WB đã thông qua một chương trình được đồng đề nghị của hai cơ quan để chuyển đến giải pháp này. Sáng kiến đối với “các nước nghèo mắc nợ chồng chất”

(Sáng kiến HIPC) được đưa ra mang lại sự hỗ trợ ngoại lệ các nước có đủ điều kiện đi theo các chính sách kinh tế tích cực để giúp họ giảm gánh nặng nợ nước ngoài tới mức có thể gánh chịu được. Đó là, tới những mức mà làm họ có thể trừ nợ bằng các khoản thu từ xuất khẩu, viện trợ và các nguồn vốn một cách dễ dàng. Sự trợ giúp này sẽ theo trình tự có một sự giảm đi ở giá trị hiện tại ròng (NPV) của khoản tiền đòi lại sau này đối với nước mắc nợ. Sự hỗ trợ như vậy sẽ làm khuyến khích đầu tư và mở rộng sự hỗ trợ trong nước đối với những cải cách chính sách.

Sáng kiến là một giải pháp tổng hợp, hòa nhập và hợp tác dẫn đến giảm nợ nó đòi hỏi sự tham gia của tất cả những nước cho vay – song phương, đa phương và thông qua thương mại. Cốt lõi sáng kiến là sự nỗ lực không ngừng của các quốc gia theo hướng điều chỉnh kinh tế vĩ mô, mô hình và những của cách chính sách xã hội. Thêm nữa, sáng kiến tập trung vào việc bảo đảm tài chính phụ thêm đối với các chương trình thuộc lĩnh vực xã hội – Y tế và giáo dục.

### **Những nước nào là nước nghèo mắc nợ chồng chất?**

Một nhóm gồm 40 nước đang phát triển được xếp vào loại các nước nghèo mắc nợ chồng chất. Nhóm này thông qua các biện pháp phân nghĩa phân tích thì 32 nước với thu nhập bình quân đầu người năm 1993 là 695 USD hay thấp hơn và khoản nợ năm 1993 so với hàng xuất khẩu cao hơn 220% hay khoản nợ hiện nay với thu nhập bình quân cao hơn 80%. Cung gồm cả 09 nước mà đã nhận hay đủ điều kiện để hưởng ưu đãi ra hạn lại từ các nước chủ nợ thuộc câu lạc bộ Paris. Tuy nhiên, bất kỳ nước nào hội đủ các yêu cầu của Sáng kiến nợ cũng có thể được xem xét cho hưởng sự trợ giúp của sáng kiến này.

Nhóm 40 nước gồm: Angola, Benin, Bolivia, Burkina Faso, Burundi, Cameroon, Contal African Republic, Chad, Congo, Cote d'Ivoire, Democratic Republic of the Congo, Ethiopia, Ghana, Guinea, Guinea-Bissau, Guyana, Honduras, Kenya, Lao PDR, Liberia, Madagascar, Malawi, Mali, Mauritania, Mozambique, Myanmar, Nicaragua, Niger, Rwanda, Sao Tome và Principle, Senegal, Sierra Leone, Somalia, Sudan, Tanzania, Togo, Uganda, Vietnam, Yemen, Zambia.

Tiếp theo một sự nghiên cứu tổng hợp về sáng kiến HIPC, một số sửa đổi cho sáng kiến đã được thông qua tháng 9 năm 1999 để mang lại một biện pháp giảm bớt nợ nhanh hơn, rộng rãi và sâu sắc hơn và củng cố sự liên kết giữa việc giảm nợ, giảm đói nghèo và các chính sách xã hội. Những thay đổi cơ bản đối với các mục tiêu và giới hạn giữa sáng kiến HIPC gốc và được nâng lên được cho thấy dưới đây:

| <b>Những sửa đổi đối với sáng kiến HIPC</b> |                        |                                  |
|---------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|
| <b>Tiêu chí</b>                             | <b>Gốc (Phần trăm)</b> | <b>Được thay đổi (Phần trăm)</b> |
| NPV của nợ/xuất khẩu “Fisscal window”       | 200-250                | 150                              |
| NPV của nợ/thu nhập                         |                        |                                  |
| Giới hạn cần thiết                          | 280                    | 250                              |
| Xuất khẩu/GDP                               | 40                     | 30                               |
| Thu ngân sách/GDP                           | 20                     | 15                               |
| Cơ sở cho việc xác định việc giảm nợ        | Điểm hoàn thành        | Điểm quyết định                  |

Tất cả các nước muốn nhận được sự hỗ trợ của sáng kiến HIPC phải (i) thông qua một bản báo cáo về chiến lược giảm đói nghèo (PRSP) qua một quy trình tham gia cơ bản và rộng rãi, vào điểm quyết định và (ii) có một sự tiến triển trong việc thực hiện chiến lược này trong ít nhất một năm vào điểm hoàn thành (xem báo cáo về việc giảm đói nghèo và công cụ phát triển). Trên một cơ sở quá độ, thời gian đưa ra cần để các cơ quan chuẩn bị tham gia PRSP, các nước có thể đạt tới các điểm quyết định của mình trên cơ sở một PRSP tạm thời (I-PRSP), điều đó tạo ra một cam kết của Chính phủ về những kế hoạch cho sự phát triển một PRSP.

Đối với các trường hợp có hiệu lực trở về trước – Các nước mà đã đạt được điểm quyết định của mình theo sáng kiến gốc – tùy thuộc vào tiến triển toàn

diện trong việc giảm đói nghèo, một yêu cầu đối với điểm hoàn thành là sự chấp nhận về PRSP.

Sáng kiến này không phải là một liệu pháp thần diệu. Thậm chí nếu tất cả các khoản nợ nước ngoài của những nước này được cho qua, hầu hết sẽ vẫn phụ thuộc vào hững mức độ đáng kể của sự hỗ trợ ưu tiên ở bên ngoài; Những gì nhận được từ sự trợ giúp như vậy là lớn hơn nhiều so với những khoản trả nợ của các nước đó trong nhiều năm.

### Tiêu chí đòi hỏi

Một đất nước phải thỏa mãn tập hợp các tiêu chí để có sự hỗ trợ đặc biệt: Nhất là phải:

- Có đủ các yêu cầu đối với sự hỗ trợ đặc biệt từ IMF và WB.
- Đối mặt với gánh nặng nợ nần không thể duy trì mãi, trên cơ sở những cơ chế giảm nợ đang áp dụng như điều khoản Naples (khi nào thì những nước có thu nhập thấp có thể nhận được sự giảm trừ về khoản nợ nước ngoài đủ điều kiện tới 67% theo NPV);
- Thực hiện cải cách và các chính sách tích cực qua chương trình hỗ trợ của IMF và WB.

### Giá trị hiện tại ròng của khoản vay

Giá trị ghi sổ của khoản vay nợ nước ngoài không phải là đánh giá tốt về món nợ của một nước nếu một phần đáng kể của khoản nợ nước ngoài là được thu hẹp lại về điều khoản ưu đãi với một mức lãi suất dưới mức công bố trên thị trường. Giá trị hiện tại ròng (NPV) của khoản nợ là một thước đo tính đến mức độ ưu tiên. Nó được xác định như là tổng các khoản nợ trả sau này (Lãi và gốc trên khoản nợ đang vay, được chiết khấu ở mức lãi suất thị trường. Bất cứ khi nào mức lãi suất trên khoản vay thấp hơn mức thị trường thì dẫn đến NPV của khoản nợ là nhỏ hơn giá trị ghi sổ của nó, với sự chênh lệch phản ánh phần cho không.

### Khung thời gian và việc xây dựng cơ cấu

Các công việc của sáng kiến như sau:

**Bước thứ nhất.** Thẩm định để hỗ trợ, một nước phải thông qua các chương trình cải cách và điều chỉnh được IMF và WB hỗ trợ và theo đuổi những chương trình đó trong ba năm. Trong thời gian đó, nó sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ ưu đãi lưu truyền từ tất cả những nhà tài trợ và các cơ quan đa phương liên quan, cũng như việc giảm nợ của các chủ nợ song phương (gồm cả câu lạc bộ Paris).

**Điểm quyết định.** ở cuối bước thứ nhất, một phân tích về khả năng duy trì nợ sẽ được thực hiện để xác định tình trạng nợ nước ngoài của một nước. Nếu tỷ lệ nợ của nước đó là trên 150% so với giá trị xuất khẩu trả nợ hiện hành. Nó thẩm định để hỗ trợ theo điều kiện của sáng kiến. Trong trường hợp đặc biệt của những nền kinh tế rất mở (có tỷ lệ xuất khẩu với GDP trên 30%) với một khoản nợ cao so với những khoản thu ngân sách bất kể việc thu gộp giá trị mạnh (khoảng trên 15% của GDP) NPV của mục tiêu xuất khẩu trả nợ có thể được đặt dưới 150%. Trong những trường hợp như vậy, mục tiêu đặt ra như vậy thì NPV của khoản nợ sẽ là 250% so với khoản thu ngân sách tại điểm quyết định.

Tại điểm quyết định, ban điều hành của IMF và WB sẽ chính thức quyết định trên khả năng của một nước và ủy ban quốc tế sẽ cam kết mang đến sự hỗ trợ đầy đủ bằng điểm hoàn thành (xem dưới đây) cho nước đó để đạt được khả năng duy trì nợ được tính toán tại điểm quyết định. Việc chuyển sự trợ giúp được ngân hàng và quỹ cam kết phụ thuộc và cách thức của sự bảo đảm thỏa mãn của những nước chủ nợ.

Bước thứ hai. Một khi hội đủ những tiêu chí để hưởng sáng kiến nợ, thì nước đó phải thực hiện các bước tiếp theo về những hoạt động tích cực theo các chương trình IMF và WB hỗ trợ. Thời gian của thời kỳ thứ hai trong khuôn khổ mở rộng này là không bị trói buộc về thời gian, nhưng phụ thuộc vào sự thực hiện thỏa đáng những cải cách mô hình chính sách đã được nhất trí tại điểm quyết định, việc duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, việc thông qua và thực hiện về một chiến lược giảm đói nghèo được hình thành qua ột quá trình tham gia cơ bản và rộng rãi. Việc sử dụng các điểm hoàn thành linh hoạt sẽ cho phép các nước thực hiện tốt có thể đạt được điểm hoàn thành sớm hơn. Trong thời gian bước hai, các nước cho vay song phương hay thông qua thương mại nhìn chung trông chờ vào hạn được tái ra hạn đến hạn, với một mức 90% trong giá trị hiện tại. Cả IDA và IMF đều cho rằng đưa ra “giảm tạm thời” giữa các điểm quyết định và hoàn thành và các chủ

nợ đa phương khác đang xem xét cũng là để đề ra một vài sự trợ giúp từ điểm hoàn thành.

Điểm hoàn thành. Duy trì sự hỗ trợ sẽ được mang lại tại điểm này. Điều này sẽ bao hàm các nội dung sau:

- Đối với các nước cho vay song phương hay thông qua thương mại: Một sự cắt giảm của khoản nợ lưu lâu năm lên tới 90% giá trị hiện tại các điều khoản do câu lạc bộ Paris soạn (hoặc cao hơn nếu cần thiết) tùy thuộc vào mức độ chia sẻ gánh nặng, hành động ít nhất có thể so sánh được của các nước cho vay song phương hay thông qua thương mại. Rất nhiều các nước cho vay song phương đã thông báo rằng họ cũng sẽ cho xóa nợ tất và sự hỗ trợ theo sáng kiến nợ trên đây, đặc biệt là các khoản vay ODA.
- Đối với các chủ nợ đa phương (như IMF, WB, hay các cơ quan đa phương khác): một sự cắt giảm thêm nữa trong NPV trên những yêu sách của họ đối với các nước trên cơ sở hoạt động rộng rãi và hợp tình hợp lý do các chủ nợ đủ để giảm khoản nợ của các nước tới mức có thể duy trì được.
- Sự tham gia của IMF trong việc mang lại sự hỗ trợ cho HIPC về cơ bản sẽ là sự trợ cấp tài chính từ những nguồn tín dụng PRGF-HIPC. Sự hỗ trợ này sẽ chỉ được sử dụng để đáp ứng khoản nợ đến hạn cho IMF. Các nguồn đủ để trang trải các phần chi phí của IMF về các trường hợp sớm đã được làm sẵn, trong khi những nỗ lực để bảo đảm những yêu cầu cho vay đầy đủ của tín dụng PRGF – HIPC vẫn tiếp tục.
- WB được cam kết đảm nhận trong bước hai – thông qua việc sử dụng chọn lọc việc trợ cấp và phân bổ IDA – và tại điểm hoàn thành. Phương tiện cơ bản cho sự tham gia của ngân hàng tại điểm hoàn thành, cùng với một vài chủ nợ đa phương khác, là quỹ tín thác HIPC. Quỹ này mang lại những giảm nhẹ cho các nước có đủ điều kiện về khoản nợ của mình để tham gia với các nước khác và do IDA quản lý, với những đóng góp tham gia của các chủ nợ đa phương và từ các nhà tài trợ song phương. Ngân hàng đã chuyển những thu nhập ròng của IBRD và phần thặng dư cho Quỹ tín thác HIPC để giảm các khoản nợ của các nước vay IDA.

Chi phí cho sáng kiến nợ

Tổng số chi phí của sự hỗ trợ được thực hiện theo sáng kiến này có thể được dự kiến theo cách rất nh hoạt theo tiến trình của nó sẽ diễn ra, giữa những yếu tố khác, phụ thuộc vào nỗ lực ở bản thân các nước trong suốt quá trình. Trên cơ sở những dự kiến vào 12/1999, tổng chi phí cho việc trợ giúp tới 32 nước (tất cả các nước HIPC với các chương trình của IMF) được dự tính vào khoảng 28 tỷ Đô la Mỹ, được tính toán bằng đồng Đô la thời điểm vào cuối năm 1999. Chi phí mà IMF tham gia trong sáng kiến HIPC dự tính vào khoảng 2.3 tỷ Đô la Mỹ.

### Việc thực hiện sáng kiến HIPC.

Cộng đồng tài chính thế giới đã có nhiều động thái tích cực trong việc thực hiện sáng kiến HIPC kể từ khi nó được thông qua ủy ban phát triển lâm thời của IMF và WB trong tháng 9/1996. Theo khuôn khổ cơ bản, Ban giám đốc điều hành của WB và IMF đã xem xét 12 nước đủ tiêu chuẩn theo sáng kiến HIPC và đã nhất trí mở rộng thêm sự hỗ trợ cho 7 nước. Tính đến đầu tháng 4, nước Uganda được xem là đạt được điểm hoàn thành trong thời gian ngắn theo khuôn khổ điều chỉnh mở rộng, 4 nước khác đã đạt được điểm quyết định (Bolivia, Mauritania, Mô zambích, và Tanzania) và cuộc thảo luận sơ bộ đã được tổ chức cho 2 trường hợp khác (Ghi nên và Honduras). Bảng dưới đây là tổng kết về tình hình thực hiện sáng kiến với thông tin cụ thể chi tiết theo từng nước có trên website của IMF (<http://www.imf.org/external/np/hipc>). Bao gồm những trường hợp trước đây, dự kiến vào cuối năm 2000 sẽ có 20 nước có thể đạt được điểm quyết định theo sáng kiến mở rộng. Tuy nhiên, thời điểm chính xác sẽ tùy thuộc vào tiến trình thực hiện theo các chương trình cải tổ và trong việc chuẩn bị những Báo cáo chiến lược giảm đói nghèo (PRSPs). Trong những năm tới, các nước dự tính đạt được điểm hoàn thành là Bôlivia (theo khuôn khổ mở rộng) và Burkina faso, Mali (theo khuôn khổ ban đầu). Trong năm 2000, điểm quyết định theo khuôn khổ HIPC mở rộng có thể có thêm Benin, cameroon, Chad Coote d'ivoire Guinea, Guinea-bissau, Guyana, Honduras, Malawi, Nicaragua, Rwanda, Senegal và Zambia. Thêm vào đó, thảo luận sơ bộ có thể được tổ chức với nước Nigêl. Không phải nước nào cũng đòi hỏi sự trợ giúp. Ghana và Lào đã khẳng định rằng họ không muốn đi theo sự giúp của sáng kiến HIPC.

### Tóm tắt những đặc điểm cơ bản của sáng kiến

Điểm quyết định: lúc mà Ban giám đốc điều hành của WB và IMF chính thức quyết định nước đủ điều kiện tham gia và sự trợ giúp theo sáng kiến và

tại điểm sự trợ giúp được tính toán. Điểm này một cách cơ bản đạt được sau 3 năm thực hiện tốt theo các chương trình điều chỉnh do WB và IMF hỗ trợ.

**Điểm hoàn thành:** Điểm mà một nước nhận được một khoản hỗ trợ lớn theo sáng kiến HIPC. Theo khuôn khổ sáng kiến HIPC ban đầu, giai đoạn này phụ thuộc vào sự hoàn thành báo cáo lần thứ hai về quá trình thực hiện, khoảng thời gian đó được cụ thể hóa tại điểm quyết định. Theo sáng kiến mở rộng, điểm hoàn thành “linh hoạt” đạt được khi Ban giám đốc của 2 tổ chức này quyết định rằng một nước đã đạt được điều kiện đã được nhất trí để nhận sự trợ giúp theo sáng kiến bao gồm cải cách về cơ cấu, sự ổn định về kinh tế vĩ mô và thực hiện báo cáo về chiến lược giảm đói nghèo (PRSP).

**Giai đoạn 2:** Thời kỳ giữa điểm quyết định và điểm hoàn thành. Cam kết của sự trợ giúp được thực hiện tại điểm quyết định, trên cơ sở gánh nặng nợ của nước đó tại điểm quyết định, và sự trợ giúp được thực hiện tại điểm hoàn thành. Một số nhà tài trợ có thể cung cấp những hỗ trợ tạm thời trong giai đoạn 2.

**Các thể thức:** Các chủ nợ tự do trong việc cung cấp các hỗ trợ theo các hình thức riêng của họ. Các biện pháp có thể gồm giảm nợ ngay hoặc giảm nghĩa vụ trả nợ (VD: từ CLB Paris), giảm nghĩa vụ trả nợ (WB) hoặc là viện trợ không hoàn lại cho món nợ đến hạn (IMF).

Sáng kiến HIPC : Tình trạng các nước được xem xét theo sáng kiến, 4/2000

Mức hỗ trợ (1)

Triệu USD, giá trị hiện tại

Trong đó

Các nước

| Các nước                                                                                          | điểm quyết định | điểm hoàn thành | NPV của mục tiêu xuất khẩu trợ nợ (%) | Tổng số | IMF     | WWB   | % giảm NPV của khoản nợ (2) | Tổng số dự kiến giảm danh nghĩa (triệu USD) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------------------------|---------|---------|-------|-----------------------------|---------------------------------------------|
| Điểm quyết định đạt được theo khuôn khổ mở rộng                                                   |                 |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |
| Bolivia                                                                                           |                 |                 |                                       | 1,302   | 84      | 194   |                             | 2,100                                       |
| Khuôn khổ ban đầu                                                                                 | 9/97            | 9/98            | 225                                   | 448     | 29      | 53    | 13                          |                                             |
| Khuôn khổ mở rộng                                                                                 | 2/2000          | Linh hoạt       | 150                                   | 854     | 55      | 141   | 29                          |                                             |
| Maritania                                                                                         | 2/2000          | Linh hoạt       |                                       | 622     | 47      | 100   | 50                          | 1,200                                       |
| Mozambique                                                                                        |                 |                 |                                       | 1970    | 141     | 434   |                             | 3,700                                       |
| Khuôn khổ ban đầu                                                                                 | 4/48            | 6/99            |                                       | 1,716   | 125     | 381   | 63                          |                                             |
| Khuôn khổ mở rộng                                                                                 | 4/2000          | Linh hoạt       | 150                                   | 254     | 16      | 53    | 9                           |                                             |
| Tanzania                                                                                          | 4/2000          | Linh hoạt       | 150                                   | 2,026   | 120     | 695   | 54                          | 3,100                                       |
| Uganda                                                                                            |                 |                 |                                       | 1,003   | 160     | 517   |                             | 2,000                                       |
| Khuôn khổ ban đầu                                                                                 | 4/97            | 4/98            | 202                                   | 347     | 69      | 160   | 20                          |                                             |
| Khuôn khổ mở rộng                                                                                 | 2/2000          | Linh hoạt       | 150                                   | 656     | 91      | 357   | 40                          |                                             |
| Điểm hoàn thành đạt được theo khuôn khổ ban đầu                                                   |                 |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |
| Guyana                                                                                            |                 | 5/99            | 107 (3)                               | 256     | 35      | 27    | 24                          | 400                                         |
| Điểm quyết định đạt được theo khuôn khổ ban đầu                                                   |                 |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |
| Burkina faso                                                                                      | 9/97            | 4/2000          | 205                                   | 115     |         | 44    | 14                          | 200                                         |
| Côte d' Ivoire                                                                                    | 3/98            | 3/2001          | 141 (3)                               | 345     | 23      | 91    | 6 (4)                       | 800                                         |
| Mali                                                                                              | 9/98            | Xuân 2000       | 200                                   | 128     | 14      | 44    | 10                          | 300                                         |
| Tổng số hỗ trợ cung cấp/ cam kết                                                                  |                 |                 |                                       | 7,767   | 634 (5) | 2,146 |                             | 13,800                                      |
| Tài Liệu HIPC sơ bộ công bố (6)                                                                   |                 |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |
| Ethiopia                                                                                          |                 |                 | 200                                   | 636     | 22      | 214   | 23                          | 1,300                                       |
| Guinea                                                                                            |                 |                 | 150                                   | 638     | 37      | 173   | 34                          | 1,148                                       |
| Guinea Bissau                                                                                     |                 |                 | 200                                   | 300     | 8       | 73    | 73                          | 600                                         |
| Honduras                                                                                          |                 |                 | 137 (3)                               | 569     | 18      | 85    | 18                          | 1,024                                       |
| Nicaragua                                                                                         |                 |                 | 150                                   | 2,507   | 32      | 188   | 66                          | 5,000                                       |
| Không có sự hỗ trợ nào đề nghị theo khuôn khổ ban đầu - được đánh giá lại trong khuôn khổ mở rộng |                 |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |
| Benin                                                                                             | 7/98            |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |
| Senegal                                                                                           | 4/98            |                 |                                       |         |         |       |                             |                                             |

Nguồn : Quyết định của Ban giám đốc điều hành củ IMF và WB, tài liệu về điểm hoàn thành, tài liệu về điểm quyết định, tài liệu sơ bộ về HIPC, và tính toán của Cán bộ.

1. Mức độ tài trợ tại điểm hoàn thành và quyết định tương ứng với các nước, được áp dụng.
2. Phần trăm giá trị hiện tại ròng của khoản nợ tại điểm hoàn thành và điểm quyết định (được áp dụng), sau khi đã sử dụng đầy đủ các cơ chế hoãn nợ cổ điển.

3. Tính phù hợp theo tiêu chuẩn ngân sách: số liệu cung cấp cho thấy tỷ lệ trả nợ xuất khẩu phù hợp với mục tiêu đề ra của tỷ lệ vay nợ trên tổng thu. Đối với Guyana và Côte d'ivoire, 280 % NPV của tỷ lệ tổng thu đề ra tại điểm hoàn thành; đối với Honduras và Mauritania là 250 % đưa ra tại điểm quyết định.
4. Nợ không được cơ cấu lại đối với các chủ nợ không thuộc CLB Paris và CLB London, những khoản này đã cơ cấu lại với điều kiện ưu đãi cao, được loại ra khỏi NPV của khoản nợ tại thời điểm hoàn thành được tính toán vào tỷ lệ này.
5. Tương đương với 472 triệu SDR/ USD với tỷ giá 0.744
6. Số liệu này dựa trên những đánh giá sơ bộ tại thời điểm ban hành tài liệu sơ bộ về HIPC, và có thể thay đổi. Mức độ hỗ trợ cho Ethiopia và guinea- Bissau dựa trên cơ sở khuôn khổ ban đầu và được áp dụng vào thời điểm hoàn thành; Đối với Nicaragua, Tanzania, Guinea, Honduras, mục tiêu dựa trên khuôn khổ mở rộng và mức độ trợ giúp tại thời điểm quyết định.

## SÁNG KIẾN HIPC : CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

**Giai đoạn 1: Quốc gia soạn thảo báo cáo về quản trị tốt trong 3 năm và cùng với nhân dân xây dựng báo cáo chiến lược Giảm nghèo (PRSP) ; Đối với những nước đi tiên phong , có thể tạm thời trình bản dự thảo PRSP**

- Câu lạc bộ Paris: Đưa ra kế hoạch cơ cấu lại nợ theo các điều kiện Naples, đó là cơ cấu lại nghĩa vụ nợ đối với những khoản nợ hợp lệ tới hạn trong khoảng thời gian 3 năm ( Giảm nợ tới 67% những khoản nợ tới hạn tính theo giá trị hiện tại của khoản nợ).
- Các chủ nợ song phương và chủ nợ thương mại khác xử lý ít nhất là theo các điều kiện trên.
- Các tổ chức đa phương tiếp tục cung cấp hỗ trợ trong khuôn khổ chiến lược giảm nghèo tổng thể do chính phủ xây dựng lên với sự tham gia rộng rãi của xã hội và cộng đồng các nhà tài trợ.

Việc xử lý nợ theo điều kiện Naples của Câu lạc bộ Paris và việc xử lý tương tự của các chủ nợ thương mại và song phương khác.

Là không đủ

để cho đất nước đạt được sự bền vững tại “điểm quyết định ”

=====> loại

(Quốc gia không đủ điều kiện để tham gia vào chương trình hỗ trợ theo sáng

Việc xử lý nợ theo điều kiện Naples của Câu lạc bộ Paris và việc xử lý tương tự của các chủ nợ thương mại và song phương khác.

Là đủ

để cho đất nước đạt được sự bền vững tại “điểm quyết định ”

=====> chấp nhận

(Quốc gia đủ điều kiện để tham

kiến HIPC)

gia vào chương trình hỗ trợ theo  
sáng kiến HIPC)

## Bước hai

**Quốc gia chuẩn bị báo cáo thứ hai dựa trên việc thực thi các chính sách được quyết định tại điểm quyết định và liên hệ chúng với PRSP sơ lược.**

- Ngân hàng TG và IMF cung cấp hỗ trợ trong giai đoạn quá độ
- Các chủ nợ song phương và thương mại khác giảm nợ trong giai đoạn quá độ tùy theo quyết định của họ
- Tất cả các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp hỗ trợ trong khuôn khổ chiến lược giảm nghèo tổng thể do chính phủ xây dựng lên với sự tham gia rộng rãi của xã hội và cộng đồng nhà tài trợ.

## Điểm kết thúc

- Thời điểm kết thúc phụ thuộc vào việc thực hiện các chính sách được đưa ra vào thời điểm quyết định.
- Tất cả chủ nợ cung cấp hỗ trợ như đã cam kết tại điểm quyết định: việc giảm nợ trong giai đoạn quá độ giữa điểm quyết định và điểm kết thúc được coi như là một dạng hỗ trợ.
- Câu lạc bộ Paris thực hiện vượt quá các điều kiện Naples, thực hiện giảm nợ tới hơn 90% nợ hợp lệ tính theo giá trị hiện tại (trong trường hợp cần thiết, thậm chí là cao hơn) nhằm mục tiêu giúp quốc gia bước

ra khỏi giai đoạn nợ chồng chất không có khả năng thanh toán.

- Cộng đồng chủ nợ song phương và thương mại ít nhất xử lý nợ của họ theo câu lạc bộ Paris
- Các tổ chức đa phương thực hiện các thêm biện pháp khác, nếu là cần thiết, để giảm được nợ của quốc gia xuống mức có thể trả nợ được. Mỗi tổ chức lựa chọn các biện pháp của mình từ danh mục các biện pháp có sẵn, đảm bảo sự tham gia rộng rãi và công bằng của tất cả các chủ nợ có liên quan.

## **NỢ XẤU TỒN ĐỘNG VÀ VẤN ĐỀ XỬ LÝ TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

TS Phạm Thanh Bình  
Vụ trưởng Vụ các ngân hàng

**Xử lý nợ tồn đọng và lành mạnh hoá tài chính là nội dung hàng đầu trong công cuộc cải cách hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam**

### **1. Nợ xấu (NPLs):**

Khác với ngân hàng của nhiều nước trong khu vực đã có sự phát triển lâu dài trong điều kiện thị trường, các Ngân hàng Việt Nam phải qua một bước chuyển đổi quan trọng từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế thị trường. Vì vậy tình trạng nợ xấu vừa có tính kế thừa, vừa có những nét đặc biệt.

Nợ xấu của các Ngân thương mại, theo tiêu chuẩn kế toán Việt Nam bao gồm nợ quá hạn thông thường, nợ khó đòi (còn trong hạn hoặc đã quá hạn), nợ chờ xử lý (có tài sản đảm bảo chờ xử lý) và nợ được khoan (Được phép Chính phủ). Tính tới thời điểm 31/12/2000 tổng số nợ xấu chiếm trên 12% tổng dư nợ, trong đó nợ có tài sản đảm bảo chiếm khoảng 50% phải xử lý tài sản để thu nợ. Những đặc trưng cơ bản của NPLs tại Việt Nam là:

- Gắn rất chặt với các doanh nghiệp vay vốn

Các Ngân hàng thương mại quốc doanh gắn liền với các doanh nghiệp Nhà nước, các ngân hàng thương mại cổ phần gắn liền với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trong một thời gian khá dài các doanh nghiệp này có vốn chủ sở hữu rất bé nhỏ, hoạt động được là dựa chủ yếu vào vốn vay ngân hàng. Nhưng do kinh doanh kém hiệu quả nên nhiều doanh nghiệp đã thua lỗ, nhưng chưa tuyên bố phá sản (vì nhiều lý do) nên kéo theo nợ nần tồn đọng tại các ngân hàng. Vì vậy, công cuộc cải cách ngân hàng sẽ không thể thành công nếu không đi liền với việc cải cách, kể cả cải cách doanh nghiệp Nhà nước.

- Nhiều khoản nợ mang tính lịch sử

Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã để lại cho các ngân hàng nhiều khoản nợ mà chưa có điều kiện xử lý. Đó là sự thay đổi do: ác doanh nghiệp bị mất thị trường truyền thông (các nước Đông Âu cũ), sự thay đổi chính sách kinh tế của Chính phủ, tình trạng thiên tai diễn ra liên tục.

- Chịu tác động rõ ràng ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ khu vực

Sau năm 1997, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam bị giảm đi rõ rệt, thị trường xuất khẩu và dịch vụ bị thu hẹp. Do tác động của khủng hoảng, luồng sinh khí cho kinh tế Việt Nam bị giảm sút, tác động gián tiếp tới các Ngân hàng Việt Nam thông qua hiện tượng nợ nần.

- Nợ tồn đọng từ lâu nhưng chậm có cơ chế trích lập dự phòng rủi ro

Trước năm 1990, các ngân hàng Việt Nam chỉ được trích lập dự phòng từ nguồn 10% lợi nhuận để lại (mà nguồn này thì rất ít ỏi), không căn cứ vào mức độ rủi ro. Vì vậy các ngân hàng hầu như không còn khả năng tài chính để tự cải thiện tình trạng nợ xấu của mình. Hiện tượng lỗ thật, lãi giả bộc lộ rõ ràng. Chỉ từ năm 1999 mới áp dụng cơ chế dự phòng. Rủi ro tính chi phí tùy theo mức độ rủi ro của các khoản sử dụng vốn. Nhưng 2 năm dự phòng cho cả một quá trình Rủi ro lịch sử không thể nào bù đắp nổi tổn thất đã xảy ra, có thể có thể đặt nhiều Ngân hàng vào tình trạng khó tồn tại.

Tới đây, nợ xấu tại các ngân hàng Việt Nam đang là cản trở cho sự phát triển của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam nên trở thành một nội dung cơ bản công cuộc cải cách ngân hàng.

## **2. Lựa chọn giải pháp xử lý nợ xấu:**

Việc giải quyết nợ xấu tại các ngân hàng Việt Nam đã cơ thể bị coi là chậm chạp. Nói như vậy là hoàn toàn đúng so với yêu cầu của cải cách và tiến độ hội nhập. Nhưng mặt khác, giải pháp phải tính tới tính khả thi trong điều kiện của Việt Nam. Việt Nam đã dự định thành lập một công ty quản lý tài (AMC) của Chính phủ để giải quyết vấn đề này cho hệ thống Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay đề án này không được lựa chọn bởi các lý do:

- AMC động chạm tới rất nhiều vấn đề pháp lý mà để giải quyết những vấn đề này không thể chờ đợi được lâu hơn nữa. Đó là những vấn đề thuộc thẩm quyền của Luật Đất đai, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Dân sự, Luật hình sự, Luật Doanh nghiệp Nhà

nước, Luật Công ty, Luật Ngân hàng, Luật phá sản.... Bản thân nhiều Luật trên đây cũng đang phải xem xét để bổ sung sửa đổi.

- Nguồn lực để xử lý nợ cần phải cân nhắc thận trọng hơn khi hoạch định mục tiêu.
- Trong điều kiện ổn định, có thể tính tới giải pháp không có AMC của Chính phủ mà một số nước đã áp dụng. Và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải tính tới giải pháp phải lựa chọn để xử lý nợ xấu của các ngân hàng bằng cách: thành lập AMC tại các Ngân hàng thương mại có nợ xấu lớn. Các AMC này trực thuộc từng Ngân hàng thương mại, thành lập theo Luật Ngân hàng, có thể thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu là quản lý, khai thác tài sản do ngân hàng nắm giữ không có đảm bảo. Các AMC được quyền áp dụng nhiều biện pháp để xử lý một cách nhanh nhất, có hiệu quả nhất (giảm tổn thất thấp nhất) những khoản nợ liên quan tới người vay. Các AMC chỉ xử lý tồn đọng đến 31/12/2000 và sẽ kết thúc khi xong nhiệm vụ.

### **3. Nguồn tài chính để xử lý nợ xấu:**

Về nguyên tắc, phải tính tới các nguồn: tự bù đắp bằng dự phòng rủi ro của các ngân hàng thương mại, phát hành trái phiếu của Chính phủ và Chính phủ vay của các tổ chức tài chính quốc tế cho mục tiêu cơ cấu lại ngân hàng. Việc phát hành trái phiếu của Chính phủ sẽ được tính toán toán trên cơ sở xác định trách nhiệm của Chính phủ đối với các khoản nợ liên quan tới nghĩa vụ nợ của Chính phủ và với việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng thương mại.

- Triển vọng:

Vấn đề xử lý nợ xấu tồn đọng vẫn là mục tiêu cơ bản hiện nay của các ngân hàng Việt Nam. Có thể hy vọng rằng, do thị trường bất động sản ở Việt Nam đang ấm dần lên, môi trường đầu tư ngày một thông thoáng hơn, quyết tâm cải cách (kể cả cải cách hành chính) của Chính phủ đang là động lực của phát triển, vấn đề xử lý nợ ngân hàng cũng sẽ được đẩy nhanh, dù là biết trước cũng sẽ có nhiều khó khăn.

### **4. Cơ sở pháp lý của việc thành lập các AMC:**

Ngày 5 tháng 10 năm 2001 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng thương mại.

Thực hiện Quyết định trên Ngân hàng Nhà nước đã ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng thương mại (Quyết định số 1390/2001/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 11 năm 2001) và ban hành quy định về việc thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 11 năm 2001). Nội dung cơ bản của các quy định này là:

1. Công ty là một pháp nhân hạch toán độc lập, vốn do Ngân hàng mẹ cấp.
2. Nội dung hoạt động của Công ty:
  - Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay để xử lý thu hồi vốn nhanh nhất.
  - Hoàn thiện hồ sơ các khoản nợ được xóa để trình Chính phủ xét duyệt cho xóa.
  - Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng thương mại theo giá thị trường dưới các hình thức: (a) tự bán công khai trên thị trường, (b) bán qua các trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, (c) bán cho Công ty mua bán nợ của Nhà nước (khi được thành lập)
  - Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng nợ vay bằng các biện pháp thích hợp cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo uỷ quyền của Ngân hàng mẹ và theo quy định của pháp luật
  - Mục bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác của các AMC khác.

#### **5. Cơ chế hỗ trợ của Chính phủ :**

Do việc các AMC là trực thuộc từng Ngân hàng thương mại nên trong quá trình hoạt động sẽ vướng mắc nhiều vấn đề, cần có sự tháo gỡ của Chính phủ. Để hỗ trợ việc xử lý nợ tồn đọng, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập một Ban chỉ đạo cơ cấu lại tài chính Ngân hàng thương mại. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ phê duyệt các phương án cơ cấu lại tài chính các Ngân hàng thương mại và xử lý những vấn đề vướng mắc tại các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tới nhiệm vụ cơ cấu lại tài chính các NHTM.

#### **6. Những vấn đề đặt ra trên thực tế với các AMC:**

Xử lý nợ tồn đọng tại các NHTM chắc chắn còn có nhiều khó khăn, trước hết là trong bản thân các AMC của NHTM cần phải quan tâm để có giải pháp hỗ trợ, chẳng hạn:

1. Các AMC có vốn nhỏ, dù là Công ty độc lập cũng không thể mua được tài sản của Ngân hàng mẹ mà chỉ có thể bán tài sản. Vậy phải giải quyết việc bán nhanh thế nào để nợ xấu của ngân hàng đó giảm đi.
2. Bán tài sản dưới hình thức tự bán công khai thế nào, quyền định đoạt việc bán dưới hình thức này.
3. Tài sản nào thuộc quyền định đoạt của AMC
4. Chế độ tài chính của các AMC
5. Việc sử dụng tài sản tồn đọng cho chính ngân hàng làm thế nào hài hoà giữa mục tiêu giảm nợ xấu với việc sử dụng có hiệu quả tài sản đó.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đánh giá rằng việc xử lý nợ qua các AMC của NHTM tuy còn nhiều khó khăn nhưng với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ và của các ngành, các địa phương, triển vọng vẫn là tốt.

THE MINISTRY OF JUSTICE THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

===000===

**Independence - Freedom - Happiness**

No. /2001 /TP-PLQT =====o0o=====

Address: 25A Cat Linh Str, Hanoi, Vietnam

Telephone: (84.4) 8431386

Fax: (84.4) 84314 31

Hanoi, December ,

2001

**To: International Development Association  
1818 H Street, N. W.  
Washington, D.C. 20433  
The United States of America**

**LEGAL OPINION  
ON  
DEVELOPMENT CREDIT AGREEMENT**

***(Ho Chi Minh City Environmental Sanitation  
(Nhieu Loc - Thi Nghe Basin) Project)***

- Pursuant to Article 42, Paragraph 3 of the Regulations on Management and Utilization of Official Development Assistance issued under Decree of the Government No. 17/CP dated May 4, 2001 (hereinafter referred to as Decree No. 17/2001/ND-CP);

- At the proposal of the State Bank of Vietnam in its Letter No. 1446 CV/QHQT2 dated December 21, 2001 requesting the issuance of the Legal Opinion for Development Credit Agreement No. 3475-VN (Ho Chi Minh City Environmental Sanitation (Nhieu Loc – Thi Nghe Basin) Project);

I, Nguyen Dinh Loc, Minister of Justice have reviewed:

- (i) An executed copy of the Development Credit Agreement No. 3475-VN dated July 5, 2001 (Development Credit Agreement) entered into between the

Socialist Republic of Vietnam (the Borrower) and the International Development Association (the Association), for the Ho Chi Minh City Environmental Sanitation (Nhieu Loc – Thi Nghe Basin) Project (the Project);

- (ii) An executed copy of the Supplemental Letter of Financial Economic Data;
- (iii) An executed copy of the Supplemental Letter on Performance Indicators;
- (iv) An executed copy of the Subsidiary Loan Agreement dated December 26, 2001 between the Ministry of Finance of Vietnam, on behalf of the Borrower and the Ho Chi Minh City Urban Drainage Company (UDC) for the operation and maintenance of the wastewater facilities to be constructed under the Project;
- (v) A copy of the Policy Framework for land acquisition, compensation and compensation, approved by the Prime Minister in his decision No. 130 dated February 23, 2001;
- (vi) A copy of the Wastewater Resettlement Action Plan for land acquisition, compensation and rehabilitation under Part A of the Project, approved by the Chairman of Ho Chi Minh City People's Committee in Letter No. 4652/UB-DT dated November 28, 2000;
- (vii) All the law, rules, regulations, and procedures of the Borrower regarding or relating to the execution and delivery of international agreements, as the case of this Development Credit Agreement;
- (viii) Documentary evidence of all necessary governmental actions approving the above-mentioned Policy Framework and Wastewater Resettlement Action Plan, and authorizing or ratifying the execution and delivery of the Development Credit Agreement and Supplemental Letters by the Borrower, and all documentary evidence of all necessary actions authorizing the Policy Framework for land acquisition, compensation and rehabilitation; and;
- (ix) Such other documents that I have deemed relevant for the purpose of furnishing this Legal Opinion.

Base on this review, I, on behalf of the Borrower hereby certify that:

1. Under the provision of Article 103, paragraph 10 of the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam, the President is empowered to decide on negotiation and signing of international treaties on behalf of the State and the ratification of Treaties not requiring ratification by the National Assembly rests solely upon the decision of the President.
2. Under Article 10 of the Ordinance of the Socialist Republic of Vietnam on the Conclusion and Implementation of International Treaties No. 07/1998/PL-UBTVQH10, dated August 20, 1998 (the Ordinance), ratification of international treaties entered into on behalf of the State is required.
3. In accordance with the provisions of the Constitution and the Ordinance as well as Decree No. 161/1999/ND-CP dated October 18, 1999, of the Government:
  - (a) The President authorized the Ministry of Foreign Affairs to issue an Instrument empowering Mr. Ha Dan Huan, Director, Foreign Department, the State Bank of Vietnam, to negotiate the Development Credit Agreement, and related documents on behalf of the Borrower without need for further approval. This instrument was issued on February 16, 2001 and furnished to the Association at the time of the negotiations in Ho Chi Minh City, Vietnam.
  - (b) The President authorized the Ministry of Foreign Affairs to issue an Instrument empowering H.E. Mr. Le Duc Thuy, the Deputy Governor of the State Bank of Vietnam to sign the Development Credit Agreement, and related documents on behalf of the Borrower. This instrument was issued on June 20, 2001 and furnished to the Association on the date of signing.
  - (c) On August 20, 2001 the President issued an instrument of ratification of the Development Credit Agreement certified by the Ministry of Foreign Affairs on September 7, 2001 ( copy attached).
4. The negotiation, approval, signing and ratification of the Development Credit Agreement and related documents conform to the legal procedures and practices of the Socialist Republic of Vietnam.
5. The Development Credit Agreement and related documents have accordingly been duly authorized and ratified by, and executed and delivered on behalf of

the Borrower and are legally binding upon the Borrower in accordance with their respective terms.

6. The Policy Framework for land acquisition, compensation, and rehabilitation and the Wastewater Resettlement Action Plan have been duly authorized and approved as mentioned above and all necessary waivers of applicable Vietnamese law have been obtained. These approvals conform to the legal procedures and practices of the Socialist Republic of Vietnam. Therefore, the above-mentioned Policy Framework for land acquisition, compensation, and rehabilitation and the Wastewater Resettlement Action Plan are legally valid and enforceable in accordance with their terms.

7. UDC has been established and is operating pursuant to Decision No. 6952/QD-UB-KT of the People Committee of Ho Chi Minh City dated December 03, 1997 and has been duly established and has obtained all necessary approvals to operate, under the laws of the Borrower, and each has obtained all necessary approvals regarding the execution and delivery of the Subsidiary Loan Agreement.

8. The approval and signing of the Subsidiary Loan Agreement conform to the legal procedures and practice of the Borrower.

9. The Subsidiary Loan Agreement has been duly executed and delivered on behalf of UDC and is legally binding on them in accordance with their respective terms.

NGUYEN DINH LOC (*signed*)  
MINISTER  
MINISTRY OF JUSTICE  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Attachment: Instrument of Ratification

MINISTRY OF JUSTICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----  
No: /TP-PLTQ-HTQT

Address: 25A Cat Linh Str.

Hanoi, Vietnam

Tel: (84.4) 8431386

Fax: (84.4)8431431

Hanoi, November 8, 2001

To: **Asian Development Bank**

P.O. Box 789

Manila, Philippines

**LEGAL OPINION**

**ON**

**LOAN AGREEMENT (SPECIAL OPERATIONS)  
(TEA AND FRUIT DEVELOPMENT PROJECT)**

- Pursuant to Article 42, Paragraph 3 of the Regulation on Management and Utilization of Official Development Assistance issued by Decree of the Government No. 17/2001/ND-CP dated May 4, 2001 (hereinafter referred to as Decree No. 17/2001/ND-CP);

- At the proposal of the State Bank of Vietnam in its letter No: 1203/CV-QHQT dated 25 October, 2001 requesting the issuance of the Legal Opinion for Loan Agreement No. 1781-VIE(SF) (Special Operations) for Tea and Fruit Development Project;

After having examined:

- The Loan Agreement No. 1781-VIE(SF) (Special Operations) (hereinafter referred to as the Loan Agreement) for Tea and Fruit Development Project between the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter referred to as the Borrower) and the Asian Development Bank (hereinafter referred to as the Bank) signed on 1 October, 2001 in Hanoi, Vietnam;

- Vietnamese Constitution, Laws, Ordinances and Regulations in connection with the conclusion and implementation of the international agreements;
- Documentary evidence of all necessary governmental and corporate actions authorizing and/or ratifying the execution and delivery of the international agreements; and
- Other documents serving as the basis for making this Legal opinion.

**I, Minister of Justice of the Socialist Republic of Vietnam, on behalf of the Borrower certify:**

1. Pursuant to Article 103 of the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam in 1992, the President has the right to negotiate and sign international agreements in the name of the State of Socialist Republic of Vietnam, to make decisions on the ratification of the international agreements, except for cases requiring decision by the National Assembly, the Loan Agreement only requires ratification by the President.
2. Pursuant to Article 4 and Article 10 of the Ordinance on the Conclusion and Implementation of International Treaties dated August 20, 1998 by the Socialist Republic of Vietnam, the Loan Agreement must be ratified by the President of the Socialist Republic of Vietnam.
3. Mr. Kieu Huu Dzung, Deputy Director of Foreign Relations Department of the State Bank of Vietnam was authorized by the Government of Socialist Republic of Vietnam to negotiate the Loan Agreement on behalf of the Borrower. This authorization was issued on September 6, 2000 by H.E. Nguyen Dinh Bin, Vice Minister of Foreign Affairs of Socialist Republic of Vietnam and the authorization was made in compliance with Vietnamese Laws.
4. H.E. Le Duc Thuy, Governor of the State Bank of Vietnam was authorized by the President of the Socialist Republic of Vietnam to sign, on behalf of the Borrower, the Loan Agreement. The authorization was issued by H.E. Nguyen Dinh Bin, Vice Minister of Foreign Affairs of Vietnam on

September 26, 2001, and the authorization was made in compliance with Vietnamese Laws.

5. The Loan Agreement has been duly ratified on October 16, 2001 by the President of the Socialist Republic of Vietnam, and certified by the Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam in its Note dated October 24, 2001.

6. I therefore conclude, on behalf of the Borrower, that the Loan Agreement has been duly ratified by, and executed and delivered on behalf of the Borrower, and is legally binding upon the Borrower in accordance with its terms.

MINISTER OF JUSTICE  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Nguyen Dinh Loc***(signed)*

THE MINISTRY OF JUSTICE

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom- Happiness**

No. 498 /TP-PLQT-HTQT

Address: 25A Catlinh,  
Hanoi, Vietnam

Telephone: (84.4)8431386

Fax: (84.4)8431431

Hanoi, June 8 , 2000

To: JAPAN BANK FOR  
INTERNATIONAL COOPERATION  
TOKYO, JAPAN

**LEGAL OPINION  
ON  
LOAN AGREEMENT**

- Pursuant to Article 17, Paragraph 3 of the Regulation on Management and Utilization of Official Development Assistance issued by Decree of the Government No. 87/CP dated August 5, 1997 (hereinafter referred to as Decree No. 87/CP);

- At the proposal of the Ministry of Finance in its Letter No.643 /TC -TCDN dated May 29, 2000 requesting the issuance of the Legal Opinion for the Loan Agreement No. VNVII-1, VNVII-2, VNVII-3, VNVII-4, VNVII-5, VNVII-6, VNVII-7, VNVII-8;

With respect to the Loan extended by THE JAPAN BANK FOR INTERNATIONAL COOPERATION (hereinafter referred to as "the Bank") to the Government of the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter referred to as "the Borrower") in an aggregate amount of the Loan not exceeding NINETEEN BILLION FIVE HUNDRED FORTY EIGHT MILLION Japanese Yen (Y19,548,000,000) as principal in accordance with the terms and conditions of the Loan Agreement No. VNVII-8 for Vietnam Television Center Project dated March 29, 2000, between the Borrower and the Bank and other agreements supplemental thereto (hereinafter referred to as "the Loan Agreement"), I, the undersigned, certify as follows:

I have considered and examined, among other things, the following documents:

- (a) The Exchange of Notes between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of Japan, dated March 28, 2000;
- (b) The Loan Agreement;
- (c) Evidence of Authority and Specimen Signatures, dated May 20, 2000, issued by H.E. Minister of Finance Nguyen Sinh Hung;
- (d) Other documents;
- (e) All the laws and regulations in the country of the Borrower relevant to the power and authority of the Borrower to make, sign and deliver the Loan Agreement.

Based upon the foregoing, I hereby certify as follows:

1. That the Loan Agreement has been made, signed and delivered by Ms. Le Thi Bang Tam, Vice Minister of Finance of the Socialist Republic of Vietnam, who has the power and authority to make, sign and deliver under Decree No.87/CP;
2. That the Borrower is authorized to borrow foreign currency funds from abroad under Decree No.87/CP and that the terms and conditions of the Loan Agreement are in compliance with the provisions of Decree No.87/CP;
3. That, therefore, the Loan Agreement has been duly authorized by and made, signed and delivered on behalf of the Borrower and constitutes a valid and binding obligation upon the Borrower with regard to all its terms and conditions; and
4. That the authorization and any other procedures necessary for implementation of the Loan Agreement have been duly effected and completed.

IN WITNESS WHEREOF, I, the undersigned, have hereunto set my hand and affixed my official seal, this eighth day of June of the year 2000.

Very truly yours,

NGUYEN DINH LOC<sup>(signed)</sup>  
Minister of Justice

Phu luc 7

THE MINISTRY OF JUSTICE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom- Happiness

No. /TP-PLQT-HTQT

Address: 25A CatLinh Str.,

Hanoi, Vietnam

Telephone: (84.4)8431386

Fax: (84.4)8431431

Hanoi, April , 2001

To: THE EXPORT-IMPORT BANK OF KOREA  
SEOUL, REPUBLIC OF KOREA  
ATTENTION: CHAIRMAN AND PRESIDENT

LEGAL OPINION

ON

AMENDMENT AGREEMENT

(EDCF Amendment Agreement No. VNM-1 (SP)  
for Thien - Tan Water Supply Project)

- Pursuant to Article 17, Paragraph 3 of the Regulation on Management and Utilization of Official Development Assistance issued by Decree of the Government No. 87/CP dated August 5, 1997 (hereinafter referred to as Decree No. 87/CP);

- At the proposal of the Ministry of Finance in its Letter No.2577/TC - TCDN dated March 26, 2001 requesting the issuance of the Legal Opinion for the Amendment Agreement (EDCF Amendment Agreement No. VNM-1 (SP) for Thien - Tan Water Supply Project).

With respect to the EDCF Loan amount to be extended by Export-Import Bank of Korea (hereinafter referred to as "the Bank") to the Government of the Socialist Republic of Vietnam (hereinafter referred to as "the Borrower") in the amount of Twenty Seven Billion Eight Hundred Ninety Four Million Korean Won (W27,894,000,000.-), in accordance with the terms and conditions of the Amendment Agreement No. VNM-1 (SP) dated December 18, 2000, between the Bank and the Borrower (hereinafter

referred to as “the Amendment Agreement”), I, the undersigned acting as legal counsel for the Borrower, certify as follows:

I have considered and examined, among other things, the following documents:

- (a) The Agreement dated April 12, 1995, the Arrangement dated October 9, 1995 and the Supplementary Arrangement dated December 7, 2000 between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Korea;
- (b) The Amendment Agreement;
- (c) Evidence of Authority and Specimen Signatures, dated March 21, 2001, issued by Minister of Finance Nguyen Sinh Hung;
- (d) Such other documents as I have considered necessary or desirable for this opinion; and
- (e) All the laws and regulations in the country of the Borrower relevant to the power and authority of the Borrower to execute, deliver and perform the Amendment Agreement.

Based upon the foregoing, I hereby certify as follows:

- 1. That the Amendment Agreement has been made, signed and delivered by Mrs. Le Thi Bang Tam, Vice-Minister of Finance of the Socialist Republic of Vietnam, who has the power and authority to do so;
- 2. That the Borrower is authorized to borrow foreign currency funds from abroad and that the terms and conditions of the Amendment Agreement are in compliance with the provisions of the laws of the Borrower’s country;
- 3. That, therefore, the Amendment Agreement has been duly authorized by and made, signed and delivered on behalf of the Borrower and constitutes a valid and binding obligation upon the Borrower with regard to all its terms and conditions; and
- 4. That the authorization and any other procedures necessary for implementation of the Amendment Agreement have been duly effected and completed.

Very truly yours,  
NGUYEN DINH LOC<sup>(signed)</sup>  
Minister of Justice

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ: /2002/TT-TP

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2002

**Dự thảo 15**

**THÔNG TƯ**

**VỀ VIỆC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP  
ĐỐI VỚI CÁC THỎA THUẬN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA NHÀ  
NƯỚC, CHÍNH PHỦ VÀ DOANH NGHIỆP**

- Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 4 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp;
- Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;
- Căn cứ Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài;
- Căn cứ Quyết định số 233/1999/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng;

Sau khi trao đổi với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc cấp Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Ý kiến pháp lý) đối với các thoả thuận vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ và doanh nghiệp như sau:

**I. Phạm vi áp dụng**

1. Vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ và doanh nghiệp là các khoản vay ngắn, trung hoặc dài hạn (có hoặc không phải trả lãi) do Nhà nước Việt Nam, Chính phủ Việt Nam hoặc doanh nghiệp là pháp nhân Việt Nam (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) vay của tổ chức tài chính quốc

tế, của Chính phủ, của ngân hàng nước ngoài hoặc của tổ chức và cá nhân nước ngoài khác (sau đây gọi là Bên cho vay nước ngoài).

2. Thông tư này áp dụng đối với việc cấp Ý kiến pháp lý cho các văn bản thoả thuận vay nước ngoài giữa Nhà nước Việt Nam và tổ chức tài chính quốc tế hoặc Chính phủ nước ngoài hoặc ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức và cá nhân nước ngoài, giữa Chính phủ Việt Nam và tổ chức tài chính quốc tế hoặc Chính phủ nước ngoài hoặc ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức và cá nhân nước ngoài và giữa doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Chính phủ bảo lãnh theo Quyết định 233/1999/QĐ-TTg và tổ chức tài chính quốc tế hoặc Chính phủ nước ngoài hoặc ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Thông tư này cũng được áp dụng cho việc cấp Ý kiến pháp lý đối với các thoả thuận vay nước ngoài khác của doanh nghiệp.

3. Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. Nhà nước Việt Nam, Chính phủ Việt Nam trong thoả thuận vay nước ngoài được gọi chung là Cơ quan Nhà nước.
- b. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong thoả thuận vay nước ngoài được gọi chung là doanh nghiệp.

4. Ý kiến pháp lý được cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan Nhà nước hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc doanh nghiệp.

## **II. NỘI DUNG Ý KIẾN PHÁP LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP**

1. Ý kiến pháp lý được cấp theo Mẫu Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các khoản vay của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam với Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Ngân hàng về hợp tác quốc tế của Nhật Bản (JBIC) theo Chương trình, dự án ODA thì được Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý theo Mẫu Ý kiến pháp lý đã được Bộ Tư pháp và các Ngân hàng nói trên thống nhất.

3. Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp căn cứ vào Mẫu Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp để trao đổi cụ thể với đối tác nước ngoài về Ý kiến pháp lý. Trong trường hợp đối tác nước ngoài yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý khác với Mẫu Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp thì Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trao đổi trực tiếp với đối tác nước ngoài để thống nhất nội dung Ý kiến pháp lý trước khi ký tắt thoả

thuận vay. Trong trường hợp này, văn bản dự thảo Ý kiến pháp lý vẫn phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên gọi chính thức và địa chỉ của Cơ quan cấp Ý kiến pháp lý, tên gọi chính thức của Cơ quan, doanh nghiệp đề nghị cấp Ý kiến pháp lý và Cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp Ý kiến pháp lý;
- b) Tên các văn bản quy phạm pháp luật, các Thoả thuận quốc tế và các tài liệu khác được dẫn chiếu làm căn cứ để cấp Ý kiến pháp lý;
- c) Nội dung những vấn đề pháp lý và những vấn đề khác thuộc nội dung thoả thuận mà phía nước ngoài yêu cầu cần được khẳng định trong Ý kiến pháp lý.

### **III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP**

1. Để được cấp Ý kiến pháp lý, Cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp có yêu cầu gửi một bộ Hồ sơ yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý (sau đây gọi là Hồ sơ) đến Vụ Pháp luật quốc tế và Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp.

2. Hồ sơ gồm các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- a) Công văn yêu cầu Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý để cấp Ý kiến pháp lý, thời hạn cần có Ý kiến pháp lý theo Thoả thuận.
- b) Bản gốc hoặc bản sao đã được công chứng, chứng thực hợp pháp các tài liệu, giấy tờ làm căn cứ pháp lý để cấp Ý kiến pháp lý (không bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật) hoặc các tài liệu giấy tờ này được Cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý đảm bảo về tính hợp pháp.
- c) Văn bản dự thảo Ý kiến pháp lý đã được các bên hữu quan (Cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và bên đối tác nước ngoài) thoả thuận.

Hồ sơ được đóng thành bộ, được đánh số thứ tự đến hết hồ sơ, có dấu giáp lai của Cơ quan Nhà nước, Tổ chức, doanh nghiệp yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý để có thể bảo quản theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ nói trên, Bộ Tư pháp sẽ cấp Ý kiến pháp lý cho các thoả thuận vay nước ngoài của Nhà nước, Chính phủ.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ nói trên, Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý theo quy định, trừ trường hợp phải kéo dài thời hạn này do thiếu các thông tin cần thiết liên quan đến việc cấp Ý kiến pháp lý. Trong trường hợp đó, Bộ Tư pháp sẽ thông báo ngay cho Cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp có yêu cầu cấp Ý kiến pháp lý về các giấy tờ, tài liệu thông tin cần bổ sung. Thời hạn cung cấp thông tin bổ sung không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo thời hạn kéo dài việc cấp Ý kiến pháp lý không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Tư pháp nhận đủ thông tin bổ sung.

4. Ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp được cấp bằng văn bản, bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài được sử dụng phổ biến trong giao dịch tài chính – tín dụng quốc tế.

#### **IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề chưa được quy định trong Thông tư này, đề nghị các Bộ, ngành, doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh Thông tư hướng dẫn này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP:BTCN, các PCN, Vụ Pháp chế,
- Lưu VP, PLQT.

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----

-----

**Số:...../TP-PLQT&HTQT**

**Địa chỉ: .....**

Hà Nội, ngày .....tháng.....năm.....

Hà Nội, Việt Nam

**Số điện thoại: (84-4).....**

**Số FAX: (84-4).....**

Kính gửi:.....

### **Ý KIẾN PHÁP LÝ VỀ NGƯỜI VAY**

- Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 2 của Nghị định Chính phủ số 90/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 ban hành Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài;
- Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 11 của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 233/1999/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 1999 ban hành Quy chế Bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng;
- Căn cứ theo Công văn số.... của .... ngày... tháng ...năm ... về việc đề nghị Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý đối với Người vay liên quan đến thoả thuận vay giữa .... và....

Bộ Tư pháp sau khi xem xét các tài liệu sau đây:

1. Thoả thuận vay giữa ... và... được ký ngày... tại ...
2. Các tài liệu liên quan đến việc ký thoả thuận vay (Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc/Giám đốc, Giấy uỷ quyền, Quyết định phê duyệt, ...)
3. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc ký kết, thực hiện Thoả thuận vay,
4. Và các tài liệu khác mà Bộ Tư pháp thấy có liên quan đến mục đích cấp Ý kiến pháp lý này.

Bộ Tư pháp trên cơ sở pháp luật Việt Nam hiện hành đưa ra các ý kiến xác nhận những vấn đề sau đây:

1. Người vay là một doanh nghiệp ... được thành lập hợp pháp và có đầy đủ tư cách để ký Thoả thuận vay này.

2. Việc ký kết Thoả thuận vay này đã được thực hiện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về trình tự, thủ tục ký kết.

Ý kiến pháp lý này pháp lý này chỉ dành riêng cho ....- với tư cách là Người cho vay và ..... – với tư cách là Người vay tham khảo và không được tiết lộ, trích dẫn hay đề cập đến nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TP-PLQT&amp;HTQT

Địa chỉ: .....

Hà Nội, ngày .....tháng.....năm.....

Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (84-4).....

Số FAX: (84-4).....

Kính gửi:.....

**Ý KIẾN PHÁP LÝ VỀ NGƯỜI BẢO LÃNH**

- Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 2 của Nghị định Chính phủ số 90/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 ban hành Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài;
- Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 11 của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 233/1999/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 1999 ban hành Quy chế Bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng;
- Căn cứ theo Công văn số.... của Bộ Tài chính/Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày... tháng ...năm ... về việc đề nghị Bộ Tư pháp cấp Ý kiến pháp lý đối với Người Bảo lãnh liên quan đến thoả thuận vay giữa .... và....

Bộ Tư pháp sau khi xem xét các tài liệu sau đây:

1. Thoả thuận vay giữa ... và... được ký ngày... tại ...
2. Các tài liệu liên quan đến việc ký Thư Bảo lãnh (Quyết định bổ nhiệm Bộ trưởng, Giấy uỷ quyền, Quyết định phê duyệt, ...)
3. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc ký kết, thực hiện Thoả thuận vay, Bảo lãnh Chính phủ
4. Và các tài liệu khác mà Bộ Tư pháp thấy có liên quan đến mục đích cấp Ý kiến pháp lý này.

Bộ Tư pháp trên cơ sở pháp luật Việt Nam hiện hành đưa ra các ý kiến xác nhận những vấn đề sau đây:

1. Bộ Tài chính/Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan của Chính phủ Việt Nam có đầy đủ chức năng và quyền hạn hợp pháp để phát hành Bảo lãnh Chính phủ.

2. Việc phát hành Bảo lãnh này đã được thực hiện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về trình tự, thủ tục ký kết.
3. Người Bảo lãnh tham gia vào quan hệ này với tư cách là chủ thể của luật dân sự và là chủ thể của luật tư pháp quốc tế.

Ý kiến pháp lý này pháp lý này chỉ dành riêng cho ....- với tư cách là Người cho vay, ..... – với tư cách là Người vay và Bộ Tài chính/Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – với tư cách là Người Bảo lãnh tham khảo và không được tiết lộ, trích dẫn hay đề cập đến nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp